

## LỊCH SỬ THẾ GIỚI

### CHỦ ĐỀ 1: CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA NĂM 1917 VÀ CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ (1921 – 1941)

#### Mục tiêu

##### ❖ Kiến thức

- + Nêu được nét chính về tình hình nước Nga đầu thế kỉ XX; khái quát được diễn biến chính của Cách mạng tháng Hai và Cách mạng tháng Mười 1917.
- + Lí giải và so sánh được hai giai đoạn của cách mạng Nga năm 1917.
- + Phân tích được ý nghĩa lịch sử, ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga đối với phong trào cách mạng thế giới.
- + Nêu khái quát hoàn cảnh, nội dung, thành tựu chủ yếu và phân tích được ý nghĩa của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1921 – 1941).

##### ❖ Kỹ năng

- + Khai thác, sử dụng tranh ảnh, lược đồ, tư liệu lịch sử.
- + Tổng hợp và hệ thống hóa các sự kiện lịch sử.
- + Phân tích, so sánh, đánh giá sự kiện, nhân vật lịch sử; vận dụng và liên hệ kiến thức.

## I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

### CÁCH MẠNG Ở NGA NĂM 1917

	CÁCH MẠNG THÁNG HAI	CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI
<b>NGUYÊN NHÂN</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>◆ Chính trị:<ul style="list-style-type: none"><li>- Đầu thế kỉ XX Nga vẫn là một nước quân chủ chuyên chế.</li><li>- Nga hoàng đẩy nhân dân vào cuộc chiến tranh đế quốc, gây hậu quả nghiêm trọng.</li></ul></li><li>◆ Kinh tế: lạc hậu, công nghiệp, nông nghiệp đình đốn.</li><li>◆ Xã hội:<ul style="list-style-type: none"><li>- Đời sống nhân dân cực khổ.</li><li>- Phong trào phản đối chiến tranh khắp nơi. → Mâu thuẫn giữa nhân dân Nga với Nga hoàng gay gắt → cách mạng bùng nổ.</li></ul></li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>◆ Nga tồn tại 2 chính quyền song song, đại diện cho những lợi ích khác nhau: Chính phủ lâm thời (tư sản); chính quyền Xô viết (vô sản).</li><li>◆ Chính phủ tư sản lâm thời không đáp ứng quyền lợi của nhân dân; tiếp tục đẩy nhân dân tham gia chiến tranh thế giới. → Lênin và Đảng Bôn-sê-vích xác định chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng XHCN (qua Luận cương tháng Tư)</li><li>◆ Tháng 10/1917, Lênin về nước trực tiếp lãnh đạo khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.</li></ul>
<b>MỤC TIÊU</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>◆ Lật đổ chế độ phong kiến Nga hoàng.</li><li>◆ Chống chiến tranh đế quốc.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>◆ Lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản, địa chủ.</li><li>◆ Tạo điều kiện đưa nước Nga đi lên xây dựng XHCN.</li></ul>
<b>LÃNH ĐẠO</b>	◆ Giai cấp vô sản thông qua đội tiên phong là Đảng Bôn-sê-vích, đứng đầu là Lênin.	
<b>ĐỘNG LỰC</b>	◆ Công nhân, nông dân, binh lính.	
<b>DIỄN BIẾN CHÍNH</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>◆ Ngày 23/2/1917, cách mạng bùng nổ với cuộc biểu tình của 9 vạn nữ công nhân Pêtorôgrát.</li><li>◆ Phong trào chuyển từ tổng bãi công chính trị sang khởi nghĩa vũ trang.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>◆ Đêm 24/10/1917, bắt đầu khởi nghĩa.</li><li>◆ Đêm 25/10, tấn công Cung điện Mùa Đông, bắt giữ các bộ trưởng của Chính phủ tư sản. → khởi nghĩa Pêtorôgrát giành thắng lợi.</li><li>◆ Ngày 3/11/1918, chính quyền Xô viết giành thắng lợi trên khắp nước Nga.</li></ul>
<b>KẾT QUẢ</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>◆ Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế.</li><li>◆ Thành lập Chính phủ lâm thời của tư sản và các Xô viết của công – nông – binh lính.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>◆ Lật đổ chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản.</li><li>◆ Thành lập chính quyền Xô viết do Lênin đứng đầu.</li></ul>

<b>TÍNH CHẤT</b>	◆ Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới (lần hai).	◆ Cách mạng XHCN (cách mạng vô sản).
<b>Ý NGHĨA</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Tạo điều kiện để đưa nước Nga phát triển.</li> <li>◆ Là bước quá độ cho sự bùng nổ và thắng lợi của cách mạng XHCN (Cách mạng tháng Mười).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Đập tan ách áp bức, bóc lột của phong kiến, tư sản, giải phóng nhân dân lao động.</li> <li>◆ Làm thay đổi cục diện chính trị thế giới.</li> <li>◆ Cổ vũ và để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho cách mạng thế giới.</li> <li>◆ Mở đầu thời kì lịch sử thế giới hiện đại.</li> </ul>

## **XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN XÔ VIẾT SAU CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI (1918 – 1921)**

### **1. Tình hình nước Nga sau cách mạng tháng Mười**

- Tàn dư của chế độ cũ vẫn còn tồn tại:
    - + Chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến.
    - + Sự phân biệt đẳng cấp, dân tộc,...
  - Kinh tế quốc dân bị tàn phá nặng nề:
    - + Nông nghiệp mất mùa, nạn đói xảy ra khắp nơi, khiến hàng nghìn người chết đói.
    - + Công – thương nghiệp đình đốn.
  - Thù trong giặc ngoài:
    - + 14 nước đế quốc (Anh, Pháp, Mĩ,...) mở cuộc tấn công vũ trang, nhằm tiêu diệt nước Nga Xô viết.
    - + Lực lượng Bạch vệ (phản động trong nước) cấu kết với đế quốc nổi dậy chống phá chính quyền cách mạng.
- Khó khăn chồng chất, đe dọa sự tồn tại của chính quyền Xô viết.

### **2. Biện pháp giải quyết của chính quyền cách mạng**

- Xây dựng chính quyền cách mạng:
  - + Thành lập chính quyền Xô viết do Lênin đứng đầu.
  - + Thi hành nhiều chính sách tiến bộ nhằm thủ tiêu bộ máy nhà nước cũ, xây dựng chế độ xã hội mới:
    - ◆ Thông qua: Sắc lệnh hòa bình, Sắc lệnh ruộng đất.
    - ◆ Xóa bỏ phân biệt đẳng cấp trong xã hội.
    - ◆ ....
- Bảo vệ chính quyền cách mạng:
  - + Thực hiện chính sách cộng sản thời chiến (1919) → huy động tối đa mọi nguồn lực của đất nước, phục vụ cuộc chiến đấu chống ngoại xâm, nội phản.
  - + Năm 1920, đẩy lùi các cuộc tấn công của các lực lượng phản cách mạng.

## CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI (1921 – 1925)

Chính sách kinh tế mới là sự chuyển đổi nền kinh tế do Nhà nước độc quyền sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần do Nhà nước kiểm soát.

### 1. Bối cảnh

- Sau 7 năm chiến tranh liên miên, nền kinh tế quốc dân của nước Nga bị tàn phá nghiêm trọng.
- Các lực lượng phản cách mạng điên cuồng chống phá, kích động nhân dân nổi dậy chống chính quyền.
- Chính sách cộng sản thời chiến kìm hãm nền kinh tế, khiến nhân dân bất bình.

→ Nước Nga Xô viết lâm vào khủng hoảng → Tháng 3/1921, Đảng Bôn-sê-vích quyết định thực hiện Chính sách kinh tế mới (NEP) do Lênin đề xướng.

### 2. Nội dung

- Nông nghiệp: thay chế độ trưng thu lương thực bằng thu thuế lương thực.
- Công nghiệp:
  - + Khôi phục các ngành công nghiệp nặng.
  - + Nhà nước nắm các ngành kinh tế then chốt.
  - + Khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư tại Nga.
- Thương nghiệp – tiền tệ: cho phép tự do buôn bán; phát hành đồng Rúp mới.

### 3. Ý nghĩa

- Hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế → nhân dân Xô viết vượt qua khó khăn.
- Là bài học đối với công cuộc xây dựng CNXH ở một số nước và Việt Nam.

## SỰ THÀNH LẬP LIÊN BANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ VIẾT

**1. Bối cảnh:** Yêu cầu của công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước → các dân tộc trên lãnh thổ Xô viết cần liên minh chặt chẽ với nhau.

**2. Nội dung:** Tháng 12/1922, Đại hội Xô viết toàn Nga đã tuyên bố thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết (Liên Xô).

### 3. Ý nghĩa

- Tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các dân tộc trên lãnh thổ.
- Tăng cường sức mạnh tổng hợp trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.



## CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ (1925 – 1941)

### 1. Hoàn cảnh:

- Kinh tế:
  - + Liên Xô vẫn là nước nông nghiệp lạc hậu (nông nghiệp chiếm 2/3 tổng thu nhập quốc dân).
  - + Sản xuất công nghiệp, máy móc – kỹ thuật lạc hậu hơn so với các nước tư bản phương Tây.

- Chính trị, xã hội:
    - + Sau khi khôi phục kinh tế, đời sống nhân dân Liên Xô tuy đã được cải thiện, song còn nhiều khó khăn.
    - + Nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Bôn-sê-vích.
    - + Liên Xô bị các nước đế quốc, tư bản phương Tây bao vây, cô lập và cấm vận.
- Để bắt kịp với trình độ phát triển của các nước phương Tây, giữ vững chế độ xã hội mới, nhân dân Liên Xô bắt tay vào công cuộc xây dựng CNXH.

## 2. Xây dựng Chủ Nghĩa Xã Hội

- Nhiệm vụ trọng tâm: công nghiệp hóa XHCN → Mục tiêu: đưa Liên Xô trở thành nước công nghiệp có những ngành công nghiệp chủ chốt.
- Thực hiện thông qua các kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội (1928 – 1932); (1933 – 1937); (1937 – 1941).
- Thành tựu tiêu biểu:
  - + Trở thành cường quốc công nghiệp xã hội chủ nghĩa.
  - + Cơ cấu giai cấp có sự thay đổi, giai cấp bóc lột bị xóa bỏ.
  - + Thanh toán nạn mù chữ, xây dựng hệ thống giáo dục thống nhất, hoàn thành phổ cập tiểu học trong cả nước.
  - + Phá vỡ chính sách bao vây, cô lập của các nước đế quốc. Từng bước xác lập quan hệ với một số nước châu Á và châu Âu.
  - + Năm 1933, Mĩ công nhận, đặt quan hệ ngoại giao với Liên Xô.

## 3. Ý nghĩa

- Tạo nên những biến đổi nhiều mặt, có lợi cho nhân dân.
  - Tạo nên sức mạnh của dân tộc để bảo vệ Tổ quốc.
  - Góp phần giúp đỡ phong trào cách mạng thế giới.
- Khẳng định uy tín và nâng cao vị thế của Liên Xô trên trường quốc tế.

## II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

### ➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

**Câu 1:** Sau Cách mạng 1905 – 1907, nước Nga theo thể chế chính trị nào sau đây?

- A. XHCN.
- B. Chế độ cộng hòa.
- C. Quân chủ chuyên chế.
- D. Quân chủ lập hiến.

**Câu 2:** Nga hoàng có thái độ nào sau đây đối với cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918)?

- A. Đứng ngoài cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- B. Đẩy nhân dân Nga vào cuộc chiến tranh đế quốc.
- C. Chỉ tham chiến khi được nhân dân ủng hộ.
- D. Tham gia vào cuộc chiến tranh khi thấy lợi nhuận.

**Câu 3:** Sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế tác động như thế nào đối với nước Nga đầu thế kỉ XX?

- A. Thúc đẩy sự phát triển của kinh tế TBCN.
- B. Tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ.
- C. Kìm hãm sự phát triển của CNTB ở Nga.
- D. Kìm hãm sự phát triển của kinh tế thị trường XHCN.

**Câu 4:** Trước phong trào đấu tranh của nhân dân Nga đầu thế kỉ XX, Nga hoàng có thái độ như thế nào?

- A. Bất lực, không còn khả năng tiếp tục thống trị được nữa.
- B. Đàn áp, dập tắt được phong trào đấu tranh của nhân dân.
- C. Nhờ sự giúp đỡ trực tiếp của các đế quốc khác.
- D. Thỏa hiệp và thực hiện các chính sách nhượng bộ nhân dân.

**Câu 5:** Nhiệm vụ trực tiếp của cách mạng Nga đầu năm 1917 là

- A. xóa bỏ chế độ quân chủ chuyên chế do Nga hoàng đứng đầu.
- B. thành lập các chính đảng của giai cấp công dân và nông dân.
- C. tấn công vào Cung điện Mùa Đông – sào huyệt của phong kiến Nga.
- D. lật đổ chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản ở Nga.

**Câu 6:** Sự kiện nào mở đầu cho cuộc Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga?

- A. Cuộc biểu tình của nữ công nhân thủ đô Pêtorôgrát.
- B. Các Xô viết công – nông được thành lập.
- C. Cuộc tấn công vào Cung điện Mùa Đông.
- D. Lênin về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng.

**Câu 7:** Đỉnh cao về hình thức đấu tranh trong cuộc Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga là

- A. đi từ khởi nghĩa từng phần đến tổng khởi nghĩa giành chính quyền.
- B. biểu tình thị uy của công dân kết hợp với khởi nghĩa vũ trang.
- C. chuyển từ tổng bãi công chính trị sang khởi nghĩa vũ trang.
- D. tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong phạm vi cả nước.

**Câu 8:** Tính chất của cuộc Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga là

- A. cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ.
- B. cách mạng vô sản.
- C. cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.
- D. cách mạng XHCN.

**Câu 9:** Đặc điểm nổi bật về chính trị của nước Nga sau thắng lợi của Cách mạng tháng Hai năm 1917 là gì?

- A. Xuất hiện tình trạng hai chính quyền song song tồn tại.
- B. Tồn tại của nhà nước quân chủ chuyên chế.
- C. Bị các nước đế quốc bao vây, can thiệp.
- D. Nhiều đảng phái phản động nổi dậy chống phá cách mạng.

**Câu 10:** Thể chế chính trị của nước Nga sau thắng lợi của Cách mạng tháng Hai năm 1917 là

- A. quân chủ chuyên chế.
- B. cộng hòa.
- C. quân chủ lập hiến.
- D. XHCN.

**Câu 11:** Nhiệm vụ hàng đầu của chính quyền Xô viết sau Cách mạng tháng Hai năm 1917 là

- A. đập tan bộ máy nhà nước của giai cấp tư sản và địa chủ.

- B. xây dựng và củng cố chính quyền của giai cấp tư sản.
- C. duy trì và củng cố chính quyền của Nga hoàng.
- D. xây dựng quân đội Xô viết hùng mạnh.

**Câu 12:** Mục tiêu và đường lối của cách mạng Nga được xác định Luận cương tháng Tư của Lênin là chuyển từ

- A. cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng XHCN.
- B. cách mạng tư sản kiểu cũ sang cách mạng tư sản kiểu mới.
- C. đấu tranh chính trị sang khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.
- D. tổng bãi công chính trị sang khởi nghĩa vũ trang trong toàn quốc.

**Câu 13:** Nội dung nào là ý nghĩa của Luận cương tháng Tư (1917) đối với cách mạng Nga?

- A. Giác ngộ lí luận cách mạng cho quần chúng nhân dân.
- B. Trang bị vũ khí tư tưởng cho giai cấp vô sản trên toàn thế giới.
- C. Xác định đúng đắn, kịp thời mục tiêu và đường lối của cách mạng.
- D. Chuyển hướng cuộc đấu tranh sang thực hiện mục tiêu chống chế độ phong kiến.

**Câu 14:** Cách mạng tháng Mười ở Nga năm 1917 mang tính chất của một cuộc

- A. cách mạng tư sản kiểu cũ.
- B. cách mạng XHCN.
- C. cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.
- D. chiến tranh giải phóng dân tộc.

**Câu 15:** Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa của Cách mạng tháng Mười Nga (1917)?

- A. Mở ra kỉ nguyên mới và làm thay đổi hoàn toàn tình hình đất nước Nga.
- B. Lần đầu tiên trong lịch sử nước Nga, nhân dân lao động được làm chủ đất nước.
- C. Góp phần quan trọng vào việc làm thay đổi cục diện thế giới.
- D. Dẫn tới sự ra đời của nhà nước tư sản đầu tiên trên thế giới.

**Câu 16:** Nhận định của Nguyễn Ái Quốc “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không còn con đường nào khác con đường cách mạng vô sản” là do ảnh hưởng của cuộc cách mạng nào sau đây?

- A. Cách mạng dân tộc dân chủ ở Trung Quốc.
- B. Cách mạng tư sản Pháp.
- C. Cách mạng tháng Mười Nga.
- D. Công xã Pari.

**Câu 17:** Tháng 3/1921, Lênin và Đảng Bôn-sê-vích quyết định thực hiện Chính sách kinh tế mới ở nước Nga trong bối cảnh nào?

- A. Đã hoàn thành nhiệm vụ công nghiệp hóa.
- B. Đã hoàn thành tập thể hóa nông nghiệp.
- C. Nền kinh tế quốc dân bị tàn phá nghiêm trọng.
- D. Sự tồn tại của quan hệ sản xuất phong kiến.

**Câu 18:** Để khôi phục kinh tế sau chiến tranh, tháng 3/1921, Lênin và Đảng Bôn-sê-vích đã

- A. ban hành Sắc lệnh ruộng đất.
- B. thực hiện Chính sách cộng sản thời chiến.
- C. ban hành Chính sách kinh tế mới.
- D. thực hiện cải cách chính phủ.

**Câu 19:** “NEP” là cụm từ viết tắt của

- A. Chính sách cộng sản thời chiến.
- B. Sắc lệnh hòa bình.
- C. Liên bang Cộng hòa XHCN Xô viết.
- D. Chính sách kinh tế mới.

**Câu 20:** Một trong những nội dung cơ bản của Chính sách kinh tế mới (1921) ở nước Nga là

- A. tư nhân được phép xây dựng các nhà máy có quy mô lớn.
- B. nhà nước nắm quyền kiểm soát toàn bộ và triệt để nền kinh tế.
- C. thay thế chế độ trung thu lương thực bằng thu thuế lương thực.

D. thi hành chính sách lao động cưỡng bức đối với nông dân.

**Câu 21:** Một trong những nội dung cơ bản của Chính sách kinh tế mới (1921) ở nước Nga là

A. tư nhân được phép xây dựng các nhà máy có quy mô lớn.

B. nhà nước nắm các ngành kinh tế then chốt.

C. thực hiện chế độ trung thu lương thực bằng tiền mặt.

D. thi hành chính sách lao động cưỡng bức đối với nông dân.

**Câu 22:** Nội dung nào sau đây **không** thuộc Chính sách kinh tế mới (1921) của nước Nga?

A. Tư nhân được phép xây dựng các nhà máy có quy mô lớn.

B. Nhà nước nắm các ngành kinh tế then chốt.

C. Thực hiện chính sách thu thuế lương thực bằng hiện vật.

D. Khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư vào Nga.

**Câu 23:** Bản chất của Chính sách kinh tế mới (1921) ở nước Nga là

A. phát triển công nghiệp nặng hợp lý trên cơ sở phát triển công nghiệp nhẹ.

B. thay thế chế độ trung thu lương thực thừa bằng thu thuế lương thực.

C. chuyển đổi nền kinh tế do Nhà nước độc quyền sang tư nhân quản lý.

D. phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần do Nhà nước kiểm soát.

**Câu 24:** Nội dung nào sau đây là kết quả của Chính sách kinh tế mới (1921) đối với nước Nga?

A. Hoàn thành nhiệm vụ công nghiệp hóa.

B. Hoàn thành công cuộc tập thể hóa nông nghiệp.

C. Kinh tế quốc dân có sự chuyên biến rõ rệt.

D. Nhà nước nắm các ngành kinh tế then chốt.

**Câu 25:** Nội dung nào sau đây là kết quả của Chính sách kinh tế mới (1921) đối với nước Nga?

A. Thực hiện chính sách thu thuế lương thực.

B. Hoàn thành công cuộc tập thể hóa nông nghiệp.

C. Hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế.

D. Nhà nước nắm các ngành kinh tế then chốt.

**Câu 26:** Vai trò của Nhà nước được thể hiện như thế nào trong Chính sách kinh tế mới của nước Nga?

A. Nhà nước nắm độc quyền về mọi mặt trong nền kinh tế nhiều thành phần.

B. Nhà nước nắm vai trò quản lý và điều tiết nền kinh tế quốc dân.

C. Nhà nước lũng đoạn và chi phối nền kinh tế quốc dân.

D. Nhà nước giao cho tư nhân nắm giữ các ngành kinh tế chủ chốt.

**Câu 27:** Nhiệm vụ trọng tâm trong công cuộc xây dựng CNXH ở Liên xô những năm 1925 – 1941 là gì?

A. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp nhẹ.

B. Tập trung mọi nguồn lực để phát triển công nghiệp quốc phòng.

C. Thực hiện công nghiệp hóa XHCN.

D. Phát triển toàn diện và động bộ tất cả các ngành kinh tế.

**Câu 28:** Thành tựu lớn nhất của Liên Xô trong công cuộc xây dựng CNXH (1925 – 1941) là gì?

A. Hoàn thành tập thể hóa nông nghiệp.

B. Giải quyết triệt để nạn mù chữ trong cả nước.

C. Xây dựng thành công CNXH.

D. Trở thành cường quốc công nghiệp XHCN.

**Câu 29:** Công cuộc xây dựng CNXH đặt ra yêu cầu gì đối với các dân tộc trên lãnh thổ nước Nga?

A. Thành lập các liên minh chính trị, kinh tế trong nước.

B. Liên minh, đoàn kết với nhau để tăng cường sức mạnh.

C. Cạnh tranh, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội.



---

**D.** Tăng cường liên kết với các nước bên ngoài để nhận viện trợ.

**Câu 30:** Chính sách ngoại giao của Liên Xô trong những năm 20 – 30 của thế kỉ XX đã đưa tới nhiều tác động tích cực, **ngoại trừ** việc

- A.** tạo nên những biến đổi nhiều mặt, có lợi cho nhân dân Liên Xô.
- B.** khẳng định uy tín và vị thế của Liên Xô trên trường quốc tế.
- C.** giải quyết được mâu thuẫn giữa Liên Xô và các nước phương Tây.
- D.** góp phần giúp đỡ phong trào cách mạng thế giới.

➤ **ĐÁP ÁN**

1 - C	2 - B	3 - C	4 - A	5 - A	6 - A	7 - C	8 - C	9 - A	10 - B
11 - A	12 - A	13 - C	14 - B	15 - D	16 - C	17 - C	18 - C	19 - D	20 - C
21 - B	22 - A	23 - D	24 - C	25 - C	26 - B	27 - C	28 - D	29 - B	30 - C

## LỊCH SỬ THẾ GIỚI

### CHỦ ĐỀ 2: SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945 – 1949)

#### Mục tiêu

##### ❖ Kiến thức

- + Nêu được hoàn cảnh, nội dung và rút ra nhận xét về Hội nghị Ianta.
- + Trình bày được mục đích, nguyên tắc hoạt động, tổ chức của Liên hợp quốc. Đánh giá được vai trò của Liên hợp quốc.
- + So sánh sự giống và khác nhau giữa trật tự thế giới hai cực Ianta và trật tự thế giới theo hệ thống Vécxai – Oasinhton.

##### ❖ Kỹ năng

- + Khai thác, sử dụng tư liệu.
- + Quan sát, sử dụng tranh ảnh, bản đồ.
- + So sánh, nhận xét, đánh giá, vận dụng kiến thức.

---

## I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

### SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945 – 1949)

#### A. TRẬT TỰ HAI CỰC IANTA

##### 1. Hội nghị Ianta và những thỏa thuận của ba cường quốc

a. **Hoàn cảnh:** Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn cuối → nhiều vấn đề cấp bách đặt ra cần giải quyết.

- Nhanh chóng đánh bại hoàn toàn chủ nghĩa phát xít.

- Tổ chức lại trật tự thế giới sau chiến tranh.

- Phân chia thành quả giữa các nước thắng trận.

→ Tháng 2/1945, Hội nghị quốc tế được triệu tập tại Ianta, Liên Xô, với sự tham dự của đại diện ba cường quốc Mĩ, Anh, Liên Xô.

b. **Nội dung hội nghị:** Hội nghị đưa ra nhiều quyết định quan trọng.

- Mục tiêu chung: tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật → Đề mau chóng kết thúc chiến tranh, Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật tại châu Á.

- Thành lập tổ chức Liên hợp quốc nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

- Thỏa thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải pháp quân đội phát xít và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

+ Châu Âu:

◆ Liên Xô chiếm đóng Đông Đức, Đông Béclin,

◆ Đông Âu thuộc ảnh hưởng của Liên Xô.

◆ Mĩ, Anh, Pháp chiếm đóng Tây Đức, Tây Béclin.

◆ Tây Âu thuộc ảnh hưởng của Mĩ.

◆ Áo, Phần Lan trở thành nước trung lập.

+ Châu Á

◆ Mĩ chiếm đóng Nhật Bản.

◆ Ở bán đảo Triều Tiên:

• Liên Xô chiếm đóng miền Bắc.

• Mĩ chiếm đóng miền Nam.

• Vĩ tuyến 38 làm ranh giới.

◆ Liên Xô và Mĩ phải rút quân khỏi Trung Quốc.

◆ Đông Nam Á, Tây Á, Nam Á thuộc ảnh hưởng của các nước phương Tây.

c. **Nhận xét:**

- Thực chất là sự phân chia khu vực đóng quân và phạm vi ảnh hưởng giữa các nước thắng trận.

- Quyết định của Hội nghị Ianta và những thỏa thuận sau đó đã trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới – trật tự hai cực Ianta → thế giới chia thành hai phe đối lập: TBCN và XHCN, do hai siêu cường Mỹ và Liên Xô đứng đầu mỗi phe.

## 2. Quá trình xác lập, xói mòn và sụp đổ của trật tự hai cực Ianta

- Quá trình xác lập (1945 -1949):

- + Quyết định của Hội nghị Ianta → tạo khuôn khổ cho trật tự thế giới mới.
- + Cộng hòa Liên bang Đức và Cộng hòa Dân chủ Đức ra đời với hai chế độ chính trị và 2 con đường phát triển khác nhau (1949).

- Trật tự Ianta từng bước xói mòn (1949 – 1991):

- + Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc (1949).
- + Sự lớn mạnh về kinh tế của các nước Tây Âu.
- + Sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi, khu vực Mỹ Latinh.
- + Sự phát triển “thần kì” của Nhật Bản.

- Trật tự Ianta sụp đổ: sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, Liên Xô (1989 – 1991).

## 3. So sánh với trật tự hai cực Ianta với hệ thống Vécxai – Oasinhton

	HỆ THỐNG VÉCXAI – OASINHTON	TRẬT TỰ HAI CỰC IANTA
<b>TƯƠNG ĐỒNG</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Hệ quả của những cuộc chiến tranh thế giới.</li> <li>◆ Do các cường quốc thắng trận thiết lập nhằm phục vụ lợi ích tối đa của họ.</li> <li>◆ Là kết quả của các hội nghị quốc tế do các nước thắng trận tổ chức.</li> <li>◆ Thành lập được các tổ chức quốc tế để giám sát và duy trì trật tự thế giới.</li> </ul>	
<b>KHÁC BIỆT</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Được thiết lập sau khi chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Được thiết lập sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Đối đầu về quyền lợi giữa các nước tư bản thắng trận và bại trận.</li> <li>◆ Mâu thuẫn giữa các nước tư bản thắng trận với nhau.</li> </ul> <p>→ Quan hệ hòa bình giữa các nước chỉ là “tạm thời, mong manh”.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Đối đầu của về hệ tư tưởng và hai hệ thống chính trị đối lập (TBCN – XHCN).</li> <li>◆ Diễn ra cuộc đối đầu gay gắt giữa Mỹ và Liên Xô làm cho quan hệ quốc tế căng thẳng trong suốt hơn 4 thập kỉ - Chiến tranh lạnh.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Vai trò của Hội Quốc liên mờ nhạt.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Liên hợp quốc là tổ chức quốc tế lớn nhất hành tinh – duy trì hòa bình, an ninh thế giới.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Sự sụp đổ của hệ thống Vécxai – Oasinhton dẫn tới sự bùng nổ của Chiến tranh thế giới thứ hai.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Trật tự Ianta sụp đổ dẫn đến sự hình thành một trật tự thế giới mới theo hướng “đa cực”, nhiều trung tâm.</li> </ul>

# LIÊN HỢP QUỐC

## 1. Hoàn cảnh thành lập

- Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc.
- Nguyện vọng gìn giữ hòa bình, ngăn chặn chiến tranh thế giới của nhân dân.
- Từ ngày 25/4 đến 26/6/1945, tại Xan Phranxicô (Mĩ), đại biểu 50 nước thông qua Hiến chương, tuyên bố thành lập tổ chức Liên hợp quốc.



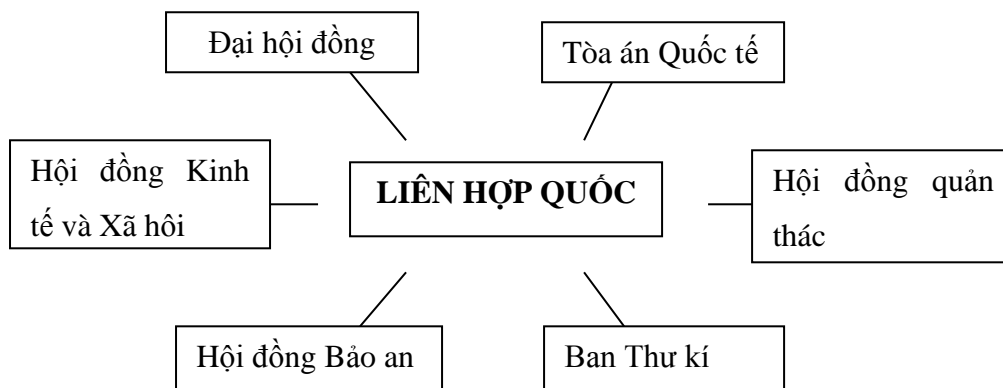
## 2. Mục đích hoạt động

- Duy trì hòa bình, an ninh thế giới.
- Phát triển quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc; tiến hành sự hợp tác quốc tế giữa các nước trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng, quyền tự quyết của các dân tộc.

## 3. Nguyên tắc hoạt động

- Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.
- Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của các nước.
- Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất cứ nước nào.
- Giải quyết tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.
- Chung sống hòa bình và sự nhất trí giữa 5 nước lớn: Mĩ, Liên Xô, Anh, Pháp, Trung Quốc.

## 4. Bộ máy tổ chức



6 cơ quan chính của Liên hợp quốc

## 5. Vai trò

- Tích cực:
  - + Là diễn đàn quốc tế lớn nhất, vừa hợp tác vừa đấu tranh nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
  - + Giải quyết các tranh chấp, xung đột ở nhiều khu vực.
  - + Tăng cường hữu nghị, hợp tác quốc tế.
  - + Giúp đỡ các dân tộc về kinh tế, y tế, văn hóa, giáo dục, nhân đạo...
  - + Chống chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc,...
- Hạn chế: Giải quyết xung đột ở Trung Đông, chiến tranh ở I-rắc, vấn đề Triều Tiên, Campuchia ...

## 6. Mối quan hệ với Việt Nam

- Năm 1977, Việt Nam trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.

- Liên hợp quốc giúp đỡ Việt Nam:

- + Giúp đỡ trên nhiều lĩnh vực, đảm bảo phát triển bền vững.
- + Tăng cường khả năng hội nhập quốc tế.
- + Nâng cao năng lực, thể chế luật pháp, cải cách hành chính.
- + Xóa đói giảm nghèo; bảo vệ môi trường; phòng chống ma túy; dịch bệnh; thiên tai ...

- Đóng góp của Việt Nam:

- + Đóng góp tích cực vào các hoạt động của Liên hợp quốc.
- + Góp phần làm giảm căng thẳng và hỗ trợ giải quyết các vấn đề an ninh, hòa bình tại nhiều khu vực trên thế giới.
- + Năm 2007, được bầu là Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an nhiệm kỳ 2008 – 2009.
- + Cử quân đội tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc.

## II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

### ➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

**Câu 1:** Hội nghị Ianta (2/1945) diễn ra trong bối cảnh Chiến tranh thế giới thứ hai

- A. bước vào giai đoạn kết thúc.
- B. bùng nổ.
- C. đang diễn ra ác liệt.
- D. đã kết thúc hoàn toàn.

**Câu 2:** Nguyên thủ các quốc gia nào tham dự Hội nghị Ianta (2/1945)?

- A. Mĩ – Anh – Pháp.
- B. Đức – Pháp – Mĩ.
- C. Liên Xô – Anh – Pháp.
- D. Anh – Mĩ – Liên Xô.

**Câu 3:** Nhiệm vụ cấp bách nào đặt ra trước các nước Đồng minh đầu năm 1945?

- A. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh.
- B. Nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh.
- C. Thành lập khối Đồng minh chống phát xít.
- D. Đẩy nhanh hợp tác kinh tế giữa các nước.

**Câu 4:** Nội dung nào **không** phải là nhiệm vụ cấp bách đặt ra trước các nước Đồng minh đầu năm 1945?

- A. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh.
- B. Nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh.
- C. Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.
- D. Phân chia thành quả giữa các nước thắng trận.

**Câu 5:** Nội dung nào **không** phải là quyết định quan trọng của Hội nghị Ianta (2/1945)?

- A. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản.
- B. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc để duy trì hòa bình, an ninh thế giới.
- C. Thông qua Tuyên ngôn, thành lập khối Đồng minh chống phát xít.
- D. Thỏa thuận việc đóng quân và phân chia khu vực ảnh hưởng ở châu Á, châu Âu.

**Câu 6:** Theo quyết định của Hội nghị Ianta (tháng 2/1945), quân đội nước nào sẽ chiếm đóng các vùng lãnh thổ Đông Đức, Đông Âu, Bắc Triều Tiên?

- A. Liên Xô.
- B. Mĩ.
- C. Anh.
- D. Pháp.

**Câu 7:** Nội dung nào **không** được thông qua tại Hội nghị Ianta (tháng 2/1945)?

- A. Quân đội Mĩ, Anh, Pháp chiếm đóng miền Tây nước Đức, Tây Béclin.
- B. Quân đội Liên Xô chiếm đóng miền Đông nước Đức, Đông Béclin.
- C. Hồng quân Liên Xô chiếm đóng miền Bắc Triều Tiên, quân Mĩ chiếm đóng Nam Triều Tiên.

D. Quân đội Anh làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật ở phía Nam vĩ tuyến 16 của Việt Nam.

**Câu 8:** Theo quyết định của Hội nghị Ianta (tháng 2/1945), phạm vi nào **không** thuộc ảnh hưởng của Liên Xô?

- A. Đông Đức.                      B. Đông Âu.                      C. Đông Béclin.                      D. Tây Đức.

**Câu 9:** Theo những quyết định của Hội nghị Ianta (tháng 2/1945), Mĩ **không** có quyền lợi ở khu vực nào?

- A. Italic.                      B. Nhật Bản.                      C. Đức.                      D. Bắc Triều Tiên.

**Câu 10:** Theo thỏa thuận của các cường quốc tại Hội nghị Ianta (tháng 2/1945), Đông Nam Á thuộc phạm vi ảnh hưởng của

- A. các nước Đông Âu.                      B. các nước Tây Âu.  
C. Mĩ, Anh và Liên Xô.                      D. Đức, Pháp và Nhật Bản.

**Câu 11:** Quyết định nào của Hội nghị Ianta (tháng 2/1945) đưa đến sự phân chia hai cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật.  
B. Liên Xô là quốc gia sẽ tham gia chống Nhật ở châu Á.  
C. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc để giữ gìn hòa bình và an ninh thế giới.  
D. Thỏa thuận việc đóng quân, phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

**Câu 12:** Những quyết định của Hội nghị Ianta (tháng 2/1945) có tác động như thế nào đối với quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai ?

- A. Làm nảy sinh những mâu thuẫn mới giữa các nước đế quốc.  
B. Đánh dấu sự xác lập một trật tự thế giới sau chiến tranh.  
C. Trở thành khuôn khổ một trật tự thế giới mới – trật tự hai cực Ianta.  
D. Đánh dấu sự xác lập hoàn toàn vai trò thống trị của đế quốc Mĩ.

**Câu 13:** Theo thỏa thuận tại Hội nghị Ianta (tháng 2/1945), những quốc gia nào trở thành nước trung lập?

- A. Pháp và Phần Lan.                      B. Áo và Phần Lan.  
C. Áo và Hà Lan.                      D. Phần Lan và Thổ Nhĩ Kỳ.

**Câu 14:** Nội dung nào **không** phải là thỏa thuận tại Hội nghị Ianta (tháng 2/1945) về vấn đề nước Đức?

- A. Quân đội Liên Xô chiếm đóng miền Đông nước Đức.  
B. Quân đội Anh, Mĩ, Pháp chiếm đóng miền Tây nước Đức.  
C. Quân đội Liên Xô chiếm Đông Béclin, quân đội Mĩ chiếm Tây Béclin.  
D. Sẽ trở thành một quốc gia độc lập, thống nhất, dân chủ và trung lập.

**Câu 15:** Hội nghị Ianta (tháng 2/1945) có quyết định quan trọng nào đối với tương lai của Trung Quốc?

- A. Quy định Trung Quốc cần phải trở thành một quốc gia thống nhất và dân chủ.  
B. Cải tổ chính phủ với sự tham gia của Đảng Cộng sản và các đảng phái dân chủ.  
C. Trả lại cho Trung Quốc vùng Mãn Châu, đảo Đài Loan và quần đảo Bành Hồ.  
D. Quốc tế hóa thương cảng Đại Liên của Trung Quốc.

**Câu 16:** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một trật tự thế giới mới được hình thành với đặc điểm bao trùm là

- A. thế giới chia thành hai phe TBCN – XHCN do Mĩ và Liên Xô đứng đầu.  
B. Mĩ ra sức chạy đua vũ trang để thực hiện mưu đồ bá chủ toàn cầu.  
C. sự vươn lên mạnh mẽ của các cường quốc để xác lập trật tự thế giới “đa cực”.

**D.** Liên Xô là thành trì đi đầu bảo vệ hòa bình của các nước XHCN.

**Câu 17:** Điểm khác nhau giữa trật tự hai cực Ianta so với trật tự thế giới theo hệ thống Vécxai – Oasinhton là

- A.** phản ánh tương quan lực lượng giữa các cường quốc.
- B.** được hình thành gắn liền với các cuộc chiến tranh thế giới.
- C.** thành lập được một tổ chức quốc tế để giám sát và duy trì trật tự thế giới.
- D.** hình thành 2 phe đối lập nhau, TBCN và XHCN.

**Câu 18:** Một trong những điểm giống nhau giữa tổ chức Liên hợp quốc và Hội Quốc liên là

- A.** tổ chức bảo vệ quyền lợi của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới.
- B.** dẫn đến hình thành hai phe đối lập nhau, TBCN và XHCN.
- C.** được thành lập nhằm mục đích giám sát và duy trì trật tự thế giới.
- D.** bảo vệ quyền lợi chính đáng của tất cả các nước TBCN.

**Câu 19:** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm tương đồng giữa trật tự hai cực Ianta và trật tự thế giới theo hệ thống Vécxai – Oasinhton?

- A.** Được thiết lập khi chiến tranh thế giới bước vào giai đoạn cuối.
- B.** Là hệ quả của các cuộc chiến tranh thế giới ở thế kỉ XX.
- C.** Sau khi tan rã đã đưa tới sự bùng nổ của các cuộc chiến tranh thế giới mới.
- D.** Hình thành hai phe đối lập nhau, TBCN và XHCN.

**Câu 20:** Một trong những điểm giống nhau của trật tự hai cực Ianta và trật tự thế giới theo hệ thống Vécxai – Oasinhton là

- A.** do các nước thắng trận thiết lập nhằm phục vụ lợi ích tối đa của họ.
- B.** diễn ra cuộc đối đầu giữa hai hệ thống thế giới trong suốt hơn 4 thập kỉ.
- C.** được thiết lập khi chiến tranh thế giới bước vào giai đoạn kết thúc.
- D.** hình thành 2 phe đối lập nhau, TBCN và XHCN.

**Câu 21:** Hệ quả từ sự sụp đổ của trật tự hai cực Ianta có gì khác biệt so với trật tự thế giới theo hệ thống Vécxai – Oasinhton?

- A.** Các mâu thuẫn giữa hai hệ thống thế giới được giải quyết triệt để.
- B.** Đưa đến sự bùng nổ của một cuộc chiến tranh thế giới mới.
- C.** Kéo theo sự tan rã, giải thể của tổ chức Liên hợp quốc.
- D.** Dẫn đến sự hình thành một trật tự thế giới mới theo hướng “đa cực”.

**Câu 22:** Điểm khác nhau giữa trật tự hai cực Ianta so với trật tự thế giới theo hệ thống Vécxai – Oasinhton là

- A.** do các nước thắng trận thiết lập nhằm phục vụ lợi ích tối đa của họ.
- B.** được hình thành gắn liền với các cuộc chiến tranh thế giới.
- C.** thành lập được một tổ chức quốc tế để giám sát và duy trì trật tự thế giới.
- D.** sự đối đầu về hệ tư tưởng và hai hệ thống chính trị đối lập.

**Câu 23:** Một trong những điểm giống nhau của trật tự hai cực Ianta và trật tự thế giới theo hệ thống Vécxai - Oasinhton là

- A.** được thiết lập khi chiến tranh thế giới bước vào giai đoạn cuối.



- B. kết quả của hội nghị quốc tế do các nước thắng trận tổ chức.
- C. khi sụp đổ đưa tới sự bùng nổ của một cuộc chiến tranh thế giới mới.
- D. hình thành hai phe đối lập nhau, TBCN và XHCN.

**Câu 24:** Theo thỏa thuận của Hội nghị Potsdam (tháng 7/1945), việc giải giáp quân đội Nhật Bản ở Đông Dương được giao cho quân đội nước nào?

- A. Anh – Pháp.
- B. Anh - Mỹ.
- C. Anh - Trung Hoa Dân quốc.
- D. Pháp - Trung Hoa Dân quốc.

**Câu 25:** Đặc điểm nổi bật của trật tự thế giới mới được hình thành trong những năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. thiết lập quyền thống trị của các nước thắng trận đối với các nước bại trận.
- B. sự xác lập một trật tự thế giới hoàn toàn do các nước tư bản thao túng.
- C. sự phân tuyến triệt để giữa phe XHCN và TBCN.
- D. sự cấu kết của các nước thắng trận để thống trị và bóc lột các nước thuộc địa.

**Câu 26:** “Duy trì hòa bình và an ninh thế giới, phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc và tiến hành hợp tác quốc tế” là mục đích của tổ chức nào?

- A. Tổ chức ASEAN.
- B. Liên minh châu Âu.
- C. Hội nghị Ianta.
- D. Liên hợp quốc.

**Câu 27:** Cơ quan nào của Liên hợp quốc có sự tham gia đầy đủ đại diện các nước thành viên và mỗi năm họp một kì?

- A. Ban Thư kí.
- B. Hội đồng Bảo an.
- C. Hội đồng Quản thác.
- D. Đại hội đồng.

**Câu 28:** Cơ quan nào của Liên hợp quốc có vai trò trọng yếu trong việc giữ gìn hòa bình an ninh thế giới?

- A. Tòa án Quốc tế.
- B. Hội đồng Bảo an.
- C. Đại hội đồng.
- D. Ban Thư kí.

**Câu 29:** Năm Ủy viên thường trực của tổ chức Liên hợp quốc gồm những nước nào?

- A. Liên Xô - Mĩ - Anh - Pháp - Trung Quốc.
- B. Mĩ - Anh - Pháp - Đức - Nhật.
- C. Trung Quốc - Nhật Bản - Ấn Độ - Hàn Quốc.
- D. Anh - Pháp - Nhật Bản - Hàn Quốc - Mĩ.

**Câu 30:** Vai trò quan trọng nhất của tổ chức Liên hợp quốc là

- A. duy trì hoà bình và an ninh quốc tế.
- B. thúc đẩy quan hệ hữu nghị hợp tác giữa tất cả các nước.
- C. giải quyết các vụ tranh chấp và xung đột khu vực.
- D. giúp đỡ các dân tộc về kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế, nhân đạo.

**Câu 31:** Nguyên tắc “Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình” của Liên hợp quốc được Việt Nam vận dụng để giải quyết vấn đề nào hiện nay?

- A. Thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.
- B. Phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN.
- C. Bảo vệ chủ quyền biên giới, biển, hải đảo và toàn vẹn lãnh thổ.
- D. Nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

**Câu 32:** Nhận xét nào **không** đúng về vai trò của Đại hội đồng Liên hợp quốc?

- A. Là cơ quan lớn nhất, giám sát các hoạt động của Hội đồng Bảo an.
- B. Họp mỗi năm một kì để thảo luận các vấn đề do Hiến chương quy định.
- C. Hội nghị quyết định theo nguyên tắc đa số hai phần ba hoặc quá bán.
- D. Hội nghị chỉ dành cho một số cường quốc thành viên chủ chốt.

**Câu 33:** Nhận xét nào sau đây phản ánh đúng vai trò của Liên hợp quốc trước những biến động của tình hình thế giới hiện nay?

- A. Là diễn đàn quốc tế vừa hợp tác, vừa đấu tranh nhằm duy trì hòa bình, an ninh thế giới.
- B. Đi đầu trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền và quyền tự quyết của các dân tộc.
- C. Là tổ chức có vai trò quyết định ngăn chặn đại dịch đe dọa sức khỏe của loài người.
- D. Là diễn đàn đi đầu trong việc bảo vệ các di sản trên thế giới, cứu trợ nhân đạo.

**Câu 34:** Một trong những mục đích của tổ chức Liên hợp quốc được nêu rõ trong Hiến chương là

- A. tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.
- B. duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
- C. chung sống hòa bình giữa các quốc gia.
- D. giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

**Câu 35:** Một trong những mục đích của tổ chức Liên hợp quốc được nêu rõ trong Hiến chương là

- A. tôn trọng quyền tự quyết của các dân tộc
- B. phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc.
- C. bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia.
- D. giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

**Câu 36:** Nội dung nào không phản ánh đúng nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc?

- A. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ của các nước.
- B. Tiến hành hợp tác quốc tế giữa các nước.
- C. Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia.
- D. Tôn trọng độc lập chính trị của tất cả các nước.

**Câu 37:** Mọi quyết định của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc phải được sự nhất trí của năm nước ủy viên thường trực là

- A. Liên Xô - Nhật - Trung Quốc - Mĩ - Anh.
- B. Đức - Nhật - Trung Quốc - Mĩ - Pháp.
- C. Liên Xô - Mĩ - Anh - Pháp - Trung Quốc.
- D. Liên Xô - Anh - Pháp - Đức - Mĩ.

**Câu 38:** Một trong những nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc là

- A. chung sống hòa bình, vừa hợp tác vừa đấu tranh.
- B. giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.
- C. hợp tác phát triển có hiệu quả về kinh tế, văn hóa và xã hội.
- D. tiến hành hợp tác quốc tế giữa các nước thành viên.

**Câu 39:** Một trong những cơ quan chính của Liên hợp quốc được quy định trong Hiến chương (1945) là

- A. Quỹ Nhi đồng.
- B. Tổ chức Y tế Thế giới.
- C. Ngân hàng Thế giới.
- D. Đại hội đồng.

**Câu 40:** Một trong những cơ quan chính của Liên hợp quốc được quy định trong Hiến chương (năm 1945) là

- A. Quỹ Nhi đồng.
- B. Tổ chức Y tế Thế giới.
- C. Ngân hàng Thế giới.
- D. Ban Thư kí.

**Câu 41:** Một trong những cơ quan chính của Liên hợp quốc được quy định trong Hiến chương (1945) là

- A. Quỹ Nhi đồng.
- B. Tổ chức Y tế Thế giới.

C. Hội đồng Bảo an.

D. Ngân hàng Thế giới.

**Câu 42:** Nhận xét nào sau đây phản ánh đúng hạn chế lớn nhất của tổ chức Liên hợp quốc hiện nay?

A. Tệ quan liêu, tham nhũng ngày càng gia tăng.

B. Nội bộ các nước thành viên có sự mâu thuẫn và chia rẽ lớn.

C. Chưa giải quyết vấn đề dịch bệnh, viện trợ kinh tế cho các nước thành viên.

D. Chưa có quyết định phù hợp đối với một số sự việc ở Trung Đông, châu Âu, Irắc...

**Câu 43:** Nhận xét nào sau đây **không** đúng về vai trò Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc?

A. Là cơ quan chính trị quan trọng nhất, mỗi năm họp một kì.

B. Chịu trách nhiệm duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

C. Chịu sự giám sát và chi phối của Đại hội đồng.

D. Mọi quyết định phải có sự nhất trí của 5 Ủy viên thường trực.

**Câu 44:** Nhận định nào sau đây phản ánh **không** đúng về Đại hội đồng Liên hợp quốc?

A. Là cơ quan lớn nhất của Liên hợp quốc, giám sát các hoạt động của Hội đồng Bảo an.

B. Họp mỗi năm một kì để thảo luận các công việc thuộc phạm vi Hiến chương quy định.

C. Hội nghị quyết định theo nguyên tắc đa số đối với những vấn đề quan trọng.

D. Là hội nghị dành cho một số nước thành viên quan trọng của Liên hợp quốc.

**Câu 45:** Trong nhiệm kì 2008 - 2009, Việt Nam được giữ chức vụ gì trong tổ chức Liên hợp quốc?

A. Thành viên Hội đồng Kinh tế - Xã hội.

B. Thành viên Hội đồng Quản thác.

C. Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an.

D. Ủy viên không thường trực Đại hội đồng.

**Câu 46:** Nhận xét nào sau đây là đúng về đặc điểm chung của trật tự thế giới theo hệ thống Vécxai – Oasinhton và trật tự thế giới hai cực Ianta?

A. Chứng tỏ quan hệ quốc tế bị chi phối bởi các cường quốc.

B. Bảo đảm việc thực hiện quyền tự quyết của các dân tộc.

C. Hình thành trên cơ sở thỏa thuận giữa các nước cùng chế độ chính trị.

D. Có sự phân cực rõ rệt giữa hai hệ thống chính trị xã hội khác nhau.

**Câu 47:** Hội nghị Ianta (2/1945) diễn ra trong hoàn cảnh nào?

A. Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc.

B. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

C. Chiến tranh thế giới thứ hai đang diễn ra ác liệt.

D. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc hoàn toàn.

**Câu 48:** Nội dung nào **không** phải là quyết định của Hội nghị Ianta (tháng 2/1945)?

A. Chủ trương thành lập tổ chức Liên hợp quốc.

B. Thành lập Tòa án Quốc tế ở Tôkyô để xét xử tội phạm chiến tranh.

C. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh, tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.

D. Thoả thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít.

**Câu 49:** Từ 1945 - 1971, đại biểu Trung Quốc tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc là đại diện của chính quyền

A. Hồng Kông.

B. Trung Hoa Dân quốc.

C. Ma Cao.

D. Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

**Câu 50:** Nội dung gây nhiều tranh cãi nhất giữa ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh tại Hội nghị Ianta (tháng 2/1945) là gì?

- A. Thành lập tổ chức quốc tế - Liên hợp quốc.
- B. Giải quyết hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai.
- C. Phân chia khu vực đóng quân và phạm vi ảnh hưởng.
- D. Tiêu diệt chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật.

**Câu 51:** Một trong những nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc là

- A. bình đẳng quyền lợi giữa các quốc gia.
- B. giải quyết các tranh chấp quốc tế thông qua đối thoại.
- C. hợp tác phát triển kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật.
- D. không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.

**Câu 52:** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, với danh nghĩa lực lượng Đồng minh, quân đội nước nào đã chiếm đóng Nhật Bản?

- A. Quân đội Anh.      B. Quân đội Mĩ.      C. Quân đội Pháp.      D. Quân đội Liên Xô.

**Câu 53:** Hội nghị Ianta (tháng 2/1945) có những quyết định quan trọng **ngoại trừ** việc

- A. phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh.
- B. tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật.
- C. thiết lập trật tự thế giới hai cực Ianta do Mĩ và Liên Xô đứng đầu mỗi cực.
- D. thành lập tổ chức Liên hợp quốc nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

➤ **ĐÁP ÁN**

1 - A	2 - D	3 - A	4 - B	5 - C	6 - A	7 - D	8 - D	9 - D	10 - B
11 - D	12 - C	13 - B	14 - D	15 - A	16 - A	17 - D	18 - C	19 - B	20 - A
21 - D	22 - D	23 - B	24 - C	25 - C	26 - D	27 - D	28 - B	29 - A	30 - A
31 - C	32 - D	33 - A	34 - B	35 - B	36 - B	37 - C	38 - B	39 - D	40 - D
41 - C	42 - D	43 - A	44 - D	45 - C	46 - A	47 - A	48 - B	49 - B	50 - C
51 - D	52 - B	53 - C							

## **CHỦ ĐỀ 3: LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 - 1991)**

### **LIÊN BANG NGA (1991 - 2000)**

#### **Mục tiêu**

##### **❖ Kiến thức**

- + Nêu được hoàn cảnh, thành tựu của Liên Xô trong công cuộc khôi phục kinh tế và xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của CNXH.
- + Khái quát nét chung về sự ra đời và công cuộc xây dựng CNXH ở Đông Âu những năm 50 – 70 của thế kỉ XX.
- + Khái quát được tình hình kinh tế, chính trị và đối ngoại của Liên bang Nga từ năm 1991 đến năm 2000.
- + Đánh giá được vai trò của Liên Xô, các nước Đông Âu và Liên bang Nga.

##### **❖ Kỹ năng**

- + Khai thác tranh ảnh, bản đồ, tư liệu lịch sử.
- + Phân tích, so sánh, đánh giá và trình bày lịch sử.

---

## I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

### LIÊN XÔ (1945 – 1991)

**Biện pháp:** thực hiện qua các kế hoạch dài hạn.

1) Thành tựu:

- Kinh tế: trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới (sau Mỹ).
- Khoa học – kĩ thuật:
  - + Phóng thành công vệ tinh nhân tạo (1957), tàu vũ trụ bay vòng quanh Trái Đất (1961).
  - + Chế tạo tên lửa hạt nhân (1972) → tạo thế cân bằng chiến lược quân sự với Mỹ.
- Chính sách đối ngoại: hòa bình, tích cực ủng hộ cách mạng thế giới.

2) Ý nghĩa:

- Cùng cố, tăng cường sức mạnh của nhà nước Xô viết.
- Nâng cao vị thế trên trường quốc tế.
- Trở thành chỗ dựa của phong trào cách mạng thế giới.

**Tiếp tục xây dựng CNXH giai theo từng giai đoạn: 1945 – 1950; 1950 – 1973; 1973 – 1991**

1) Khôi phục kinh tế:

- Bị chiến tranh tàn phá.
- Các nước tư bản phương Tây bao vây, cô lập.
- Thực hiện kế hoạch 5 năm (1945 – 1950)
- Kết quả: kinh tế được phục hồi, chế tạo thành công bom nguyên tử (1949) → Tạo nền tảng để tiếp tục xây dựng CNXH.

2) Khủng hoảng, cải tổ, sụp đổ

- Từ nửa sau thập niên 70, Liên Xô dần lâm vào khủng hoảng.
- Tháng 3/1985, M. Gorbachốp tiến hành cải tổ → mắc nhiều sai lầm, xa rời nguyên lí của chủ nghĩa Mác – Lênin.
- Chế độ XHCN ở Liên Xô sụp đổ sau 69 năm tồn tại (tháng 12/1991).

### CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 – 1991)

1) 1945 – 1950: Nhà nước dân chủ nhân dân ra đời:

- 1944 – 1945: nhân dân Đông Âu giành chính quyền, thành lập nhà nước dân chủ nhân dân.
- 1945 – 1949: tiến hành cải cách dân chủ → hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân.

2) 1950 – 1973: Xây dựng CNXH:

- Mục đích: xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho CNXH.
- Kết quả:
  - + Trở thành các quốc gia công – nông nghiệp.
  - + Cùng Liên Xô thành lập và hợp tác trong Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) (1949) và Tổ chức Hiệp ước Vácsava (1955).
- Ý nghĩa:

- + Nâng cao vị thế của các nước Đông Âu trên trường quốc tế.
- + Củng cố sức mạnh của hệ thống XHCN.

### 3) 1973 – 1991: Khủng hoảng, sụp đổ

- Từ cuối thập niên 70, nền kinh tế Đông Âu lâm vào tình trạng trì trệ.
- Từ đầu thập niên 80, tiến hành điều chỉnh kinh tế nhưng bế tắc.
- Từ cuối những năm 80, chế độ XHCN ở Đông Âu sụp đổ.

#### **Nguyên nhân sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và Đông Âu:**

1. Đường lối lãnh đạo chủ quan, duy ý chí.
2. Chậm cải tổ, khi tiến hành cải tổ mắc phải nhiều sai lầm.
3. Không nắm bắt kịp thời sự phát triển của khoa học – kĩ thuật.
4. Sự chống phá của các thế lực thù địch.

#### **LIÊN BANG NGA (1991 – 2000)**

- 1) Sự ra đời: Liên bang Nga là “quốc gia kế tục Liên Xô”, được kế thừa địa vị pháp lý của Liên Xô ở Liên hợp quốc.
- 2) Kinh tế:
  - 1990 – 1995: tốc độ tăng trưởng GDP luôn âm.
  - Từ năm 1996, kinh tế dần phục hồi.



### 3) Chính trị:

- Đối nội:
  - + Tháng 12/1993, Hiến pháp Liên bang Nga được ban hành, quy định thể chế Tổng thống Liên bang.
  - + Đối mặt với nhiều thách thức: tranh chấp quyền lực giữa các đảng phái; xung đột sắc tộc (phong trào ly khai ở vùng Trécxnia).
- Đối ngoại:
  - + 1992 – 1993: theo đuổi chính sách “định hướng Đại Tây Dương”, ngả về các cường quốc phương Tây.
  - + Từ năm 1994, chuyển sang thực hiện chính sách “Định hướng Âu – Á”: tranh thủ sự ủng hộ của phương Tây, vừa mở rộng quan hệ với các nước châu Á.

→ Từ năm 2000, Liên bang Nga dần thoát khỏi khủng hoảng, kinh tế phục hồi, phát triển; chính trị - xã hội ổn định và trở lại vị thế một cường quốc Âu - Á.

## II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

### ➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

**Câu 1:** Nguyên nhân trực tiếp đòi hỏi Liên Xô bắt tay vào khôi phục kinh tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. thu được nhiều chiến phí.
- B. chiếm được nhiều thuộc địa.
- C. bị tổn thất nặng nề trong chiến tranh.
- D. bị các nước phương Tây bao vây, cấm vận.

**Câu 2:** Nội dung nào **không** phải là khó khăn lớn của Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Tổn thất nặng nề về người và của do hậu quả của chiến tranh.
- B. Bị các nước phương Tây và Mĩ bao vây kinh tế.
- C. Thiếu cán bộ có kinh nghiệm quản lý và công nhân lành nghề.
- D. Đòi sống nhân dân vô cùng khó khăn, cực khổ.

**Câu 3:** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô bước vào công cuộc xây dựng đất nước trong điều kiện thuận lợi nào?

- A. Phá vỡ thế bao vây, cô lập của các nước phương Tây.
- B. Sự ủng hộ của phong trào cách mạng thế giới.
- C. Tinh thần của phong trào cách mạng thế giới.
- D. Thu được nhiều lợi nhuận sau chiến tranh.

**Câu 4:** Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Liên Xô trong những năm 1945 - 1950 là

- A. xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật.
- B. khôi phục kinh tế sau chiến tranh.
- C. mở rộng quan hệ đối ngoại.
- D. phá thế bị bao vây, cấm vận.

**Câu 5:** Năm 1949, diễn ra sự kiện quan trọng nào ở Liên Xô?

- A. Chế tạo thành công bom nguyên tử.
- B. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
- C. Phóng tàu vũ trụ bay vòng quanh Trái Đất.
- D. Đưa con người lên thám hiểm Mặt Trăng.

**Câu 6:** Việc Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử có ý nghĩa như thế nào?

- A. Tạo thế cân bằng về lực lượng quân sự đối với Mĩ.
- B. Phá vỡ thế độc quyền vũ khí nguyên tử của Mĩ.
- C. Trở thành quốc gia có vũ khí nguyên tử lớn nhất thế giới.
- D. Tạo thế cân bằng về sản xuất vũ khí hạt nhân với Anh.

**Câu 7:** Liên Xô đi đầu trong công cuộc xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của CNXH ở lĩnh vực nào?

- A. Công nghiệp vũ trụ, công nghiệp điện hạt nhân.
- B. Công nghiệp nặng chế tạo máy móc.
- C. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.
- D. Công nghiệp quốc phòng.

**Câu 8:** Năm 1957, Liên Xô đạt được thành tựu tiêu biểu nào về khoa học - kĩ thuật?

- A. Chế tạo thành công bom nguyên tử.
- B. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
- C. Phóng tàu vũ trụ bay vòng quanh trái đất.
- D. Đưa con người lên thám hiểm Mặt Trăng.

**Câu 9:** Sự kiện nào mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người?

- A. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
- B. Vệ tinh Sputnik thoát khỏi sức hút của Trái Đất.



C. Liên Xô phóng thành công tàu vũ trụ bay vòng quanh Trái Đất.

D. Nhà du hành vũ trụ Amstrong đi bộ trên Mặt Trăng.

**Câu 10:** Thành tựu đạt được trong công cuộc khôi phục kinh tế ở Liên Xô (1945 - 1950) có ý nghĩa nào sau đây?

A. Tạo cơ sở vật chất, kĩ thuật cho công cuộc xây dựng CNXH.

B. Thể hiện tính ưu việt của CNXH ở Liên Xô.

C. Đạt thế cân bằng về chiến lược quân sự và sản xuất vũ khí hạt nhân với Mỹ.

D. Ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

**Câu 11:** Thành tựu quan trọng về kinh tế Liên Xô đạt được từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX là gì?

A. Chế tạo thành công bom nguyên tử.

B. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.

C. Phóng tàu vũ trụ phương Đông bay vòng quanh Trái Đất.

D. Trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới.

**Câu 12:** I. Gagarin (Liên Xô) là nhà du hành vũ trụ đầu tiên

A. bay vòng quanh Trái Đất.

B. thám hiểm Mặt Trăng.

C. đặt chân lên Mặt Trăng.

D. thám hiểm Sao Hỏa.

**Câu 13:** Điểm giống nhau cơ bản về sự phát triển kinh tế của Liên Xô và Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. cường quốc đứng đầu thế giới về xuất khẩu gạo.

B. quốc gia khởi đầu cuộc cách mạng chất xám.

C. trở thành những cường quốc kinh tế hàng đầu thế giới.

D. đi đầu và đạt được thành tựu to lớn trong lĩnh vực chinh phục vũ trụ.

**Câu 14:** Điểm giống nhau cơ bản về sự phát triển khoa học - kĩ thuật của Liên Xô và Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - công nghệ.

B. đi đầu trong lĩnh vực chinh phục vũ trụ.

C. quê hương của cuộc cách mạng chất xám.

D. mua bằng phát minh khoa học lớn nhất thế giới.

**Câu 15:** Chính sách đối ngoại nổi bật của Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. đặt quan hệ ngoại giao với tất cả các nước.

B. đặt quan hệ ngoại giao với các nước XHCN.

C. hòa bình, tích cực ủng hộ cách mạng thế giới.

D. tập trung thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước lớn.

**Câu 16:** Chính sách đối ngoại bao trùm của Liên Xô từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến giữa những năm 70 của thế kỷ XX là

A. bảo vệ hòa bình, ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.

B. chống lại âm mưu gây chiến của các thế lực thù địch.

C. giúp đỡ các nước trong hệ thống XHCN.

D. ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

**Câu 17:** Điểm giống nhau cơ bản trong công cuộc cải tổ ở Liên Xô và công cuộc cải cách - mở cửa ở Trung Quốc là

- A. Tiến hành trong điều kiện đất nước lâm vào khủng hoảng toàn diện.
- B. Coi đổi mới về chính trị và xã hội là trọng tâm.
- C. Tiến hành đổi mới đồng bộ và toàn diện về kinh tế và chính trị.
- D. Thực hiện chế độ đa đảng cùng tham gia lãnh đạo đất nước.

**Câu 18:** Năm 1949, các nước XHCN ở châu Âu đã

- A. thông qua Kế hoạch Mácsan.
- B. thành lập Liên minh châu Âu.
- C. thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế.
- D. thành lập Tổ chức Hiệp ước Vacsava.

**Câu 19:** Tổ chức liên kết kinh tế của Liên Xô và các nước XHCN thành lập năm 1949 là

- A. Kế hoạch Mácsan.
- B. Liên minh châu Âu (EU)
- C. Hội đồng tương trợ kinh tế.
- D. Hiệp hội các nước Đông Nam Á.

**Câu 20:** Tổ chức liên minh về chính trị và quân sự giữa Liên Xô và các nước XHCN được thành lập năm 1955 là

- A. Tổ chức NATO.
- B. Tổ chức Hiệp ước Vacsava.
- C. Cộng đồng các quốc gia độc lập.
- D. Khối quân sự SEATO.

**Câu 21:** Mục tiêu của tổ chức Hiệp ước Vacsava (1955) là

- A. thu hẹp dần sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế giữa các nước thành viên.
- B. lập liên minh phòng thủ về quân sự và chính trị của các nước XHCN ở châu Âu.
- C. tăng cường hợp tác kinh tế giữa Liên Xô với các nước XHCN ở Đông Âu.
- D. thúc đẩy sự tiến bộ về kinh tế và khoa học - kĩ thuật giữa các nước thành viên.

**Câu 22:** Nhận xét nào không phản ánh đúng hạn chế của Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV)?

- A. Sự hợp tác giữa các nước thành viên lỏng lẻo.
- B. Do sự cản trở của cơ chế quan liêu, bao cấp.
- C. Chưa áp dụng đầy đủ tiến bộ khoa học công nghệ.
- D. Khép kín, không hòa nhập với nền kinh tế thế giới.

**Câu 23:** Một trong những cơ sở của sự hợp tác, giúp đỡ giữa Liên Xô và các nước Đông Âu là

- A. cùng chung mục tiêu tiến lên CNTB.
- B. cùng chung hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin.
- C. có chung mục đích đàn áp phong trào cách mạng thế giới.
- D. đều nhận được sự giúp đỡ, viện trợ của các nước phương Tây.

**Câu 24:** Đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX, Liên Xô đã tạo được thế cân bằng với Mỹ và Tây Âu về

- A. chiến lược quân sự và sức mạnh kinh tế.
- B. sức mạnh hạt nhân.
- C. khả năng chinh phục vũ trụ.
- D. sức mạnh kinh tế.

**Câu 25:** Tình hình thế giới và trong nước những năm 70 của thế kỉ XX đặt ra yêu cầu cấp bách nào đối với Liên Xô?

- A. Hoàn thành tập thể hóa nông nghiệp.
- B. Tập trung phát triển công nghệ nặng.

C. Hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

D. Tiến hành công cuộc cải cách đất nước.

**Câu 26:** Hậu quả nghiêm trọng nhất từ sự sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và Đông Âu là gì?

A. Hệ thống XHCN không còn tồn tại trên thế giới.

B. Chấm dứt sự tồn tại của trật tự thế giới hai cực lanta.

C. Mĩ vươn lên xác lập trật tự thế giới “một cực”.

D. Gây tổn thất nghiêm trọng về kinh tế cho Liên bang Nga.

**Câu 27:** Từ năm 1994, Liên bang Nga thực hiện chính sách đối ngoại nào sau đây?

A. Định hướng Đại Tây Dương.

B. Định hướng châu Mĩ.

C. Trở về châu Á.

D. Trở về châu Âu.

**Câu 28:** Hiện nay Liên bang Nga đang phải đối diện với những khó khăn nào sau đây?

A. Chế độ phân biệt chủng tộc.

B. Mâu thuẫn gay gắt về tôn giáo.

C. Chủ nghĩa khủng bố và chủ nghĩa li khai.

D. Tình trạng khủng hoảng liên tiếp về kinh tế.

**Câu 29:** Điểm tương đồng về chính sách đối ngoại của Liên bang Nga và Mĩ sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc là

A. ra sức điều chỉnh chính sách đối ngoại để mở rộng ảnh hưởng.

B. tiếp tục thực hiện chính sách đối ngoại “Trở về châu Á”.

C. theo đuổi chính sách đối ngoại “Định hướng Đại Tây Dương”.

D. trở thành đồng minh chiến lược của Liên minh châu Âu (EU).

**Câu 30:** Bài học kinh nghiệm nào được rút ra cho Việt Nam trong công cuộc xây dựng CNXH hiện nay từ sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu đầu thập niên 90 của thế kỉ XX?

A. Đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất, toàn diện của Đảng Cộng sản.

B. Thực hiện chính sách đối ngoại mềm dẻo để hạn chế tác động của bên ngoài.

C. Thực hiện đổi mới toàn diện, đồng bộ từ chính trị đến xã hội.

D. Tập trung thực hiện cải cách triệt để về kinh tế, chính trị, văn hóa.

**Câu 31:** Năm 1949, Liên Xô đạt được thành tựu gì về khoa học - kĩ thuật?

A. Phóng thành công tên lửa đạn đạo.

B. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.

C. Cường quốc kinh tế.

D. Thành trì của CNXH.

**Câu 32:** Vị thế của Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai khác với Liên bang Nga hiện nay ở điểm nào?

A. Cường quốc quân sự.

B. Đối trọng với Mĩ.

C. Cường quốc kinh tế.

D. Thành trì của CNXH.

**Câu 33:** Nhận định nào đúng khi nói về sự sụp đổ của CNXH ở Liên Xô?

A. Đánh dấu sự sụp đổ của mô hình nhà nước xã hội chủ nghĩa.

B. Đánh dấu sự sụp đổ của hình thái nhà nước xã hội chủ nghĩa.

C. Đánh dấu chiến lược toàn cầu của Mĩ thành công.

D. Đánh dấu chiến tranh lạnh chấm dứt.

**Câu 34:** Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam từ sự sụp đổ của CNXH ở Liên Xô là

- 
- A. kiên định con đường xã hội chủ nghĩa.
  - B. tập trung cải cách hệ thống chính trị.
  - C. thừa nhận chế độ đa nguyên, đa đảng.
  - D. kiên định con đường tư bản chủ nghĩa.

**Đáp án**

1-C	2-C	3-C	4-B	5-A	6-B	7-A	8-B	9-C	10-A
11-D	12-A	13-C	14-B	15-C	16-A	17-A	18-C	19-C	20-B
21-B	22-A	23-B	24-A	25-D	26-A	27-C	28-C	29-A	30-A
31-C	32-D	33-A	34-A						

# **LỊCH SỬ THẾ GIỚI**

## **CHỦ ĐỀ 4: CÁC NƯỚC CHÂU Á TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000**

### **Mục tiêu**

#### **❖ Kiến thức**

- + Khái quát những nét chung về các quốc gia ở Đông Bắc Á, Đông Nam Á, Ấn Độ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000.
- + Phân tích được những biến chuyển to lớn của các quốc gia trong khu vực Đông Bắc Á (trừ Nhật Bản), Đông Nam Á và Ấn Độ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- + Đánh giá tiềm lực và vị thế của các nước trên trường quốc tế và vai trò của tổ chức ASEAN.

#### **❖ Kỹ năng**

- + Quan sát, sử dụng lược đồ, khai thác tranh ảnh, tư liệu để hiểu nội dung các sự kiện lịch sử.
- + Tổng hợp và hệ thống hóa các sự kiện lịch sử.
- + So sánh, nhận xét, đánh giá các sự kiện, nhân vật lịch sử.

# I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

## CÁC NƯỚC CHÂU Á (1945 – NAY)



Châu Á chia thành 3 khu vực:

### 1. Đông Bắc Á:

- Khái quát chung về các nước Đông Bắc Á.
- Các giai đoạn phát triển của Trung Quốc.

### 2. Đông Nam Á:

- Những chuyển biến lớn của khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Cách mạng Lào và cách mạng Campuchia.
- Quá trình xây dựng, phát triển kinh tế của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN.
- Sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN.

### 3. Ấn Độ

- Công cuộc đấu tranh giành độc lập.
- Công cuộc xây dựng, phát triển đất nước.

## CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á (1945 – NAY)

### 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á

- Khu vực rộng lớn, đông dân nhất thế giới.
- Gồm các quốc gia: Trung Quốc, CHDCND Triều Tiên, Hàn Quốc, Nhật Bản và vùng lãnh thổ Đài Loan.
- Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, đều bị chủ nghĩa thực dân nô dịch (trừ Nhật Bản).
- Từ nửa sau thế kỉ XX, Đông Bắc Á là một trong những khu vực năng động, phát triển nhất trên thế giới.

#### a. Chuyển biến chính trị:



- Năm 1948, thành lập hai nhà nước ở bán đảo Triều Tiên:
  - + Đại Hàn Dân Quốc (Hàn Quốc).
  - + Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên.
- Năm 1949, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời, tuyên bố đi theo con đường xã hội chủ nghĩa → hệ thống XHCN nối liền từ châu Âu sang châu Á.
- Cuối những năm 90 của thế kỉ XX, Trung Quốc thu hồi chủ quyền đối với Hồng Kông và Ma Cao → đánh dấu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân trên phạm vi toàn thế giới.
- Nhật Bản từ 1 quốc gia quân phiệt hiếu chiến trở thành 1 nước hòa bình, dân chủ và thống nhất.

### **b. Chuyển biến kinh tế:**

- Hàn Quốc, Hồng Kông và Đài Loan đã trở thành “con rồng” của châu Á.
- Nhật Bản trở thành quốc gia có nền kinh tế lớn thứ hai thế giới.
- Từ năm 1978, nền kinh tế Trung Quốc có tốc độ tăng trưởng cao và nhanh nhất thế giới.

## **2. CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA TRUNG QUỐC:**

### **Trung Quốc (1945 – nay)**

- Diện tích lớn thứ 3 thế giới (sau Mỹ, Canada)
- 1937 – 1945, Trung Quốc bị phát xít Nhật nô dịch.
- 1945 – 2000, tình hình Trung Quốc có nhiều biến đổi.

### **a. Nội chiến Quốc – Cộng và sự thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (1946 – 1949)**

- 1946 – 1949, diễn ra nội chiến giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản
- Tháng 9/1949 cuộc nội chiến kết thúc.
  - + Toàn bộ lục địa Trung Quốc được giải phóng.
  - + Lực lượng Quốc dân đảng chạy ra Đài Loan.
  - + Ngày 1/10/1949, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập.
    - Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, chấm dứt hơn 100 năm ách thống trị của đế quốc; xóa bỏ tàn dư phong kiến.
    - Đưa Trung Quốc bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do và tiến lên CNXH.
    - Làm cho CNXH nối liền từ châu Âu sang châu Á.
    - Ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào cách mạng thế giới, khu vực, Việt Nam.



Chủ tịch Mao Trạch Đông tuyên bố thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa

### **b. Mười năm xây dựng chế độ mới (1949 – 1959)**

- Từ 1950 – 1952:

- + Khôi phục kinh tế.
- + Cải cách ruộng đất.
- + Cải tạo công thương nghiệp.
- Từ 1952 – 1957: thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.
- Từ 1950 – 1957:
  - + Nhiệm vụ: đưa đất nước thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, phát triển kinh tế - xã hội...
  - + Đối ngoại: củng cố hòa bình và phát triển phong trào cách mạng thế giới.
  - + Năm 1950, thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

### c. Đất nước không ổn định (1959 – 1978)

- Sai lầm trong việc thực hiện đường lối “Ba ngọn cờ hồng”.
  - Tranh giành quyền lực, đỉnh cao là “Đại cách mạng văn hóa vô sản”.
- Kinh tế suy sụp; chính trị, xã hội bất ổn.

### d. Công cuộc cải cách – mở cửa (từ năm 1978)

- Tình hình thế giới:
  - + Cuộc khủng hoảng năng lượng (1973).
  - + Liên Xô, Đông Âu bộc lộ dấu hiệu của sự khủng hoảng, trì trệ.
  - + Cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật đang diễn ra mạnh mẽ.
  - + Sự phát triển với nhịp độ nhanh, mạnh của Hàn Quốc, Đài Loan,...
- Tình hình Trung Quốc:
  - + Công cuộc xây dựng CNXH trong những năm 1949 – 1978 bộc lộ nhiều hạn chế:
    - Cơ chế quản lý quan liêu, bao cấp.
    - Áp dụng máy móc kinh nghiệm của Liên Xô trong xây dựng chế độ mới,...
  - + Hơn 20 năm phát triển không ổn định, đã để lại những hậu quả nghiêm trọng, đe dọa sự tồn tại của chế độ XHCN.
- Tháng 12/1978, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra đường lối cải cách.



+ Nội dung đường lối:

- Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm.
- Cải cách và mở cửa, chuyển sang nền kinh tế thị trường XHCN.
- Hiện đại hóa và xây dựng CHXN mang đặc sắc Trung Quốc.

+ Mục tiêu: biến Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ và văn minh.

- Từ khi thực hiện đường lối cải cách, Trung Quốc có những biến đổi căn bản.
  - + Kinh tế:
    - Tốc độ tăng trưởng cao (trung bình 8% năm).



- Đòi sống nhân dân được cải thiện.
- Cơ cấu kinh tế thay đổi lớn...

+ Khoa học – kĩ thuật:

- Năm 1964, thử thành công bom nguyên tử.
- Năm 2003, phóng tàu “Thần Châu 5” bay vào vũ trụ → đứng thứ 3 thế giới (sau Nga, Mĩ) có tàu vũ trụ đưa người vào không gian.

+ Đối ngoại:

- Mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều nước trên thế giới.
- Thu hồi chủ quyền với Hồng Kông (1997) và Ma Cao (1999).

⇒ \* Chứng minh sự đúng đắn của đường lối cải cách, mở cửa ở Trung Quốc.

\* Tăng cường sức mạnh và vị thế của Trung Quốc trên trường quốc tế.

\* Là bài học quý giá cho các nước đang tiến hành công cuộc đổi mới đất nước.

## CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á (1945 – NAY)

### 1. Những chuyển biến lớn của khu vực Đông Nam Á



#### Đông Nam Á

\* Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, là thuộc địa của các nước đế quốc Âu – Mĩ.

\* Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ hai, bị quân phiệt Nhật Bản nô dịch.

\* Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, khu vực Đông Nam Á có nhiều chuyển biến quan trọng.

\* Hiện nay, gồm 11 quốc gia, là khu vực năng động, phát triển.

#### - Các nước lần lượt giành được độc lập:

+ Tận dụng thời cơ Nhật đầu hàng Đồng minh, nhiều nước đã nổi dậy đấu tranh.

- 17/8/1945, Indônêxia tuyên bố độc lập và thành lập nước Cộng hòa Indônêxia.
- Cách mạng tháng tám (1945) thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.
- 12/10/1945 nước Lào tuyên bố độc lập.
- Miên Điện, Mã Lai và Philippin giải phóng nhiều vùng rộng lớn.

+ Thực dân Âu – Mĩ quay lại xâm lược → nhân dân các nước Đông Nam Á tiếp tục đấu tranh:

- Đầu thập kỉ 50, hầu hết các nước giành được độc lập.
- Năm 1975, ba nước Đông Dương giành được độc lập.
- Brunây được trao trả độc lập (tháng 5/2002).

#### - Tập trung phát triển kinh tế, đạt nhiều thành tựu

+ Thái Lan, Philippin, Việt Nam, Indônêxia... đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.

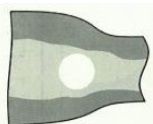

- + Xingapo trở thành một trong bốn “con rồng” của châu Á.
- + Đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng lên rõ rệt.

**- Mở rộng quan hệ hợp tác, hữu nghị**

- + Năm 1967, tổ chức ASEAN được thành lập. Năm 1999, 10 nước Đông Nam Á đứng chung trong một tổ chức khu vực.
- + Quan hệ giữa các nước trong khu vực với thế giới được mở rộng.

**2. Cách mạng Lào và cách mạng Campuchia**

**A. Quá trình phát triển**

	 <b>CÁCH MẠNG LÀO</b>	 <b>CÁCH MẠNG CAMPUCHIA</b>
<b>1945 – 1954 kháng chiến chống Pháp</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày 23/8/1945 nhân dân Lào nổi dậy giành chính quyền.</li> <li>- Ngày 12/10/1945, Chính phủ dân tộc Lào tuyên bố nền độc lập.</li> <li>- Năm 1946, Pháp trở lại xâm lược.</li> <li>- 1953 – 1954, mở các chiến dịch → giành thắng lợi.</li> <li>- Năm 1954, Hiệp định Giơnevơ được kí kết, công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Lào.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tháng 10/1945, Pháp trở lại xâm lược. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia (1951), nhân dân đứng lên kháng chiến.</li> <li>- Thất bại ở Điện Biên Phủ (1954), thực dân Pháp kí Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương, công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia.</li> </ul>
<b>1954 - 1975</b>	<p><b>Kháng chiến chống đế quốc Mỹ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảng Nhân dân Lào lãnh đạo quân dân Lào đấu tranh trên 3 mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao.</li> <li>- Tháng 2/1973, Hiệp định Viêng Chăn về lập lại hòa bình và thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào được kí kết.</li> <li>- Tháng 12/1975, nhân dân Lào nổi dậy giành chính quyền trong cả nước.</li> <li>- 2/12/1975 nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào chính thức được thành lập</li> </ul>	<p><b>1954 – 1970: thực hiện chính sách hòa bình, trung lập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không tham gia khối liên minh quân sự, chính trị.</li> <li>- Tiếp nhận viện trợ từ mọi phía không có điều kiện ràng buộc.</li> </ul> <p><b>1970 – 1975: Kháng chiến chống đế quốc Mỹ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 18/3/1970, Mỹ đảo chính, đưa tay sai lên cầm quyền.</li> <li>- 17/4/1975, thủ đô Phnôm pênh được giải phóng, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước kết thúc thắng lợi.</li> </ul>

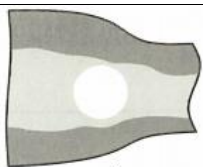
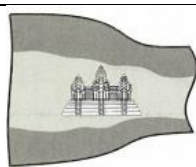
<b>1975 – Nay</b>	<p><b>Xây dựng, phát triển đất nước</b></p> <p>- Từ cuối những năm 80, Lào thực hiện công cuộc đổi mới, nền kinh tế có bước phát triển mới, đời sống nhân dân được cải thiện.</p>	<p><b>1975 – 1979: chống tập đoàn Khome đỏ</b></p> <p>- Dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Dân tộc cứu nước Campuchia (1978) và được sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam, nhân dân Campuchia đã lật đổ tập đoàn Khome đỏ.</p> <p>- 7/1/1979, thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia.</p>												
	<p style="text-align: center;">Biểu đồ cơ cấu kinh tế của Lào giai đoạn 1990 - 2002</p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Nông nghiệp (%)</th> <th>Công nghiệp (%)</th> <th>Dịch vụ (%)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1990</td> <td>61.2%</td> <td>14.5%</td> <td>24.3%</td> </tr> <tr> <td>2002</td> <td>52.9%</td> <td>22.8%</td> <td>24.3%</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Nông nghiệp (%)	Công nghiệp (%)	Dịch vụ (%)	1990	61.2%	14.5%	24.3%	2002	52.9%	22.8%	24.3%	<p><b>1979 – 1993: nội chiến và tái lập vương quốc</b></p> <p>- 23/10/1991, Hiệp định hòa bình về Campuchia được kí kết tại Pari.</p> <p>- Tháng 9/1993, Quốc hội thông qua Hiến pháp, thành lập Vương quốc Campuchia.</p>
	Năm	Nông nghiệp (%)	Công nghiệp (%)	Dịch vụ (%)										
1990	61.2%	14.5%	24.3%											
2002	52.9%	22.8%	24.3%											
<p><b>Từ năm 1993 – nay: bước vào thời kì tái thiết và xây dựng đất nước.</b></p>														

### B. So sánh cách mạng Lào và Campuchia

#### - Giống nhau:

- + Kẻ thù chung: Thực dân Pháp, Đế quốc Mỹ.
- + Có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.
- + Có sự đoàn kết chiến đấu giữa ba nước Đông Dương.
- + Kháng chiến chống Pháp, Mỹ và giành được thắng lợi.

#### - Khác nhau:

 <b>Lào</b>	 <b>Campuchia</b>
<p>- Trải qua hai giai đoạn: kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.</p> <p>- Từ năm 1975, bước vào thời kì xây dựng, phát triển đất nước.</p>	<p>- Từ 1945 – 2000, cách mạng trải qua 5 giai đoạn, nhiều thăng trầm.</p> <p>- Sau khi giành độc lập (1975), rơi vào thời kì nội chiến đẫm máu, kéo dài.</p> <p>- Bước vào thời kì xây dựng, phát triển đất nước muộn hơn (từ năm 1993).</p>

### C. *Mối quan hệ Việt Nam – Lào – Campuchia từ năm 1945 đến nay*

#### - 1945 – 1954:

- + Đoàn kết chống kẻ thù chung – thực dân Pháp dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.
- + Năm 1951, Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào được thành lập, tăng cường khối đoàn kết giữa ba nước.
- + 1953 – 1954 liên quân Việt – Lào mở nhiều chiến dịch, đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ, buộc thực dân Pháp phải kí Hiệp định Giơnevơ (7/1954), lập lại hòa bình ở Đông Dương.

#### - 1954 – 1975:

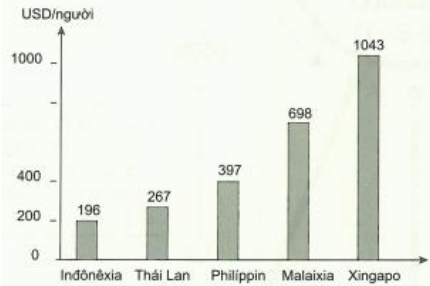

- + Từ năm 1954 Việt Nam, Lào và từ năm 1970 là Campuchia tiến hành kháng chiến chống Mỹ.
- + Tháng 4/1970, Hội nghị cấp cao Đông Dương đã họp nhằm tăng cường đoàn kết chống Mỹ.
- + Tháng 6/1970, quân dân Campuchia – Việt Nam đập tan cuộc hành quân của Mỹ, quân đội Sài Gòn.
- + Đầu năm 1971, quân dân Lào – Việt đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn 719” của Mỹ.
- + Năm 1973, Hiệp định Pari về Việt Nam và Hiệp định Viêng Chăn về Lào được kí kết.
- + Tới năm 1975, cuộc kháng chiến của nhân dân Đông Dương thắng lợi hoàn toàn.

#### - 1975 – nay:

- + 1975 – 1979: quân tình nguyện Việt Nam giúp Campuchia lật đổ chế độ diệt chủng.
- + Hiện nay, mối quan hệ ba nước phát triển trên mọi lĩnh vực.

### 3. *Quá trình xây dựng, phát triển kinh tế của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN*

	<b>Chiến lược kinh tế hướng nội</b>	<b>Chiến lược kinh tế hướng ngoại</b>
<b>Thời gian</b>	- Những năm 50 – 60 của thế kỉ XX.	- Từ những năm 60 – 70 của thế kỉ XX trở đi.
<b>Mục tiêu</b>	- Nhanh chóng xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu. - Xây dựng nền kinh tế tự chủ.	- Khắc phục hạn chế của chiến lược kinh tế hướng nội. - Thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh.
<b>Nội dung</b>	- Phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa, đáp ứng yêu cầu trong nước thay thế nhập khẩu. - Lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển sản xuất.	- Các nước tiến hành mở cửa, đẩy mạnh ngoại thương. - Thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tập trung sản xuất hàng hóa để xuất khẩu.
<b>Thành tựu</b>	- Sản xuất đáp ứng được nhu cầu cơ bản của nhân dân.	- Bộ mặt kinh tế - xã hội biến chuyển lớn. - Tỷ trọng công nghiệp trong nền kinh tế cao hơn nông nghiệp. - Mậu dịch đối ngoại tăng nhanh. - Xingapo đã trở thành “con rồng châu Á”.

	 <p>Biểu đồ thể hiện thu nhập bình quân đầu người của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN năm 1960</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Góp phần giải quyết thất nghiệp.</li> <li>- Phát triển một số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.</li> </ul>	 <p>Biểu đồ thể hiện thu nhập bình quân đầu người của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN năm 1998</p>
<p><b>Hạn chế</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiếu thốn, thị trường nhỏ hẹp, chi phí cao dẫn tới làm ăn thua lỗ.</li> <li>- Tệ quan liêu tham nhũng phát triển.</li> <li>- Đời sống người lao động còn khó khăn.</li> <li>- ...</li> <li>→ chuyển sang thực hiện chiến lược kinh tế hướng ngoại.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bị lệ thuộc vào vốn, thị trường bên ngoài.</li> <li>- Bị cạnh tranh gay gắt, chèn ép dẫn đến sự mất ổn định (năm 1997 – 1998, lâm vào khủng hoảng tài chính,...).</li> <li>- ...</li> </ul>

#### 4. Sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN

##### a. Hoàn cảnh, mục tiêu

- Hoàn cảnh:

- + Nhu cầu liên kết, hợp tác giữa các nước để cùng phát triển.
- + Muốn hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực.
- + Xu hướng liên kết khu vực và thế giới đang diễn ra mạnh mẽ.

→ 8/8/1967, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc.

- Mục đích: Phát triển kinh tế, văn hóa thông qua nỗ lực hợp tác chung giữa các nước thành viên, trên tinh thần duy trì hòa bình và ổn định khu vực.

##### b. Quá trình phát triển

- 1967 – 1976:

- + Là một tổ chức non trẻ, sự hợp tác còn lỏng lẻo, chủ yếu trên lĩnh vực chính trị.
- + Chưa có vị trí trên trường quốc tế.

- 1976 – 1991:

- + Hiệp ước Balli (2/1976) đánh dấu sự khởi sắc của ASEAN.
- + Tăng cường hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị.

- 1991 – nay:

- + Quá trình mở rộng thành viên được đẩy mạnh.
- + Mở rộng quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa.

+ 2015, Cộng đồng ASEAN được thành lập.

### c. Vai trò:

- Là tổ chức hợp tác toàn diện và chặt chẽ của khu vực Đông Nam Á.
- Góp phần xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định cùng phát triển.
- Đạt được nhiều thành tựu to lớn, nền kinh tế các nước thành viên phát triển mạnh.
- Mở rộng quan hệ quốc tế và vị thế của ASEAN trên trường quốc tế ngày càng nâng cao.

### d. Quan hệ Việt Nam – Asean:

- 1967 – 1972, quan hệ giữa Asean – Việt Nam hạn chế.
- 1973 – 1986:
  - + Asean có sự điều chỉnh chiến lược phát triển, hướng tới Việt Nam.



- + Do vấn đề Campuchia chưa được giải quyết, → quan hệ Asean – Việt Nam còn căng thẳng.
- 1991, vấn đề Campuchia được giải quyết nên quan hệ Asean – Việt Nam chuyển biến tích cực.
- 1992, Việt Nam tham gia Hiệp ước Bali, trở thành quan sát viên.
- 28/7/1995, Việt Nam chính thức gia nhập Asean → đánh dấu bước phát triển quan trọng trong quan hệ Asean và Việt Nam.

## ẤN ĐỘ (1945 – NAY)

- \* Thuộc khu vực Nam Á.
- \* Đất nước rộng lớn, dân số đông thứ hai ở châu Á.
- \* Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, là thuộc địa của Anh.
- \* Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Ấn Độ có nhiều chuyển biến.



### 1. Đấu tranh giành độc lập:

- Ách thống trị hà khắc, phản động của thực dân Anh.
- Mâu thuẫn giữa nhân dân Ấn Độ với thực dân Anh sâu sắc.
- Phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ do Đảng Quốc lãnh đạo diễn ra mạnh mẽ:
  - Diễn ra sôi nổi, rộng khắp, quyết liệt dưới nhiều hình thức: biểu tình, khởi nghĩa vũ trang, bãi công...):
    - + 1945 – 1946 đã có 848 cuộc đấu tranh.
    - + Đầu năm 1947, cao trào bãi công của công nhân bùng nổ ở nhiều thành phố lớn.
  - Năm 1947, trước sức ép của phong trào đấu tranh, thực dân Anh buộc phải nhượng bộ theo “phương án Maobátton”, chia Ấn Độ tách thành hai quốc gia tự trị: Ấn Độ và Pakixtan.
  - Không thỏa mãn với quy chế tự trị, Đảng Quốc đại tiếp tục lãnh đạo nhân dân đấu tranh → Ngày 26/1/1950, Ấn Độ tuyên bố độc lập và thành lập nước Cộng hòa Ấn Độ.
  - Đánh dấu thắng lợi to lớn của nhân dân Ấn Độ, dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc đại.
  - Ảnh hưởng tích cực đến phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

### 2. Xây dựng đất nước:

**a. Kinh tế:**

- Nhờ tiến hành “cách mạng xanh”, Ấn Độ trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ ba thế giới (từ 1995).
- Thập kỉ 80, Ấn Độ vươn lên đứng thứ 10 thế giới về công nghiệp.

**b. Khoa học – kĩ thuật:**

- 1974, thử thành công bom nguyên tử.
- 1975, phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
- Nhờ thực hiện “cách mạng chất xám”, đến thập kỉ 90, Ấn Độ trở thành một trong những cường quốc sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới.

**c. Đối ngoại**

- Chính sách hòa bình, trung lập tích cực, ủng hộ phong trào đấu tranh giành độc lập của các dân tộc.
- Là một trong những nước sáng lập Phong trào không liên kết.
- 7/1/1972, Ấn Độ thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

**II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN**

**➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1:** Khu vực Đông Bắc Á gồm những quốc gia và vùng lãnh thổ nào?

- A. CHDCND Triều Tiên, Hàn Quốc, Nhật Bản, Mông Cổ.
- B. CHDCND Triều Tiên, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan.
- C. CHDCND Triều Tiên, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan.
- D. CHDCND Triều Tiên, Hàn Quốc, Nhật Bản, Liên bang Nga.

**Câu 2:** Điểm chung của các nước Đông Bắc Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. đều do một đảng lãnh đạo và thực hiện cách mạng XHCN.
- B. đều trở thành những nước công nghiệp mới, có nền kinh tế phát triển
- C. tiến hành kháng chiến chống thực dân, đế quốc giành độc lập dân tộc.
- D. đạt nhiều thành tựu quan trọng trong xây dựng và phát triển kinh tế.

**Câu 3:** Đặc điểm chung của khu vực Đông Bắc Á là

- A. đông dân nhất thế giới, có tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- B. có diện tích lớn nhất thế giới, khí hậu khắc nghiệt nhất.
- C. đều bị các nước tư bản phương Tây thống trị và nô dịch.
- D. đều là thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mỹ.

**Câu 4:** Thành tựu nổi bật của các nước trong khu vực Đông Bắc Á nửa sau thế kỉ XX là

- A. sự ổn định về tình hình chính trị - xã hội.
- B. sự tăng trưởng nhanh chóng về kinh tế.
- C. giải quyết được tình trạng thất nghiệp.
- D. các nước đều trở thành “con rồng” châu Á.

**Câu 5:** Những quốc gia và vùng lãnh thổ nào sau đây ở khu vực Đông Bắc Á được gọi là “con rồng” kinh tế của châu Á?

- A. Hàn Quốc, Thái Lan, Hồng Kông.
- B. Hàn Quốc, Ma Cao, Trung Quốc.
- C. Hàn Quốc, Xingapo, Đài Loan.
- D. Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan.

**Câu 6:** Trong nửa sau thế kỉ XX, quốc gia nào ở khu vực Đông Bắc Á vươn lên trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới?

- A. Trung Quốc.      B. Hàn Quốc.      C. Nhật Bản.      D. CHDCND Triều Tiên.**

**Câu 7:** Trong bối cảnh của cuộc Chiến tranh lạnh, bán đảo Triều Tiên đã có sự biến đổi chính trị quan trọng nào sau đây

- A.** Hình thành hai nhà nước trong năm 1948 là Hàn Quốc và Triều Tiên.  
**B.** Tiến hành cuộc Tổng tuyển cử thống nhất hai miền đất nước.  
**C.** Bị các nước tư bản phương Tây xâm lược và biến thành thuộc địa.  
**D.** Tiến hành cuộc cách mạng XHCN trên cả hai miền Nam - Bắc.

**Câu 8:** Mối quan hệ giữa Triều Tiên và Hàn Quốc từ sau năm 2000 có biểu hiện nào sau đây?

- A.** Đối đầu căng thẳng, chạy đua vũ trang chuẩn bị chiến tranh.  
**B.** Chiến tranh lạnh kéo dài, liên tiếp tập trận ở vùng giáp ranh.  
**C.** Chuyển từ đối đầu căng thẳng sang hợp tác toàn diện.  
**D.** Cải thiện bước đầu theo chiều hướng tiếp xúc và hòa hợp dân tộc.

**Câu 9:** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, yếu tố nào là cơ bản nhất giúp cách mạng Trung Quốc phát triển mạnh mẽ?

- A.** Sự giúp đỡ của Liên Xô.      **B.** Lực lượng cách mạng trưởng thành nhanh chóng.  
**C.** Ảnh hưởng của phong trào cách mạng thế giới. **D.** Vùng giải phóng được mở rộng.

**Câu 10:** Trước sự lớn mạnh của lực lượng cách mạng Trung Quốc, Quốc dân đảng đã

- A.** cấu kết chặt chẽ với, phát động nội chiến để tiêu diệt lực lượng cách mạng.  
**B.** cải tổ chính phủ với sự tham gia của Đảng Cộng sản và các đảng phái dân chủ khác.  
**C.** thực hiện hòa hoãn, thỏa hiệp với Đảng Cộng sản Trung Quốc.  
**D.** bị động phòng ngự, đối phó trước các đòn tấn công của lực lượng cách mạng.

**Câu 11:** Đối với Trung Quốc, sự ra đời nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (10/1949) có ý nghĩa như thế nào?

- A.** Đánh dấu cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ở Trung Quốc đã hoàn thành triệt để.  
**B.** Đưa Trung Quốc bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do, tiến lên CNXH.  
**C.** Lật đổ chế độ phong kiến, đưa Trung Quốc bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do.  
**D.** Đưa Trung Quốc trở thành nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở châu Á.

**Câu 12:** Sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã dẫn tới nhiều tác động, ngoại trừ việc

- A.** đưa Trung Quốc bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do, tiến lên CNXH.  
**B.** kết thúc hơn 100 năm nô dịch của chủ nghĩa đế quốc, xóa bỏ tàn dư phong kiến.  
**C.** xóa bỏ tàn dư phong kiến, mở đường cho CNTB phát triển.  
**D.** tăng cường sức mạnh cho hệ thống XHCN.

**Câu 13:** Thành công của cách mạng Trung Quốc (1949) đã ảnh hưởng như thế nào đến phong trào cách mạng thế giới?

- A.** Tăng cường lực lượng trong hệ thống XHCN.  
**B.** Làm cho CNXH thắng thế trên toàn thế giới.  
**C.** Đánh dấu sự sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ.  
**D.** Là điều kiện quan trọng dẫn tới sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân mới.

**Câu 14:** Nhân tố chủ quan quyết định sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là



- A. sự giúp đỡ của lực lượng quân Đồng minh sau chiến tranh.
- B. sự suy yếu và chia rẽ của các nước đế quốc ở phương Tây.
- C. sự giúp đỡ về vật chất và tinh thần của các nước XHCN.
- D. ý thức độc lập, tự chủ và sự lớn mạnh của các lực lượng dân tộc.

**Câu 15:** Biến đổi nào của khu vực Đông Bắc Á trong mười năm đầu sau Chiến tranh giới thứ hai góp phần quan trọng vào việc thay đổi bản đồ địa – chính trị thế giới?

- A. Trung Quốc, Hàn Quốc trở thành “con rồng” châu Á.
- B. Nhật Bản trở thành nền kinh tế thứ hai thế giới.
- C. Hàn Quốc trở thành “con rồng” kinh tế châu Á.
- D. Sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

**Câu 16:** Đảng và Nhà nước Trung Quốc xác định trọng tâm của “Đường lối chung” trong Đại hội XII (1982) và Đại hội XIII (1987) là

- A. tiến hành đồng thời đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị.
- B. đổi mới chính trị là nền tảng để đổi mới kinh tế.
- C. đổi mới, phát triển về kinh tế.
- D. thực hiện cải tổ về chính trị.

**Câu 17:** Mục tiêu chủ yếu của công cuộc cải cách, mở cửa do Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra từ tháng 12/1978 là

- A. biến Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ, văn minh.
- B. mở rộng quan hệ hợp tác toàn diện với các nước XHCN.
- C. hoàn thành triệt để cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- D. phát triển kinh tế XHCN do Nhà nước độc quyền quản lí.

**Câu 18:** Chính sách đối ngoại của Trung Quốc từ những năm 80 của thế kỉ XX là

- A. coi các nước ở khu vực Mỹ Latinh là đối tác chiến lược.
- B. thực hiện chính sách cấm vận kéo dài đối với các nước Đông Nam Á.
- C. mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhiều nước trên thế giới.
- D. bắt tay với Mỹ chống lại Liên Xô và các nước XHCN.

**Câu 19:** Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng chính sách đối ngoại của Trung Quốc thời kì cải cách, mở cửa (từ năm 1978 đến nay)?

- A. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam.
- B. Tăng cường chạy đua vũ trang, trở thành đối trọng với các nước TBCN.
- C. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Liên Xô, Mông Cổ.
- D. Mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều nước trên thế giới.

**Câu 20:** Trong thập kỉ 70 của thế kỉ XX, Trung Quốc thực hiện chính sách đối ngoại nào gây bất lợi cho cách mạng Việt Nam?

- A. Xung đột với Liên Xô.
- B. Hòa dịu với Mỹ.
- C. Bình thường hóa quan hệ với phương Tây.
- D. Gây chiến tranh với các nước ở bán đảo Triều Tiên.



- A. Hòa bình, trung lập, không tham gia liên minh quân sự, chính trị.
- B. Mở rộng quan hệ hợp tác, hữu nghị với các nước ASEAN.
- C. Tham gia vào các liên minh quân sự - chính trị trong khu vực.
- D. Đóng cửa, không hợp tác với các nước TBCN.

**Câu 33:** Ngay sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc thắng lợi, nhân dân Campuchia phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ nào?

- A. Bước đầu xây dựng chế độ mới.
- B. Tiến hành cải cách ruộng đất trong cả nước.
- C. Hoàn thành nhiệm vụ cách mạng giải phóng dân tộc.
- D. Đấu tranh chống lại lực lượng Khơ-me đỏ.

**Câu 34:** Điểm giống nhau về nhiệm vụ của cách mạng Lào và cách mạng Campuchia những năm 1945 - 1954 là

- A. kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.
- B. kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.
- C. tiến hành cách mạng XHCN.
- D. thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

**Câu 35:** Từ tháng 5 đến tháng 12/1975, quân dân Lào nổi dậy giành chính quyền trong cả nước do tranh thủ thời cơ nào sau đây?

- A. Chiến thắng Phước Long của Việt Nam năm 1975.
- B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 ở Việt Nam thắng lợi.
- C. Chiến dịch Tây Nguyên ở Việt Nam năm 1975 thắng lợi.
- D. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng ở Việt Nam năm 1975 thắng lợi.

**Câu 36:** Điểm giống nhau của cách mạng Lào và cách mạng Campuchia trong những năm 1969 - 1973 là

- A. do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo.
- B. đấu tranh chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.
- C. đấu tranh chống chiến lược “Đông Dương hóa chiến tranh”.
- D. bị thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược và đặt ách thống trị.

**Câu 37:** Điểm khác nhau về nhiệm vụ của cách mạng Campuchia so với cách mạng Lào những năm 1954 - 1970 là

- A. thực hiện đường lối hòa bình, trung lập.
- B. kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.
- C. tiến hành cách mạng XHCN.
- D. thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

**Câu 38:** Nhóm 5 nước sáng lập ASEAN (1967) gồm

- A. Indônêxia, Malaixia, Philíppin, Xingapo và Thái Lan.
- B. Philíppin, Xingapo, Malaixia, Indônêxia và Mianma.
- C. Xingapo, Mianma, Thái Lan, Brunây và Indônêxia.
- D. Việt Nam, Lào, Malaixia, Indônêxia và Brunây.

**Câu 39:** Trong những năm 50 - 60 của thế kỉ XX, nhóm 5 nước sáng lập ASEAN thi hành chiến lược kinh tế hướng nội nhằm mục tiêu nào sau đây?

- A. Công nghiệp hóa đất nước lấy xuất khẩu làm chủ đạo.
- B. Xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng nền kinh tế tự chủ.

C. Thu hút nguồn vốn đầu tư của nước ngoài.

D. Tập trung sản xuất hàng hóa để xuất khẩu.

**Câu 40:** Nội dung nào sau đây là hạn chế của chiến lược kinh tế hướng nội của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN?

A. Chưa đáp ứng được nhu cầu cơ bản của nhân dân trong nước.

B. Chưa góp phần giải quyết được nạn thất nghiệp.

C. Chưa giải quyết được quan hệ giữa tăng trưởng với công bằng xã hội.

D. Chưa sản xuất được hàng tiêu dùng nội địa thay thế hàng nhập khẩu.

**Câu 41:** Nội dung nào sau đây là hạn chế của chiến lược kinh tế hướng nội của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN?

A. Chưa đáp ứng được nhu cầu cơ bản của nhân dân trong nước.

B. Chưa góp phần giải quyết được nạn thất nghiệp

C. Thiếu nguồn vốn, nguyên liệu và công nghệ.

D. Chưa sản xuất được hàng tiêu dùng nội địa thay thế hàng nhập khẩu.

**Câu 42:** Nội dung nào sau đây là hạn chế của chiến lược kinh tế hướng nội của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN?

A. Chưa đáp ứng được nhu cầu cơ bản của nhân dân trong nước.

B. Chưa góp phần giải quyết được nạn thất nghiệp.

C. Tình trạng thua lỗ, tham nhũng, quan liêu phát triển.

D. Chưa sản xuất được hàng tiêu dùng nội địa thay thế hàng nhập khẩu.

**Câu 43:** Một trong những mục tiêu của chiến lược hướng ngoại của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN trong những năm 60 - 70 của thế kỉ XX là

A. đẩy mạnh công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng trong nước.

B. giải quyết nạn thất nghiệp.

C. xây dựng nền kinh tế tự chủ.

D. thu hút vốn đầu tư và kĩ thuật của nước ngoài.

**Câu 44:** Một trong những mục tiêu của chiến lược hướng ngoại của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN trong những năm 60 - 70 của thế kỉ XX là

A. đẩy mạnh các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng trong nước.

B. giải quyết nạn thất nghiệp.

C. xây dựng nền kinh tế tự chủ.

D. tiến hành “mở cửa” nền kinh tế của các nước thành viên.

**Câu 45:** Đặc điểm của chiến lược kinh tế hướng ngoại của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN những năm 60 - 70 của thế kỉ XX là

A. công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo.

B. công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu.

C. lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển sản xuất.

D. đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa.

**Câu 46:** Thành tựu nổi bật trong chiến lược kinh tế hướng ngoại của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN nhưng năm 60 - 70 của thế kỉ XX là

- A. tỉ trọng công nghiệp trong nền kinh tế cao hơn nông nghiệp.
- B. tự túc được hoàn toàn về lương thực và có xuất khẩu.
- C. sản xuất đáp ứng được mọi nhu cầu của người dân.
- D. giải quyết triệt để nạn thất nghiệp trong nước.

**Câu 47:** Thành tựu nổi bật trong chiến lược kinh tế hướng ngoại của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN những năm 60 - 70 của thế kỉ XX là

- A. tự túc được hoàn toàn về lương thực và có xuất khẩu.
- B. sản xuất đáp ứng được mọi nhu cầu của người dân.
- C. giải quyết triệt để nạn thất nghiệp trong nước.
- D. mậu dịch đối ngoại tăng trưởng nhanh.

**Câu 48:** Chiến lược kinh tế hướng ngoại của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN có hạn chế nào sau đây?

- A. Thiếu vốn, thiếu nguyên liệu, thiếu thị trường.
- B. Phụ thuộc vốn và thị trường nước ngoài.
- C. Tham nhũng, quan liêu, hối lộ tràn lan.
- D. Trình độ sản xuất thấp kém, lạc hậu.

**Câu 49:** Điều kiện tiên quyết đưa đến sự thành lập tổ chức ASEAN (1967) là các quốc gia thành viên đều

- A. giành được độc lập.
- B. có chế độ chính trị tương đồng.
- C. có nền kinh tế phát triển.
- D. có nền văn hóa dân tộc đặc sắc.

**Câu 50:** Một trong những mục tiêu quan trọng của tổ chức ASEAN (1967) là

- A. xóa bỏ áp bức bóc lột và nghèo nàn lạc hậu.
- B. xây dựng khối liên minh kinh tế và quân sự.
- C. xây dựng khối liên minh chính trị và quân sự.
- D. tăng cường hợp tác phát triển kinh tế và văn hóa.

**Câu 51:** Nguyên tắc cơ bản nào không được quy định trong Hiệp ước Bali (2/1976)?

- A. Tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.
- B. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.
- C. Bình đẳng chủ quyền và quyền tự quyết của các dân tộc.
- D. Không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực đối với nhau.

**Câu 52:** Điểm tương đồng về nguyên tắc của Liên hợp quốc, điều khoản trong Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương, Hiệp định Pari 1973 về Việt Nam và Hiệp ước Bali 1976 là

- A. tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của các nước.
- B. tăng cường hợp tác toàn diện về kinh tế, xã hội, chính trị.
- C. không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.
- D. giải quyết tranh chấp bằng phương pháp hòa bình.

**Câu 53:** Nhận xét nào sau đây về Hiệp ước Bali (1976) của tổ chức ASEAN là không đúng?

- A. Mở ra thời kì mới của tổ chức ASEAN.
- B. Chấm dứt hoàn toàn sự mâu thuẫn giữa các nước trong khu vực.
- C. Xác định nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước.
- D. Củng cố và tăng cường quan hệ giữa các nước.

**Câu 54:** Quá trình phát triển thành viên của ASEAN từ 5 nước ban đầu lên 10 nước không gặp phải trở ngại nào sau đây?

- A. Sự đối đầu giữa ASEAN với các nước Đông Dương.
- B. Sự tác động của Chiến tranh lạnh.
- C. Sự khác nhau về thể chế chính trị giữa các nước.
- D. Thời gian giành độc lập của các nước không giống nhau.

**Câu 55:** Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm nào từ chiến lược kinh tế hướng ngoại của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN?

- A. Chú trọng ngoại thương, sản xuất hàng tiêu dùng nội địa.
- B. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tập trung sản xuất hàng hóa.
- C. Coi trọng sản xuất hàng hóa để xuất khẩu, thu hút vốn, công nghệ.
- D. Đề ra chiến lược phát triển kinh tế phù hợp đất nước, xu thế thế giới.

**Câu 56:** Hiệp ước Bali (2/1976) và Định ước Henxinki (1975) có điểm giống nhau là đều

- A. tăng cường sự trao đổi và hợp tác về khoa học kĩ thuật.
- B. mở ra xu thế “nhất thể hóa” khu vực và kết nối hai châu lục Á - Âu.
- C. tăng cường sự hợp tác liên minh khu vực trên lĩnh vực ngoại giao.
- D. xác định nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước.

**Câu 57:** Cộng đồng châu Âu (EC) và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời trong bối cảnh

- A. trật tự hai cực lanta hình thành.
- B. Chiến tranh lạnh chấm dứt.
- C. xu thế liên kết khu vực phát triển mạnh.
- D. trật tự Vécxai - Oasinhton tan rã.

**Câu 58:** Từ những năm 90 của thế kỉ XX, “một chương mới mở ra trong lịch sử khu vực Đông Nam Á” vì

- A. vấn đề Campuchia được giải quyết bằng Hiệp định Pari (10/1993).
- B. ASEAN từ 5 nước ban đầu đã phát triển thành 10 nước thành viên.
- C. quan hệ giữa ba nước Đông Dương và ASEAN được cải thiện tích cực.
- D. các nước đã kí Hiến chương ASEAN thành một cộng đồng vững mạnh.

**Câu 59:** Tổ chức nào lãnh đạo nhân dân Ấn Độ đấu tranh giành độc lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Đảng Dân tộc.
- B. Đảng Quốc đại.
- C. Đảng Quốc dân.
- D. Đảng Dân chủ.

**Câu 60:** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, mục tiêu đấu tranh của nhân dân Ấn Độ là

- A. chống thực dân Anh, đòi độc lập dân tộc.
- B. lật đổ chế độ phong kiến, giành ruộng đất cho nông dân.
- C. sử dụng bạo lực vũ trang, giành độc lập dân tộc.
- D. chống thực dân Pháp, đòi độc lập dân tộc.

**Câu 61:** Ấn Độ có vai trò quan trọng trong việc sáng lập ra phong trào nào sau đây?

- A. Phong trào giải phóng dân tộc.
- B. Phong trào không liên kết.
- C. Phong trào phản đối Chiến tranh lạnh và trật tự lanta.
- D. Phong trào đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc.

**Câu 62:** Sau khi giành độc lập, Ấn Độ thi hành chính sách nào sau đây?

- A. Chính sách hòa bình, trung lập, tích cực ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc.
- B. Chính sách hợp tác và phát triển toàn diện với các nước XHCN.
- C. Chính sách láng giềng thân thiện, làm bạn với tất cả các nước trên thế giới.
- D. Chính sách thân Mỹ và liên kết với các nước phương Tây để nhận viện trợ.

**Câu 63:** Từ giữa những năm 70 của thế kỉ XX, Ấn Độ đã tự túc được lương thực là nhờ tiến hành cuộc cách mạng nào dưới đây?

- A. Cách mạng công nghiệp.
- B. Cách mạng chất xám.
- C. Cách mạng công nghiệp.
- D. Cách mạng xanh.

**Câu 64:** Cuộc cách mạng nào sau đây giúp Ấn Độ vươn lên trở thành một trong những nước sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới?

- A. Cách mạng xanh.
- B. Cách mạng trắng.
- C. Cách mạng nhung.
- D. Cách mạng chất xám.

**Câu 65:** Nội dung nào không phản ánh đúng thành tựu nhân dân Ấn Độ đạt được trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước?

- A. Vươn lên trở thành một trong những cường quốc về công nghệ phần mềm
- B. Từ năm 1995, trở thành nước xuất khẩu gạo đứng hàng thứ ba trên thế giới.
- C. Đứng hàng thứ 10 trong những nước sản xuất công nghiệp lớn nhất thế giới.
- D. Dẫn đầu thế giới trong các lĩnh vực: công nghệ vũ trụ, công nghệ hạt nhân,...

**Câu 66:** Việc thực dân Anh đưa ra “phương án Maobátton” chia đất nước Ấn Độ thành hai quốc gia tự trị - Ấn Độ và Pakixtan chứng tỏ

- A. cuộc đấu tranh đòi độc lập của nhân dân Ấn Độ đã giành thắng lợi hoàn toàn.
- B. thực dân Anh đã trao trả hoàn toàn độc lập cho Ấn Độ.
- C. thực dân Anh đã hoàn thành việc cai trị nhân dân Ấn Độ.
- D. sự nhượng bộ của thực dân Anh trước cuộc đấu tranh của nhân dân Ấn Độ.

**Câu 67:** Thành công của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN trong chiến lược phát triển kinh tế hướng ngoại để lại bài học kinh nghiệm nào cho các nước đang phát triển và Việt Nam?

- A. Sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ nhu cầu người dân trong nước là trọng tâm.
- B. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng hợp lí trên cơ sở phát triển công nghiệp nhẹ.
- C. Mở cửa nền kinh tế, thu hút vốn đầu tư và kĩ thuật hiện đại của nước ngoài.
- D. Chú trọng giải quyết tình trạng thất nghiệp và kiềm chế lạm phát.

**Câu 68:** Từ thành công của công cuộc cải cách - mở cửa ở Trung Quốc (từ năm 1978) có thể rút ra bài học kinh nghiệm nào cho Việt Nam trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay?

- A. Lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, tập trung vốn cho ngành dịch vụ du lịch.
- B. Kiên định thực hiện nguyên tắc thống nhất, tập trung, dân chủ, lấy dân làm gốc.
- C. Lấy đổi mới chính trị làm trọng tâm và kiên định sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
- D. Thực hiện mở cửa, hội nhập quốc tế, áp dụng hiệu quả khoa học - kĩ thuật.

**Câu 69:** Yếu tố nào sau đây quyết định sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc của các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Sự suy yếu của các nước đế quốc chủ nghĩa phương Tây.
- B. Ý thức độc lập và sự lớn mạnh của các lực lượng dân tộc.

C. Thắng lợi của phe Đồng minh trong chiến tranh chống phát xít.

D. Hệ thống XHCN hình thành và ngày càng phát triển.

**Câu 70:** Điểm giống nhau của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ (1946 - 1949) ở Trung Quốc và Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là

A. diễn ra ở cả nông thôn và thành thị.

B. kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao.

C. khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

D. nội chiến kết hợp giải phóng dân tộc.

**Câu 71:** Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Nam Á đều là thuộc địa của thực dân Âu - Mỹ, ngoại trừ

A. Thái Lan.

B. Việt Nam.

C. Lào.

D. Philippin.

**Câu 72:** Từ năm 1950, Ấn Độ thực hiện chính sách đối ngoại

A. hướng Đông.

B. hòa bình, trung lập.

C. hướng Tây.

D. Đông Bắc Á.

**Câu 73:** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, sự kiện nào đánh dấu thực dân Anh thay đổi hình thức thống trị Ấn Độ?

A. Thủy binh ở Bombay khởi nghĩa (tháng 2/1946).

B. Công nhân Cancútta bãi công (tháng 2/1947).

C. Anh trao quyền tự trị cho Ấn Độ (tháng 8/1947).

D. Ấn Độ tuyên bố độc lập (tháng 1/1950).

**Câu 74:** Năm 1945, nhân dân Ấn Độ giành độc lập từ tay

A. quân phiệt Nhật.

B. thực dân Pháp.

C. đế quốc Anh.

D. thực dân Hà Lan.

**Câu 75:** Năm 1999, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) kết nạp thêm

A. Campuchia.

B. Lào.

C. Brunây.

D. Việt Nam.

**Câu 76:** Sự kiện nào của khu vực Đông Bắc Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã góp phần làm thay đổi bản đồ địa - chính trị thế giới?

A. Nhật Bản bị quân đội Mỹ chiếm đóng.

B. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời.

C. Nhật Bản có nền kinh tế lớn thứ hai thế giới.

D. Đài Loan trở thành “con rồng” kinh tế châu Á.

**Câu 77:** Từ năm 1976 đến năm 1978, quan hệ giữa Việt Nam với tổ chức ASEAN

A. tiếp tục căng thẳng.

B. bắt đầu căng thẳng.

C. bước đầu được cải thiện.

D. được xác lập.

**Câu 78:** Ý nào dưới đây không phù hợp khi giải thích về: quá trình mở rộng thành viên của tổ chức ASEAN được đẩy mạnh từ đầu những năm 90 thế kỉ XX?

A. Chống lại sự hình thành trật tự “đa cực” nhiều trung tâm sau Chiến tranh lạnh.

B. Quan hệ giữa ba nước Đông Dương với ASEAN đã được cải thiện tích cực.

C. Chiến tranh lạnh đã kết thúc, xu thế toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ.

D. Thực hiện hợp tác phát triển có hiệu quả theo các nguyên tắc của Hiệp ước Bali.

**Câu 79:** Điểm khác biệt có ý nghĩa quan trọng nhất của các nước Đông Nam Á trước và sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. từ chưa có địa vị quốc tế trở thành khu vực được quốc tế coi trọng.

B. từ các nước thuộc địa trở thành các quốc gia độc lập.

C. từ quan hệ biệt lập đã đẩy mạnh hợp tác trong khuôn khổ ASEAN.

D. từ những nước nghèo nàn trở thành những nước có nền kinh tế phát triển.



**Câu 80:** Quá trình mở rộng thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) diễn ra lâu dài và đầy trở ngại vì

- A. thời gian giành độc lập của các nước không đều.
- B. nền kinh tế của các nước có nhiều cách biệt.
- C. khả năng quốc phòng của các nước yếu kém.
- D. các nước không có nhu cầu liên kết khu vực.

**Câu 81:** Điểm khác biệt về nguyên tắc hoạt động của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) so với Liên hợp quốc là gì?

- A. Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau.
- B. Không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực với nhau.
- C. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
- D. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

**ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

1-C	2-D	3-A	4-B	5-D	6-C	7-A	8-D	9-B	10-A
11-B	12-C	13-A	14-D	15-D	16-C	17-A	18-C	19-B	20-B
21-B	22-A	23-C	24-A	25-C	26-B	27-C	28-A	29-D	30-B
31-B	32-A	33-D	34-A	35-B	36-C	37-C	38-A	39-B	40-C
41-C	42-C	43-D	44-D	45-A	46-A	47-D	48-B	49-A	50-D
51-C	52A-	53-B	54-C	55-C	56-D	57-C	58-A	59-B	60-A
61-B	62-A	63-D	64-D	65-D	66-D	67-C	68-D	69-B	70-A
71-A	72-B	73-C	74-A	75-A	76-B	77-C	78-A	79-B	80-A
81-B									

## LỊCH SỬ THẾ GIỚI

### CHỦ ĐỀ 5: CÁC NƯỚC CHÂU PHI VÀ MĨ LATINH TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

#### Mục tiêu

##### ❖ Kiến thức

- + Khái quát quá trình đấu tranh giành độc lập ở các nước châu Phi và Mỹ Latinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- + Đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi và Mỹ Latinh.

##### ❖ Kỹ năng

- + Sử dụng lược đồ, khai thác tranh ảnh, tư liệu lịch sử.
- + So sánh, khái quát, tổng hợp vấn đề.

# I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

## CHÂU PHI – “LỤC ĐỊA MỚI TRỖI DẬY”

### 1. Cuộc đấu tranh giành độc lập

- Từ năm 1945 – 1954:

- + Thất bại của phe phát xít.
- + Anh, Pháp suy yếu.
- + Phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á phát triển.

→ Phong trào phát triển mạnh mẽ, mở đầu ở Bắc Phi: Libi (1952), Ai Cập (1953).

- Từ năm 1954 – 1960, tác động từ Chiến thắng Điện Biên Phủ của Việt Nam (1954) → Phong trào đấu tranh giành độc lập phát triển: Tuynidi, Maroc, Xuđăng (1956); Gana (1957); Ghinê (1958); Angiêri (1954 – 1962)...

- Từ năm 1960 – 1975:

- + 1960: 17 nước châu Phi giành được độc lập, lịch sử ghi nhận là “Năm châu Phi” → Lục địa mới trỗi dậy.
- + 1975: cách mạng Môđambích, Ănggôla giành thắng lợi → chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi cơ bản bị sụp đổ.

- Từ năm 1975 – 2000: Hoàn thành đánh đổ nền thống trị thực dân cũ, giành độc lập và quyền sống của con người.

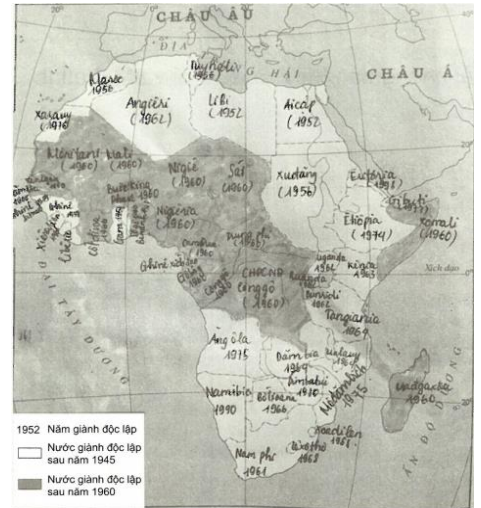
- + Cộng hòa Dimbabuê (1980).
- + Namibia giành được độc lập (1990).
- + 1993: Nam Phi tuyên bố xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc.
- + 1994: Nênxon Mandêla trở thành Tổng thống da đen đầu tiên của Cộng hòa Nam Phi.

### 2. Ý nghĩa lịch sử

- Xóa bỏ chủ nghĩa thực dân cũ và chế độ phân biệt chủng tộc ở châu Phi.
- Mở ra thời kì độc lập, xây dựng, phát triển đất nước cho các quốc gia châu Phi.
- Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.
- Góp phần làm xói mòn trật tự hai cực Ianta.
- Góp phần làm thay đổi bản đồ chính trị thế giới.

## MĨ LATINH – “LỤC ĐỊA BÙNG CHÁY”

Quá trình đấu tranh giành và bảo vệ độc lập



Lược đồ châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai



Chế độ phân biệt chủng tộc bị xóa bỏ ở Nam Phi

---

### 1. Từ năm 1945 – 1959

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ biến Mĩ Latinh thành “sân sau”, xây dựng chế độ độc tài thân Mĩ.
- Cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài bùng nổ, phát triển mạnh.
- Thắng lợi của cách mạng Cuba (1-1-1959) đã lật đổ chế độ độc tài Batixta, thành lập nhà nước Cộng hòa Cuba.

### 2. Từ năm 1959 – cuối thập kỉ 80

- Ảnh hưởng của cách mạng Cuba, cơn bão táp cách mạng bùng nổ, biến Mĩ Latinh trở thành “Lục địa bùng cháy”.
- Từ thập kỉ 60, phong trào đấu tranh chống Mĩ, chế độ độc tài thân Mĩ phát triển mạnh, giành thắng lợi: Panama (1964 – 1999), năm 1983, 13 quốc gia ở vùng Caribê giành độc lập.
- Phong trào đấu tranh vũ trang diễn ra quyết liệt ở Vê-nê-xuê-la, Cô-lôm-bia, Pê-ru, Ni-ca-ragoa, Chilê, En-xa-va-đo... đã lật đổ chế độ độc tài, thiết lập chính phủ dân tộc dân chủ.

### 3. Từ cuối thập kỉ 80 – năm 2000

- Các nước bước vào thời kì xây dựng, phát triển kinh tế. Braxin, Á-chentina, Mê-hi-cô, trở thành nước công nghiệp mới (NICs).
- Khó khăn, thách thức: Mĩ cấm vận, chống phá; nạn tham nhũng, lạm phát, nợ nước ngoài tăng...

## CÁCH MẠNG CUBA

### 1. Nguyên nhân: Cuba là thuộc địa kiểu mới của Mĩ. Năm 1952, Mĩ dựng lên chế độ độc tài quân sự Batixta.

- Xóa bỏ Hiệp pháp tiến bộ.
  - Cấm các đảng phái chính trị hoạt động.
  - Bắt giam, tàn sát những người có ý định chống đối.
- Bùng nổ phong trào đấu tranh.

### 2. Diễn biến

- Ngày 26/7/1953: tấn công trại lính Môn-ca-đa do Phi-đen Cát-xtô-rô chỉ huy.
- Năm 1955: Phi-đen bị trục xuất sang Mê-hi-cô.
- Năm 1956 ông trở về nước hoạt động.
- Ngày 1/1/1959: chế độ Batixta sụp đổ.

### 3. Kết quả

- Nước Cộng hòa Cuba ra đời.
- Cuba tuyên bố đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

### 4. Ý nghĩa

- Chấm dứt 5 thế kỉ đô hộ của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập, đưa Cuba bước sang giai đoạn xây dựng CNXH.
- Trở thành lá cờ đầu của phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh.

- Góp phần mở rộng hệ thống XHCN sang Tây bán cầu.

## SO SÁNH PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA THỰC DÂN Ở CHÂU PHI VÀ KHU VỰC MĨ LATINH (1945 – 2000)

		CHÂU PHI	MĨ LATINH
<b>GIỐNG NHAU</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Đấu tranh chống lại nền thống trị của chủ nghĩa thực dân.</li> <li>◆ Phong trào đấu tranh diễn ra sôi nổi, quyết liệt, mạnh mẽ dưới nhiều hình thức đấu tranh.</li> <li>◆ Các phong trào đấu tranh đều giành được thắng lợi.</li> <li>◆ Sau khi giành được độc lập, các nước tập trung vào phát triển kinh tế, xây dựng và bảo vệ đất nước.</li> </ul>	
<b>KHÁC NHAU</b>	<i>Nhiệm vụ</i>	◆ Chống chủ nghĩa thực dân cũ, chống chế độ phân biệt chủng tộc, giành độc lập dân tộc và quyền sống của con người.	◆ Chống chủ nghĩa thực dân mới (của Mĩ), giành và bảo vệ nền độc lập, dân chủ (do từ đầu thế kỉ XIX, nhiều nước ở Mĩ Latinh đã giành lại được độc lập, nhưng sau đó lại bị lệ thuộc vào Mĩ).
	<i>Lãnh đạo</i>	◆ Chủ yếu là giai cấp tư sản, thông qua chính đảng của mình.	◆ Giai cấp tư sản hoặc giai cấp vô sản, tùy vào điều kiện cụ thể mỗi nước.
	<i>Mức độ, quy mô</i>	◆ Phát triển mạnh nhưng không đều giữa các quốc gia, khu vực.	◆ Phong trào diễn ra mạnh mẽ ở khắp khu vực Mĩ Latinh.
	<i>Hình thức, phương pháp đấu tranh</i>	◆ Chủ yếu là đấu tranh chính trị, ngoại giao (trừ Angiêri)	◆ Phong phú, đa dạng: - Bãi công, biểu tình. - Đấu tranh nghị trường. - Đấu tranh vũ trang (phát triển mạnh mẽ sau thắng lợi của cách mạng Cuba).
<i>Kết quả</i>	◆ Các nước giành được độc lập ở mức độ khác nhau.	◆ Chính quyền độc tài bị lật đổ, nền dân chủ được khôi phục ở các nước.	

## II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

### ➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

**Câu 1:** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, điều kiện khách quan nào có tác động tích cực đối với phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi?

**A.** Sự giúp đỡ của các nước XHCN.

**B.** Sự suy yếu của đế quốc Anh, Pháp.

C. Sự xác lập của trật tự hai cực Ianta. D. Sự suy yếu của thực dân Tây Ban Nha.

**Câu 2:** Những quốc gia giành được độc lập dân tộc sớm nhất ở châu Phi là

- A. Môđambích và Ănggôla. B. Angiêri và Tuynidi.  
C. Ai Cập và Libi. D. Marốc và Xuđăng.

**Câu 3:** Năm 1960, với 17 quốc gia giành được độc lập, lịch sử ghi nhận là

- A. Năm châu Phi. B. Năm châu Á. C. Năm châu Mỹ. D. Năm châu Âu.

**Câu 4:** Lịch sử thế giới ghi nhận năm 1960 là “Năm châu Phi” vì

- A. hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ bị sụp đổ hoàn toàn.  
B. chế độ phân biệt chủng tộc ở châu Phi đã bị xóa bỏ hoàn toàn.  
C. hệ thống thuộc địa của Pháp bị sụp đổ hoàn toàn.  
D. có 17 nước châu Phi được trao trả độc lập.

**Câu 5:** Sự kiện nào sau đây đánh dấu sự sụp đổ cơ bản của chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi?

- A. Năm 1960, 17 quốc gia giành được độc lập.  
B. Cộng hòa Môđambích, Ănggôla giành độc lập năm 1975.  
C. Năm 1990, Namibia tuyên bố độc lập.  
D. Năm 1993, chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi bị xóa bỏ.

**Câu 6:** Nhận xét nào dưới đây phù hợp với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của các chính đảng vô sản.  
B. Diễn ra liên tục, sôi nổi với các hình thức đấu tranh khác nhau.  
C. Xóa bỏ được hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân mới.  
D. Bùng nổ sớm nhất và phát triển mạnh tại khu vực Nam Phi.

**Câu 7:** Một trong những điểm khác biệt giữa phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi với châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là về

- A. nhiệm vụ đấu tranh chủ yếu. B. kết cục của cuộc đấu tranh.  
C. mục tiêu đấu tranh chủ yếu. D. tổ chức lãnh đạo thống nhất của châu lục.

**Câu 8:** Kẻ thù chủ yếu trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của người dân da đen ở Nam Phi là

- A. chủ nghĩa thực dân cũ. B. chủ nghĩa thực dân mới.  
C. chủ nghĩa Apácthai. D. chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

**Câu 9:** Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi được gọi là cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc vì chế độ phân biệt chủng tộc

- A. là sản phẩm của chủ nghĩa thực dân mới.  
B. có quan hệ gắn bó với chủ nghĩa thực dân.  
C. là một hình thái của chủ nghĩa thực dân.  
D. do chủ nghĩa đế quốc trực tiếp đặt ách thống trị.

**Câu 10:** Vai trò nào sau đây gắn với tên tuổi của Nenxon Mandêla?

- A. Chiến sĩ tiêu biểu chống ách thống trị của chủ nghĩa thực dân.  
B. Lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở Angiêri.  
C. Lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở Ănggôla.  
D. Lãnh tụ của phong trào đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi.

**Câu 11:** Chiến thắng Điện Biên Phủ ở Việt Nam (1954) ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến phong trào giải phóng dân tộc ở nước nào của châu Phi?

- A. Ai Cập.                      B. Tuynidy.                      C. Ănggôla.                      D. Angiêri.

**Câu 12:** Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh sau chiến tranh thế giới thứ hai đã khiến khu vực này được mệnh danh là

- A. “Lục địa mới trời dậy”.                      B. “Lục địa bùng cháy” .  
C. “Lục địa thức tỉnh”.                      D. “Lục địa bão táp” .

**Câu 13:** Sự sụp đổ của chế độ phân biệt chủng tộc (A-pác-thai) ở Nam Phi (1993) chứng tỏ

- A. hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cơ bản bị tan rã.  
B. cuộc đấu tranh vì tiến bộ xã hội ở châu Phi đã hoàn thành triệt để.  
C. một biện pháp thống trị của chủ nghĩa thực dân bị xóa bỏ.  
D. chủ nghĩa thực dân mới bắt đầu khủng hoảng và suy yếu.

**Câu 14:** Quốc gia giành độc lập sớm nhất ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. Angiêri.                      B. Ai Cập.                      C. Ghinê.                      D. Tuynidi.

**Câu 15:** Khu vực Mĩ Latinh bao gồm

- A. Trung Mĩ và Nam Mĩ, một phần Bắc Mĩ (Mêhicô).  
B. Trung Mĩ, Nam Mĩ và vùng biển Caribê.  
C. Nam Mĩ, Trung Mĩ, vùng biển Caribê và một phần Bắc Mĩ (Mêhicô).  
D. Nam Mĩ, Trung Mĩ và Bắc Mĩ.

**Câu 16:** Trước khi trở thành “sân sau” của Mĩ, các nước Mĩ Latinh là thuộc địa của

- A. Tây Ban Nha, Pháp, Anh.                      B. Đức, Hà Lan, Pháp.  
C. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.                      D. Anh, Pháp, Mĩ.

**Câu 17:** Đặc điểm nổi bật của phong trào đấu tranh giành và bảo vệ độc lập của nhân dân Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai là chống lại chế độ

- A. độc tài Batixta.                      B. độc tài thân Mĩ.  
C. thực dân Tây Ban Nha.                      D. thực dân Bồ Đào Nha.

**Câu 18:** Tháng 1/1959 diễn ra sự kiện nào sau đây?

- A. Guyanđa được trao trả độc lập.                      B. 13 quốc gia vùng Caribê giành độc lập.  
C. Mĩ trao trả độc lập cho Panama.                      D. Cách mạng Cuba giành thắng lợi.

**Câu 19:** Quốc gia nào được mệnh danh là “Lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh”?

- A. Achentina.                      B. Chile.                      C. Nicaragua.                      D. Cuba.

**Câu 20:** Tháng 4/1961, Cuba tuyên bố đi theo con đường XHCN trong điều kiện nào?

- A. Đánh thắng sự can thiệp của Mĩ.                      B. Hoàn thành cuộc cải cách dân chủ.  
C. Thành lập Đảng Cộng sản Cuba.                      D. Cách mạng Cuba thành công.

**Câu 21:** Vào thập niên 60 - 70 của thế kỉ XX, Mĩ Latinh được gọi là “Lục địa bùng cháy” vì

- A. phong trào chống chế độ độc tài thân Mĩ diễn ra sôi nổi.  
B. cuộc nội chiến giữa các đảng phái đối lập diễn ra quyết liệt.  
C. phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân diễn ra sôi nổi.  
D. có sự tham gia của đông đảo lực lượng binh lính.

**Câu 22:** Cuộc đấu tranh vũ trang chống lại chế độ độc tài thân Mỹ của nhân dân Cuba được mở đầu bởi sự kiện nào?

- A. Tổ chức cách mạng mang tên “Phong trào 26/7” được thành lập.
- B. Cuộc tấn công vào trại lính Môn-ca-đa của 137 thanh niên Cu-ba yêu nước (26/7/1953).
- C. Phi-đen Cát-xơ-rô cùng đồng đội mở cuộc đổ bộ lên tỉnh Ô-ri-en-tê (tháng 11/1956).
- D. Lực lượng cách mạng Cu-ba tấn công, đánh chiếm thủ đô La-ha-ba-na (1/1959).

**Câu 23:** Đặc điểm nổi bật của phong trào đấu tranh giành và bảo vệ độc lập của nhân dân Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai là chống lại chế độ

- A. độc tài thân Mỹ.
- B. thực dân cũ.
- C. độc tài Batixta.
- D. phân biệt chủng tộc.

**Câu 24:** Trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân kiểu mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ Latinh đã được mệnh danh là

- A. “Hòn đảo tự do”.
- B. “Lục địa mới trời dậy”.
- C. “Lục địa bùng cháy”.
- D. “Tiền đồn của chủ nghĩa xã hội”.

**Câu 25:** So với cuộc đấu tranh của nhân dân châu Phi, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Mỹ Latinh từ sau chiến tranh thế giới thứ hai có điểm gì khác biệt?

- A. Nhân dân Mỹ Latinh đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân mới.
- B. Lãnh đạo phong trào đấu tranh thuộc về giai cấp vô sản.
- C. Nhân dân Mỹ La-tinh đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ.
- D. Diễn ra dưới sự lãnh đạo của tổ chức liên minh khu vực.

**Câu 26:** Kết quả to lớn từ cuộc đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc của nhân dân Mỹ Latinh trong những năm 60 - 80 của thế kỉ XX là

- A. nhiều nước giành được độc lập, thoát khỏi ách thống trị của Tây Ban Nha.
- B. chính quyền độc tài bị lật đổ, chính phủ dân tộc dân chủ được thiết lập ở nhiều nước.
- C. các nước vươn lên, phát triển nhanh chóng và trở thành nước công nghiệp mới.
- D. phá vỡ được thế bao vây, cô lập và cấm vận của đế quốc Mỹ.

**Câu 27:** Năm 2016, sự kiện nào đánh dấu bước ngoặt trong quan hệ giữa Cuba và Mỹ?

- A. Tổng thống Mỹ - Obama viện trợ kinh tế cho Cuba.
- B. Mỹ xóa bỏ cấm vận kinh tế Cuba sau nhiều thập kỉ kéo dài.
- C. Chủ tịch Phiđen qua đời, kết thúc thời kì Mỹ - Cuba căng thẳng.
- D. Mỹ xóa bỏ điều luật cấm người dân Cuba nhập cư vào nước Mỹ.

**Câu 28:** Điểm khác biệt của phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹ Latinh so với châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. chủ yếu là đấu tranh chính trị.
- B. hình thức đấu tranh phong phú.
- C. do giai cấp tư sản lãnh đạo.
- D. xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc.

**Câu 29:** Từ những năm 60 đến những năm 80 của thế kỉ XX, phong trào đấu tranh của nhân dân các nước Mỹ Latinh diễn ra dưới hình thức chủ yếu nào sau đây?

- A. Bãi công của công nhân.
- B. Đấu tranh chính trị.
- C. Đấu tranh vũ trang.
- D. Sự nổi dậy của người dân.



**Câu 30:** Điểm khác nhau cơ bản về mục tiêu đấu tranh của phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹ Latinh so với châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. giải phóng dân tộc, bảo vệ nền độc lập
- B. đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ.
- C. đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mỹ.
- D. chống lại sự phân biệt sắc tộc.

**Câu 31:** Đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. phát triển mạnh nhưng không đồng đều giữa các khu vực.
- B. chống lại chủ nghĩa thực dân mới do đế quốc Mỹ đứng đầu.
- C. hình thức đấu tranh chủ yếu là khởi nghĩa vũ trang.
- D. do Đảng Cộng sản ở các nước trực tiếp lãnh đạo.

**Câu 32:** Sự kiện chủ yếu nào đã làm thay đổi sâu sắc bản đồ chính trị thế giới nửa sau thế kỉ XX?

- A. CNXH trở thành hệ thống thế giới.
- B. Trật tự hai cực Ianta hình thành.
- C. Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật phát triển.
- D. Sự ra đời của hơn 100 quốc gia độc lập trẻ tuổi.

**Câu 33:** Biến đổi nào sau đây chứng tỏ phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã góp phần làm thay đổi bản đồ chính trị thế giới?

- A. Hệ thống thuộc địa và tàn dư của chế độ thực dân hoàn toàn bị xóa bỏ.
- B. Sau khi giành độc lập các nước đều tiến lên xây dựng chế độ TBCN.
- C. Các nước đầu tư phát triển kinh tế và trở thành những nước công nghiệp mới (NICs).
- D. Từ những nước thuộc địa, phụ thuộc đã có trên 100 quốc gia giành được độc lập.

**Câu 34:** Biến đổi nào sau đây chứng tỏ phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã góp phần làm thay đổi bản đồ chính trị thế giới?

- A. Đã xóa bỏ hoàn toàn hệ thống thuộc địa và tàn dư của chế độ thực dân.
- B. Sau khi giành độc lập các nước đều tiến lên xây dựng chế độ XHCN.
- C. Trật tự hai cực Ianta bị xói mòn do sự ra đời của hàng loạt các quốc gia độc lập.
- D. Áp dụng thành công khoa học - kĩ thuật và trở thành những nước công nghiệp mới (NICs).

**Câu 35:** Điểm khác biệt cơ bản giữa phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Mỹ Latinh so với phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi là đấu tranh

- A. xóa bỏ chế độ độc tài thân Mỹ, thành lập các chính phủ dân tộc dân chủ tiến bộ.
- B. chống chủ nghĩa thực dân cũ và tay sai để giành độc lập dân tộc.
- C. giành độc lập, tự do và đi lên xây dựng CNXH.
- D. chống chủ nghĩa thực dân cũ giành độc lập dân tộc bằng đấu tranh chính trị.

**Câu 36:** Điểm tương đồng của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi và Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai là đều

- A. chống lại ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ.
- B. đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân để giành độc lập.
- C. hình thức đấu tranh chủ yếu là khởi nghĩa vũ trang.
- D. do Đảng Cộng sản ở các nước trực tiếp lãnh đạo.

**Câu 37:** Điểm khác biệt giữa phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi so với khu vực Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. chống lại chủ nghĩa thực dân cũ.
- B. chống lại chủ nghĩa thực dân mới.
- C. hình thức đấu tranh chủ yếu là khởi nghĩa vũ trang.
- D. do Đảng Cộng sản ở các nước trực tiếp lãnh đạo.

**Câu 38:** Sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai có tác động nào sau đây?

- A. Dẫn tới sự ra đời của nhà nước XHCN đầu tiên.
- B. Dẫn đến sự xác lập của trật tự thế giới hai cực Ianta.
- C. Phương thức sản xuất TBCN được hình thành.
- D. Phạm vi ảnh hưởng của các nước đế quốc bị thu hẹp.

**Câu 39:** Kẻ thù chủ yếu của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. chủ nghĩa thực dân cũ.
- B. chế độ phân biệt chủng tộc.
- C. chế độ độc tài thân Mĩ.
- D. chủ nghĩa thực dân mới.

**Câu 40:** Biến đổi nào dưới đây không chứng tỏ phong trào giải phóng dân tộc sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã góp phần làm thay đổi bản đồ chính trị thế giới?

- A. Từ những nước thuộc địa, hơn 100 quốc gia đã giành được độc lập.
- B. Sau khi giành độc lập, các quốc gia đều tiến lên chủ nghĩa xã hội.
- C. Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân bị xóa bỏ hoàn toàn.
- D. Trật tự hai cực Ianta bị xói mòn do sự ra đời của các quốc gia độc lập.

**Câu 41:** Nội dung nào là điểm tương đồng giữa phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi và khu vực Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Tính chất quần chúng sâu rộng.
- B. Thời gian giành độc lập.
- C. Đối tượng đấu tranh.
- D. Hình thức đấu tranh.

➤ **ĐÁP ÁN**

1 - B	2 - C	3 - A	4 - D	5 - B	6 - B	7 - D	8 - C	9 - C	10 - D
11 - D	12 - B	13 - C	14 - B	15 - C	16 - C	17 - B	18 - D	19 - D	20 - A
21 - A	22 - B	23 - A	24 - C	25 - A	26 - B	27 - B	28 - B	29 - C	30 - C
31 - A	32 - D	33 - D	34 - C	35 - A	36 - B	37 - A	38 - D	39 - A	40 - B
41 - A									

# LỊCH SỬ THẾ GIỚI

## CHỦ ĐỀ 6: MỸ, TÂY ÂU, NHẬT BẢN TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

### Mục tiêu

#### ❖ Kiến thức

- + Khái quát được quá trình phát triển của nước Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000
- + Liệt kê được những thành tựu tiêu biểu về kinh tế, khoa học – kỹ thuật. Phân tích được nguyên nhân phát triển kinh tế
- + Nêu và giải thích được những chính sách đối ngoại tiêu biểu của Mỹ, các nước Tây Âu và Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai
- + So sánh và đánh giá được vị trí, vai trò của Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản trong đời sống kinh tế thế giới và quan hệ quốc tế

#### ❖ Kỹ năng

- + Khai thác tư liệu, tranh ảnh, lược đồ để chiếm lĩnh kiến thức
- + Phân tích, so sánh, đánh giá các sự kiện lịch sử

# I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

## MỸ, TÂY ÂU, NHẬT BẢN (1945 – NAY)

### A. MỸ

#### 1. Tình hình kinh tế

a, 1945 – 1973: phát triển mạnh mẽ → Mỹ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.

*\*Biểu hiện:*

- Nửa sau những năm 40, chiếm hơn 1/2 sản lượng công nghiệp thế giới
- Năm 1949, sản lượng nông nghiệp gấp 2 lần sản lượng của Anh, Pháp, CHLB Đức, Nhật Bản, Italia cộng lại
- Nắm hơn 50% số tàu bè đi lại trên biển, 3/4 dự trữ vàng thế giới.
- Chiếm gần 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới

*\* Nguyên nhân phát triển:*

- Lãnh thổ rộng, tài nguyên phong phú, nhân lực dồi dào,...
- Lợi dụng chiến tranh để làm giàu
- Áp dụng thành tựu cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại
- Các tổ hợp công nghiệp – quân sự, công ti, tập đoàn có sức sản xuất, cạnh tranh lớn và hiệu quả
- Cách chính sách và biện pháp của Nhà nước đóng vai trò quan trọng

b, 1973 – 1991: Kinh tế Mỹ lâm vào phát triển không ổn định.

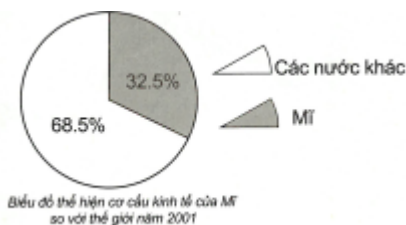
*\* Biểu hiện:*

- Từ năm 1973 đến năm 1982, khủng hoảng, suy thoái.
- Từ năm 1983, phục hồi và phát triển trở lại.

*\* Nguyên nhân suy thoái*

- Tác động từ cuộc khủng hoảng năng lượng (1973)
- Sa lầy trong các cuộc chiến tranh xâm lược (Việt Nam,...)
- Chi phí quân sự cho việc chạy đua vũ trang trong Chiến tranh lạnh.

c, 1991 – nay: Trải qua các đợt suy thoái ngắn, nhưng kinh tế Mỹ vẫn đứng đầu thế giới



#### 2, Khoa học – kĩ thuật

- Khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại, đạt nhiều thành tựu
- + Đi đầu trong lĩnh vực chế tạo công cụ sản xuất mới, vật liệu mới.
- + Chế tạo ra vật liệu mới: vật liệu tổng hợp, polime,...
- + Chinh phục vũ trụ: đưa người lên Mặt Trăng (1969),...
- + Đi đầu trong cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp

- Nhà nước quan tâm đầu tư → khoa học – kĩ thuật tiếp tục phát triển mạnh mẽ
- + Đầu tư hàng trăm tỉ USD cho giáo dục và nghiên cứu khoa học
- + Các đội ngũ các nhà khoa học đông đảo nhất thế giới
- + Chiếm 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế của thế giới.
- + Dẫn đầu thế giới về số lượng các nhà khoa học đạt giải Nô – ben

### 3, Chính sách đối ngoại

- Triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng bá chủ thế giới

\* Mục tiêu:

- + Ngăn chặn và tiến tới xóa bỏ CNXH trên thế giới
- + Đàn áp phong trào cách mạng thế giới
- + Không chế, chi phối các nước đồng minh

\* Thủ đoạn tiến hành

- + Thực hiện “Kế hoạch Macsan”
- + Khởi xướng Chiến tranh lạnh
- + Thành lập các khối quân sự (NATO, SENTO,...)
- + Gây xung đột, chiến tranh xâm lược ở nhiều nơi .

- Học thuyết Ri – gân: Tiếp tục triển khai chiến lược toàn cầu

→ Tăng cường chạy đua vũ trang, đối đầu với Liên Xô. Chạy đua vũ trang tốn kém. Mĩ bị suy giảm vị thế

→ Tháng 12/ 1989 Mĩ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

- Thực hiện chiến lược “Cam kết và mở rộng”, với mục tiêu:

- + Bảo đảm an ninh với lực lượng quân sự mạnh
- + Khôi phục và phát triển sức mạnh của nền kinh tế Mĩ
- + Can thiệp vào nước khác bằng khẩu hiệu “thúc đẩy dân chủ”

- Tìm cách thiết lập trật tự thế giới “một cực”, chi phối toàn thế giới.

- Năm 1995 Mĩ bình thường hóa quan hệ với Việt Nam

## B. TÂY ÂU (1945 – NAY)

### 1, Các giai đoạn phát triển

	Kinh tế	Chính sách đối ngoại
1945 – 1950	- Bị chiến tranh tàn phá - Nhận viện trợ của Mĩ qua “Kế hoạch Mácsan” - Năm 1950, kinh tế cơ bản phục hồi	- Liên minh chặt chẽ với Mĩ - Tìm cách trở lại các thuộc địa cũ của mình
1950 – 1973	- Kinh tế phát triển nhanh chóng - Nhiều nước Tây Âu trở thành cường quốc công nghiệp (Anh, Pháp, CHLB Đức,...) - Đầu thập kỉ 70, Tây Âu trở thành một trong ba	- Một số nước tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mĩ (Anh, Đức, Italia). - Một số nước đa dạng hóa quan hệ đối ngoại → khẳng định được ý thức độc lập, thoát khỏi sự lệ

	<p>trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyên nhân phát triển:</li> <li>+ Áp dụng những thành tựu khoa học – kỹ thuật hiện đại để tăng năng suất lao động</li> <li>- Vai trò điều tiết, quản lí của Nhà nước</li> <li>- Tận dụng tốt các cơ hội bên ngoài : vốn, nguyên liệu,...</li> </ul>	<p>thuộc Mĩ (Pháp, Thụy Điển, Phần Lan).</p>
<p>1991 - nay</p>	<p>- Đầu thập kỉ 90, trải qua đợt suy thoái ngắn.</p> <p>- Từ năm 1994, kinh tế phục hồi và phát triển.</p> <p>- Là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính hàng đầu thế giới</p> <div data-bbox="215 734 839 1249"> <p>Vai trò của EU trên thế giới - năm 2004</p> <p>Tiêu thụ năng lượng của thế giới</p> <p>Viện trợ phát triển thế giới</p> <p>Tổng GDP của thế giới</p> <p>Tỉ trọng xuất khẩu của thế giới</p> </div>	<p>- Anh liên minh chặt chẽ với Mĩ</p> <p>- Pháp, Đức trở thành đối trọng với Mĩ</p> <p>- Các nước Tây Âu mở rộng quan hệ với các nước tư bản phát triển, Đông Âu, các nước đang phát triển và các nước SNG</p> <p>- Năm 1990, quan hệ EU – Việt Nam chính thức được thiết lập.</p> <div data-bbox="858 913 1495 1272"> </div>

## 2, Liên minh Châu Âu

- Năm 1990 EU đặt quan hệ ngoại giao chính thức với Việt Nam
- Tháng 6/ 2012, hai bên đã kí Hiệp định Đối tác và Hợp tác toàn diện (PCA) và khởi động đàm phán Hiệp định thương mại tự do (FTA) → thúc đẩy quan hệ Việt Nam – EU phát triển toàn diện.

### QUAN HỆ EU VÀ VIỆT NAM

#### a, Sự ra đời và quá trình phát triển

- + Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, khuynh hướng liên kết khu vực diễn ra mạnh mẽ
- + Nhu cầu liên minh, hợp tác giữa các nước vì lợi ích chung đặt ra cấp thiết.

→ Năm 1951 “Cộng đồng than thép châu Âu” được thành lập, gồm 6 nước: Pháp, CHLB Đức, Bỉ, Italia, Hà Lan, Lucxambua.

- Năm 1957 “Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu” và “Cộng đồng kinh tế châu Âu” (EEC) được thành lập.



- Năm 1967 ba tổ chức trên hợp nhất thành “Cộng đồng châu Âu” (EC)
- Năm 1991 các nước thành viên EC kí Hiệp ước Maxtrich (Hà Lan) đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU) với 15 nước thành viên
- Năm 2004, EU kết nạp thêm 10 nước
- Năm 2007, kết nạp thêm 2 nước. Tổng cộng 27 nước thành viên

#### b, Vai trò

- Thúc đẩy sự hợp tác, liên minh giữa các nước thành viên trên các lĩnh vực kinh tế, tiền tệ, chính trị, đối ngoại, an ninh.
- Cuối thập kỉ 90, EU đã trở thành tổ chức liên kết chính trị - kinh tế lớn nhất hành tinh, chiếm hơn 1/4 GDP của thế giới



#### c, Mục đích và hoạt động

- Mục đích: Hợp tác, liên minh giữa các nước thành viên về kinh tế, tiền tệ, chính trị, đối ngoại và an ninh chung

#### - Hoạt động:

- + Năm 1999, phát hành đồng tiền chung châu Âu (Euro)
- + Năm 2002, đồng Euro chính thức được sử dụng ở nhiều nước EU

### C. NHẬT BẢN (1945 -NAY)

	<b>Kinh tế</b>	<b>Khoa học – kĩ thuật</b>	<b>Chính sách đối ngoại</b>
1945 – 1950	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bại trận trong chiến tranh, phải gánh chịu hậu quả nặng nề</li> <li>- Bị Mĩ chiếm đóng</li> <li>- SCAP thực hiện 3 cuộc cải cách:</li> <li>+ Giải tán các Daibátxư</li> <li>+ Cải cách ruộng đất</li> <li>+ Dân chủ hóa lao động</li> <li>→ Kinh tế khôi phục, đạt mức trước chiến tranh</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liên minh chặt chẽ với Mĩ</li> <li>- Năm 1951, Hiệp ước hòa bình Xan Phranxixcô và Hiệp ước An ninh Mĩ – Nhật được kí kết → chấm dứt chế độ chiếm đóng của Đồng minh.</li> </ul>
1950 – 1973	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển nhanh, từ 1960 – 1973, phát triển “thần kì”</li> <li>+ Tốc độ tăng trưởng bình quân là 10,8% (1960 -1969)</li> <li>+ Năm 1968, đứng thứ 2 trong thế giới tư bản (sau Mĩ)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tư mua bằng phát minh sáng chế của nước ngoài (6 tỉ USD)</li> <li>- Tập trung vào lĩnh vực công nghiệp dân dụng và đạt nhiều thành tựu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nền tảng căn bản trong chính sách đối ngoại là liên minh chặt chẽ với Mĩ</li> <li>- Năm 1956 bình thường hóa quan hệ với Liên Xô và gia nhập Liên hợp quốc</li> </ul>

	- Đầu thập kỉ 70, Nhật trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới		
1973 – 1991	- do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới, từ năm 1973, kinh tế phát triển xen kẽ khủng hoảng suy thoái ngắn - Nửa sau những năm 80, Nhật vươn lên thành siêu cường tài chính số một thế giới - Là chủ nợ lớn nhất thế giới		- Chính sách đối ngoại mới thể hiện trong các học thuyết Phucuda và Kaiphu: tăng cường quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội với các nước Đông Nam Á và tổ chức ASEAN - Năm 1973, Nhật thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam → hiện nay là đối tác chiến lược toàn diện của Việt Nam
1991 - nay	- Từ đầu thập kỉ 90, kinh tế lâm vào tình trạng suy thoái - Vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới	- Tiếp tục phát triển ở trình độ cao. - Đến năm 1992, đã phóng 49 vệ tinh và hợp tác có hiệu quả với Mỹ, Liên Xô trong các chương trình vũ trụ quốc tế.	- Duy trì liên minh chặt chẽ với Mỹ. Năm 1996, 2 nước ra tuyên bố kéo dài vĩnh viễn Hiệp ước An ninh Mỹ – Nhật - coi trọng quan hệ với Tây Âu, mở rộng đối ngoại với các đối tác trên phạm vi toàn cầu, đặc biệt là Đông Nam Á.

## II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

**Câu 1:** Nguyên nhân nào là cơ bản nhất thúc đẩy nền kinh tế Mỹ phát triển nhanh chóng sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Áp dụng các thành tựu của cách mạng khoa học - kĩ thuật
- B. Mỹ giàu lên nhờ buôn bán vũ khí cho các nước tham chiến
- C. Tài nguyên thiên nhiên phong phú
- D. Tập trung sản xuất và tư bản cao

**Câu 2:** Nguyên nhân nào sau đây **không** tạo điều kiện cho nền kinh tế Mỹ phát triển trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Tiến hành chiến tranh xâm lược và nô dịch các nước
- B. Không bị chiến tranh tàn phá
- C. Được yên ổn sản xuất và buôn bán vũ khí cho các nước tham chiến



**D.** Trình độ tập trung tư bản và sản xuất cao

**Câu 3:** Đặc điểm nổi bật của nền kinh tế Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ 2 đến đầu thập kỷ 70 của thế kỷ XX là gì?

**A.** Vị trí kinh tế của Mỹ ngày càng giảm sút trên toàn thế giới

**B.** Mỹ bị các nước Tây Âu và Nhật Bản cạnh tranh quyết liệt

**C.** Kinh tế phát triển nhanh chóng

**D.** Sự chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn

**Câu 4:** Bắt đầu từ thời điểm nào nền kinh tế Mỹ **không** còn chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế thế giới?

**A.** Những năm 60 ( thế kỉ XX )

**B.** Những năm 70 ( thế kỉ XX )

**C.** Những năm 80 ( thế kỉ XX )

**D.** Những năm 90 ( thế kỉ XX )

**Câu 5:** Nguyên nhân cơ bản nào sau đây dẫn đến sự suy yếu của nền kinh tế Mỹ từ sau thập kỉ 90 của thế kỉ XX?

**A.** Sự vươn lên cạnh tranh của Tây Âu và Nhật Bản

**B.** Do viện trợ cho các nước Tây Âu

**C.** Do theo đuổi tham vọng bá chủ thế giới

**D.** Chênh lệch giàu nghèo quá lớn trong các tầng lớp xã hội

**Câu 6:** Mỹ là nước khởi đầu cuộc

**A.** cách mạng công nghiệp

**B.** cách mạng kĩ thuật và công nghiệp

**C.** cách mạng khoa học - công nghệ

**D.** cách mạng công nghệ thông tin

**Câu 7:** Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai bắt đầu vào khoảng thời gian nào?

**A.** Những năm đầu thế kỉ XX

**B.** Giữa những năm 40 của thế kỉ XX

**C.** Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất ( 1914 - 1918 )

**D.** Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai ( 1939 - 1945 )

**Câu 8:** Nội dung nào sau đây không phải là thành tựu tiêu biểu về khoa học – kĩ thuật của Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

**A.** Tìm được nguồn năng lượng mới

**B.** Sản xuất được nguồn vật liệu mới

**C.** Chế tạo được Công cụ sản xuất mới

**D.** Sản xuất hàng tiêu dùng lớn nhất thế giới

**Câu 9:** Mục tiêu bao trùm trong chính sách đối ngoại của Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

**A.** lôi kéo, khống chế các nước Tây Âu

**B.** bao vây, tiêu diệt Liên Xô và các nước XHCN

**C.** đàn áp phong trào cách mạng thế giới

**D.** thực hiện " chiến lược toàn cầu "

**Câu 10:** Mỹ dựa trên cơ sở nào sau đây để đề ra "Chiến lược toàn cầu"?

**A.** Sự hợp tác của các nước tư bản Tây Âu

**B.** Sự cạnh tranh quyết liệt của Tây Âu và Nhật Bản

**C.** Sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc

**D.** Tiềm lực kinh tế , quân sự và khoa học kĩ thuật vượt trội

**Câu 11:** Nội dung nào sau đây không phải là mục tiêu cơ bản trong "chiến lược toàn cầu " của Mỹ

**A.** Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc , khống chế các nước đồng minh

**B.** Ngăn chặn , đẩy lùi rồi tiến tới tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa

C. Khống chế, nô dịch các nước đồng minh của Mĩ

D. Sử dụng khẩu hiệu “ Thúc đẩy dân chủ ” để can thiệp vào nội bộ nước khác

**Câu 12:** Từ những năm 90 của thế kỷ XX , Mĩ sử dụng công cụ nào để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước?

A. Tiền vốn đầu tư

B. Sức mạnh quân sự

C. Khẩu hiệu “ Thúc đẩy dân chủ ”

D. Chủ nghĩa khủng bố

**Câu 13:** Điểm giống nhau trong chính sách đối ngoại của các đời Tổng thống Mĩ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. tiến hành “chiến tranh tổng lực”

B. thực hiện “ chiến lược toàn cầu hóa”

C. xác lập một trật tự thế giới có lợi cho Mỹ

D. thực hiện “ chiến lược cam kết và mở rộng ”

**Câu 14:** “Chính sách thực lực ” của Mĩ thực chất là

A. chính sách dựa vào sức mạnh của Mĩ

B. chính sách xâm lược thuộc địa

C. chạy đua vũ trang với Liên Xô

D. thành lập các khối quân sự

**Câu 15:** . Thất bại nặng nề nhất của Mĩ trong việc thực hiện “chiến lược toàn cầu” biểu hiện qua thắng lợi của

A. cách mạng Trung Quốc năm 1949

B. cách mạng Việt Nam năm 1975

C. cách mạng ở Cu - ba năm 1959

D. cách mạng Hồi giáo ở Iran năm 1979

**Câu 16:** Sau thất bại ở Việt Nam năm 1975, chính quyền Mĩ

A. vẫn tiếp tục chiến lược toàn cầu và theo đuổi Chiến tranh lạnh

B. từ bỏ chiến lược toàn cầu và bình thường hóa quan hệ với Việt Nam

C. chỉ theo đuổi Chiến tranh lạnh chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa

D. tiếp tục đẩy mạnh chiến lược toàn cầu ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương

**Câu 17:** Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, Mĩ có tham vọng nào sau đây?

A. Thực hiện chính sách đối ngoại trung lập

B. Vươn lên chi phối , lãnh đạo toàn thế giới

C. Dùng sức mạnh kinh tế để thao túng thế giới

D. Chuẩn bị đề ra chiến lược toàn cầu mới

**Câu 18:** Mĩ đã tuyên bố xóa bỏ cấm vận và bình thường hóa quan hệ với Việt Nam vào thời điểm nào?

A. Năm 1976

B. Năm 1995

C. Năm 2004

D. Năm 2006

**Câu 19:** Trong những năm 1973 - 1982 , nền kinh tế Mĩ lâm vào tình trạng khủng hoảng, suy thoái chủ yếu là do

A. tác động của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới

B. tác động của Cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới

C. việc Mĩ ký Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam

D. sự cạnh tranh của Nhật Bản và các nước Tây Âu

**Câu 20:** “Kế hoạch Mác-san” ( 1948 ) còn được gọi là kế hoạch

A. Phục hưng châu Âu

B. Cạnh tranh châu Âu

C. Phục hưng kinh tế Châu Âu

D. Phục hưng kinh tế Tây Âu

**Câu 21:** Một trong những mục đích của Mĩ khi thực hiện “Kế hoạch Mác-san” sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. từng bước áp đặt hình thức chủ nghĩa thực dân kiểu mới ở châu Âu

B. tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh quân sự chống Liên Xô

C. thúc đẩy quá trình liên kết kinh tế - chính trị ở khu vực Tây Âu

D. xoa dịu mâu thuẫn giữa các nước thuộc địa với các nước Tây Âu

**Câu 22:** Một trong những mục đích của Mĩ khi thực hiện “Kế hoạch Mác-san” sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. giúp các nước Tây Âu phục hồi nền kinh tế

B. từng bước áp đặt hình thức chủ nghĩa thực dân kiểu mới ở châu Âu

C. thúc đẩy quá trình liên kết kinh tế - chính trị khu vực Tây Âu

D. Xoa dịu mâu thuẫn giữa các nước thuộc địa với các nước Tây Âu

**Câu 23:** Ba trung tâm kinh tế tài chính lớn của thế giới hình thành vào thập niên 70 của thế kỉ XX là

A. Mĩ - Anh - Pháp

B. Mĩ - Liên Xô - Nhật Bản

C. Mĩ - Tây Âu - Nhật Bản

D. Mĩ – Trung Quốc - Liên Xô

**Câu 24:** Tổ chức kinh tế - chính trị khu vực lớn nhất hành tinh được thành lập từ sau Chiến tranh thế giới thứ 2 đến nay là

A. ASEAN

B. APEC

C. EU

D. CENTO

**Câu 25:** Nội dung nào **không** phản ánh đúng nguyên nhân ra đời của Liên minh châu Âu ( EU )?

A. Nhu cầu liên kết hợp tác để cùng nhau phát triển

B. Hợp tác liên kết nhằm thoát khỏi sự lệ thuộc vào Mĩ

C. Ảnh hưởng của xu thế toàn cầu hóa

D. Liên kết để đối trọng với các nước xã hội chủ nghĩa

**Câu 26:** Sự thành lập Liên minh châu Âu ( EU ) mang lại những lợi ích căn bản nào cho các nước thành viên tham gia

A. Duy trì hòa bình và an ninh thế giới

B. Hợp tác cùng phát triển trên các lĩnh vực

C. Củng cố và phát triển về lĩnh vực văn hóa

D. Tăng cường sức cạnh tranh về quân sự

**Câu 27:** Chính sách đối ngoại xuyên suốt của nhiều nước tư bản Tây Âu từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay là gì?

A. Tăng cường quan hệ ngoại giao với Đông Nam Á

B. Liên minh chặt chẽ với Mĩ

C. Mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước châu Á

D. Mở rộng quan hệ ngoại giao toàn cầu

**Câu 28:** Sau Chiến tranh lạnh , Liên minh châu Âu ( EU ) đã điều chỉnh chính sách đối ngoại nào sau đây?

A. Liên minh chặt chẽ với Mĩ

B. Trở thành đối trọng của Mĩ

C. Mở rộng hợp tác với các nước trên thế giới

D. Liên minh chặt chẽ với Nga và Trung Quốc

**Câu 29:** Nguyên nhân khách quan nào giúp các nước Tây Âu hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Sự suy yếu của Liên Xô

B. Sự viện trợ của Mĩ

C. Áp dụng thành tựu khoa học kĩ thuật

D. Thắng lợi phong trào giải phóng dân tộc

**Câu 30:** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai , yếu tố quyết định dẫn tới các nước Tây Âu có thể tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm là

A. cách mạng khoa học - kĩ thuật

B. Vai trò của nhà nước

C. khai thác triệt để nguồn tài nguyên

D. nguồn vốn của Mĩ

**Câu 31:** Biểu hiện nào chứng tỏ các nước Tây Âu liên minh chặt chẽ với Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Trở lại xâm lược các thuộc địa cũ

B. Thỏa thuận về việc hạn chế vũ khí chiến lược

C. Tham gia khả quân sự NATO

D. Thành lập nhà nước CHLB Đức

**Câu 32:** Nội dung nào sau đây **không** nằm trong chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu trong giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1950?

A. Tăng cường hợp tác toàn diện , hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực

B. Liên minh chặt chẽ với Mĩ , nhận viện trợ của Mĩ qua kế hoạch Mác - san

C. Gia nhập tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây dương ( NATO )

D. Tìm cách quay lại cai trị các thuộc địa cũ

**Câu 33:** Trong giai đoạn từ năm 1960 đến năm 1973 , quốc gia nào ở Tây Âu đã có động thái đối đầu với Mĩ?

A. Anh

B. Pháp

C. Đức

D. Italia

**Câu 34:** Nội dung nào sau đây không làm rõ nhận định : Liên minh châu Âu EU là tổ chức liên kết kinh tế - chính trị khu vực lớn nhất hành tinh?

A. Số lượng thành viên đông nhất

B. Hợp tác trên nhiều lĩnh vực nhất

C. Chiếm hơn 1/4 GDP của toàn thế giới

D. Ra đời sớm nhất , có ảnh hưởng lớn nhất

**Câu 35:** Tổ chức Liên minh châu Âu ( EU ) là một liên minh

A. kinh tế - chính trị

B. quân sự

C. quân sự - chính trị

D. văn hóa , giáo dục , y tế

**Câu 36:** Công đồng châu Âu ( EC ) và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ( ASEAN ) đều ra đời trong bối cảnh

A. trật tự hai cực Lanta hình thành

B. chiến tranh lạnh chấm dứt

C. xu thế liên kết khu vực phát triển mạnh

D. trật tự Véc xai – Oasinton tan rã

**Câu 37:** Tháng 10 năm 1990 , EU chính thức đặt quan hệ ngoại giao với nước nào?

A. Thái Lan

B. Lào

C. Campuchia

D. Việt Nam

**Câu 38:** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai , Nhật Bản

A. chịu tổn thất nặng nề

B. giàu lên nhanh chóng

C. bị lệ thuộc vào Anh

D. có nhiều thuộc địa

**Câu 39:** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai , khó khăn lớn nhất của Nhật Bản là

A. bị quân đội Liên Xô chiếm đóng

B. bị các nước đế quốc bao vây kinh tế

C. nạn thất nghiệp , thiếu lương thực , thực phẩm

D. tài nguyên thiên nhiên nghèo nàn

**Câu 40:** Nội dung nào **không** phản ánh đúng những chính sách cải cách mà SCAP đã thực hiện ở Nhật Bản trong những năm 1945 – 1952?

A. Cải cách ruộng đất

B. Giải tán các Đaibátxu

C. Dân chủ hóa lao động

D. Cải cách giáo dục

**Câu 41:** Nội dung nào sau đây **không** thể hiện sự phát triển “ thần kì ” của Nhật Bản trong những năm 1960 – 1973?

A. Sản lượng công nghiệp chiếm hơn 50 % tổng sản lượng công nghiệp thế giới

**B.** Trở thành cường quốc kinh tế đứng thứ hai trong thế giới tư bản ( sau Mỹ )

**C.** Trở thành một trong ba trung tâm kinh tế tài chính thế giới

**D.** Từ nước bại trận , khó khăn thiếu thốn , Nhật vươn lên thành siêu cường kinh tế

**Câu 42:** Trong những năm 60 của thế kỉ XX , sự tăng trưởng kinh tế của Nhật Bản được coi là hiện tượng “thần kì” vì

**A.** từ nước bại trận đã vươn lên thành siêu cường kinh tế

**B.** tốc độ phát triển của Nhật Bản vượt xa Mỹ và Tây Âu

**C.** đứng đầu thế giới về sản xuất sản phẩm dân dụng

**D.** là trung tâm kinh tế tài chính duy nhất thế giới

**Câu 43:** Chính sách đối ngoại nhất quán của Nhật Bản từ năm 1945 – 2000 là

**A.** hợp tác chặt chẽ với Trung Quốc

**B.** đa dạng hóa , đa phương hóa quan hệ ngoại giao

**C.** liên minh chặt chẽ với Mỹ

**D.** phát triển quan hệ với các nước Đông Nam Á

**Câu 44:** Nhân tố quyết định dẫn tới sự phát triển của “ thần kì ” Nhật Bản là

**A.** coi trọng giáo dục và khoa học - kĩ thuật

**B.** chú trọng đầu tư vốn ra nước ngoài

**C.** thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài

**D.** bán các bằng phát minh , sáng chế

**Câu 45:** Nội dung nào dưới đây **không** phải là điểm tương đồng về nguyên nhân phát triển kinh tế của Mỹ và Nhật Bản trong những năm 50 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX?

**A.** Vai trò quản lý, điều tiết có hiệu quả của nhà nước

**B.** Áp dụng tiến bộ khoa học - kĩ thuật vào sản xuất

**C.** Lãnh thổ rộng , giàu tài nguyên , nhân công dồi dào

**D.** Các tập đoàn tư bản có sức sản xuất lớn , năng lực cạnh tranh cao .

**Câu 46:** Điểm giống nhau của Mỹ , Tây Âu và Nhật Bản trong thập kỷ 70 của thế kỉ XX là nền kinh tế đều chịu tác động của

**A.** khủng hoảng năng lượng thế giới

**B.** khủng hoảng kinh tế thế giới

**C.** khủng hoảng chất xám trong nước

**D.** khủng hoảng tài chính thế giới

**Câu 47:** Điểm khác nhau về nguyên nhân dẫn đến sự phát triển kinh tế của Nhật Bản so với các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

**A.** áp dụng hiệu quả thành tựu khoa học - kĩ thuật

**B.** tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài để phát triển

**C.** sự lãnh đạo , quản lí có hiệu quả của Nhà nước

**D.** chi phí cho quốc phòng thấp

**Câu 48:** Nhật Bản kí hiệp ước đồng ý cho Mỹ đóng quân và xây dựng căn cứ quân sự trên lãnh thổ của mình nhằm

**A.** tạo liên minh chống lại ảnh hưởng của Liên Xô

**B.** tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc cải cách dân chủ

**C.** tạo liên minh chống lại ảnh hưởng của Trung Quốc

**D.** tranh thủ nguồn viện trợ của Mỹ và giảm chi phí quốc phòng

**Câu 49:** Điểm nổi bật trong chiến lược phát triển kinh tế của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay là

- A. đầu tư phát triển công nghiệp nặng và công nghiệp thực phẩm
- B. tập trung phát triển ngành công nghiệp dân dụng chất lượng cao
- C. chú trọng phát triển ngành công nghiệp vũ trụ và hạt nhân
- D. đầu tư vốn cho việc nghiên cứu và phát minh khoa học - kỹ thuật

**Câu 50:** Từ năm 1945 đến năm 1952, chính sách đối ngoại của Nhật Bản là

- A. mở rộng quan hệ đối ngoại với các nước Đông Nam Á
- B. liên minh chặt chẽ với Mỹ
- C. mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới
- D. liên minh với Mỹ và Liên Xô

**Câu 51:** Từ sự thành công của Nhật Bản trong phát triển kinh tế thập kỉ 60 - 70 của thế kỉ XX, có thể rút ra bài học kinh nghiệm nào cho Việt Nam trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay ?

- A. Áp dụng hiệu quả thành tựu khoa học – công nghệ vào sản xuất
- B. Đầu tư vốn để mua bằng phát minh khoa học của các nước tư bản
- C. Kêu gọi đầu tư và nguồn viện trợ không hoàn lại của các cường quốc
- D. Tập trung toàn bộ nguồn lực để phát triển công nghiệp dân dụng

**Câu 52:** Học thuyết Fukucđa (1977) của Nhật Bản chủ trương củng cố mối quan hệ với các nước

- A. Mỹ Latinh
- B. Tây Âu
- C. Đông Nam Á
- D. Châu Á

**Câu 53:** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản chủ trương liên minh chặt chẽ với Mỹ chủ yếu là để

- A. có được những lợi ích to lớn
- B. hạn chế ảnh hưởng của Trung Quốc
- C. khẳng định vị thế cường quốc về chính trị
- D. phát triển nhanh về quốc phòng - an ninh

**Câu 54:** Điểm khác biệt trong mối quan hệ với Mỹ của Nhật Bản so với các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. đối đầu và cạnh tranh quyết liệt với Mỹ
- B. liên minh ngày càng chặt chẽ với Mỹ
- C. tìm cách thoát khỏi sự ràng buộc của Mỹ
- D. ngày càng phụ thuộc hoàn toàn vào Mỹ

**Câu 55:** Điểm tương đồng trong chính sách phục hồi và phát triển đất nước của Nhật Bản và Tây Âu trong thập kỉ đầu sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. nhận viện trợ và trở thành đồng minh của Mỹ
- B. nhận sự giúp đỡ trực tiếp về vật chất của Liên Xô
- C. tập trung toàn bộ nguồn lực để phát triển công nghiệp nặng
- D. tiến hành các kế hoạch 5 năm về phát triển kinh tế

**Câu 56:** Văn kiện đặt nền tảng cho quan hệ Mỹ – Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật
- B. Hiệp ước hòa bình Xan Phran - xi - cô
- C. Hiệp ước hợp tác kinh tế Mỹ – Nhật
- D. Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương

**Câu 57:** Điểm chung về nguyên nhân dẫn đến sự phát triển kinh tế của Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là do

- A. khai thác, bóc lột tài nguyên và nhân công ở thuộc địa
- B. khai thác hiệu quả tài nguyên, khoáng sản trong nước
- C. mua các phát minh và áp dụng hiệu quả và sản xuất

**D.** có sự điều chỉnh kịp thời các chính sách của Nhà nước

**Câu 58:** Điểm giống nhau về nguyên nhân phát triển kinh tế của Nhật Bản, Mỹ và Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

**A.** lợi dụng vốn nước ngoài, tập trung đầu tư vào các ngành kinh tế then chốt

**B.** áp dụng hiệu quả những thành tựu của khoa học - kỹ thuật

**C.** khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên, khoáng sản phong phú

**D.** chi phí cho quốc phòng và an ninh thấp

**Câu 59:** Nguyên nhân cơ bản dẫn đến ba trung tâm kinh tế tài chính Mỹ, Nhật Bản và Tây Âu bị khủng hoảng, suy thoái kéo dài trong những năm 1973 – 1991 là do

**A.** kinh tế Mỹ suy thoái đã kéo theo nền kinh tế các nước Tây Âu

**B.** tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới năm 1973

**C.** Sự cạnh tranh mạnh mẽ của các nước công nghiệp mới

**D.** sự chi phối ảnh hưởng của trật tự "hai cực" lanta và cuộc Chiến tranh lạnh

**Câu 60:** Điểm giống nhau cơ bản về kinh tế của Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản trong những năm 1950 - 2000 là gì ?

**A.** Là trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới

**B.** Không chịu tác động của khủng hoảng kinh tế

**C.** Tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức hai con số

**D.** Chịu sự cạnh tranh các nước xã hội chủ nghĩa

**Câu 61:** Khoảng 20 năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ trở thành

**A.** cường quốc độc quyền về vũ khí nguyên tử

**B.** trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới

**C.** cường quốc duy nhất làm bá chủ thế giới

**D.** cường quốc duy nhất phóng thành công vệ tinh nhân tạo

**Câu 62:** Điểm giống nhau cơ bản về sự phát triển kinh tế của Liên Xô và Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

**A.** cường quốc đứng đầu thế giới về xuất khẩu gạo

**B.** quốc gia khởi đầu cuộc cách mạng chất xám

**C.** trở thành những cường quốc kinh tế hàng đầu thế giới

**D.** đi đầu và đạt được thành tựu to lớn trong lĩnh vực chinh phục vũ trụ

**Câu 63:** Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng tình hình kinh tế, khoa học kỹ thuật của Mỹ những năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai ?

**A.** Mỹ có lực lượng quân sự mạnh nhất thế giới, nắm độc quyền về vũ khí nguyên tử

**B.** Mỹ vươn lên chiếm ưu thế tuyệt đối về mọi mặt trong thế giới tư bản

**C.** Mỹ là quốc gia đi tiên phong trong cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại

**D.** Kinh tế Mỹ phát triển không ổn định và thường xuyên diễn ra các cuộc khủng hoảng

**Câu 64:** Kinh tế Mỹ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1973 Có đặc điểm là

**A.** phát triển nhanh

**B.** phát triển chậm chạp

**C.** bị chiến tranh tàn phá nặng nề

**D.** phát triển xen lẫn suy thoái ngắn

**Câu 65:** Nguyên nhân chung nhất dẫn tới sự phát triển của kinh tế Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. thu được nhiều lợi nhuận sau Chiến tranh thế giới thứ hai
- B. áp dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật hiện đại
- C. chi phí quốc phòng thấp ( 1 % GDP )
- D. điều kiện tự nhiên thuận lợi cho sự phát triển kinh tế

**Câu 66:** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng nguyên nhân dẫn đến việc sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ vươn lên chiếm ưu thế tuyệt đối về mọi mặt trong thế giới tư bản?

- A. Nước Mỹ ở xa chiến trường , không bị chiến tranh tàn phá
- B. Nước Mỹ có lãnh thổ rộng, tài nguyên thiên nhiên phong phú
- C. Mỹ giàu lên nhờ buôn bán vũ khí , hàng hóa cho các nước tham chiến
- D. Sự giúp đỡ, hợp tác có hiệu quả giữa Mỹ với các nước Tây Âu

**Câu 67:** Nội dung nào **không** phản ánh đúng điểm hạn chế của nền kinh tế Nhật Bản trong những năm 1952 – 1973?

- A. Thiếu vốn, công nghệ chưa được cải tiến
- B. Lãnh thổ không rộng, tài nguyên nghèo nàn
- C. Cơ cấu kinh tế thiếu cân đối
- D. Gặp sự cạnh tranh quyết liệt của Mỹ , Tây Âu , ...

**Câu 68:** Giai đoạn 1950 - 1973, các nước tư bản Tây Âu một mặt tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mỹ , mặt khác

- A. đa dạng hóa , đa phương hóa hơn nữa quan hệ đối ngoại
- B. mở rộng quan hệ hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa
- C. tập trung phát triển quan hệ hợp tác với các nước Mỹ Latinh
- D. mở rộng quan hệ hợp tác với các nước Đông Nam Á

**Câu 69:** Yếu tố nào làm thay đổi chính sách đối nội, đối ngoại của Mỹ khi bước vào thế kỉ XXI ?

- A. Chủ nghĩa li khai
- B. Chủ nghĩa khủng bố
- C. Sự suy thoái của nền kinh tế
- D. Sự vươn lên của các quốc gia khác

**Câu 70:** Nội dung nào không phản ánh đúng nét tương đồng của Liên minh châu Âu ( EU ) và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ( ASEAN ) ?

- A. Hợp tác trong “ba trụ cột” : an ninh, văn hóa xã hội và hội nhập kinh tế
- B. Sự hợp tác giữa các nước thành viên diễn ra trên nhiều lĩnh vực
- C. Nhu cầu liên kết , hợp tác giữa các nước để cùng phát triển
- D. Liên kết để hạn chế ảnh hưởng của cường quốc bên ngoài

**Câu 71:** Nguyên nhân nào làm cho nền kinh tế Mỹ bị suy thoái từ nửa sau những năm 70 của thế kỉ XX?

- A. Tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới
- B. Các nước Mỹ Latinh giành độc lập, Mỹ mất thị trường
- C. Mỹ tham gia vào liên minh quân sự Đông Nam Á
- D. Mỹ tiến hành cuộc Chiến tranh Triều Tiên

**Câu 72:** Tham vọng bá chủ toàn cầu của Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai xuất phát từ

- A. sức mạnh về kinh tế và quân sự
- B. sự ổn định của tình hình chính trị



---

C. sức mạnh về hải quân và thuộc địa

D. sự lớn mạnh của các tập đoàn tư bản Mỹ

**HƯỚNG DẪN GIẢI**

<b>1 - A</b>	<b>2 -A</b>	<b>3 -C</b>	<b>4 -A</b>	<b>5 -A</b>	<b>6 -C</b>	<b>7 -B</b>	<b>8 -D</b>	<b>9- D</b>	<b>10 -D</b>
<b>11 - D</b>	<b>12 -C</b>	<b>13 -C</b>	<b>14 -A</b>	<b>15 -B</b>	<b>16 -A</b>	<b>17 -B</b>	<b>18 -B</b>	<b>19 -B</b>	<b>20 -A</b>
<b>21 -B</b>	<b>22 -A</b>	<b>23 -C</b>	<b>24 -C</b>	<b>25 -C</b>	<b>26 -B</b>	<b>27 -B</b>	<b>28 -C</b>	<b>29 -B</b>	<b>30 -A</b>
<b>31 -C</b>	<b>32 - A</b>	<b>33 -B</b>	<b>34 -D</b>	<b>35 -A</b>	<b>36 -C</b>	<b>37 -D</b>	<b>38 -A</b>	<b>39 -C</b>	<b>40 -D</b>
<b>41 -A</b>	<b>42 -A</b>	<b>43 -C</b>	<b>44 -A</b>	<b>45 -C</b>	<b>46 -A</b>	<b>47 -D</b>	<b>48 -D</b>	<b>49 -B</b>	<b>50 -B</b>
<b>51 -A</b>	<b>52 -C</b>	<b>53 -A</b>	<b>54 -B</b>	<b>55 -A</b>	<b>56 -A</b>	<b>57 -D</b>	<b>58 - B</b>	<b>59 -B</b>	<b>60 - A</b>
<b>61 -B</b>	<b>62 - C</b>	<b>63 -D</b>	<b>64 - A</b>	<b>65 -B</b>	<b>66 -D</b>	<b>67 -A</b>	<b>68 -A</b>	<b>69 -B</b>	<b>70 -A</b>
<b>71 - A</b>	<b>72 -A</b>								

## **CHỦ ĐỀ 7: QUAN HỆ QUỐC TẾ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM NAY**

### **Mục tiêu**

#### **❖ Kiến thức**

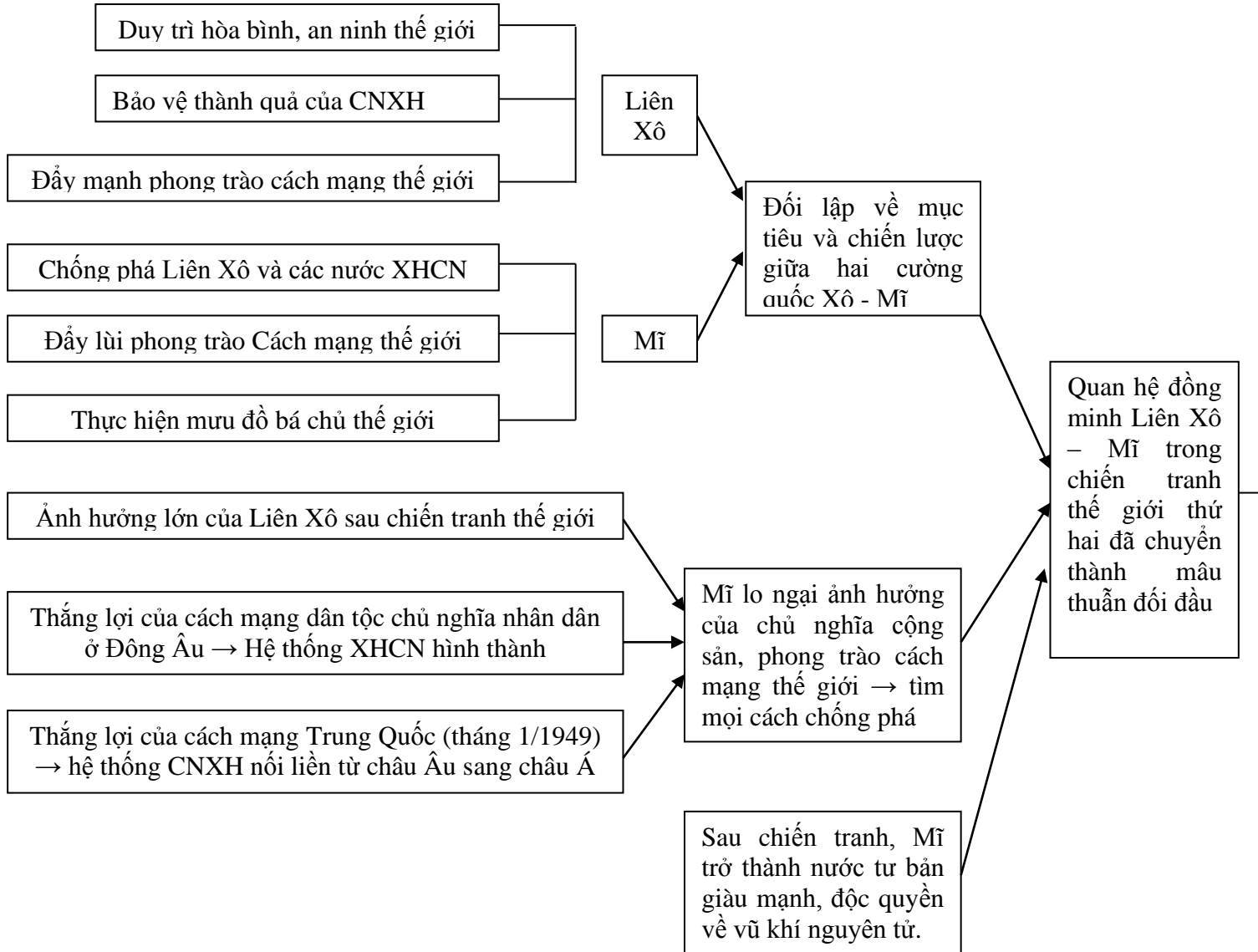
- + Nêu được những nét chính của quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- + Xác định và lí giải được các xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh chấm dứt.
- + So sánh được bản chất của Chiến tranh Lạnh với các cuộc chiến tranh thế giới đã xảy ra.

#### **❖ Kỹ năng**

- + Xác định sự kiện cơ bản.
- + Phân tích, so sánh, đánh giá các sự kiện lịch sử.
- + Vận dụng kiến thức về quan hệ quốc tế để giải quyết các vấn đề của lịch sử dân tộc hiện nay.

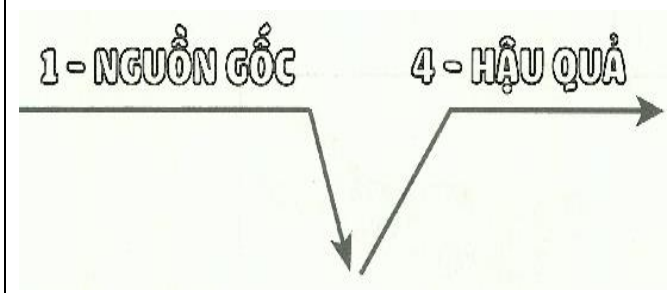
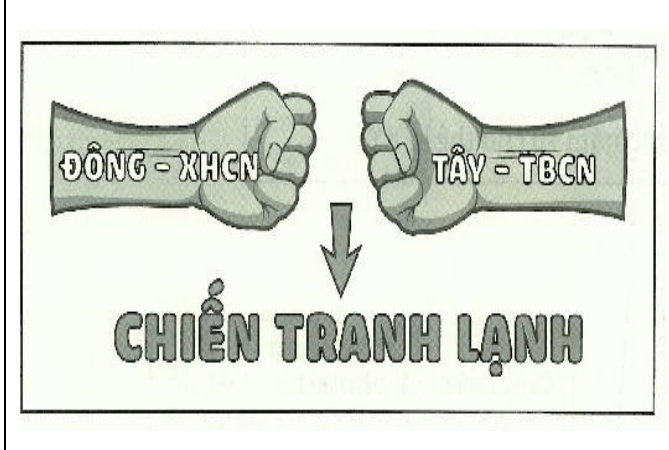
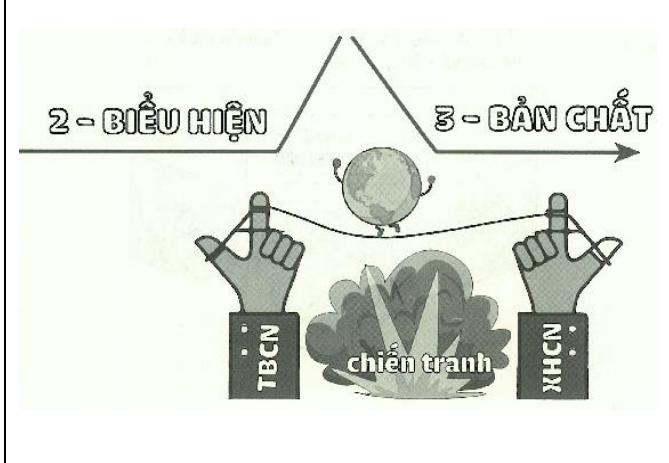
# I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

## MÂU THUẬN ĐÔNG - TÂY VÀ SỰ KHỞI ĐẦU CỦA CHIẾN TRANH LẠNH

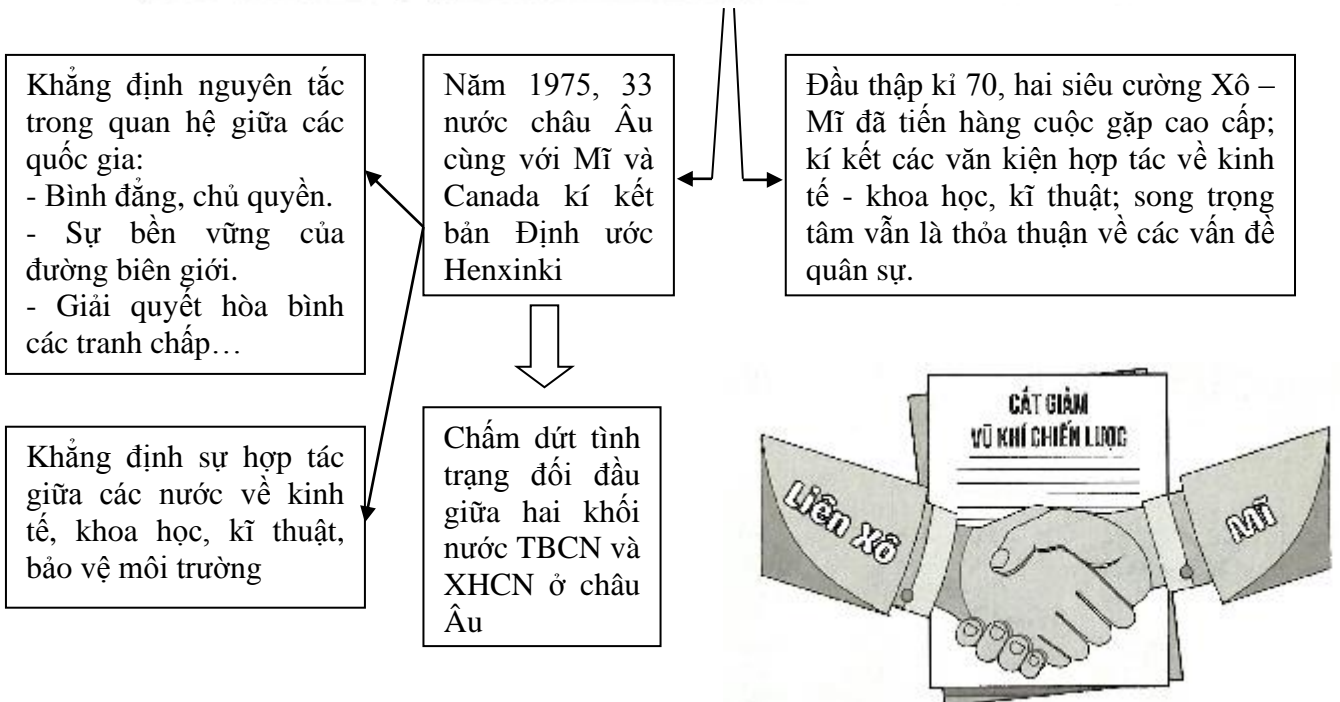
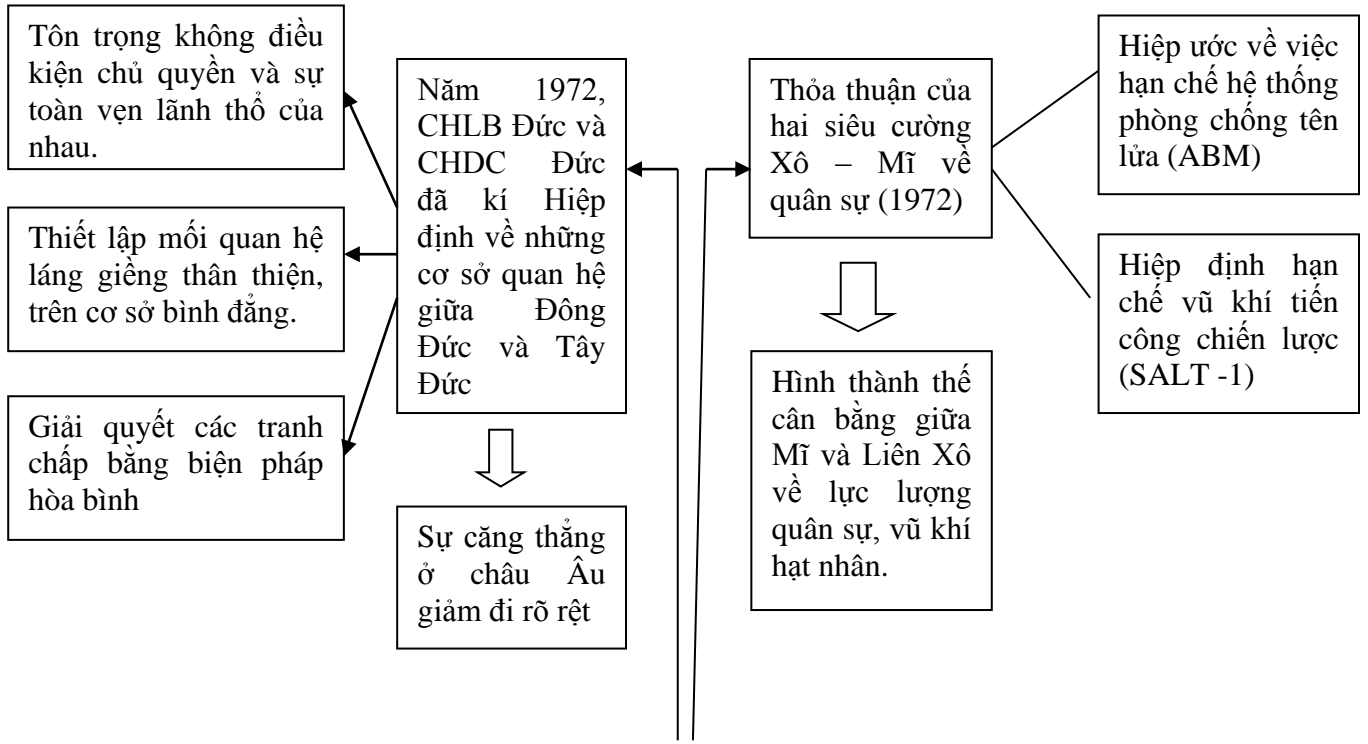


Mĩ	Liên Xô
<ul style="list-style-type: none"> <li>❖ Khởi đầu chính sách chống Liên Xô là thông điệp của Tổng thống Truman (3/1947) khẳng định: sự tồn tại của Liên Xô là nguy cơ lớn đối với nước Mĩ → đề nghị viện trợ khẩn cấp 400 triệu USD cho Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ. → Khởi đầu tình trạng Chiến tranh lạnh.</li> <li>❖ Tháng 6/1947, Mĩ thực hiện “Kế hoạch Mác san” nhằm:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp các nước Tây Âu khôi phục kinh tế.</li> <li>- Tập hợp các nước này vào liên minh quân sự chống lại Liên Xô và các nước Đông Âu.</li> </ul> </li> <li>❖ Tháng 4/1949 Mĩ cùng 11 nước phương Tây kí hiệp ước thành lập “Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương” (NATO) nhằm chống lại Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>❖ Tháng 1/1949, Liên Xô cùng các nước Đông Âu thành lập “Hội đồng tương trợ kinh tế” (SEV).</li> <li>❖ Mục đích của SEV: hợp tác và giúp đỡ giữa các nước XHCN về kinh tế, khoa học - kĩ thuật,...</li> <li>❖ Tháng 5/1955, Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập “Tổ chức Hiệp ước Vácava” (liên minh chính trị - quân sự mang tính chất phòng thủ của các nước XHCN ở châu Âu).</li> </ul>

→ Sự ra đời của NATO và Vácsava đã đánh dấu sự xác lập của cục diện hai cực → Chiến tranh lạnh bao trùm.

<p>1 - NGUỒN GỐC</p> <p>4 - HẬU QUẢ</p> 	<p>Chiến tranh lạnh trở thành nhân tố chủ yếu tác động và chi phối quan hệ quốc tế suốt nửa sau thế kỉ XX</p>
	<p>Gây nên một số cuộc chiến tranh cục bộ (Mĩ Xâm lược Việt Nam..)</p> <p>Dẫn đến một số quốc gia, dân tộc bị chia cắt: Đức, Triều Tiên...</p> <p>Các quốc gia, dân tộc bị lôi kéo, tham gia vào các liên minh chính trị - quân sự, kinh tế, cuộc chạy đua vũ trang,.. của hai phe</p> <p>Làm suy giảm sức mạnh và tiềm lực kinh tế của Mĩ và Liên Xô</p> <p>Tạo ra những khó khăn trong việc giải quyết những vấn đề chung của thế giới: bệnh dịch, ô nhiễm môi trường, nạn khủng bố...</p> <p>Góp phần làm hệ thống XHCN xói mòn, tan rã và sụp đổ.</p>
<p>2 - BIỂU HIỆN</p> <p>3 - BẢN CHẤT</p> 	<p>Là “chiến tranh không nổ súng, không đổ máu” nhưng thế giới “luôn ở trong tình trạng chiến tranh”.</p> <p>Là cuộc đối đầu căng thẳng giữa hai phe TBCN và XHCN do hai siêu cường Mĩ và Liên Xô làm trụ cột.</p> <p>Diễn ra trên hầu hết các lĩnh vực, ngoại trừ xung đột trực tiếp bằng quân sự giữa hai siêu cường Liên Xô - Mĩ.</p>

## XU THẾ HÒA HOÀN ĐÔNG TÂY



## CHIẾN TRANH LẠNH KẾT THÚC

### NGUYÊN NHÂN

Hơn 40 năm tiến hành Chiến tranh Lạnh khiến Mỹ và Liên Xô suy giảm thế mạnh trên nhiều mặt so với các cường quốc khác

Mỹ, Liên Xô gặp nhiều thách thức do sự vươn lên mạnh mẽ của Tây Âu và Nhật Bản...

Liên Xô khủng hoảng trầm trọng

Liên Xô và Mỹ cần thoát khỏi thế đối đầu để ổn định và củng cố vị thế của mình

### CHIẾN TRANH LẠNH CHẤM DỨT

Tháng 12/1989 tại đảo Manta (Địa Trung Hải), M. Gorbachop và G. Buso (cha) đã chính thức tuyên bố chấm dứt Chiến tranh Lạnh  
- Tình trạng Chiến tranh Lạnh thực sự kết thúc sau khi Liên Xô tan rã (1991), trật tự hai cực Ianta sụp đổ

### TÁC ĐỘNG

Mở ra chiều hướng và điều kiện để giải quyết hòa bình các tranh chấp, xung đột trên thế giới

Quan hệ giữa Mỹ và Liên Xô (sau là Nga) được cải thiện, dẫn đến những chuyển biến quan trọng trong các mối quan hệ và cục diện thế giới

Các khối quân sự đối đầu không còn nữa

Các vụ tranh chấp, xung đột chủ yếu được giải quyết bằng hòa bình

Xu thế hòa bình, đối thoại, hợp tác và phát triển trở thành tất yếu và phổ biến trên thế giới

## THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH

Trật tự hai cực Ianta sụp đổ.  
Trật tự thế giới mới đang hình thành theo xu hướng “đa cực”, nhiều trung tâm.

Các quốc gia điều chỉnh chiến lược phát triển, lấy kinh tế làm trọng điểm.

Chiến tranh Lạnh kết thúc, tình hình thế giới diễn ra nhiều chuyển biến to lớn và phức tạp.

Mỹ ra sức thiết lập trật tự “một cực” với tham vọng bá chủ thế giới. Tuy nhiên, do sự vươn lên và cạnh tranh quyết liệt của các nước nên Mỹ khó thực hiện tham vọng đó.

Tuy hòa bình, ổn định là xu thế chủ đạo, nhưng ở nhiều khu vực vẫn diễn ra nội chiến, xung đột, khủng bố.

Tuy hòa bình, ổn định là xu thế chủ đạo, nhưng ở nhiều khu vực vẫn diễn ra nội chiến, xung đột, khủng bố.

## II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

### ➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

**Câu 1.** Nội dung nào là nguyên nhân sâu xa dẫn đến việc Mỹ phát động cuộc Chiến tranh lạnh chống Liên Xô và Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa Mỹ và Liên Xô.
- B. Liên Xô có ảnh hưởng ngày càng lớn ở châu Âu và châu Á.
- C. CNXH trở thành hệ thống thế giới, từ Đông Âu đến châu Á.
- D. Mỹ trở thành nước giàu mạnh nhất, nắm độc quyền vũ khí nguyên tử.

**Câu 2.** Nội dung nào không phải là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng Chiến tranh lạnh giữa Mỹ và Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Sự chênh lệch về trình độ phát triển.
- B. Sự đối lập về mục tiêu và chiến lược.
- C. CNXH trở thành hệ thống.
- D. Những ảnh hưởng to lớn của Liên Xô.

**Câu 3.** Nguồn gốc sâu xa dẫn đến tình trạng Chiến tranh lạnh giữa hai siêu cường Xô - Mỹ là do

- A. CNXH trở thành hệ thống.
- B. sự đối lập về mục tiêu và chiến lược.
- C. Mỹ tự cho mình có quyền lãnh đạo thế giới.
- D. Liên Xô trở thành chỗ dựa của cách mạng thế giới.

**Câu 4.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cơ sở quan trọng nhất để Mỹ tự cho mình quyền lãnh đạo thế giới là do

- A. Mỹ nắm độc quyền vũ khí nguyên tử.
- B. Mỹ là nước thắng trận trong Chiến tranh,
- C. Mỹ là ủy viên thường trực của Liên hợp quốc.
- D. nền kinh tế của Mỹ phát triển nhất thế giới.

**Câu 5.** Bản chất của Chiến tranh lạnh do Mỹ phát động (1947) là

- A. chạy đua vũ trang làm cho nhân loại “luôn luôn ở trong tình trạng chiến tranh”.
- B. quá trình chuẩn bị để gây ra một cuộc chiến tranh thế giới mới.
- C. quá trình dùng sức mạnh quân sự để đe dọa đối phương.
- D. chưa gây chiến tranh nhưng dùng chính sách viện trợ để khống chế các nước.

**Câu 6.** Mục tiêu cơ bản của cuộc Chiến tranh lạnh do Mỹ phát động (1947) là

- A. lôi kéo các nước đồng minh của mình chống Liên Xô.
- B. chống lại ảnh hưởng của Liên Xô.
- C. phá hoại phong trào cách mạng thế giới.
- D. thực hiện chính sách thù địch, chống Liên Xô & các nước XHCN.

**Câu 7.** Đặc điểm nổi bật của quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX là gì?

- A. Hai siêu cường Xô - Mỹ đối thoại, hợp tác.
- B. Hòa bình, hợp tác trở thành xu thế chủ đạo.
- C. Hợp tác chính trị - văn hóa là xu thế chủ đạo.
- D. Hai siêu cường Xô - Mỹ đối đầu gay gắt.

**Câu 8.** Sự kiện nào đánh dấu mỗi quan hệ đồng minh chống phát xít giữa Mỹ và Liên Xô bắt đầu tan vỡ?

- A. Sự phân chia đóng quân giữa Mỹ và Liên Xô tại Hội nghị Ianta (1945).
- B. Sự ra đời của Học thuyết Truman và Chiến tranh lạnh (1947).
- C. Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập khối Hiệp ước Vácsava (1955).
- D. Sự ra đời của khối quân sự Bắc Đại Tây Dương - NATO (1949).

**Câu 9.** Nội dung nào sau đây không thể hiện những biến chuyển quan trọng của hệ thống đế quốc chủ nghĩa trong nửa sau thế kỉ XX?

- A. Mỹ triển khai thực hiện các chiến lược toàn cầu nhằm thống trị thế giới.
- B. Các nước đế quốc chuẩn bị chiến tranh để chia lại thuộc địa trên thế giới.
- C. Nền kinh tế các nước TBCN có sự tăng trưởng khá liên tục.
- D. Các nước tư bản có xu hướng liên kết kinh tế khu vực để hợp tác.

**Câu 10.** Tâm điểm đối đầu giữa hai cực Xô - Mỹ ở châu Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. khối quân sự NATO.
- B. Kế hoạch Mácsan.
- C. sự tồn tại hai nhà nước Đức.
- D. khối Hiệp ước Vácsava.

**Câu 11.** Nhân tố hàng đầu chi phối quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến đầu thập niên 90 của thế kỉ XX là gì?

- A. Sự ra đời của hai nhà nước Đức.
- B. Hệ thống CNXH được mở rộng.
- C. Tình trạng chiến tranh Lạnh.
- D. Sự ra đời và hoạt động của Liên hợp quốc.

**Câu 12.** Mối quan hệ giữa Cộng hòa Liên bang Đức và Cộng hòa Dân chủ Đức được cải thiện thông qua sự kiện nào sau đây?

- A. Hiệp ước hạn chế vũ khí tiến công chiến lược năm 1972 được kí kết.
- B. Việc kí kết Định ước Henxinki năm 1975.
- C. Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức được kí kết.
- D. Việc kí kết Hiệp ước về hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa năm 1972.

**Câu 13.** Biểu hiện đầu tiên của xu thế hòa hoãn Đông - Tây sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức được kí kết.
- B. Hiệp định đình chiến giữa hai nước Triều Tiên được kí kết.
- C. Việt Nam bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau.
- D. Liên Xô và Mỹ thỏa thuận về việc hạn chế vũ khí chiến lược.

**Câu 14.** Định ước Henxinki (1975) được kí kết giữa 33 nước châu Âu, Mỹ, Canada nhằm

- A. tăng cường hợp tác giữa các nước về giáo dục, y tế.
- B. trao đổi thành tựu khoa học - kĩ thuật.
- C. tạo ra cơ chế giải quyết vấn đề an ninh, hòa bình ở châu Âu.
- D. giải quyết vấn đề hòa bình ở Campuchia.

**Câu 15.** Mỹ và Liên Xô kí Hiệp ước ABM và Hiệp định SALT-1 (1972) có tác dụng nào sau đây?

- A. Giảm chi phí quân sự.
- B. Chuyển từ thế đối đầu sang đối thoại.
- C. Hình thành thế cân bằng về lực lượng quân sự và vũ khí chiến lược.
- D. Phân chia phạm vi ảnh hưởng và khu vực đóng quân của mỗi bên.

**Câu 16.** Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức được kí kết (1972) có ý nghĩa nào sau đây?



- A. Làm cho tình hình châu Âu bớt căng thẳng.
- B. Chấm dứt tình trạng Chiến tranh lạnh ở châu Âu.
- C. Đánh dấu sự tái thống nhất của nước Đức.
- D. Chấm dứt tình trạng đối đầu giữa hai phe ở châu Âu.

**Câu 17.** Việc kí kết Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức (1972) và Định ước Henxiki (1975) đều có tác động nào sau đây?

- A. Dẫn đến sự ra đời của Liên minh châu Âu (EU).
- B. Làm xuất hiện xu thế liên kết khu vực ở châu Âu.
- C. Chấm dứt tình trạng cạnh tranh giữa các cường quốc ở châu Âu.
- D. Tạo điều kiện để giải quyết hòa bình các tranh chấp ở châu Âu.

**Câu 18.** Định ước Henxinki (1975) và Hiệp ước Bali (1976) đều có điểm giống nhau là

- A. tăng cường sự trao đổi và hợp tác về khoa học kĩ thuật.
- B. mở ra xu thế “nhất thể hóa” khu vực và kết nối hai châu lục Á - Âu.
- C. tăng cường sự hợp tác liên minh khu vực trên lĩnh vực ngoại giao.
- D. xác định nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước.

**Câu 19.** Sự ra đời của tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (1949) và tổ chức Hiệp ước Vácava (1955) đã tác động như thế nào đến quan hệ quốc tế?

- A. Đánh dấu cuộc Chiến tranh lạnh chính thức bắt đầu.
- B. Xác lập cục diện hai cực, hai phe, Chiến tranh lạnh bao trùm thế giới.
- C. Tạo nên sự phân chia đối lập giữa Đông Âu và Tây Âu.
- D. Đặt nhân loại đứng trước nguy cơ của cuộc chiến tranh thế giới mới.

**Câu 20.** Mĩ và Liên Xô chính thức tuyên bố chấm dứt Chiến tranh Lạnh trong bối cảnh nào?

- A. Mĩ và Liên Xô suy yếu về nhiều mặt.
- B. Chủ nghĩa khủng bố đe dọa hòa bình thế giới.
- C. Xu thế toàn cầu hóa được xác lập trên thế giới.
- D. Các nước Á, Phi, Mĩ Latinh vừa giành được độc lập.

**Câu 21.** Sự kiện nào sau đây đánh dấu cuộc Chiến tranh lạnh kết thúc?

- A. Hiệp ước về hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM) năm 1972.
- B. 33 nước châu Âu cùng với Mĩ kí kết Định ước Henxinki năm 1975.
- C. Cuộc gặp không chính thức giữa Busơ và Goócbachốp tại đảo Manta (12/1989).
- D. Hiệp định về một giải pháp toàn diện cho vấn đề Campuchia (10/1991).

**Câu 22.** Trật tự thế giới nào được thiết lập sau Chiến tranh lạnh kết thúc?

- A. Trật tự thế giới “đơn cực”.
- B. Trật tự thế giới “hai cực”.
- C. Trật tự thế giới “ba cực”.
- D. Trật tự thế giới “đa cực”.

**Câu 23.** Sự khác biệt căn bản giữa Chiến tranh lạnh với các cuộc chiến tranh thế giới đã diễn ra trong thế kỉ XX là

- A. Mâu thuẫn giữa Liên Xô và Mĩ về vấn đề thuộc địa là nguyên nhân sâu xa dẫn đến chiến tranh lạnh.
- B. Chiến tranh lạnh diễn ra trên nhiều lĩnh vực, ngoại trừ xung đột trực tiếp về quân sự.
- C. Chiến tranh lạnh chỉ chủ yếu diễn ra trên lĩnh vực quân sự giữa hai siêu cường Xô - Mĩ.
- D. Chiến tranh lạnh diễn ra chủ yếu ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

**Câu 24.** Hậu quả nào là nghiêm trọng nhất do Chiến tranh lạnh gây ra trong suốt nửa sau thế kỉ XX?

- A. Các nước tăng cường chạy đua vũ trang, sản xuất vũ khí.
- B. Thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng, đối đầu nhau.
- C. Nhiều căn cứ quân sự được thiết lập trên thế giới.
- D. Nhân dân các nước châu Á, châu Phi, chịu nhiều khó khăn.

**Câu 25.** Nguyên nhân chủ yếu buộc Mỹ và Liên Xô chấm dứt Chiến tranh lạnh là do

- A. sự phát triển của khoa học kĩ thuật và xu thế toàn cầu hóa.
- B. cuộc chạy đua vũ trang làm cho hai nước tốn kém, suy giảm nhiều mặt.
- C. sự lớn mạnh của Trung Quốc và Ấn Độ và phong trào giải phóng dân tộc.
- D. Tây Âu và Nhật vươn lên mạnh mẽ trở thành đối thủ của Mỹ.

**Câu 26.** Xu thế chung của quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh là

- A. xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển.
- B. liên kết khu vực để tăng sức mạnh kinh tế, quân sự.
- C. xu thế cạnh tranh khốc liệt để cùng tồn tại.
- D. xu thế khủng bố, li khai đối đầu với nước lớn.

**Câu 27.** Sau Chiến tranh lạnh, sự kiện nào ở khu vực Đông Nam Á trở thành tấm gương tiêu biểu cho việc giải quyết hòa bình ở những khu vực xung đột trên thế giới?

- A. Việt Nam và Trung Quốc bình thường hóa quan hệ ngoại giao (1991).
- B. Hiệp định hòa bình về Campuchia được kí kết (1991).
- C. Việt Nam và Mỹ bình thường hóa quan hệ ngoại giao (1995).
- D. Ba nước Đông Dương gia nhập ASEAN (1995 - 1999).

**Câu 28.** Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, mâu thuẫn nào không xuất hiện trong quan hệ quốc tế?

- A. Mâu thuẫn về lợi ích dân tộc.
- B. Mâu thuẫn về thiết lập trật tự thế giới mới.
- C. Mâu thuẫn về sắc tộc, tôn giáo.
- D. Mâu thuẫn về thuộc địa.

**Câu 29.** Hoạt động của chủ nghĩa khủng bố ảnh hưởng như thế nào đến quan hệ quốc tế trong hai thập niên đầu của thế kỉ XXI?

- A. Làm cho tình hình an ninh thế giới bất ổn.
- B. Làm cho quan hệ giữa các nước ngày càng căng thẳng.
- C. Tạo ra cuộc chạy đua vũ trang mới trên thế giới.
- D. Nguy cơ dẫn tới cuộc chiến tranh thế giới mới.

**Câu 30.** Sự lớn mạnh và vươn lên mạnh mẽ của các cường quốc như Mỹ, Nhật Bản, Liên bang Nga, Trung Quốc từ sau Chiến tranh lạnh là minh chứng cho xu thế

- A. toàn cầu hóa.
- B. hợp tác quốc tế.
- C. “5 trung tâm”.
- D. “đa cực”.

**Câu 31.** Hòa bình, ổn định, hợp tác cùng phát triển vừa là

- A. nhiệm vụ chung của tất cả các quốc gia phát triển bước vào thế kỉ XXI.
- B. trách nhiệm của các nước đang phát triển.
- C. trách nhiệm của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.
- D. thời cơ, vừa là thách thức đối với các dân tộc khi bước vào thế kỉ XXI.

**Câu 32.** Sự khác biệt cơ bản giữa Chiến tranh lạnh và những cuộc chiến tranh thế giới đã qua là

- A. làm cho thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng.

- B. chủ yếu diễn ra trong phạm vi không gian giữa hai nước Mĩ và Liên Xô.
- C. diễn ra trên mọi lĩnh vực nhưng không xung đột trực tiếp bằng quân sự.
- D. thắng lợi thuộc về cường quốc có sức mạnh quân sự.

**Câu 33.** Yếu tố nào quyết định việc các nước tư bản ngày càng có xu hướng liên kết khu vực sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật.
- B. Yêu cầu giải quyết các vấn đề toàn cầu.
- C. Tạo sức mạnh cân bằng với Liên Xô và Đông Âu.
- D. Phát huy tối đa những lợi thế về kinh tế và xã hội.

**Câu 34.** Sau Chiến tranh lạnh, sức mạnh tổng hợp của các quốc gia dựa trên sự phát triển cao của

- A. kinh tế, công nghệ, quốc phòng.
- B. kinh tế, chính trị, xã hội.
- C. công nghệ, kinh tế, chính trị.
- D. công nghệ, kinh tế, giáo dục.

**Câu 35.** Nội dung nào dưới đây không phải là xu thế phát triển của thế giới sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt?

- A. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty độc quyền xuyên quốc gia.
- B. Trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành theo xu hướng đa cực.
- C. Hòa bình thế giới được củng cố nhưng ở nhiều khu vực lại không ổn định.
- D. Các quốc gia điều chỉnh chiến lược, tập trung vào phát triển kinh tế.

**Câu 36.** Sự tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu tác động như thế nào đến quan hệ quốc tế?

- A. Trật tự đơn cực được xác lập.
- B. Trật tự đa cực được thiết lập.
- C. Trật tự hai cực lanta sụp đổ.
- D. Trật tự nhiều trung tâm được hình thành.

**Câu 37.** Yếu tố nào dưới đây tác động tới sự thành bại của Mĩ trong nỗ lực vươn lên xác lập trật tự thế giới “đơn cực” giai đoạn sau Chiến tranh lạnh?

- A. Sự mở rộng không gian địa lý của hệ thống xã hội chủ nghĩa.
- B. Sự hình thành của các trung tâm kinh tế Tây Âu và Nhật Bản.
- C. Tương quan lực lượng giữa các cường quốc trên thế giới.
- D. Sự xuất hiện và ngày càng phát triển của các công ty độc quyền.

**Câu 38.** Sự kiện nào được xem là mốc khởi đầu dẫn đến sự tan vỡ mối quan hệ đồng minh giữa Mĩ và Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Thông điệp của Tổng thống Truman tại Quốc hội Mĩ.
- B. Mĩ quyết định triển khai “Kế hoạch Mácsan”.
- C. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.
- D. Mĩ thành lập khối quân sự NATO.

**Câu 39.** Yếu tố nào không dẫn đến sự xuất hiện xu thế hòa hoãn Đông - Tây vào đầu những năm 70 của thế kỉ XX?

- A. Sự cải thiện quan hệ giữa Liên Xô và Mĩ.
- B. Yêu cầu hợp tác giải quyết các vấn đề toàn cầu.
- C. Sự gia tăng mạnh mẽ của xu thế toàn cầu hóa.
- D. Sự bất lợi do tình trạng đối đầu giữa hai phe.

---

➤ ĐÁP ÁN

<b>1-A</b>	<b>2-A</b>	<b>3-B</b>	<b>4-D</b>	<b>5-A</b>	<b>6-D</b>	<b>7-A</b>	<b>8-B</b>	<b>9-B</b>	<b>10-C</b>
<b>11-C</b>	<b>12-C</b>	<b>13-A</b>	<b>14-C</b>	<b>15-C</b>	<b>16-A</b>	<b>17-D</b>	<b>18-D</b>	<b>19-B</b>	<b>20-A</b>
<b>21-C</b>	<b>22-D</b>	<b>23-B</b>	<b>24-B</b>	<b>25-B</b>	<b>26-A</b>	<b>27-B</b>	<b>28-D</b>	<b>29-A</b>	<b>30-D</b>
<b>31-D</b>	<b>32-C</b>	<b>33-A</b>	<b>34-A</b>	<b>35-A</b>	<b>36-C</b>	<b>37-C</b>	<b>38-A</b>	<b>39-C</b>	

## LỊCH SỬ THẾ GIỚI

### CHỦ ĐỀ 8: CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA

#### Mục tiêu

##### ❖ Kiến thức

- + Nêu và phân tích được nguồn gốc, đặc điểm cùng các giai đoạn phát triển của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ. Khái quát được những thành tựu chủ yếu của cuộc cách mạng.
- + Giải thích được nguồn gốc và biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa.
- + Đánh giá được tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ và xu thế toàn cầu hóa đối với nhân loại.

##### ❖ Kỹ năng

- + Sưu tầm, sử dụng tư liệu bổ sung cho kiến thức trong sách giáo khoa.
- + Phân tích, so sánh, đánh giá các sự kiện lịch sử.
- + Vận dụng kiến thức để đánh giá thực tiễn.

# I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

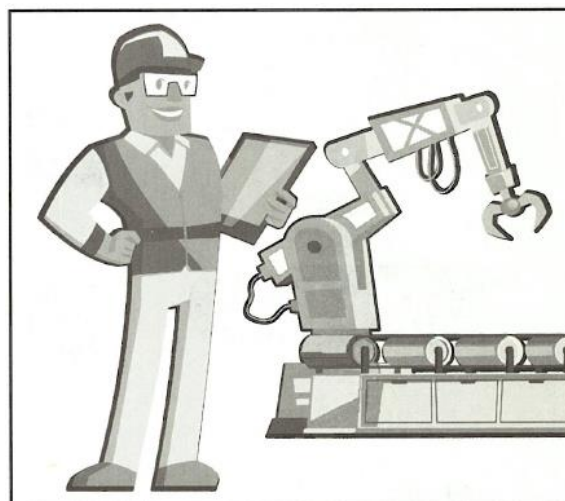
## CÁCH MẠNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ

### 1. Nguồn gốc

- Những đòi hỏi của cuộc sống, sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người.
- Yêu cầu cần phải giải quyết các vấn đề mang tính toàn cầu: bùng nổ dân số, vơi cạn tài nguyên,...
- Để phục vụ cho cuộc Chiến tranh thế giới thứ II, các bên tham chiến đều muốn sản xuất ra những loại vũ khí hiện đại có tính năng tàn phá và gây sát thương cao.
- Tiền đề từ những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

### 2. Đặc điểm

- Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp
  - + Mọi phát minh về kĩ thuật, công nghệ đều gắn liền với nghiên cứu khoa học.
  - + Khoa học gắn liền với kĩ thuật, khoa học đi trước mở đường cho kĩ thuật và kĩ thuật đi trước mở đường cho sản xuất.
- Khoa học đã trở thành nguồn gốc của các tiến bộ về kĩ thuật và công nghệ.



### 3. Các giai đoạn phát triển

- Những năm 40 của thế kỉ XX đến năm 1973: Cách mạng khoa học - kĩ thuật.
- Năm 1973 đến hiện nay: Cách mạng khoa học - công nghệ. Công nghệ trở thành cốt lõi của cuộc cách mạng.

### 4. Thành tựu tiêu biểu

- Diễn ra trên quy mô lớn, ở mọi lĩnh vực, phát triển với tốc độ nhanh và đạt được những thành tựu kì diệu.
- Phát minh trên lĩnh vực khoa học cơ bản (Toán học, Hóa học, Sinh học ...).
- Lĩnh vực công nghệ (công cụ sản xuất mới; nguồn năng lượng mới; vật liệu mới; công nghệ sinh học; thông tin liên lạc và giao thông vận tải; chinh phục vũ trụ ...).

### 5. Tác động

#### - Tích cực:

- + Tăng năng suất lao động, không ngừng nâng cao mức sống, chất lượng cuộc sống của con người.
- + Làm thay đổi lớn về cơ cấu dân cư, chất lượng nguồn nhân lực.

+ Đặt ra yêu cầu mới về chất lượng nguồn lực, về giáo dục và đào tạo, hình thành thị trường thế giới với xu thế toàn cầu hóa.

- **Hạn chế:** Gây ra những hậu quả mà con người chưa thể khắc phục được:

+ Tai nạn lao động, tai nạn giao thông.

+ Sản xuất vũ khí hủy diệt.

+ Ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, bệnh dịch mới,...

## 6. Tác động tới Việt Nam

- Thời cơ: tiếp thu những thành tựu khoa học - công nghệ, áp dụng vào sản xuất để phát triển đất nước.

- Thách thức: xuất phát điểm thấp, nên nguy cơ tụt hậu luôn tiềm ẩn.

## 7. So sánh với cách mạng công nghiệp

- Cách mạng công nghiệp (cuối thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX)

+ Khởi đầu từ nước Anh.

+ Các tiến bộ, phát minh, sáng chế đều bắt nguồn từ lĩnh vực kĩ thuật và thực tiễn sản xuất.

+ Đặc trưng: sử dụng năng lượng nước, hơi nước để cơ giới hóa quá trình sản xuất.

+ Đưa nhân loại sang nền “văn minh công nghiệp”.

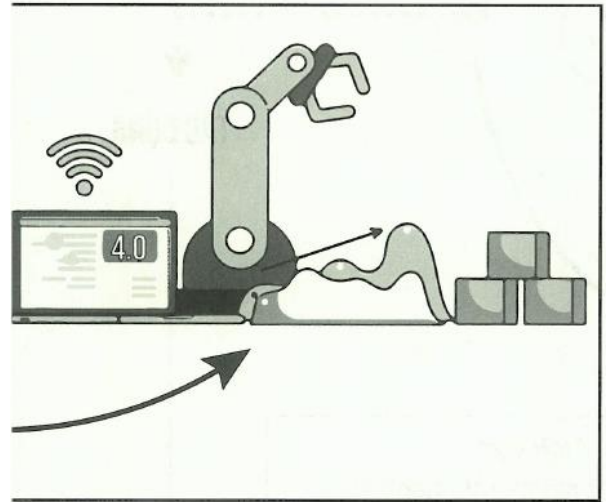
- Cách mạng khoa học - công nghệ (những năm 70 của thế kỉ XX - nay)

+ Khởi đầu từ nước Mỹ.

+ Mọi phát minh kĩ thuật, công nghệ đều được bắt nguồn từ hoạt động nghiên cứu khoa học.

+ Đặc trưng: sử dụng điện tử và công nghệ thông tin để tự động hóa sản xuất.

+ Đưa nhân loại sang nền “văn minh trí tuệ”.



---

## TOÀN CẦU HÓA

### 1. Nguồn gốc, bản chất

- Nguồn gốc: hệ quả của cách mạng khoa học - công nghệ.
- Bản chất: là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, các dân tộc trên thế giới.

### 2. Biểu hiện

- Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
- Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.
- Sự sáp nhập và hợp nhất của các công ty thành những tập đoàn lớn.
- Sự ra đời của các tổ chức kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực.



### 3. Tác động

#### - Tích cực

- + Thúc đẩy rất mạnh, rất nhanh sự phát triển và xã hội hóa của lực lượng sản xuất, đưa tới sự tăng trưởng cao về kinh tế.
- + Góp phần làm chuyển biến cơ cấu kinh tế.
- + Đặt ra các yêu cầu cần phải cải cách sâu rộng để nâng cao cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế.

#### - Hạn chế

- + Trầm trọng thêm sự bất công xã hội, khoét sâu thêm ngăn cách giàu nghèo.
- + Mọi hoạt động và đời sống con người kém an toàn hơn.
- + Nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc và độc lập chủ quyền của quốc gia.



## II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

### ➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

**Câu 1:** Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại từ những năm 40 của thế kỉ XX có nguồn gốc sâu xa từ

- A. sự mất cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội.
- B. yêu cầu giải quyết tình trạng khủng hoảng kinh tế thế giới.
- C. nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các quốc gia.
- D. những đòi hỏi ngày càng cao của cuộc sống và sản xuất.

**Câu 2:** Nội dung nào sau đây **không** phải là nguồn gốc của các cuộc cách mạng khoa học- công nghệ?

- A. Giải quyết vấn đề bùng nổ dân số.
- B. Giải quyết những đòi hỏi của cuộc sống, của sản xuất.
- C. Đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người.
- D. Yêu cầu giải quyết tình trạng khủng hoảng kinh tế thế giới.

**Câu 3:** Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ diễn ra từ những năm 40 của thế kỉ XX được khởi đầu từ

- A. nước Anh.
- B. nước Mỹ.
- C. nước Đức.
- D. nước Pháp.

**Câu 4:** Thành tựu nào của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của sản xuất nông nghiệp?

- A. Phát minh ra nguồn năng lượng mới.
- B. Tìm ra phương pháp sinh sản vô tính.
- C. Thành tựu của cuộc “cách mạng xanh”.
- D. Thành tựu của cuộc “cách mạng chất xám”.

**Câu 5:** Cách mạng khoa học - công nghệ đã đưa con người bước sang một nền văn minh mới, thường được gọi là

- A. “văn minh nông nghiệp”.
- B. “văn minh công nghiệp”.
- C. “văn minh thương mại”.
- D. “văn minh thông tin”.

**Câu 6:** Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ là

- A. diễn ra trên một số lĩnh vực quan trọng.
- B. diễn ra trên tất cả các lĩnh vực.
- C. diễn ra với qui mô và tốc độ chưa từng thấy.
- D. khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

**Câu 7:** Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai được gọi là cách mạng khoa học - công nghệ vì

- A. đã hình thành mạng thông tin máy tính toàn cầu.
- B. sự ra đời của máy tính điện tử và khả năng liên kết toàn cầu.
- C. công nghệ sinh học được sử dụng trên toàn thế giới.
- D. cách mạng khoa học công nghệ trở thành cốt lõi của cách mạng khoa học - kĩ thuật.

**Câu 8:** Nội dung nào sau đây **không** phải là tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ?

- A. Các mâu thuẫn xã hội được giải quyết triệt để.
- B. Tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm.
- C. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của con người.
- D. Tạo nên sự thay đổi căn bản về cơ cấu dân cư.

**Câu 9:** Cuộc cách mạng nào sau đây có mục đích biến thế giới thực thành thế giới số?

- A. Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất.                      B. Cách mạng công nghiệp lần thứ hai.  
C. Cách mạng khoa học - kĩ thuật.                              D. Cách mạng công nghiệp 4.0.

**Câu 10:** Một trong những hạn chế của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ là

- A. sản xuất vũ khí hiện đại có sức hủy diệt.  
B. làm thay đổi căn bản cơ cấu dân cư.  
C. hình thành một thị trường thế giới với xu thế toàn cầu hóa.  
D. làm thay đổi chất lượng nguồn nhân lực.

**Câu 11:** Một trong những hạn chế của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ là

- A. hiện tượng Trái đất nóng dần lên.  
B. làm thay đổi căn bản cơ cấu dân cư.  
C. hình thành một thị trường thế giới với xu thế toàn cầu hóa.  
D. làm thay đổi chất lượng nguồn nhân lực.

**Câu 12:** Biểu hiện nào sau đây **không** phải là hạn chế của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ?

- A. Hiện tượng Trái đất nóng dần lên.                      B. Xuất hiện những bệnh dịch mới.  
C. Sản xuất vũ khí hiện đại có sức hủy diệt.                      D. Làm thay đổi chất lượng nguồn nhân lực.

**Câu 13:** Điểm khác nhau căn bản giữa cuộc cách mạng khoa học - công nghệ so với cuộc cách mạng công nghiệp ở thế kỷ XVIII - XIX là

- A. các phát minh khoa học nhằm cải tiến công cụ sản xuất.  
B. mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.  
C. mọi phát minh về kĩ thuật bắt nguồn từ thực tiễn kinh nghiệm.  
D. mọi phát minh khoa học đều phục vụ nhu cầu của con người.

**Câu 14:** Điểm khác nhau căn bản giữa cuộc cách mạng khoa học - công nghệ so với cuộc cách mạng công nghiệp ở thế kỷ XVIII - XIX là

- A. các phát minh về kĩ thuật đều nhằm cải tiến chất lượng công cụ sản xuất.  
B. thời gian từ phát minh khoa học đến ứng dụng vào sản xuất được rút ngắn.  
C. mọi phát minh về kĩ thuật bắt nguồn từ thực tiễn sản xuất.  
D. mọi phát minh khoa học đều nhằm mục đích phục vụ nhu cầu của con người.

**Câu 15:** Điểm giống nhau về mục đích giữa cuộc cách mạng khoa học - công nghệ từ những năm 40 của thế kỉ XX và cuộc cách mạng công nghiệp ở thế kỷ XVIII - XIX là đều

- A. tăng cường sức mạnh của các cường quốc tư bản.  
B. đáp ứng nhu cầu của cuộc sống con người.  
C. tạo đối trọng giữa hai hệ thống chính trị - xã hội đối lập.  
D. sản xuất vũ khí hiện đại phục vụ nhu cầu chiến tranh.

**Câu 16:** Một trong những đặc điểm nổi bật của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ từ những năm 70 của thế kỉ XX đến nay là

- A. sử dụng điện tử và công nghệ thông tin để tự động hóa sản xuất.  
B. sử dụng năng lượng thủy triều, hơi nước để cơ giới hóa sản xuất.  
C. đạt nhiều thành tựu nổi bật về công cụ sản xuất, nguồn năng lượng.  
D. mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn sản xuất.

**Câu 17:** Nhận xét nào sau đây phản ánh đúng đặc điểm của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật từ những năm 40 của thế kỉ XX?

- A. Tất cả những phát minh kĩ thuật đều khởi nguồn từ Mỹ.
- B. Khoa học tham gia trực tiếp vào sản xuất.
- C. Tất cả các phát minh kĩ thuật luôn mở đường cho khoa học.
- D. Khoa học luôn đi trước mở đường và tồn tại độc lập với kĩ thuật.

**Câu 18:** Nhận xét nào sau đây phản ánh đúng đặc điểm của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật từ những năm 40 của thế kỉ XX?

- A. Tất cả những phát minh kĩ thuật đều khởi nguồn từ Mỹ.
- B. Cách mạng khoa học gắn liền với cách mạng kĩ thuật.
- C. Tất cả các phát minh kĩ thuật luôn mở đường cho khoa học.
- D. Khoa học luôn đi trước mở đường và tồn tại độc lập với kĩ thuật.

**Câu 19:** Nhận xét nào sau đây phản ánh đúng đặc điểm của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật từ những năm 40 của thế kỉ XX?

- A. Tất cả những phát minh kĩ thuật đều khởi nguồn từ Mỹ.
- B. Thời gian từ phát minh khoa học đến ứng dụng vào sản xuất được rút ngắn.
- C. Tất cả các phát minh kĩ thuật luôn mở đường cho khoa học.
- D. Khoa học luôn đi trước mở đường và tồn tại độc lập với kĩ thuật.

**Câu 20:** Hệ quả quan trọng của cách mạng khoa học - công nghệ từ đầu những năm 70 của thế kỷ XX đến nay là

- A. xuất hiện xu thế toàn cầu hóa.
- B. dẫn tới những thay đổi lớn về cơ cấu dân cư.
- C. xuất hiện những phát minh quan trọng trong lĩnh vực công nghệ.
- D. đưa tới sự ra đời của các thế hệ máy tính điện tử.

**Câu 21:** Toàn cầu hóa là kết quả quá trình tăng tiến mạnh mẽ của

- A. lực lượng sản xuất.
- B. quan hệ sản xuất.
- C. hoạt động cạnh tranh thương mại toàn cầu.
- D. hoạt động hợp tác kinh tế - tài chính khu vực.

**Câu 22:** Nội dung nào sau đây **không** phải là biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa?

- A. Sự phát triển của quan hệ thương mại quốc tế.
- B. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế.
- C. Sự phát triển của các công ty xuyên quốc gia.
- D. Việc duy trì liên minh Mỹ - Nhật.

**Câu 23:** Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế là một trong những biểu hiện của xu thế

- A. hòa hoãn tạm thời
- B. hợp tác và đấu tranh.
- C. đa dạng hóa.
- D. toàn cầu hóa.

**Câu 24:** Một trong những hạn chế của xu thế toàn cầu hóa là

- A. cơ cấu kinh tế của các nước có sự chuyển biến.
- B. đặt ra yêu cầu phải tiến hành cải cách để nâng cao tính cạnh tranh.

C. thúc đẩy sự phát triển và xã hội hóa của lực lượng sản xuất.

D. nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.

**Câu 25:** Một trong những hạn chế của xu thế toàn cầu hóa là

A. cơ cấu kinh tế của các nước có sự chuyển biến.

B. thúc đẩy xã hội hóa của lực lượng sản xuất.

C. sự phân hóa giàu - nghèo ngày càng sâu sắc.

D. tăng cường sức cạnh tranh của các nền kinh tế.

**Câu 26:** Một trong những hạn chế của xu thế toàn cầu hóa là

A. nguy cơ xâm phạm nền độc lập tự chủ của các quốc gia.

B. cơ cấu kinh tế của các nước có sự chuyển biến.

C. tạo ra sự thay đổi lớn về cơ cấu dân cư.

D. thúc đẩy sự phát triển và xã hội hóa của lực lượng sản xuất.

**Câu 27:** Biểu hiện nào sau đây là tác động tiêu cực của toàn cầu hóa?

A. Sự phát triển của các công ty xuyên quốc gia.

B. Sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.

C. Sự chuyển biến mạnh mẽ và căn bản của cơ cấu nền kinh tế.

D. Làm trầm trọng thêm sự bất công trong xã hội.

**Câu 28:** Tổ chức nào sau đây **không** phải biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa?

A. Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA).

B. Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM).

C. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).

D. Hiệp ước thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA).

**Câu 29:** Biểu hiện nào chứng tỏ tính hai mặt của toàn cầu hóa?

A. Tạo cơ hội phát triển cho các nước.

B. Là thách thức đối với các nước công nghiệp mới.

C. Vừa tạo ra cơ hội vừa tạo ra thách thức cho các dân tộc.

D. Tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc.

**Câu 30:** Nội dung nào không phản ánh đúng những thời cơ mà xu thế toàn cầu hóa đặt ra đối với các nước đang phát triển?

A. Tiếp thu những thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại.

B. Mở rộng quan hệ hợp tác, chiếm lĩnh thị trường,...

C. Các mâu thuẫn xã hội được giải quyết triệt để.

D. Khai thác vốn đầu tư, học hỏi kinh nghiệm quản lí.

**Câu 31:** Một trong những tác động quan trọng của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ đối với xu hướng phát triển chung của các nước tư bản hiện nay là

A. tập trung nghiên cứu, phát minh và bán bản quyền thu lợi nhuận.

B. liên kết kinh tế khu vực để tăng sức cạnh tranh.

C. đầu tư nhiều cho giáo dục để đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao.

D. mở rộng quan hệ hợp tác với tất cả các nước trên thế giới.

**Câu 32:** Bước vào thế kỷ XXI, xu thế chung của thế giới hiện nay là

- A. hòa bình, ổn định, cùng hợp tác phát triển.
- B. cạnh tranh quyết liệt trên tất cả các lĩnh vực.
- C. thiết lập trật tự thế giới “một cực” của các cường quốc.
- D. hòa nhập mà không hòa tan về văn hóa.

**Câu 33:** Từ thập kỉ 80 của thế kỉ XX, toàn cầu hóa là một xu thế khách quan, một thực tế không thể đảo ngược vì toàn cầu hóa là

- A. hệ quả cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại.
- B. kết quả của việc mở rộng các tổ chức liên kết quốc tế.
- C. kết quả của việc thống nhất thị trường giữa các nước đang phát triển.
- D. hệ quả của việc mở rộng quan hệ thương mại giữa các cường quốc.

**Câu 34:** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng những tác động tích cực của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại?

- A. Tăng năng suất lao động, tạo ra khối lượng của cải vật chất khổng lồ.
- B. Nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống của con người.
- C. Giải quyết triệt để vấn đề ô nhiễm môi trường, bùng nổ dân số.
- D. Hình thành một thị trường thế giới với xu thế toàn cầu hóa.

**Câu 35:** Một trong những thành tựu kĩ thuật được đánh giá quan trọng nhất của thế kỉ XX là

- A. tìm ra phương pháp sinh sản vô tính.
- B. phát minh ra máy tính điện tử.
- C. chế tạo thành công bom nguyên tử.
- D. công bố “Bản đồ gen người”.

### III. ĐÁP ÁN

1 - D	2 - D	3 - B	4 - C	5 - D	6 - D	7 - D	8 - A	9 - D	10 - A
11 - A	12 - D	13 - B	14 - B	15 - B	16 - A	17 - B	18 - B	19 - B	20 - A
21 - A	22 - D	23 - D	24 - D	25 - C	26 - A	27 - D	28 - C	29 - C	30 - C
31 - B	32 - A	33 - A	34 - C	35 - B					

## LỊCH SỬ VIỆT NAM

### CHỦ ĐỀ 1: NHÂN DÂN VIỆT NAM KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP XÂM LƯỢC (TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1884)

#### Mục tiêu

##### ❖ Kiến thức

- + Nêu được biểu hiện khủng hoảng của nhà Nguyễn
- + Khái quát được quá trình mở rộng xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp từ năm 1858 đến năm 1884
- + Tóm tắt được các giai đoạn trong phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884).
- + So sánh, đánh giá được tinh thần chống Pháp của quan quân triều đình và nhân dân, từ đó rút ra nguyên nhân Việt Nam mất độc lập

##### ❖ Kỹ năng

- + Quan sát kênh hình: lược đồ, tranh ảnh lịch sử
- + Biết lập niên biểu và sử dụng lược đồ để trình bày những sự kiện chính trong quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam.
- + So sánh, đánh giá các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

# I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

## TÌNH HÌNH VIỆT NAM GIỮA THẾ KỈ XIX TRƯỚC CUỘC XÂM LƯỢC CỦA THỰC DÂN PHÁP

### 1. Kinh tế

- Nông nghiệp sa sút, mất mùa, đói kém thường xuyên
- Công thương nghiệp đình đốn. Nhà nước thực hiện chính sách “bê quan tỏa cảng”.

### 2. Quân sự: Lạc hậu

### 3. Đối ngoại: Sai lầm

- Đối với nhà Thanh: Thần phục.
- Đối với Lào và Campuchia: bắt họ thần phục
- Đối với các nước phương Tây: đóng cửa, không quan hệ; cấm đạo, xua đuổi giáo sĩ.

**4. Xã hội:** Nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra: Cao Bá Quát, Lê Duy Lương, Lê Văn Khôi, Nông Văn Vân...


⇒ Giữa thế kỉ XIX Việt Nam vẫn là một quốc gia độc lập, có chủ quyền, song chế độ phong kiến đã lâm vào khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng.

## NGUYÊN NHÂN VIỆT NAM BỊ PHÁP XÂM LƯỢC




- ❖ Tham vọng của thực dân Pháp về thị trường, nguyên liệu, nhân công rẻ mạt.
- ❖ Việt Nam là quốc gia có vị trí thuận lợi, giàu có tài nguyên.
- ❖ Chế độ phong kiến Việt Nam khủng hoảng trầm trọng.
- ❖ Pháp lấy cớ triều Nguyễn cấm đạo, giết đạo để tấn công Việt Nam.

## VIỆT NAM KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1858 – 1884)

Chiến trường	Hành động xâm lược của Pháp	Việt Nam kháng chiến chống Pháp	Kết quả
<b>ĐÀ NẴNG (9/1858 - 2/1859)</b>	• 31/8/1858: liên quân Pháp - Tây Ban Nha dàn trận trước cửa biển Đà Nẵng. • 1/9/1858: Pháp chính thức nổ súng xâm lược Việt Nam.	<b>Thái độ, hành động của triều đình:</b> Cử Nguyễn Tri Phương làm chỉ huy mặt trận Đà Nẵng, tổ chức nhân dân thực hiện “vườn không nhà trống”.	Quân Pháp bị cầm chân tại chỗ. → Kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của Pháp bước đầu bị phá sản.
		<b>Cuộc kháng chiến của nhân dân:</b> Sát cánh cùng triều đình kháng chiến.	
<b>GIA ĐỊNH (1859-1860)</b>	• Tháng 2 năm 1859: Pháp chuyển hướng đánh chiếm Gia Định, thực hiện kế hoạch “chinh phục từng gói	<b>Thái độ, hành động của triều đình:</b> • Quân triều đình chống trả yếu ớt, nhanh chóng đầu hàng. • Nguyễn Tri Phương cho xây dựng hệ	• Gia Định bị Pháp chiếm đóng. • Cơ hội phản công quân Pháp

	nhỏ". • Đầu năm 1960, một phần lực lượng quân Pháp ở Gia Định bị đưa sang Trung Quốc.	thống phòng ngự. <b>Cuộc kháng chiến của nhân dân:</b> Chủ động chống trả quyết liệt ngay khi quân Pháp đến Gia Định.	bị bỏ lỡ.
<b>ĐÔNG NAM KÌ (1861 -1862)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 2/1861, Pháp tấn công và chiếm được Đại đồn Chí Hòa.</li> <li>• Thừa thắng, Pháp mở rộng đánh chiếm Định Tường, Biên Hòa, Vĩnh Long.</li> </ul>  <p>Pháp tấn công Đại đồn Chí Hòa</p>	<b>Thái độ, hành động của triều đình:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất:</li> <li>• Nhượng hẳn cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kì, đảo Côn Lôn.</li> <li>• Mở cửa biển Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên cho thương nhân Pháp, Tây Ban Nha tự do buôn bán.</li> <li>• Bồi thường 20 triệu quan chiến phí...</li> </ul> <b>Cuộc kháng chiến của nhân dân:</b> Diễn ra sôi nổi, quyết liệt. Tiêu biểu là vụ đốt cháy tàu Hi Vọng của Pháp trên sông Vàm Cỏ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Pháp làm chủ được vùng Đông Nam Kì (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa).</li> <li>• Mở đầu quá trình đầu hàng từng bước của triều Nguyễn.</li> </ul>
<b>ĐÔNG NAM KÌ SAU NĂM 1862</b>	♦ Pháp tạm dừng quá trình mở rộng xâm lược Việt Nam để bình định các vùng đất đã chiếm được.	<b>Thái độ, hành động của triều đình:</b> Ra lệnh giải tán các đội nghĩa binh chống Pháp. <b>Cuộc kháng chiến của nhân dân:</b> Đấu tranh chống Pháp dưới nhiều hình thức: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dùng văn thơ châm biếm như Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Thông.</li> <li>• Tiếp tục kháng chiến bất chấp lệnh bãi binh của triều đình như Trương Định...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Pháp đã củng cố được nền thống trị ở Đông Nam Kì, làm bàn đạp chiếm nốt Tây Nam Kì.</li> <li>• Các cuộc đấu tranh đều bị đàn áp.</li> </ul>
<b>TÂY NAM KÌ (1867)</b>	♦ Lấy cớ nhà Nguyễn vi phạm Hiệp ước 1862, ngày 20/6/1867, quân Pháp đã kéo đến thành Vĩnh Long yêu cầu nộp thành.	<b>Thái độ, hành động của triều đình:</b> Phan Thanh Giản giao nộp Vĩnh Long và yêu cầu quan quân tỉnh An Giang và Hà Tiên làm theo. <b>Cuộc kháng chiến của nhân dân:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Một số sĩ phu ra Bình Thuận để mưu cuộc kháng chiến lâu dài.</li> <li>• Đấu tranh vũ trang quyết liệt: Trương Quyền; Phan Tôn, Phan Liêm; Nguyễn Trung Trực; Nguyễn Hữu Huân.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ba tỉnh miền Tây Nam Kì rơi vào tay thực dân Pháp.</li> <li>• Cuộc đấu tranh của nhân dân đều thất bại.</li> </ul>



<p><b>BẮC KÌ LẦN THỨ NHẤT (1873-1874)</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Lấy cờ giải quyết vụ Đuy-puy, đầu tháng 11/1873, Pháp đưa quân ra Bắc.</li> <li>• 20/11/1873, Pháp tấn công thành Hà Nội, sau đó mở rộng đánh chiếm các tỉnh thuộc đồng bằng Bắc Kì.</li> </ul>  <p>Pháp tấn công thành Hà Nội (1873)</p>	<p><b>Thái độ, hành động của triều đình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Quan quân thành Hà Nội chống cự quyết liệt.</li> <li>• Sau chiến thắng cầu Giấy (12/1873), nhà Nguyễn chủ trương thương thuyết, kí với Pháp Hiệp ước Giáp Tuất (1874).</li> <li>• Pháp sẽ rút khỏi Bắc Kì, nhưng triều Nguyễn phải thừa nhận chủ quyền của Pháp ở 6 tỉnh Nam Kì, cam kết mở cửa Thị Nại, Ninh Hải, tỉnh lỵ Hà Nội, sông Hồng cho Pháp vào buôn bán...</li> <li>• Ngoại giao của Việt Nam lệ thuộc vào đường lối ngoại giao của nước Pháp.</li> </ul> <p><b>Cuộc kháng chiến của nhân dân:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tổ chức chiến đấu ngay khi quân Pháp đặt chân ra Bắc.</li> <li>• Trận đánh tiêu biểu: trận cầu Giấy (12/1873) tạo ra cơ hội để triều đình phản công nhưng đã bị bỏ lỡ.</li> </ul>	<p>Chủ quyền quốc gia bị xâm phạm khi 6 tỉnh Nam Kì thuộc về Pháp; đặc quyền kinh tế của tư bản Pháp được xác lập trên khắp Việt Nam.</p>
<p><b>BẮC KÌ LẦN THỨ HAI (1882-1883)</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Lấy cờ nhà Nguyễn vi phạm Hiệp ước 1874 → đầu tháng 4/1882, Pháp đưa quân ra Bắc.</li> <li>• 25/4/1882, Pháp tấn công thành Hà Nội, sau đó mở rộng đánh chiếm vùng đồng bằng Bắc Kì.</li> </ul>  <p>Pháp tấn công thành Hà Nội (1883)</p>	<p><b>Thái độ, hành động của triều đình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Quan quân thành Hà Nội chiến đấu anh dũng.</li> <li>• Triều Nguyễn cầu cứu nhà Thanh, ảo tưởng về việc thương thuyết với Pháp.</li> </ul> <p><b>Cuộc kháng chiến của nhân dân:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tổ chức chiến đấu ngay khi quân Pháp đặt chân ra Bắc.</li> <li>• Tiêu biểu: trận cầu Giấy (5/1883).</li> </ul> 	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Pháp chiếm được các tỉnh Bắc Kì.</li> <li>• Chính phủ Pháp khẩn trương gửi viện binh, chuẩn bị mở cuộc tấn công quyết định vào Huế.</li> </ul>
<p><b>HUẾ (1883 – 1884)</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tháng 8/1883, Pháp tấn công và chiếm được cửa Thuận An.</li> <li>• Tháng 12/1883, Pháp tổ</li> </ul>	<p><b>Thái độ, hành động của triều đình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kí với Pháp bản Hiệp ước Hác măng (1883) chính thức thừa nhận sự bảo hộ của nước Pháp đối với Việt Nam.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thực dân Pháp cơ bản hoàn thành quá trình xâm lược Việt Nam.</li> </ul>

chức các cuộc hành quân để đẩy lui quân Thanh về nước, đàn áp cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam → buộc nhà Nguyễn kí Hiệp ước Patonốt (1884).



Pháp tấn công cửa biển Thuận An (1883)

• Kí với Pháp Hiệp ước Patonốt (1884).



Lễ kí Hiệp ước Hác-măng (1883)

• Việt Nam từ một nước phong kiến độc lập trở thành nước thuộc địa nửa phong kiến.

**Cuộc kháng chiến của nhân dân:**

Tiếp tục đứng lên đấu tranh bất chấp lệnh bãi binh của triều đình.

## NGUYÊN NHÂN VIỆT NAM BỊ MÁT ĐỘC LẬP Ở NỬA SAU THẾ KỈ XIX

1. Dân tộc Việt Nam phải đối mặt với một kẻ thù xâm lược hoàn toàn mới, hơn hẳn về trình độ phát triển (thực dân Pháp).
2. Chế độ phong kiến dưới triều Nguyễn khủng hoảng → khiến cho sức đề kháng của dân tộc bị suy giảm nghiêm trọng.
3. Triều Nguyễn không đưa ra được một đường lối kháng chiến đúng đắn, thiếu quyết tâm chống Pháp → bỏ qua nhiều cơ hội để phản công, đi từ đầu hàng từng bước đến hoàn toàn.
4. Triều Nguyễn không tổ chức được chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, thậm chí còn can thiệp các phong trào đấu tranh.
5. Nhà Nguyễn chưa nhận thức được đầy đủ vai trò của cải cách, canh tân đất nước; thi hành chính sách ngoại giao đơn phương đã làm cho triều đình bị cô lập trong cuộc chiến.

## II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

**Câu 1.** Khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược Đà Nẵng (1858), nhân dân Việt Nam đã phát huy kế sách đánh giặc nào của ông cha?

- |                          |                         |
|--------------------------|-------------------------|
| A. Tiên phát chế nhân.   | B. Vây thành diệt viện. |
| C. Vườn không nhà trống. | D. Dĩ đoản chế trường.  |

**Câu 2.** Sau thất bại trong việc thực hiện kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” ở Đà Nẵng, từ tháng 2/1859 thực dân Pháp chuyển hướng tấn công vào

- |              |              |               |                |
|--------------|--------------|---------------|----------------|
| A. Gia Định. | B. Biên Hòa. | C. Vĩnh Long. | D. Định Tường. |
|--------------|--------------|---------------|----------------|

**Câu 3.** Trong quá trình tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, năm 1867 thực dân Pháp chiếm những tỉnh nào?

- |                                     |                                    |
|-------------------------------------|------------------------------------|
| A. Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên.    | B. Gia Định, Định Tường, Biên Hòa. |
| C. Định Tường, Biên Hòa, Vĩnh Long. | D. Gia Định, Vĩnh Long, An Giang.  |

**Câu 4.** Trong quá trình xâm lược Việt Nam, ngày 20/11/1873, quân Pháp nổ súng tấn công

- A. Hà Nội.                      B. Huế.                      C. Gia Định.                      D. Đà Nẵng.

**Câu 5.** Sau chiến thắng cầu Giấy lần thứ nhất (21/12/1873), hành động của triều đình Nguyễn là

- A. bắt hợp tác với thực dân Pháp.                      B. phối hợp với nhân dân đánh Pháp,  
C. kí hòa ước tiếp tục nhân nhượng Pháp.                      D. chính thức đầu hàng thực dân Pháp.

**Câu 6.** Thực dân Pháp đã lấy cớ gì để mang quân đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai (1882)?

- A. Triều đình nhà Nguyễn vi phạm Hiệp ước 1862.  
B. Triều đình nhà Nguyễn ngăn cản lái buôn Pháp ở Bắc Kỳ.  
C. Triều đình nhà Nguyễn vi phạm Hiệp ước 1874.  
D. Triều đình nhà Nguyễn cầu viện nhà Thanh để đánh Pháp.

**Câu 7.** Thực dân Pháp đã sử dụng thủ đoạn chủ yếu nào trong quá trình xâm lược Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1884?

- A. Quân sự kết hợp chính trị.                      B. Quân sự kết hợp kinh tế.  
C. Chính trị kết hợp kinh tế.                      D. Kinh tế kết hợp ngoại giao.

**Câu 8.** Hậu quả của việc triều đình nhà Nguyễn kí với Pháp Hiệp ước Giáp Tuất (1874) là

- A. ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ rơi vào tay Pháp.  
B. sáu tỉnh Nam Kỳ rơi vào tay Pháp.  
C. triều đình thừa nhận sự bảo hộ của Pháp ở Bắc Kỳ.  
D. Việt Nam chính thức trở thành thuộc địa của Pháp.

**Câu 9.** Đến giữa thế kỷ XIX, Việt Nam là một nước

- A. thuộc địa nửa phong kiến.  
B. có độc lập, chủ quyền nhưng chế độ phong kiến khủng hoảng trầm trọng.  
C. quân chủ lập hiến, có độc lập chủ quyền và hùng mạnh nhất Đông Nam Á.  
D. đã mất độc lập, chủ quyền.

**Câu 10.** Sự kiện đánh dấu thực dân Pháp chính thức xâm lược Việt Nam vào nửa cuối thế kỉ XIX là

- A. năm 1857, Pháp lập ra Hội đồng Nam Kỳ để bàn cách can thiệp Việt Nam.  
B. chiều 31/8/1858, liên quân Pháp-Tây Ban Nha dàn quân trước cửa biển Đà Nẵng.  
C. ngày 9/2/1859, hạm đội Pháp tới Vũng Tàu.  
D. ngày 1/9/1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng đổ bộ lên bán đảo Sơn Trà.

**Câu 11.** Sau khi tiến hành xâm lược Đà Nẵng (1858) và Gia Định (1859-1860), kết quả mà Pháp nhận được là

- A. làm chủ vùng đất Nam Kỳ, buộc triều đình nhà Nguyễn nhượng bộ.  
B. bị sa lầy ở cả hai nơi, rơi vào tình thế tiến thoái lưỡng nan.  
C. bị nhân dân đánh trả quyết liệt, quân Pháp buộc phải rút quân về nước.  
D. chiếm đóng được ở cả hai nơi, có lợi thế để mở rộng đánh chiếm Nam Kỳ.

**Câu 12.** Nguyên nhân nào khiến thực dân Pháp ráo riết tiến đánh Hà Nội và các tỉnh Bắc Kỳ lần thứ hai (1883)?

- A. Thực dân Pháp muốn hoàn thành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.
- B. Lấy Bắc Kỳ làm bàn đạp tấn công Trung Quốc và các nước Đông Nam Á.
- C. Lực lượng quân lính triều đình nhà Nguyễn ở Bắc Kỳ mỏng và yếu.
- D. Bắc Kỳ là vùng đất cuối cùng ở Việt Nam mà Pháp chưa chinh phục được.

**Câu 13.** Đặc điểm nổi bật nhất trong phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân miền Tây Nam Kỳ sau năm 1862 là

- A. do nông dân khởi xướng và lãnh đạo.
- B. sử dụng hình thức đấu tranh phong phú.
- C. đã lôi cuốn nhiều văn thân, sĩ phu tham gia.
- D. kết hợp giữa chống ngoại xâm và chống phong kiến.

**Câu 14.** Nhận xét nào sau đây là không đúng về phong trào kháng chiến chống Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1873?

- A. Bất chấp lệnh bãi binh của triều đình, tiếp tục kháng chiến chống Pháp.v
- B. Ngay từ đầu, đã sát cánh với triều đình chống thực dân Pháp xâm lược.
- C. Phong trào kháng chiến tuy lúc đầu diễn ra sôi nổi nhưng ngày càng lắng xuống.
- D. Chủ động đứng lên chống Pháp với tinh thần dũng cảm, hình thức sáng tạo.

**Câu 15.** Sau khi chiếm thành Gia Định (tháng 2/1859), thực dân Pháp phải phá thành, rút quân xuống các tàu chiến vì

- A. nhân dân chủ động bao vây, bám sát, quấy rối và tiêu diệt quân Pháp.
- B. chiến lược chủ động tiến công của triều đình nhà Nguyễn phát huy tác dụng.
- C. quân đội triều đình nhà Nguyễn và nhân dân phối hợp chiến đấu có hiệu quả.
- D. thực dân Pháp phải chia bớt lực lượng cho chiến trường Bắc Kỳ.

**Câu 16.** Trước sự tấn công của quân Pháp ở Gia Định (1859), quân đội triều đình đã

- A. kêu gọi nhân dân chống Pháp.
- B. đoàn kết với nhân dân đẩy lùi âm mưu của quân Pháp.
- C. nhanh chóng tan rã.
- D. tập hợp lực lượng, chiến đấu dũng cảm.

**Câu 17.** Cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp của quân dân Việt Nam ở chiến trường Đà Nẵng (1858 - 1859) đã

- A. làm thất bại bước đầu kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của Pháp.
- B. buộc Pháp phải chuyển hướng tấn công ra Bắc Kỳ.
- C. buộc Pháp phải chuyển sang kế hoạch đánh vào kinh thành Huế.
- D. làm thất bại âm mưu xâm lược và đô hộ Việt Nam của Pháp.

**Câu 18.** Trước sự thay đổi cục diện chiến trường Nam Kỳ đầu năm 1860, hành động của triều đình nhà Nguyễn là

- A. tập hợp binh lính, chủ động tấn công giặc
- B. “thủ hiểm” trong phòng tuyến Chí Hòa.
- C. chủ động tấn công giặc ở Đại đồn Chí Hòa.
- D. nhanh chóng đầu hàng Pháp.

**Câu 19.** Sau chiến thắng cầu Giấy lần thứ nhất (1873), thái độ của nhà Nguyễn là

- A. vẫn nuôi ảo tưởng hoà hoãn với Pháp.
- B. phối hợp với quân của Lưu Vĩnh Phúc để đánh Pháp.
- C. đứng về phía nhân dân kiên quyết kháng chiến.
- D. lo sợ Pháp trả thù nên hoà hoãn với Pháp.

**Câu 20.** Nhận xét nào sau đây không đúng về cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam tại mặt trận Đà Nẵng (1858 - 1859)?

- A. Buộc thực dân Pháp phải chuyển hướng tấn công vào Gia Định.
- B. Phản ánh sự phối hợp chiến đấu giữa triều đình nhà Nguyễn với nhân dân.
- C. Làm thất bại hoàn toàn âm mưu “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp.
- D. Chứng tỏ tinh thần đoàn kết, chủ động kháng chiến của nhân dân.

**Câu 21.** Hiệp ước nào đánh dấu Việt Nam từ một nước phong kiến độc lập dần trở thành thuộc địa của thực dân Pháp?

- A. Hiệp ước Giáp Tuất (1874).
- B. Hiệp ước Hác măng (1883).
- C. Hiệp ước Nhâm Tuất (1862).
- D. Hiệp ước Patonốt (1884).

**Câu 22.** Điểm giống nhau về thái độ của Triều đình nhà Nguyễn trong hai lần chiến thắng cầu Giấy của quân dân Bắc Kỳ cuối thế kỉ XIX là

- A. dàn trải quân đội đến các vị trí để tiếp tục chiến đấu.
- B. chủ động kí với Pháp hiệp ước để giữ vững chủ quyền dân tộc.
- C. kiên quyết đấu tranh với Pháp không để mất chủ quyền dân tộc.
- D. nuôi ảo tưởng thu hồi Hà Nội bằng con đường thương thuyết.

**Câu 23.** Hiệp ước Hác măng (1883) và Patonốt (1884) được kí kết

- A. đã mở đầu cho quá trình đầu hàng của triều đình nhà Nguyễn.
- B. chứng tỏ Pháp đã dập tắt được phong trào đấu tranh của nhân dân.
- C. chứng tỏ Pháp hoàn thành xâm lược ba nước Đông Dương.
- D. là mốc đánh dấu Việt Nam trở thành thuộc địa của Pháp.

**Câu 24.** Nội dung nào phản ánh đúng cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam từ 1862 - 1883?

- A. Sau khi quân triều đình tan rã, nhân dân tổ chức các phong trào kháng chiến.
- B. Phong trào tạm lắng do triều đình cấu kết với Pháp đàn áp khốc liệt.
- C. Nhân dân kết hợp chặt chẽ với quân đội triều đình đánh thực dân Pháp.
- D. Đánh Pháp theo sự chỉ đạo của quan quân triều đình.

**Câu 25.** Chính sách nào của nhà Nguyễn càng làm rạn nứt khối đoàn kết dân tộc, gây bất lợi cho sự nghiệp kháng chiến về sau?

- A. Độc quyền công thương.
- B. cấm họp chợ.
- C. “Bế quan tỏa cảng”.
- D. “Cấm đạo, giết đạo”.

**Câu 26.** Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Việt Nam (1858 -1884) thất bại là do

- A. triều đình nhà Nguyễn thiếu đường lối chỉ đạo đúng đắn.
- B. nhân dân thiếu quyết tâm kháng chiến.
- C. triều đình nhà Nguyễn chỉ đàm phán thương lượng.
- D. nhân dân không ủng hộ triều đình kháng chiến.

**Câu 27.** Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam ở chiến trường Gia Định (1859 - 1860) đã

- A. buộc Pháp lập tức chuyển lực lượng tấn công, đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất.
- B. làm thất bại hoàn toàn kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của Pháp.
- C. buộc Pháp lập tức chuyển lực lượng trở lại đánh chiếm Đà Nẵng.
- D. làm thất bại kế hoạch “đánh chắc, tiến chắc” của Pháp.

**Câu 28.** Nhận xét nào là đúng về trận tuyến của triều đình nhà Nguyễn trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1858- 1884)?

- A. Triều đình đã tổ chức cả nước quyết tâm chống Pháp xâm lược.
- B. Triều đình thiếu quyết tâm, lúng túng trong việc đối phó với Pháp.
- C. Triều đình quy tụ được phong trào chống Pháp của nhân dân.
- D. Triều đình đi từ chủ hòa đến phòng thủ, bảo vệ lợi ích dòng họ.

**Câu 29.** Lực lượng chủ yếu tham gia phong trào yêu nước chống Pháp ở Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX là

- A. nông dân và sĩ phu phong kiến yêu nước.
- B. công nhân và nông dân.
- C. nông dân và tiểu tư sản.
- D. nông dân và sĩ phu phong kiến tư sản hóa.

**Câu 30.** Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 - 1884), tình hình sau trận cầu Giấy lần thứ hai (19/5/1883) có điểm gì khác so với trận cầu Giấy lần thứ nhất (21/12/1873)?

- A. Triều đình vẫn ảo tưởng vào con đường thương thuyết.
- B. Quân Pháp ở Bắc Kỳ vô cùng lo sợ.
- C. Nhân dân cả nước vui mừng phấn khởi.
- D. Chính phủ Pháp càng đặt quyết tâm xâm lược Việt Nam.

## ĐÁP ÁN

1-C	2-A	3-A	4-A	5-C	6-C	7-A	8-B	9-B	10-D
11-B	12-A	13-D	14-C	15-A	16-C	17-A	18-B	19-A	20-C
21-C	22-D	23-D	24-A	25-D	26-A	27-B	28-B	29-A	30-D

## **CHỦ ĐỀ 2: PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỈ XIX**

### **Mục tiêu**

#### **❖ Kiến thức**

- + Trình bày được hoàn cảnh nôi ra các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam cuối thế kỉ XIX
- + Trình bày được diễn biến chính của một số khởi nghĩa tiêu biểu: Bãi Sậy, Hương Khê, Yên Thế
- + Chỉ ra được tính chất, đặc điểm, nguyên nhân thất bại của các phong trào đấu tranh yêu nước, chống Pháp ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX

#### **❖ Kỹ năng**

- + Khai thác, sử dụng tư liệu
- + Quan sát, sử dụng tranh ảnh, lược đồ
- + So sánh, nhận xét, đánh giá,... các sự kiện, hiện tượng lịch sử

# I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

## 1. Phong trào Cần Vương (1885 – 1896)

- Nguyên nhân bùng nổ:
  - + Cuộc phản công ở kinh thành Huế
    - Nguyên nhân
      - Mâu thuẫn dân tộc phát triển gay gắt
      - Hi vọng khôi phục chủ quyền của phe chủ chiến
      - Hành động đe dọa của Pháp
    - Đêm ngày 4 rạng sáng 5/7/1885, phe chủ chiến tổ chức cuộc phản công ở kinh thành Huế
      - Thất bại
  - + Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi ra Quảng Trị, xuống chiếu cần vương, kêu gọi văn thân, sĩ phu đứng lên giúp vua cứu nước
- Các giai đoạn phát triển:
  - + 1885 – 1888
    - Lãnh đạo: vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết và các văn thân sĩ phu yêu nước
    - Lực lượng: đông đảo nhân dân và cả các dân tộc thiểu số.
    - Địa bàn: rộng lớn khắp Bắc Kỳ và Trung Kỳ.
    - Các cuộc đấu tranh tiêu biểu: khởi nghĩa của Phan Đình Phùng, Đinh Công Tráng, Nguyễn Thiện Thuật.
    - Kết quả: năm 1888, vua Hàm Nghi bị bắt và đi đày ở
  - + 1888-1896
    - Lãnh đạo: các văn thân, sĩ phu yêu nước.
    - Địa bàn: chuyển trọng tâm lên vùng núi và trung du.
    - Tổ chức: quy tụ thành các cuộc khởi nghĩa lớn, trình độ tổ chức cao.
    - Các cuộc đấu tranh tiêu biểu: khởi nghĩa Bãi Sậy, Hùng Lĩnh, Hương Khê....
    - Kết quả: năm 1896, phong trào cần vương chấm dứt.
- Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu:

Khởi nghĩa	Bãi Sậy (1883 – 1892)	Hương Khê (1885 – 1896)
Nội dung		
Lãnh đạo	Nguyễn Thiện Thuật	Phan Đình Phùng, Cao Thắng
Địa bàn	Căn cứ chính là Bãi Sậy (Hưng Yên) Địa bàn hoạt động lan sang Hải Dương, Bắc Ninh	Căn cứ chính là Hương Khê (Hà Tĩnh) Địa bàn hoạt động khắp 4 tỉnh Bắc Trung Kỳ.



Hoạt động chủ yếu	1885 – 1887: nghĩa quân đẩy lùi nhiều cuộc càn quét của địch. Từ năm 1888, thực dân Pháp quyết tiêu diệt cuộc đấu tranh. Năm 1892, thủ lĩnh cuối cùng bị bắt. Cuộc khởi nghĩa thất bại	1885-1888: giai đoạn chuẩn bị xây dựng lực lượng, cơ sở chiến đấu. 1888 – 1896: thời kì chiến đấu quyết liệt của nghĩa quân, giành được một số thắng lợi lớn. Cuối năm 1896, Phan Đình Phùng hi sinh. Cuộc khởi nghĩa thất bại.
Ý nghĩa	Đặc điểm nổi bật: sử dụng lối đánh du kích. Để lại bài học kinh nghiệm tác chiến ở đồng bằng.	Là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần Vương. Lập được nhiều chiến công, gây cho Pháp nhiều khó khăn.

- Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thất bại:

+ Ý nghĩa lịch sử:

- Thể hiện tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam.
- Làm chậm quá trình bình định của Pháp.
- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá cho các phong trào cứu nước sau này.

+ Nguyên nhân thất bại

- Đường lối đấu tranh còn nhiều hạn chế
- Tương quan lực lượng chênh lệch, bất lợi cho ta.
- Sự lỗi thời của ngọn cờ phong kiến.
- Cách đánh giặc chủ yếu là dựa vào địa thế hiểm trở để xây dựng căn cứ.
- Thiếu sự thống nhất, phối hợp giữa các cuộc khởi nghĩa với nhau.

## 2. Khởi nghĩa Yên Thế (1884 – 1913)

- Bối cảnh bùng nổ:

- + Sự sa sút của nông nghiệp thời Nguyễn → nhiều nông dân Bắc Kì đi phiêu tán, trong đó một bộ phận lên Yên Thế xây dựng cuộc sống mới.
- + Chủ trương bình định trung du, miền núi Bắc Kì, trong đó có Yên Thế của Pháp.
  - Để bảo vệ cuộc sống của mình, nông dân Yên Thế đã đứng lên đấu tranh.

- Những nét chính về khởi nghĩa:

Nội dung	Những nét chính
Thời gian tồn tại	Kéo dài 30 năm (1884 - 1913)
Phạm vi hoạt động	Chủ yếu ở Bắc Giang. Căn cứ chính là Yên Thế
Lãnh đạo	Đề Năm, Đề Thám
Lực lượng tham gia	Nông dân Yên Thế
Các giai đoạn phát triển	<p>1884 - 1892: các toán nghĩa quân hoạt động riêng rẽ. Thủ lĩnh uy tín nhất là Đề Năm. Năm 1892, Đề Năm bị sát hại, Đề Thám lên trở thành thủ lĩnh tối cao.</p> <p>1893 - 1897: vừa chiến đấu, vừa giảng hòa với thực dân Pháp.</p> <p>1898 -1908: 10 năm hòa hoãn. Căn cứ Yên Thế trở thành nơi hội tụ của những nhà yêu nước.</p> <p>1909 - 1913: Pháp mở cuộc tấn công quyết định lên Yên Thế. Đề Thám bị sát hại. Phong trào dần tan rã.</p>

- Tính chất, nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử:
  - + Tính chất:
    - Cuộc đấu tranh tự phát của nông dân.
  - + Nguyên nhân thất bại:
    - Phạm vi bó hẹp trong một địa phương nên dễ bị cô lập.
    - So sánh lực lượng chênh lệch, bất lợi cho nghĩa quân.
  - + Ý nghĩa lịch sử:
    - Bồi đắp thêm truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc.
    - Góp phần làm chậm quá trình bình định của Pháp.
    - Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho các cuộc đấu tranh yêu nước ở giai đoạn sau.

### 3. So sánh phong trào nông dân Yên Thế và phong trào Cần Vương:

- Giống nhau:
  - + Bối cảnh lịch sử → Đất nước mất độc lập -> giải phóng dân tộc là yêu cầu cấp thiết
  - + Khuynh hướng chính trị → Đều thuộc phạm trù phong kiến, chịu sự chi phối của hệ tư tưởng phong kiến.
  - + Mục tiêu cao nhất → Đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc → Đều mang tính dân tộc
  - + Phương thức đấu tranh → Khởi nghĩa vũ trang.
  - + Phương thức chiến đấu → Dựa vào địa hình để xây dựng căn cứ, mang tính cố thủ, bị động, phòng ngự.

+ Kết quả → Thất bại.

- Khác nhau:

	<b>Phong trào nông dân Yên Thế</b>	<b>Phong trào Cần Vương</b>
Tính chất	Phong trào đấu tranh tự phát của nông dân → không chịu sự chi phối của triều Cần Vương.	Phong trào yêu nước chống Pháp theo tư tưởng phong kiến. → Chịu sự chi phối của triều Cần vương.
Phương hướng đấu tranh	Chống lại chính sách cướp bóc, bình định quân sự của thực dân Pháp, bảo vệ cuộc sống ở Yên Thế. → Chưa đưa ra phương hướng phát triển rõ ràng	Chống Pháp, giành độc lập dân tộc, xây dựng nhà nước phong kiến với “vua hiền, tôi giỏi”
Lực lượng lãnh đạo	Các thủ lĩnh nông dân có uy tín, được nghĩa quân bầu lên.	Các văn thân, sĩ phu yêu nước chủ động đứng lên khởi nghĩa theo tiếng gọi cần Vương.
Phạm vi, quy mô	Diễn ra chủ yếu tại địa bàn huyện Yên Thế (Bắc Giang). Kéo dài 30 năm (1884 - 1913).	Diễn ra trên phạm vi rộng lớn, chủ yếu ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ. Kéo dài 11 năm (1885 - 1896).

## II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

### ➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

**Câu 1:** Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự thất bại của phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam cuối thế kỉ XIX là

- A. thiếu đường lối đúng đắn và giai cấp lãnh đạo tiên bộ
- B. nhân dân thiếu quyết tâm chống thực dân Pháp xâm lược
- C. đi ngược lại với truyền thống đấu tranh vũ trang của dân tộc
- D. phái chủ chiến không liên kết được với quần chúng nhân dân

**Câu 2:** Cuộc khởi nghĩa Yên Thế (1884 - 1913) và phong trào cần vương (1885 - 1896) ở Việt Nam có điểm khác biệt cơ bản về

- A. đối tượng đấu tranh chủ yếu
- B. lực lượng tham gia
- C. xuất thân lực lượng lãnh đạo
- D. kết quả cuối cùng

**Câu 3:** Phong trào cần vương (1885 - 1896) được sự ủng hộ của đông đảo nhân dân chứng tỏ

- A. nguyện vọng bức thiết của nhân dân là độc lập dân tộc
- B. mâu thuẫn sâu sắc giữa thực dân Pháp và triều đình phong kiến

C. chế độ phong kiến vẫn tiến bộ và được nhân dân ủng hộ

D. nguyện vọng của nhân dân là thiết lập chế độ phong kiến

**Câu 4:** ở Việt Nam, cuộc khởi nghĩa Yên Thế (1883 - 1913) có điểm gì khác so với phong trào cần vương (1885- 1896)?

A. Lực lượng tham gia chủ yếu nông dân

B. Hình thức đấu tranh duy nhất là vũ trang

C. Xuất thân thành phần lãnh đạo là nông dân

D. Địa bàn rộng khắp cả nước

**Câu 5:** Đây là tính chất của phong trào Cần Vương (1885 - 1896)?

A. Phong trào nông dân tự phát

B. Theo khuynh hướng dân chủ tư sản

C. Yêu nước theo khuynh hướng phong kiến

D. Phong trào yêu nước và cách mạng

**Câu 6:** Điểm khác của cuộc khởi nghĩa Hương Khê và cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy là

A. quy mô rộng lớn

B. được sự ủng hộ của nhân dân

C. do sĩ phu phong kiến lãnh đạo

D. dựa vào địa hình địa thế để đấu tranh

**Câu 7:** Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự thất bại của phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam cuối thế kỉ XIX là

A. các cuộc khởi nghĩa thiếu sự liên kết chặt chẽ với nhau

B. nhân dân thiếu quyết tâm chống thực dân Pháp xâm lược

C. đi ngược lại với truyền thống đấu tranh vũ trang của dân tộc

D. các cuộc khởi nghĩa chỉ diễn ra ở các địa bàn miền núi

**Câu 8:** Phái chủ chiến đứng đầu là Tôn Thất Thuyết tổ chức cuộc phản công quân Pháp ở kinh thành Huế và phát động phong trào cần vương dựa trên cơ sở

A. sự ủng hộ của nhân dân và quan lại chủ chiến

B. sự ủng hộ của binh lính

C. sự đồng tâm nhất trí trong hoàng tộc

D. sự ủng hộ của triều đình Mãn Thanh

**Câu 9:** Sau Hiệp ước Hác măng (1883) và Patonôt (1884), việc làm đầu tiên của thực dân Pháp là

A. bắt bớ, giam cầm những sĩ phu yêu nước thuộc phái chủ chiến

B. thiết lập chế độ bảo hộ và bộ máy chính quyền thực dân ở ba Kì

C. thiết lập chế độ bảo hộ và bộ máy chính quyền thực dân ở Bắc Kì và Trung Kì

D. tấn công vào vùng căn cứ các cuộc khởi nghĩa, đàn áp, trả thù nhân dân

**Câu 10:** Người đại diện của phái chủ chiến trong triều đình Huế là

A. Tôn Thất Thiệp

B. Tôn Thất Thuyết

C. Phan Thanh Giản

D. Trương Quang Ngọc

**Câu 11:** Nội dung nào dưới đây không phải là hành động của phái chủ chiến trong triều đình Huế?

A. Bổ sung lực lượng, xây dựng sơn phòng, tích trữ lương thực

B. Gạt các vua thân Pháp, đưa Hoàng tộc có tư tưởng yêu nước lên ngôi

C. Xây dựng lực lượng quân tinh nhuệ để bảo vệ phái chủ chiến trong triều

D. Trừ khử những người chống đối, bí mật liên kết với văn thân, sĩ phu yêu nước

**Câu 12:** Sự kiện thổi bùng lên ngọn lửa yêu nước trong nhân dân sau khi Pháp cơ bản hoàn thành xâm lược Việt Nam cuối thế kỉ XIX là

A. cuộc phản công quân Pháp của phái chủ chiến bị thất bại

B. sự cướp bóc và tàn sát nhân dân ta của thực dân Pháp sau khi phe chủ chiến thất bại

C. thực dân Pháp thiết lập chế độ bảo hộ và bộ máy chính quyền ở Bắc và Trung Kỳ

D. Tôn Thất Thuyết lấy danh vua Hàm Nghi xuống chiếu cần vương

**Câu 13:** Điểm khác biệt của phong trào cần vương giai đoạn 1885 - 1888 so với giai đoạn 1888 - 1896 là

A. có sự lãnh đạo của các văn thân, sĩ phu yêu nước

B. có sự lãnh đạo trực tiếp vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết

C. có sự tham gia đông đảo của quần chúng nhân dân

D. diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ, quyết liệt

**Câu 14:** Điểm khác nhau về địa bàn hoạt động của phong trào cần vương giai đoạn 1885 - 1888 so với giai đoạn 1888 - 1896 là

A. quy tụ thành các trung tâm lớn, tập trung ở trung du và miền núi

B. trải dài trên địa bàn rộng lớn, tập trung ở các tỉnh Bắc Kỳ và Trung Kỳ

C. tập trung ở đồng bằng, trung du và miền núi Bắc Kỳ

D. chủ yếu tập trung ở Nam Kỳ và Trung Kỳ

**Câu 15:** Điểm khác nhau về địa bàn hoạt động của phong trào cần vương giai đoạn (1888 - 1896) so với giai đoạn 1885 - 1888 là

A. quy tụ thành các trung tâm lớn, tập trung ở trung du và miền núi

B. trải dài trên địa bàn rộng lớn, tập trung ở các tỉnh Bắc Kỳ và Trung Kỳ

C. tập trung ở đồng bằng, trung du và miền núi Bắc Kỳ

D. chủ yếu tập trung ở Nam Kỳ và Trung Kỳ

**Câu 16:** Điểm khác nhau cơ bản trong phong trào cần vương giai đoạn 1888 - 1896 so với giai đoạn 1885 - 1888 là

A. phát triển mạnh

B. lan rộng ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ

C. lãnh đạo là các văn thân, sĩ phu

D. không có sự lãnh đạo của vua Hàm Nghi

**Câu 17:** Cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào cần vương 1885 - 1896 là

A. Ba Đình

B. Bãi Sậy

C. Hương Khê

D. Mai Xuân Thưởng

**Câu 18:** Mục tiêu cơ bản của phong trào cần vương ở Việt Nam là

A. chống Pháp giành độc lập dân tộc, đưa đất nước phát triển theo chế độ mới tiến bộ hơn

B. chống Pháp giành độc lập dân tộc, khôi phục chế độ phong kiến có vua hiền, tôi giỏi

C. bảo vệ cuộc sống làng quê, giúp nhân dân có ruộng cày cấy

D. buộc Pháp chấm dứt sự đàn áp đối với phong trào đấu tranh của nhân dân ta

**Câu 19:** Hình thức đấu tranh của phong trào cần vương (1885 - 1896) ở Việt Nam là

A. đấu tranh vũ trang

B. đấu tranh chính trị

C. thương lượng, hòa hoãn

D. kết hợp hòa hoãn với khởi nghĩa

**Câu 20:** Tính chất của phong trào cần vương (1885 - 1896) ở Việt Nam là

A. phong trào mang tính tự vệ

B. phong trào mang tính tự phát của nông dân

C. phong trào mang tính dân chủ

D. một phong trào yêu nước theo ý thức hệ phong kiến.

**Câu 21:** Một trong những bài học kinh nghiệm từ sự thất bại của phong trào cần vương (1885 - 1896) là

A. cần có sự lãnh đạo thống nhất với đường lối đúng đắn

B. muốn giành độc lập cần dựa vào lực lượng bên ngoài

C. cần xác định đúng kẻ thù của dân tộc

D. sử dụng hình thức đấu tranh duy nhất khởi nghĩa vũ trang

**Câu 22:** Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Hương Khê là

A. Đề Nắm

B. Đề Thám

C. Phạm Bành và Đinh Công Tráng

D. Phan Đình Phùng và Cao Thắng

**Câu 23:** Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng nguyên nhân thất bại của các cuộc khởi nghĩa lớn trong phong trào cần vương?

A. Phương pháp tổ chức và lãnh đạo còn nhiều hạn chế

B. Thực dân Pháp có tiềm lực mạnh để đàn áp phong trào

C. Nhân dân các địa phương chưa hưởng ứng, tham gia phong trào

D. Hệ tư tưởng phong kiến đã lỗi thời, không phù hợp

**Câu 24:** Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng ý nghĩa của phong trào cần vương (1885 - 1896)?

A. Thể hiện tinh thần yêu nước, ý chí quyết thắng của quân dân ta

B. Gây khó khăn cho thực dân Pháp trong việc bình định đất nước ta

C. Buộc thực dân Pháp nhượng bộ phong trào đấu tranh của quần chúng

D. Để lại bài học kinh nghiệm quý báu cho phong trào yêu nước giai đoạn sau

**Câu 25:** Một trong những điểm khác biệt của khởi nghĩa Yên Thế (1883 -1913) so với các cuộc khởi nghĩa lớn trong phong trào cần vương (1885 - 1896) là

A. phong trào có sự tham gia của đông đảo nhân dân

B. cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp diễn ra quyết liệt

C. có nhiều cuộc chiến đấu diễn ra tại các vùng căn cứ

D. kết hợp đấu tranh vũ trang với hòa hoãn để bảo toàn lực lượng

**Câu 26:** Tính chất của khởi nghĩa Yên Thế (1883 - 1913) là

A. phong trào yêu nước mang tính tự phát

B. phong trào yêu nước dân chủ

C. phong trào yêu nước để bảo vệ nền độc lập

D. cuộc chiến tranh nông dân

**Câu 27:** Nội dung nào sau đây là điểm giống nhau cơ bản giữa phong trào cần vương (1885 - 1896) và khởi nghĩa Yên Thế (1883 - 1913)?

A. Kết hợp đấu tranh vũ trang với hòa hoãn

B. Diễn ra mạnh mẽ, trên quy mô rộng lớn

C. Do văn thân sĩ phu lãnh đạo

D. Có sự tham gia của đông đảo nông dân

**Câu 28:** Một trong những điểm khác biệt cơ bản của phong trào cần vương (1885 - 1896) so với khởi nghĩa Yên Thế (1883- 1913) là

A. thành phần lãnh đạo xuất thân từ nông dân

B. có sự tham gia đông đảo của quần chúng nhân dân

C. chống chính sách bình định và cướp bóc của Pháp

D. chống Pháp giành độc lập, khôi phục chế độ phong kiến

**Câu 29:** Phong trào cần vương (1885 - 1896) chấm dứt đánh dấu bằng sự thất bại của cuộc khởi nghĩa

---

**A. Bãi Sậy**

**B. Ba Đình**

**C. Hương Khê**

**D. Hùng Lĩnh**

**Câu 30:** Nhận xét nào dưới đây không đúng về ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Yên Thế (1883 - 1913)?

**A.** Chứng minh sức mạnh to lớn của giai cấp nông dân trong đấu tranh chống Pháp

**B.** Cản trở kế hoạch bình định Việt Nam, gây cho Pháp nhiều tổn thất

**C.** Thể hiện lòng yêu nước, không khuất phục trước kẻ thù của nhân dân

**D.** Bước đầu giải quyết được ruộng đất cho nông dân, để lại nhiều bài học quý

**ĐÁP ÁN**

<b>1-A</b>	<b>2-A</b>	<b>3-A</b>	<b>4-A</b>	<b>5-C</b>	<b>6-C</b>	<b>7-A</b>	<b>8-B</b>	<b>9-B</b>	<b>10-D</b>
<b>11-D</b>	<b>12-A</b>	<b>13-D</b>	<b>14-C</b>	<b>15-A</b>	<b>16-C</b>	<b>17-A</b>	<b>18-B</b>	<b>19-A</b>	<b>20-C</b>
<b>21-C</b>	<b>22-D</b>	<b>23-D</b>	<b>24-A</b>	<b>25-D</b>	<b>26-A</b>	<b>27-B</b>	<b>28-B</b>	<b>29-A</b>	<b>30-D</b>

### **CHỦ ĐỀ 3: PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN NĂM 1918**

#### **Mục tiêu**

##### **❖ Kiến thức**

- + Trình bày được những điều kiện bùng nổ của phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX.
- + Tóm tắt được một số hoạt động yêu nước, cách mạng tiêu biểu của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và các sĩ phu yêu nước đầu thế kỉ XX đến hết Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- + Phân tích được nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử của phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX.
- + Phân tích được nguyên nhân Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước và nhận xét được ý nghĩa từ những hoạt động đầu tiên của Người.

##### **❖ Kỹ năng**

- + Khai thác tranh ảnh, bản đồ, tư liệu lịch sử.
- + Phân tích, so sánh, đánh giá và trình bày lịch sử.



## I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

### PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN NĂM 1918

#### 1. ĐIỀU KIỆN BÙNG NỔ PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP ĐẦU THẾ KỈ XX

##### A. Yêu cầu của sự nghiệp giải phóng dân tộc

- Đất nước bị mất độc lập → Giải phóng dân tộc là nhiệm vụ cấp thiết.
- Thất bại của phong trào Cần Vương cuối thế kỉ XIX chứng tỏ con đường cứu nước phong kiến không còn phù hợp.
- Cần tìm kiếm một con đường cứu nước mới.

##### B. Kinh tế

- Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp (1897 – 1914) ở Việt Nam.
- Phương thức sản xuất TBCN du nhập, tồn tại song song với phương thức phong kiến.
  - + Xuất hiện các ngành kinh tế mới: tài chính, công nghiệp, giao thông vận tải...
  - + Kinh tế vẫn nghèo nàn, lệ thuộc vào Pháp.
- Tạo điều kiện cho chuyển biến xã hội, tư tưởng ở Việt Nam.

##### C. Xã hội

- Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp (1897 -1914) ở Việt Nam.
  - + Cơ cấu xã hội thay đổi, phân hóa xã hội sâu sắc.
    - Giai cấp địa chủ: phân hóa thành đại địa chủ và trung – tiểu địa chủ.
    - Giai cấp nông dân bị bần cùng hóa.
    - Giai cấp công nhân ra đời, còn trong giai đoạn đấu tranh tự phát.
    - Tầng lớp tư sản ra đời nhưng thế lực yếu.
    - Tầng lớp tiểu tư sản ra đời cùng với sự mở rộng khai thác của Pháp.
  - + Chuyển biến nhận thức của các sĩ phu phong kiến.

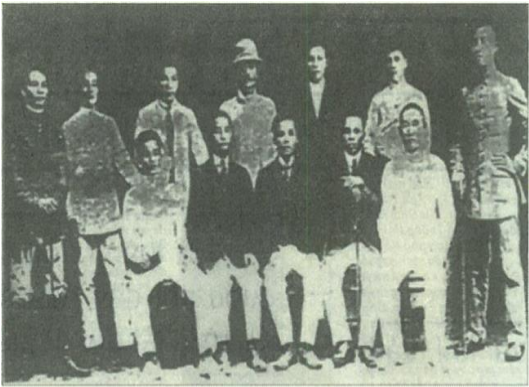

##### D. Văn hóa – tư tưởng

- Tư tưởng dân chủ tư sản được du nhập vào Việt Nam.
  - + Thành công của cuộc Duy tân Minh Trị (cuối thế kỉ XIX) đã đưa Nhật Bản trở thành tâm gương của Việt Nam.
  - + Cuộc vận động Duy tân Mậu Tuất (1898) và Cách mạng Tân Hợi (1911) có tác động với nhận thức của các sĩ phu, cổ vũ phong trào đấu tranh ở Việt Nam.
  - + Trào lưu Triết học Ánh trong Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII.
- Đầu thế kỉ XX, các sĩ phu yêu nước đã tiếp thu tư tưởng dân chủ tư sản, lãnh đạo phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng dân chủ tư sản với hai xu hướng bạo động và cải cách.

#### 2. PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN TRƯỚC NĂM 1914

##### A. Hoạt động của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh

	<b>PHAN BỘI CHÂU (1867 – 1940)</b>	<b>PHAN CHÂU TRINH (1872 – 1926)</b>
--	------------------------------------	--------------------------------------

Quê quán	Nghệ An.	Quảng Nam.
Xu hướng đấu tranh	Bạo động.	Cải cách.
Kẻ thù	Thực dân Pháp và phong kiến tay sai.	
Nhiệm vụ, mục tiêu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc, xây dựng xã hội mới tiến bộ.</li> <li>- Coi độc lập là điều kiện tiên quyết để tiến tới dân chủ, dân quyền.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lật đổ chế độ phong kiến, xây dựng một xã hội tiến bộ.</li> <li>- Coi dân chủ, dân quyền là điều kiện tiên quyết để đi tới yêu cầu thực dân Pháp trao trả độc lập.</li> </ul>
Nhiệm vụ, mục tiêu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bạo động vũ trang có sự chuẩn bị.</li> <li>- Cầu viện Nhật Bản để chống Pháp.</li> <li>- Bí mật, bất hợp pháp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cải cách để nâng cao dân trí, dân quyền.</li> <li>- Phản đối bạo động.</li> <li>- Dựa vào Pháp để chống phong kiến.</li> <li>- Công khai, hợp pháp.</li> </ul>
Hoạt động tiêu biểu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm 1904, lập Hội Duy tân để đánh đuổi giặc Pháp, giành độc lập, thiết lập chính thể quân chủ lập hiến.</li> <li>- 1905 – 1908, tổ chức phong trào Đông du, đưa thanh niên Việt Nam sang Nhật Bản học tập.</li> </ul>  <p>Một số thanh niên tham ra phong trào Đông du</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm 1912, lập Việt Nam Quang phục hội để đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập Cộng hòa Dân quốc Việt Nam. Hội bí mật tổ chức cử người về nước ám sát một số tên thực dân đầu sỏ, tay sai.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1906, mở cuộc vận động Duy tân ở Trung Kỳ.</li> <li>+ <i>Kinh tế</i>: cổ động chấn hưng thực nghiệp, lập hội kinh doanh, phát triển nghề thủ công.</li> <li>+ <i>Giáo dục</i>: mở trường dạy chữ Quốc ngữ và các môn học mới.</li> <li>+ <i>Xã hội</i>: cải cách trang phục và lối sống: cắt tóc ngắn, lên án các hủ tục phong kiến.</li> </ul>  <p>Cử động cắt tóc ngắn trong phong trào Duy tân ở Việt Nam đầu thế kỉ XX</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm 1908, dưới ảnh hưởng của phong trào Duy tân đã diễn ra phong trào chống thuế ở Trung Kỳ.</li> <li>→ Phan Châu Trinh bị bắt</li> </ul>
Kết quả	Bị thực dân Pháp đàn áp → các hoạt động đấu tranh đều thất bại.	
Bài học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định đúng kẻ thù dân tộc, tập trung mũi nhọn đấu tranh vào kẻ thù chính.</li> <li>- Đấu tranh bằng bạo lực cách mạng, có sự chuẩn bị chu đáo.</li> </ul>	

- |  |  |
|--|--|
|  | <ul style="list-style-type: none"><li>- Xác định đúng lực lượng, động lực cách mạng là đông đảo quần chúng nhân dân.</li><li>- Xác định đúng bạn và thù.</li></ul> |
|--|--|

## **B. Đông Kinh nghĩa thực (1907)**

### - Hoạt động:

- + 3/1907: Lương Văn Can và một số sĩ phu mở trường học tại Hà Nội lấy tên Đông Kinh nghĩa thực.
- + Chương trình học gồm các môn Lịch sử, Địa lí, Cách trí, Vệ sinh... Ngoài việc giảng dạy chính thức, nhà trường còn tổ chức những buổi diễn thuyết, bình văn...
- + Ban đầu, trường hoạt động chủ yếu ở Hà Nội, sau đó mở rộng ra nhiều địa phương. Số học sinh có lúc lên tới 1000 người.
- + 11/1907: thực dân Pháp ra lệnh giải tán Đông Kinh nghĩa thực, tịch thu sách vở, tài liệu. Lương Văn Can và các sĩ phu bị bắt.

### - Ý nghĩa:

- + Nhà trường trở thành trung tâm của phong trào Duy tân ở Bắc Kỳ.
- + Tuyên truyền tư tưởng mới, đời sống mới trong xã hội.
- + Cổ động cách mạng, phát triển văn hóa, ngôn ngữ dân tộc.

## **C. Vụ đầu độc binh lính Pháp ở Hà Nội (1908) và những năm cuối của cuộc khởi nghĩa Yên Thế**

### - Hoạt động:

- + Binh lính người Việt trong quân đội Pháp.
- + Nghĩa quân Yên Thế.

→ Lên kế hoạch đánh úp thành Hà Nội, mở đầu là tổ chức đầu độc binh lính Pháp đóng trong thành (1908).

### - Kết quả:

- + Kế hoạch bị bại lộ.
- + Quân Pháp tước vũ khí và giam binh lính người Việt trong trại.
- + Tập trung lực lượng tiến quân lên Bắc Giang, tiêu diệt cuộc khởi nghĩa Yên Thế.

### - Ý nghĩa:

- + Vụ “Hà thành đầu độc” đã đánh dấu cuộc nổi dậy đầu tiên của binh lính người Việt trong quân đội Pháp.
  - Chứng tỏ tinh thần yêu nước và khả năng đấu tranh nhất định của họ.
  - Là lực lượng cần được tập hợp trong cuộc đấu tranh chống đế quốc.
- + Cuộc khởi nghĩa Yên Thế đã chứng minh sức mạnh to lớn của giai cấp nông dân Việt Nam.

## **3. VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 – 1918)**

### **A. Chính sách thống trị của Pháp**

- Vơ vét sức người, sức của ở Đông Dương phục vụ chiến tranh:
  - + Tăng cường bắt lính.
  - + Chuyển từ chuyên canh cây lúa sang trồng các cây công nghiệp: cao su, thầu dầu...
  - + Đẩy mạnh khai thác khoáng sản.
  - + Bắt nhân dân mua công trái.
- Tăng cường nền thống trị thông qua hệ thống cảnh sát, mật vụ; sẵn sàng đàn áp các cuộc nổi dậy.

## B. Chuyển biến kinh tế, xã hội ở Việt Nam

- Kinh tế:
  - + Các cơ sở công nghiệp được duy trì, mở rộng.
  - + Các cơ sở buôn bán, giao thông vận tải của người Việt phát triển.
  - + Cơ cấu cây trồng thay đổi. Nông nghiệp trồng lúa gặp nhiều khó khăn.
- Xã hội:
  - + Xã hội tiếp tục phân hóa sâu sắc.
    - Số lượng công nhân tăng, họ tích cực tham gia các phong trào đấu tranh.
    - Tư sản phát triển cả về số lượng và thế lực kinh tế.
    - Tiểu tư sản đông hơn trước, đời sống bấp bênh.
  - + Mâu thuẫn xã hội phát triển gay gắt trong đó chủ yếu là mâu thuẫn dân tộc → Bùng nổ phong trào đấu tranh:

Nội dung	Hoạt động của Việt Nam Quang phục hội	Vụ mưu khởi nghĩa ở Huế	Khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên	Phong trào Hội kín ở Nam Kỳ	Khởi nghĩa của đồng bào dân tộc thiểu số
Thời gian	1914 – 1916	1916	1917	1916	1914 – 1918
Lãnh đạo	Phan Bội Châu	Thái Phiên, Trần Cao Vân, Vua Duy Tân	Lương Ngọc Quyến, Đội Cấn	Phan Xích Long	Các tù trưởng dân tộc
Hình thức	Bạo động, ám sát, cá nhân	Khởi nghĩa của binh lính	Khởi nghĩa của binh lính	Tôn giáo, mê tín	Khởi nghĩa vũ trang

## 4. NGUYÊN NHÂN THẤT BẠI – Ý NGHĨA LỊCH SỬ

### A. Nguyên nhân thất bại

- Khách quan:
  - + Thực dân Pháp đã ổn định được nền thống trị ở Việt Nam.
  - + Pháp cấu kết với các lực lượng đế quốc bên ngoài để đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam.
- Chủ quan:
  - + Các sĩ phu yêu nước tiếp thu tư tưởng dân chủ tư sản với một nhãn quan chính trị hạn chế.

- Tiếp thu tư tưởng dân chủ tư sản gián tiếp qua nhiều lăng kính chủ quan.
  - Có những nhận thức khác nhau, hạn chế về vấn đề dân tộc, dân chủ.
- + Việt Nam thiếu cơ sở kinh tế xã hội để khuynh hướng dân chủ tư sản phát triển mạnh.
- Kinh tế:
    - ◆ Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được du nhập không trọn vẹn.
    - ◆ Kinh tế chuyển biến nhưng mang tính cục bộ, còn lại vẫn nghèo nàn, lạc hậu, lệ thuộc vào Pháp.
  - Xã hội: Bộ phận tư sản, tiểu tư sản ra đời nhưng vẫn là các tầng lớp, thế lực nhỏ yếu.
- + Thiếu một tổ chức lãnh đạo thống nhất và đường lối đấu tranh đúng đắn.
- Nhiệm vụ: chưa xác định được mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam thuộc địa.
  - Lực lượng: chưa xác định được động lực cách mạng là công nhân, nông dân.

### **B. Ý nghĩa lịch sử**

- Tiếp nối truyền thống yêu nước, đấu tranh bất khuất của dân tộc, phản ánh sự nỗ lực của các sĩ phu tiến bộ đầu thế kỉ XX.
  - Chuyển phong trào yêu nước từ lập trường phong kiến sang lập trường dân chủ tư sản.
  - Có đóng góp cho nền văn hóa mới ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.
  - Để lại những bài học kinh nghiệm cho các phong trào đấu tranh ở giai đoạn sau.
  - Thất bại của phong trào chứng tỏ Việt Nam đang lâm vào khủng hoảng đường lối.
- Yêu cầu tìm kiếm một con đường cứu nước mới.

## **BUỔI ĐẦU HOẠT ĐỘNG CỨU NƯỚC CỦA NGUYỄN TẮT THÀNH (1911 – 1918)**

### **1. Bối cảnh Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước**

- Thời đại:
  - + Ảnh hưởng của văn minh phương Tây đến nhận thức của Nguyễn Tất Thành.
  - + Thời đại đế quốc chủ nghĩa và sự phát triển của những mâu thuẫn gay gắt trong lòng nó.
  - + Phong trào đấu tranh giành độc lập của các dân tộc thuộc địa trên thế giới.
- Dân tộc:
  - + Đất nước bị xâm lược → giải phóng dân tộc là yêu cầu cấp thiết.
  - + Cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước → yêu cầu tìm kiếm một con đường mới.
- Gia đình, quê hương:
  - + Sinh ra trong gia đình nhà Nho nghèo yêu nước.
  - + Quê hương Nghệ An giàu truyền thống đấu tranh.
- Cá nhân:
  - + Lòng yêu nước, ý chí đánh đuổi Pháp, giải phóng đồng bào.

- + Nhân quan chính trị nhạy bén → khâm phục tinh thần yêu nước của các tiền bối nhưng không tán thành cách làm của họ.

### 2. Hoạt động yêu nước của Nguyễn Tất Thành (1911 – 1917)

- Ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước.
- Năm 1917, đi khảo sát ở nhiều nước, châu lục, đặc biệt dừng chân khá lâu ở Pháp, Mĩ, Anh.
- Thông qua khảo sát thực tiễn, Nguyễn Tất Thành đã rút ra được các kết luận quan trọng.
  - + Ở đâu bọn đế quốc, thực dân cũng tàn bạo, độc ác. Ở đâu nhân dân lao động cũng bị áp bức, bóc lột nặng nề.
  - + Trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Và cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: hữu ái vô sản.

### 3. Nhận xét

- Những hoạt động yêu nước của Nguyễn Tất Thành tuy mới chỉ là bước đầu nhưng đúng hướng.
- Đặt cơ sở để người đến được với chủ nghĩa Mác – Lênin, xác định con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc.

## II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

### ➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

**Câu 1:** Trong phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX, khuynh hướng bạo động gắn liền với nhân vật tiêu biểu nào?

- A. Phan Châu Trinh.    B. Huỳnh Thúc Kháng.    C. Phan Bội Châu.    D. Lương Văn Can.

**Câu 2:** Trong phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX, khuynh hướng cải cách gắn liền với nhân vật tiêu biểu nào?

- A. Phan Châu Trinh.    B. Huỳnh Thúc Kháng.    C. Phan Bội Châu.    D. Lương Văn Can.

**Câu 3:** Năm 1904, Phan Bội Châu đã

- A. tổ chức phong trào Đông du.    B. thành lập Hội Duy tân.  
C. bị trục xuất khỏi Nhật Bản.    D. thành lập Việt Nam Quang phục hội.

**Câu 4:** Năm 1912, Phan Bội Châu đã

- A. tổ chức phong trào Đông du.    B. thành lập Hội Duy tân.  
C. bị trục xuất khỏi Nhật Bản.    D. thành lập Việt Nam Quang phục hội.

**Câu 5:** Trong quá trình hoạt động cứu nước những năm 1904 - 1908, Phan Bội Châu mong muốn nhờ cậy sự giúp đỡ của quốc gia nào?

- A. Nhật Bản.    B. Pháp.    C. Anh.    D. Mĩ.

**Câu 6:** Trong quá trình hoạt động cứu nước, Phan Châu Trinh mong muốn nhờ cậy sự giúp đỡ của quốc gia nào?

- A. Nhật Bản.    B. Pháp.    C. Anh.    D. Mĩ.

**Câu 7:** Phan Bội Châu và một số nhà yêu nước đầu thế kỉ XX muốn nhờ cậy sự giúp đỡ của Nhật Bản vì nước này

- A. được xem là nước cùng màu da, cùng nền văn hóa Hán học.

- B. vẫn duy trì chế độ phong kiến nhưng đã giàu mạnh.
- C. đã đánh thắng đế quốc Nga trong Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- D. đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp.

**Câu 8:** Ngôi trường ở Hà Nội đầu thế kỉ XX gắn liền với tên tuổi của Lương Văn Can, Lê Đại, Nguyễn Quyền là

- A. Nam đồng thư xã.    B. Quan hải tùng thư.    C. Đông Kinh nghĩa thực    D. Cường học thư xã.

**Câu 9:** Trong những năm đầu thế kỉ XX, cuộc vận động Duy tân diễn ra sôi nổi tại Trung Kỳ gắn liền với tên tuổi của nhân vật nào?

- A. Phan Châu Trinh.    B. Trịnh Văn Cấn.    C. Phan Bội Châu.    D. Lương Văn Can.

**Câu 10:** Năm 1908, dưới ảnh hưởng trực tiếp của phong trào Duy tân, ở Trung Kỳ đã

- A. diễn ra phong trào chống đi phu, chống sưu thuế.
- B. bùng nổ khởi nghĩa do Phan Châu Trinh lãnh đạo.
- C. thu hút nhiều thanh niên tham gia phong trào Đông du.
- D. ra đời nhiều tổ chức bí mật do Phan Xích Long đứng đầu.

**Câu 11:** Sự ra đời và hoạt động của Hội Duy tân gắn liền với nhà yêu nước nào ở Việt Nam đầu thế kỉ XX?

- A. Phan Châu Trinh.    B. Lương Văn Can.    C. Nguyễn Tất Thành.    D. Phan Bội Châu.

**Câu 12:** Sự ra đời và hoạt động của Việt Nam Quang phục hội gắn liền với nhà yêu nước nào ở Việt Nam đầu thế kỉ XX?

- A. Phan Châu Trinh.    B. Lương Văn Can.    C. Nguyễn Tất Thành.    D. Phan Bội Châu.

**Câu 13:** Chủ trương đấu tranh của Hội Duy tân (1904) là

- A. đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.
- B. đánh đuổi giặc Pháp, thiết lập chính thể quân chủ lập hiến.
- C. khôi phục nước Việt Nam, thành lập thể chế Cộng hòa Dân quốc.
- D. cô động bãi công, đánh đuổi giặc Pháp, thiết lập dân quyền.

**Câu 14:** Chủ trương đấu tranh của Việt Nam Quang phục hội (1912) là

- A. đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.
- B. đánh đuổi giặc Pháp, thiết lập chính thể quân chủ lập hiến.
- C. khôi phục nước Việt Nam, thành lập thể chế Cộng hòa Dân quốc.
- D. cô động bãi công, đánh đuổi giặc Pháp, thiết lập dân quyền.

**Câu 15:** Sự ra đời của Việt Nam Quang phục hội (1912) chịu ảnh hưởng từ sự kiện lịch sử nào?

- A. Cách mạng Tân Hợi thành công.    B. Cuộc Duy tân Minh Trị ở Nhật Bản.
- C. Phong trào chống thuế ở Trung Kỳ.    D. Cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp.

**Câu 16:** Hai nhân vật Thái Phiên và Trần Cao Vân gắn liền với cuộc đấu tranh nào ở Việt Nam đầu thế kỉ XX?

- A. Khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên (1917).
- B. Vụ mưu khởi nghĩa ở Huế (1916).
- C. Các vụ ám sát của Việt Nam Quang phục hội (1912).
- D. Vụ đầu độc binh lính Pháp ở Hà Nội (1912).

**Câu 17:** Trong cuộc vận động Duy tân ở Trung Kỳ (1906), trên lĩnh vực giáo dục, Phan Châu Trinh đã

- A. cổ động chấn hưng thực nghiệp, lập hội kinh doanh.
- B. mở trường dạy chữ Quốc ngữ và các môn học mới.
- C. vận động cải cách trang phục và lối sống.
- D. đưa thanh niên Việt Nam sang Nhật Bản học tập.

**Câu 18:** Trong cuộc vận động Duy tân ở Trung Kỳ (1906), trên lĩnh vực xã hội, Phan Châu Trinh đã

- A. cổ động chấn hưng thực nghiệp, lập hội kinh doanh.
- B. mở trường dạy chữ Quốc ngữ và các môn học mới.
- C. vận động cải cách trang phục và lối sống.
- D. đưa thanh niên Việt Nam sang Nhật Bản học tập.

**Câu 19:** Trong hoạt động yêu nước đầu thế kỉ XX, Phan Châu Trinh đã phản đối

- A. cổ động chấn hưng thực nghiệp, lập hội kinh doanh.
- B. mở trường dạy chữ Quốc ngữ và các môn học mới.
- C. vận động cải cách trang phục và lối sống.
- D. tiến hành bạo động vũ trang chống thực dân Pháp.

**Câu 20:** Điểm giống nhau trong hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đầu thế kỉ XX là

- A. phương pháp đấu tranh.
- B. xu hướng đấu tranh.
- C. khuynh hướng cứu nước.
- D. kẻ thù chính.

**Câu 21:** Điểm giống nhau trong hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đầu thế kỉ XX là

- A. phương pháp đấu tranh.
- B. xu hướng đấu tranh.
- C. chủ trương cầu viện.
- D. kẻ thù chính.

**Câu 22:** Điểm giống nhau trong hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đầu thế kỉ XX là

- A. phương pháp đấu tranh.
- B. xu hướng đấu tranh.
- C. đối tượng cầu viện.
- D. kẻ thù chính.

**Câu 23:** Điểm giống nhau trong hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đầu thế kỉ XX là

- A. phương pháp đấu tranh.
- B. xu hướng đấu tranh.
- C. đối tượng cầu viện.
- D. mục tiêu cuối cùng.

**Câu 24:** Điểm khác nhau trong hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đầu thế kỉ XX là

- A. phương pháp đấu tranh.
- B. kết quả đấu tranh.
- C. chủ trương cầu viện.
- D. mục tiêu cuối cùng.

**Câu 25:** Điểm khác nhau trong hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đầu thế kỉ XX là

- A. kết quả đấu tranh.
- B. đối tượng cầu viện.
- C. chủ trương cầu viện.
- D. mục tiêu cuối cùng.

**Câu 26:** Hai nhân vật Lương Ngọc Quyến và Trịnh Văn Cấn gắn liền với cuộc đấu tranh nào ở Việt Nam đầu thế kỉ XX?



- A. Khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên (1917).
- B. Vụ mưu khởi nghĩa ở Huế (1916).
- C. Các vụ ám sát của Việt Nam Quang phục hội (1912).
- D. Vụ đầu độc binh lính Pháp ở Hà Nội (1912).

**Câu 27:** Nội dung nào thể hiện điểm giống nhau trong con đường cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh?

- A. Gắn việc cứu nước với cứu dân.
- B. Đấu tranh theo xu hướng bạo động.
- C. Coi thực dân Pháp là kẻ thù nguy hiểm nhất.
- D. Chủ trương cầu viện sự giúp đỡ của Nhật Bản.

**Câu 28:** Nội dung nào thể hiện điểm giống nhau trong con đường cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh?

- A. Tiến lên xây dựng chế độ quân chủ lập hiến.
- B. Đấu tranh theo xu hướng cải cách.
- C. Coi thực dân Pháp là kẻ thù nguy hiểm nhất.
- D. Chủ trương cầu viện sự giúp đỡ từ bên ngoài.

**Câu 29:** Nội dung nào không phải là ý nghĩa của phong trào yêu nước ở Việt Nam đầu thế kỉ XX?

- A. Tiếp nối truyền thống yêu nước, đấu tranh của dân tộc.
- B. Thể hiện sự nỗ lực, cố gắng của các sĩ phu tư sản hóa.
- C. Làm chậm quá trình bình định của thực dân Pháp.
- D. Đặt ra yêu cầu tìm kiếm con đường cứu nước mới.

**Câu 30:** Mục đích của việc Việt Nam Quang phục hội cử người về nước trừ khử những tên thực dân, tay sai đầu sỏ là

- A. gây tiếng vang trong nước, thức tỉnh đồng bào.
- B. trả thù cho các cán bộ, hội viên đã hi sinh.
- C. mở rộng việc xây dựng cơ sở trong quần chúng.
- D. đẩy mạnh việc truyền bá lí luận dân chủ tư sản.

**Câu 31:** Năm 1913, Phan Bội Châu đã

- A. thành lập Hội Duy tân.
- B. tổ chức phong trào Đông du.
- C. thành lập Quang phục quân.
- D. bị quân phiệt Trung Quốc bắt giam.

**Câu 32:** “Vị anh hùng, bậc thiên sứ, đáng xả thân vì độc lập” là nhận xét của Nguyễn Ái Quốc về nhân vật nào trong lịch sử Việt Nam?

- A. Phan Bội Châu.
- B. Phan Châu Trinh.
- C. Phan Đình Phùng.
- D. Phan Văn Trị.

**Câu 33:** Mục tiêu hàng đầu của Phan Bội Châu trong cuộc đấu tranh đầu thế kỉ XX là

- A. độc lập dân tộc.
- B. dân chủ dân quyền.
- C. cơm áo hòa bình.
- D. giải phóng giai cấp.

**Câu 34:** Mục tiêu hàng đầu của Phan Châu Trinh trong cuộc đấu tranh đầu thế kỉ XX là

- A. độc lập dân tộc.
- B. dân chủ dân quyền.
- C. đánh đuổi giặc Pháp.
- D. giải phóng dân tộc.

**Câu 35:** Hội Duy tân (1904) và Việt Nam Quang phục hội (1912) đều chủ trương

- A. xóa bỏ hoàn toàn chế độ phong kiến.
- B. thành lập thể chế Cộng hòa Dân quốc.
- C. đánh đuổi giặc Pháp giành độc lập.
- D. thiết lập chế độ quân chủ lập hiến.

**Câu 36:** Hội Duy tân (1904) và Việt Nam Quang phục hội (1912) đều chủ trương

- A. xóa bỏ hoàn toàn chế độ phong kiến.
- B. thành lập thể chế Cộng hòa Dân quốc.
- C. tổ chức đưa thanh niên sang Nhật Bản.
- D. thiết lập chế độ xã hội mới tiên bộ.

**Câu 37:** Hội Duy tân (1904) và Việt Nam Quang phục hội (1912) đều

- A. xóa bỏ hoàn toàn chế độ phong kiến.
- B. chủ trương thành lập thể chế Cộng hòa Dân quốc.
- C. do Phan Bội Châu sáng lập và tổ chức.
- D. chịu ảnh hưởng của cuộc Duy tân Minh Trị.

**Câu 38:** Những chuyển biến về kinh tế và xã hội Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914) của thực dân Pháp đã

- A. giúp các sĩ phu phong kiến Việt Nam chuyển hẳn sang lập trường tư sản.
- B. thúc đẩy phong trào công nhân từ tự phát sang tự giác.
- C. tạo điều kiện tiếp nhận con đường cứu nước theo khuynh hướng vô sản.
- D. tạo điều kiện tiếp nhận con đường cứu nước theo khuynh hướng tư sản.

**Câu 39:** Cơ sở cho sự ra đời của đội ngũ công nhân Việt Nam cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX là

- A. nền công nghiệp thuộc địa mới hình thành.
- B. chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến còn tồn tại.
- C. sự phát triển mạnh mẽ của nền nông nghiệp thuộc địa.
- D. sự xuất hiện của tầng lớp tư sản dân tộc.

**Câu 40:** Nội dung nào **không** phải là nguyên nhân Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước?

- A. Độc lập dân tộc là mong muốn của mọi người dân Việt Nam.
- B. Sự thất bại và bế tắc của con đường cứu nước đầu thế kỉ XX.
- C. Ý chí và khao khát giải phóng dân tộc của Nguyễn Tất Thành.
- D. Cách mạng tháng Mười thành công và sự ra đời nhà nước Xô viết.

**Câu 41:** Yếu tố nào đã tạo ra cơ sở xã hội và điều kiện chính trị cho phong trào yêu nước ở Việt Nam đầu thế kỉ XX?

- A. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp.
- B. Chính sách cai trị của thực dân Pháp trong Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- C. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918).
- D. Sự thất bại của phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX.

**Câu 42:** Nội dung nào thể hiện điểm giống nhau trong con đường cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh?

- A. Chịu ảnh hưởng của khuynh hướng dân chủ tư sản.
- B. Đòi các quyền dân chủ trước khi giành độc lập.
- C. Sử dụng bạo lực cách mạng để đạt được mục tiêu.
- D. Nhờ cậy sự giúp đỡ của Pháp để tiến tới độc lập.

**Câu 43:** Nguyên nhân quyết định dẫn tới sự thất bại của phong trào yêu nước ở Việt Nam đầu thế kỉ XX là do

- A. sự vượt trội của thực dân Pháp về kinh tế, quân sự.
- B. triều Nguyễn đã đầu hàng, làm tay sai cho Pháp.
- C. thiếu một giai cấp tiên tiến và đường lối đúng đắn.

D. các phong trào không thống nhất, thiếu liên kết.

**Câu 44:** Một trong những nguyên nhân thúc đẩy Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước là

A. sự bế tắc và thất bại của con đường cứu nước theo hệ tư tưởng phong kiến.

B. sự bế tắc và thất bại của các con đường cứu nước trước đó.

C. thực dân Pháp đã hoàn thành xong chương trình khai thác thuộc địa.

D. ý nghĩa và ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.

**Câu 45:** Chủ trương cứu nước của Phan Châu Trinh đầu thế kỉ XX ở Việt Nam **không** có nội dung nào?

A. Đề cao cải cách, duy tân nhằm nâng cao dân trí, dân quyền.

B. Đánh đuổi giặc Pháp, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc.

C. Chấn hưng thực nghiệp, lập hội kinh doanh, phát triển kinh tế.

D. Dựa vào Pháp đánh đổ ngôi vua và chế độ phong kiến lạc hậu.

**Câu 46:** “Một trong những điểm tiên bộ của phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỉ XX là quan niệm về phạm trù cứu nước”. Đây là nhận định

A. sai, vì khuynh hướng cứu nước mới của các sĩ phu không thành công.

B. sai, vì phạm trù “trung quân ái quốc” đã ăn sâu vào tư tưởng người dân.

C. đúng, vì các sĩ phu đã gắn yêu nước với xây dựng chế độ xã hội tiên bộ.

D. đúng, vì hoạt động của các sĩ phu hướng tới mục tiêu dân chủ, dân quyền.

**Câu 47:** Phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1914 có điểm gì mới so với phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX?

A. Do giai cấp tư sản dân tộc lãnh đạo.

B. Sử dụng hình thức đấu tranh vũ trang.

C. Gắn cứu nước với canh tân đất nước.

D. Tập hợp nhân dân trong mặt trận thống nhất.

**Câu 48:** Điểm mới và cũng là điểm tiên bộ nhất trong phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến trước Chiến tranh thế giới thứ nhất là gì?

A. Quan niệm về cuộc vận động cứu nước đã thay đổi: cầu viện bên ngoài.

B. Quan niệm cứu nước phải gắn với duy tân, xây dựng xã hội tiên bộ hơn.

C. Quan niệm tập hợp lực lượng: phải thành lập mặt trận nhân dân.

D. Quan niệm phương pháp đấu tranh: từ vũ trang chuyển sang cải cách.

**Câu 49:** Bài học kinh nghiệm lớn nhất được rút ra cho cách mạng Việt Nam từ sự thất bại của phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX — đầu thế kỉ XX là gì?

A. Xây dựng một mặt trận dân tộc thống nhất để đoàn kết toàn dân.

B. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ.

C. Xác định đúng giai cấp lãnh đạo và đưa ra đường lối đấu tranh đúng đắn.

D. Sử dụng sức mạnh của cả dân tộc để giải quyết vấn đề dân tộc và giai cấp.

**Câu 50:** Điểm chung của hai xu hướng cứu nước ở Việt Nam đầu thế kỉ XX là

A. mục tiêu cao nhất là giành lại độc lập dân tộc.

B. cầu viện sự giúp đỡ của các nước tư bản phương Tây.

C. đường lối và phương pháp đấu tranh.

D. xác định lực lượng nòng cốt.

**Câu 51:** Điểm khác biệt căn bản giữa phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX là

A. tính chất và xu hướng đấu tranh.

- B. giai cấp lãnh đạo và lực lượng tham gia.
- C. hình thức và phương pháp đấu tranh.
- D. quan niệm và khuynh hướng cứu nước.

**Câu 52:** Phan Bội Châu thực hiện chủ trương giải phóng dân tộc bằng con đường nào?

- A. Cải cách kinh tế xã hội.
- B. Duy tân giành độc lập trước.
- C. Bạo lực để giành độc lập.
- D. Đấu tranh ngoại giao để giành độc lập.

**Câu 53:** Phan Châu Trinh thực hiện chủ trương giải phóng dân tộc bằng con đường nào?

- A. Đấu tranh vũ trang chống Pháp.
- B. Duy tân để phát triển đất nước.
- C. Bạo lực để giành độc lập.
- D. Đấu tranh ngoại giao để giành độc lập.

**Câu 54:** Để thực hiện chủ trương cầu viện Nhật Bản giúp đỡ đánh Pháp, Phan Bội Châu đã tổ chức phong trào

- A. Duy tân.
- B. Đông du.
- C. “Chấn hưng nội hóa”.
- D. Chống độc quyền.

**Câu 55:** Phong trào Đông du tan rã (1908) vì

- A. phụ huynh đòi đưa con em về nước.
- B. đã hết thời gian đào tạo ở Nhật Bản.
- C. Phan Bội Châu thấy không có tác dụng.
- D. sự cấu kết của Chính phủ Pháp và Nhật.

**Câu 56:** Sau khi bị trục xuất khỏi Nhật Bản, Phan Bội Châu đã đến đâu để tiếp tục hoạt động?

- A. Nga.
- B. Pháp.
- C. Thái Lan.
- D. Lào.

**Câu 57:** Những hoạt động yêu nước đầu tiên của Nguyễn Tất Thành từ năm 1911 đến năm 1917 có ý nghĩa gì?

- A. Là cơ sở để tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lênin.
- B. Làm chuyển biến mạnh mẽ tư tưởng của Người.
- C. Khích lệ tinh thần yêu nước của đồng bào Việt kiều.
- D. Là cơ sở để Người xác định con đường cứu nước đúng đắn.

**Câu 58:** Trước những hạn chế trong con đường đấu tranh của các nhà cách mạng tiền bối, Nguyễn Tất Thành đã có quyết định nào?

- A. Ra nước ngoài tìm con đường cứu nước mới cho dân tộc.
- B. Tích cực tham gia các hoạt động yêu nước để tìm hiểu thêm.
- C. Sang Trung Quốc tìm hiểu và nhờ cậy sự giúp đỡ.
- D. Sang Nga học tập và tìm hiểu về Cách mạng tháng Mười.

**Câu 59:** Nguyễn Tất Thành quyết định sang phương Tây tìm đường cứu nước vì

- A. Pháp là kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta.
- B. là nơi đặt trụ sở của Quốc tế Cộng sản.
- C. là nơi diễn ra các cuộc cách mạng nổi tiếng.
- D. không muốn dựa vào Nhật đánh Pháp.

**Câu 60:** Điểm đến đầu tiên trong hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành là

- A. Pháp.
- B. Anh.
- C. Mỹ.
- D. Đức.

**Câu 61:** Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đều cùng

- A. xu hướng đấu tranh.
- B. khuynh hướng cách mạng.
- C. biện pháp đấu tranh.
- D. đối tượng cầu viện.

**Câu 62:** Yêu cầu cấp thiết hàng đầu của dân tộc Việt Nam vào đầu thế kỉ XX là gì?

- A. Thống nhất các lực lượng chống Pháp.
- B. Thống nhất các xu hướng chống Pháp.
- C. Giải phóng dân tộc.
- D. Giải phóng giai cấp.

**Câu 63:** Yêu cầu của lịch sử dân tộc Việt Nam vào đầu thế kỉ XX là gì?

- A. Thống nhất các lực lượng chống Pháp.
- B. Tìm được con đường cứu nước đúng đắn.
- C. Giải phóng nông dân.
- D. Giải phóng giai cấp.

**Câu 64:** Lực lượng lãnh đạo phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX là

- A. sĩ phu yêu nước.
- B. công nhân.
- C. nông dân.
- D. địa chủ.

**Câu 65:** Sau khi được thành lập, Hội Duy tân đã

- A. mở cuộc vận động Duy tân ở Trung Kỳ.
- B. tổ chức phong trào chống thuế ở Trung Kỳ.
- C. tổ chức phong trào Đông du.
- D. tiến hành các cuộc ám sát cá nhân.

**Câu 66:** Biểu hiện của phong trào Đông du (1905 - 1908) do Phan Bội Châu tổ chức thực hiện là

- A. đưa thanh niên Việt Nam sang Nhật Bản học tập.
- B. yêu cầu Nhật Bản giúp đỡ về vũ khí và trang bị.
- C. đánh đuổi giặc Pháp, thiết lập thể chế Cộng hòa.
- D. chuẩn bị lực lượng cho cuộc đấu tranh chống Pháp.

**Câu 67:** Mục đích của phong trào Đông du (1905 - 1908) do Phan Bội Châu tổ chức thực hiện là

- A. đưa thanh niên Việt Nam sang Nhật Bản học tập.
- B. yêu cầu Nhật Bản giúp đỡ về vũ khí và trang bị.
- C. đánh đuổi giặc Pháp, thiết lập thể chế Cộng hòa.
- D. chuẩn bị lực lượng cho cuộc đấu tranh chống Pháp.

**Câu 68:** Đối tượng chủ yếu tham gia phong trào Đông du (1905 - 1908) là

- A. nông dân.
- B. địa chủ.
- C. thanh niên.
- D. công nhân.

**Câu 69:** Để gây tiếng vang trong nước, thức tỉnh đồng bào, Việt Nam Quang phục hội đã bí mật cử người về nước để

- A. tuyên truyền lí luận cách mạng trong quần chúng nhân dân.
- B. trừ khử những tên thực dân, tay sai có nợ máu với quần chúng.
- C. rèn luyện cán bộ, hội viên trong phong trào yêu nước.
- D. tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi quyền lợi.

**Câu 70:** Theo Phan Châu Trinh, điều kiện để Việt Nam tiến tới độc lập là

- A. đánh đuổi thực dân Pháp ra khỏi đất nước.
- B. đánh đổ ngôi vua và bọn phong kiến hủ bại.
- C. bạo động vũ trang chống Pháp và tay sai.
- D. kêu gọi sự ủng hộ và giúp đỡ của Nhật Bản.

**Câu 71:** Năm 1906, Phan Châu Trinh và các nhà cách mạng khác đã

- A. thành lập Hội Duy tân.
- B. tổ chức phong trào Đông du.
- C. thành lập Quang phục quân.
- D. mở cuộc vận động Duy tân.

**Câu 72:** Phong trào Hội kín ở Nam Kỳ (1916) thực chất là phong trào

- A. đấu tranh của nông dân.
- B. đấu tranh của sĩ phu.
- C. yêu nước theo hệ tư tưởng phong kiến.

**D.** yêu nước theo khuynh hướng vô sản.

**Câu 73:** Lực lượng tham gia chủ yếu của phong trào Hội kín ở Nam Kỳ những năm đầu thế kỉ XX ở Việt Nam là

- A.** công nhân.                      **B.** nông dân.                      **C.** tư sản.                      **D.** tiểu tư sản.

**Câu 74:** Năm 1908, Phan Châu Trinh đã

- A.** bị thực dân Pháp bắt giam.                      **B.** tổ chức phong trào Đông du.  
**C.** mở cuộc vận động Duy tân.                      **D.** bị quân phiệt Trung Quốc bắt giam.

**Câu 75:** Trong cuộc vận động Duy tân ở Trung Kỳ (1906), trên lĩnh vực kinh tế, Phan Châu Trinh đã

- A.** cổ động chấn hưng thực nghiệp, lập hội kinh doanh.  
**B.** mở trường dạy chữ Quốc ngữ và các môn học mới.  
**C.** vận động cải cách trang phục và lối sống.  
**D.** đưa thanh niên Việt Nam sang Nhật Bản học tập.

**Câu 76:** Điểm khác nhau trong hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đầu thế kỉ XX là

- A.** xu hướng đấu tranh.                      **B.** kết quả đấu tranh.  
**C.** chủ trương cầu viện.                      **D.** mục tiêu cuối cùng.

**Câu 77:** Vụ “Hà thành đầu độc” (1908) gắn liền với hoạt động của lực lượng xã hội nào?

- A.** nông dân.                      **B.** công nhân.                      **C.** binh lính.                      **D.** địa chủ.

**Câu 78:** Vụ “Hà thành đầu độc” (1908) có liên quan đến hoạt động của cuộc khởi nghĩa nào?

- A.** Thái Nguyên.                      **B.** Yên Thế.                      **C.** Hùng Lĩnh.                      **D.** Yên Bái.

**Câu 79:** Vụ “Hà thành đầu độc” (1908) và khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên (1917) chứng tỏ

- A.** sức mạnh của khối liên Minh công - nông.  
**B.** khả năng đấu tranh của binh lính Việt Nam.  
**C.** sự thất bại của con đường cải cách, duy tân.  
**D.** vai trò lãnh đạo của Việt Nam Quang phục hội.

**Câu 80:** Khẩu hiệu “Nam binh phục quốc” gắn liền với cuộc khởi nghĩa nào?

- A.** Thái Nguyên.                      **B.** Yên Thế.                      **C.** Hùng Lĩnh.                      **D.** Yên Bái.

➤ **ĐÁP ÁN**

1 - C	2 - A	3 - B	4 - D	5 - A	6 - B	7 - A	8 - C	9 - A	10 - A
11 - D	12 - D	13 - B	14 - C	15 - A	16 - B	17 - B	18 - C	19 - D	20 - C
21 - C	22 - D	23 - D	24 - A	25 - B	26 - A	27 - A	28 - D	29 - C	30 - A
31 - D	32 - A	33 - A	34 - B	35 - C	36 - D	37 - C	38 - D	39 - A	40 - D
41 - A	42 - A	43 - C	44 - B	45 - B	46 - C	47 - C	48 - B	49 - C	50 - A
51 - D	52 - A	53 - B	54 - C	55 - D	56 - C	57 - D	58 - A	59 - A	60 - A
61 - B	62 - C	63 - B	64 - A	65 - C	66 - A	67 - D	68 - C	69 - B	70 - B
71 - D	72 - A	73 - B	74 - A	75 - A	76 - A	77 - C	78 - B	79 - B	80 - A

## **CHỦ ĐỀ 4: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT ĐẾN TRƯỚC KHI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI**

### **Mục tiêu**

#### **❖ Kiến thức**

1/ + Khái quát được nội dung cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Đông Dương (1919 - 1929).

- + Phân tích được những chuyển biến mới về kinh tế và giai cấp xã hội Việt Nam.
- + So sánh hai cuộc khai thác thuộc địa của Pháp ở Việt Nam.

2/ Phân tích được phong trào dân tộc, dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930:

- Hoàn cảnh lịch sử.
- Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản.
- Phong trào công nhân Việt Nam (1919 - 1930).

3/ + Trình bày được sự ra đời, hoạt động và vai trò của các tổ chức cách mạng: Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt Cách mạng đảng, Việt Nam Quốc dân đảng.

- + So sánh điểm tương đồng, khác biệt giữa các tổ chức yêu nước cách mạng.

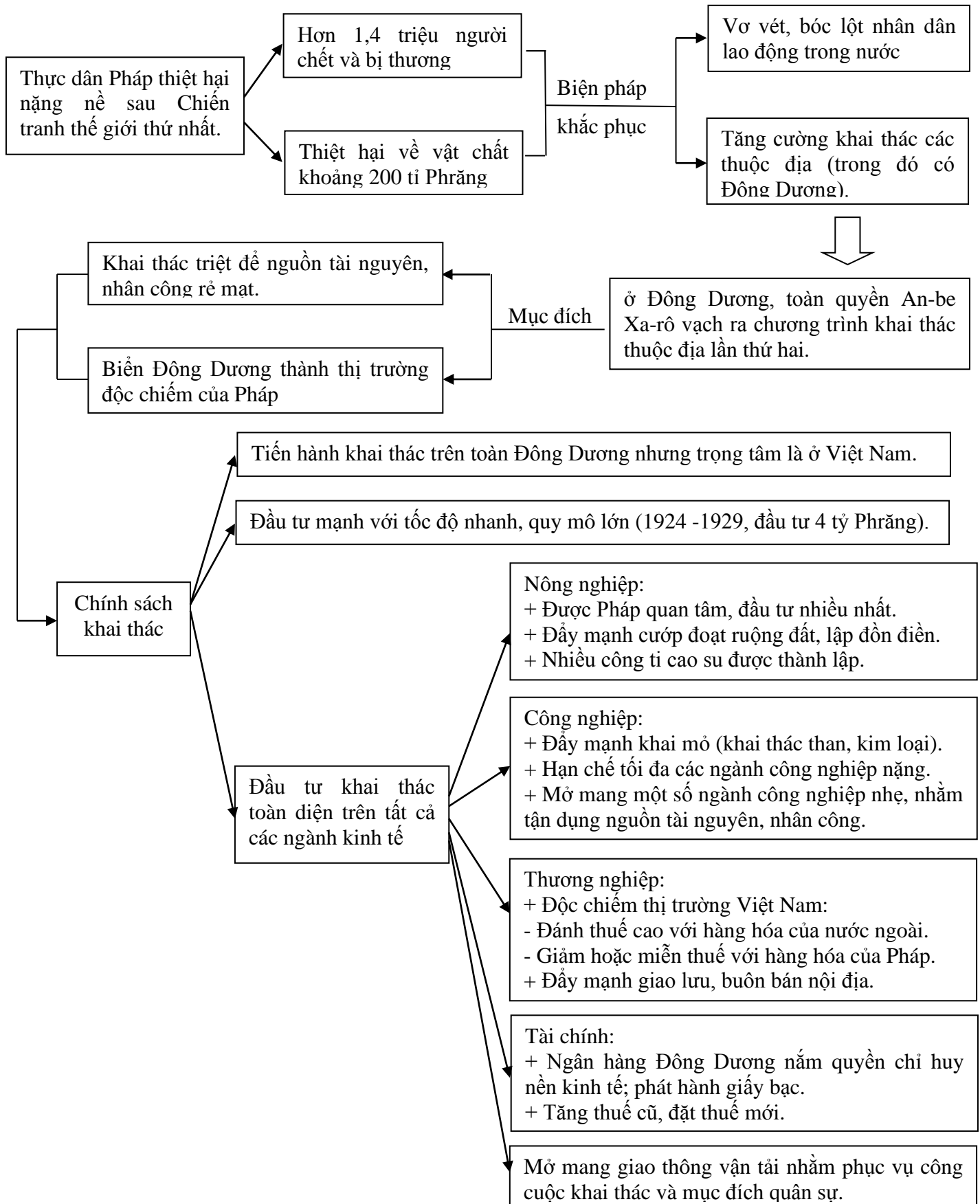
#### **❖ Kỹ năng**

- + Hệ thống kiến thức về lịch sử Việt Nam thời kì 1919 - 1930.
- + Tổng hợp, phân tích, đánh giá sự kiện lịch sử.

# I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

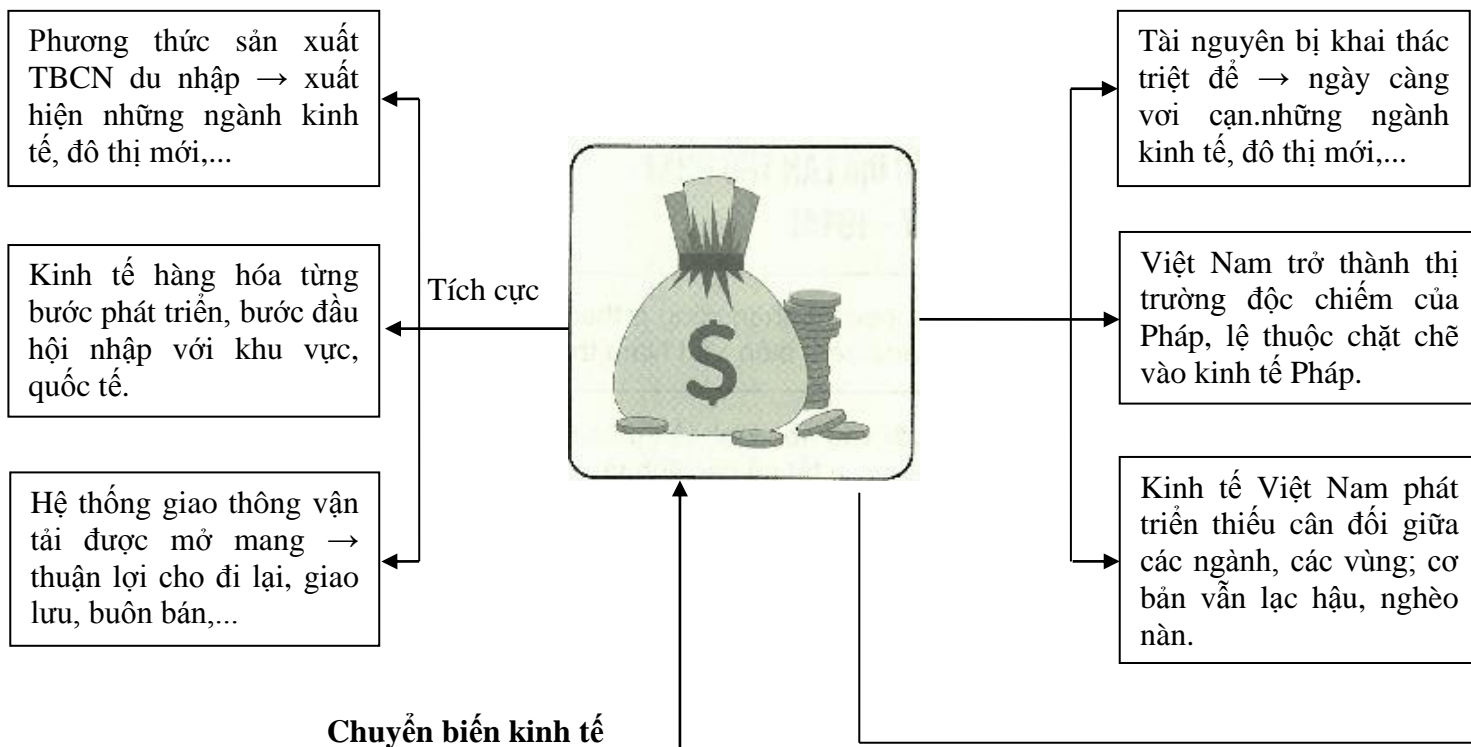
## CUỘC KHAI THÁC THUỘC ĐỊA LẦN THỨ HAI CỦA THỰC DÂN PHÁP Ở ĐÔNG DƯƠNG (1919-1929)

### 1/ CHÍNH SÁCH KHAI THÁC THUỘC ĐỊA LẦN THỨ HAI CỦA THỰC DÂN PHÁP

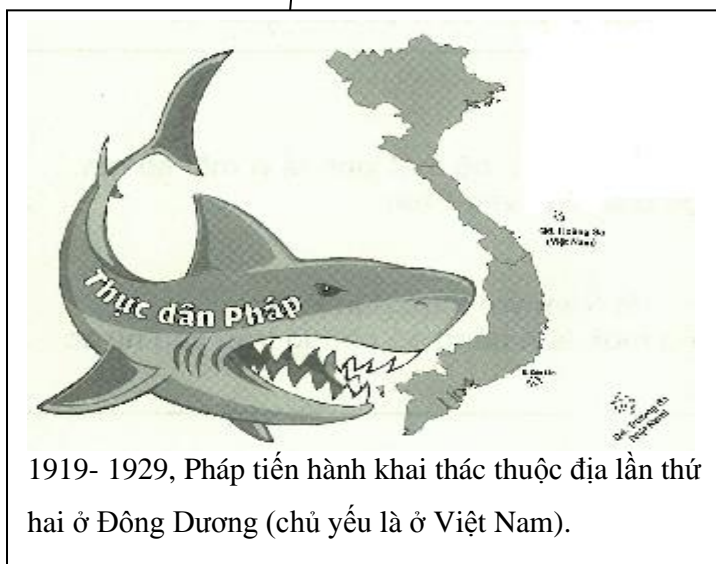




## 2/ NHỮNG CHUYỂN BIẾN VỀ KINH TẾ, XÃ HỘI Ở VIỆT NAM



### Chuyển biến kinh tế



### Tiền đề

#### Chuyển biến kinh tế

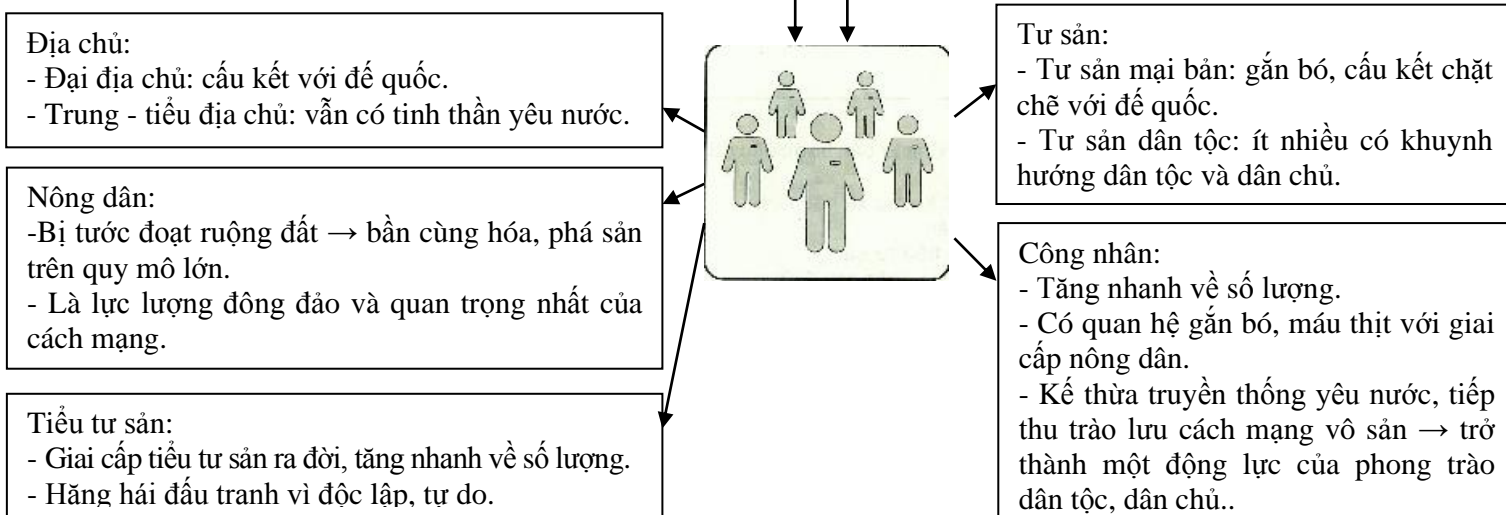
Cơ cấu kinh tế có sự thay đổi.  
 Kinh tế phát triển thiếu sự cân đối, chuyển biến chậm, lệ thuộc chặt chẽ vào kinh tế Pháp.

#### Chuyển biến xã hội

Xã hội ngày càng phân hóa.  
 Cơ cấu giai cấp xã hội phân hóa thiếu triệt để.

### Chuyển biến xã hội

### Mối quan hệ

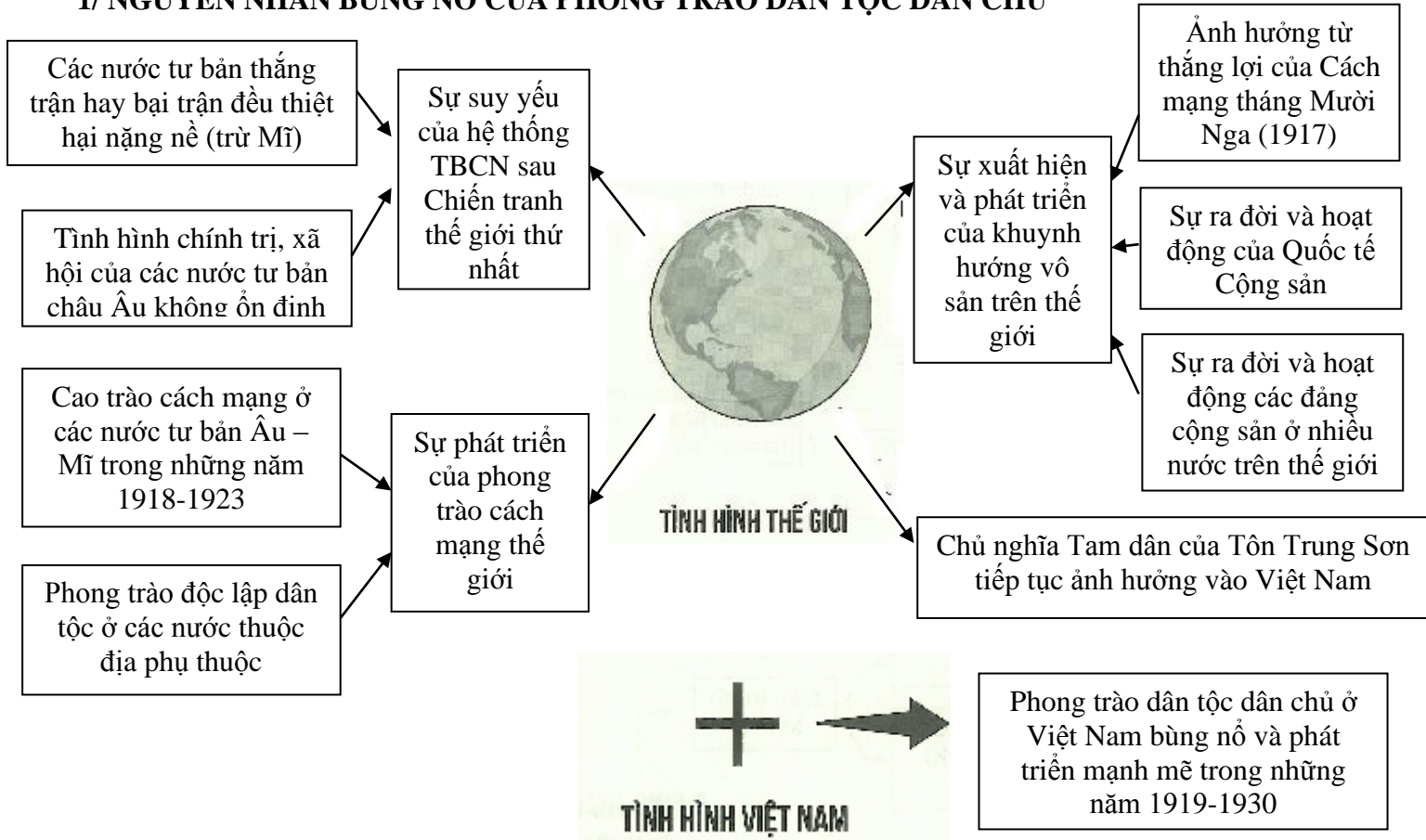


### 3. SO SÁNH HAI CUỘC KHAI THÁC THUỘC ĐỊA CỦA PHÁP Ở ĐÔNG DƯƠNG

		<b>KHAI THÁC THUỘC ĐỊA LẦN THỨ NHẤT (1897-1914)</b>	<b>KHAI THÁC THUỘC ĐỊA LẦN THỨ HAI (1919-1929)</b>
<b>TƯƠNG ĐỒNG</b>	<b>Mục đích</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vơ vét tài nguyên, bóc lột nhân công ở thuộc địa để làm giàu cho chính quốc.</li> <li>- Tiến hành khai thác nhằm biến Việt Nam thành thị trường độc chiếm của Pháp</li> </ul>	
	<b>Nội dung chính sách khai thác</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tư vốn, kỹ thuật vào nền kinh tế thuộc địa.</li> <li>- Khai thác toàn diện trên tất cả các lĩnh vực (nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, thương nghiệp,...).</li> <li>- Tương đồng trong chính sách khai thác cụ thể ở từng lĩnh vực kinh tế.</li> <li>+ Nông nghiệp: cướp đoạt ruộng đất để lập đồn điền.</li> <li>+ Công nghiệp: đẩy mạnh khai mỏ (than, thiếc, kẽm,...).</li> <li>+ Thương nghiệp: độc chiếm thị trường Việt Nam.</li> <li>+ Phát triển giao thông vận tải nhằm phục vụ cho cuộc khai thác và mục đích quân sự.</li> </ul>	
	<b>Tác động</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Góp phần chuyển biến kinh tế - xã hội của Việt Nam:</li> <li>- Kinh tế: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa du nhập → thay đổi bộ mặt kinh tế ở một số nơi.</li> <li>+ Kinh tế Việt Nam phát triển thiếu cân đối, lệ thuộc chặt chẽ vào Pháp.</li> </ul> </li> <li>- Xã hội: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Các lực lượng xã hội có sự phân hóa sâu sắc.</li> <li>+ Sâu sắc thêm mâu thuẫn dân tộc giữa nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp.</li> </ul> </li> <li>* Tạo ra cơ sở bên trong để tiếp thu luồng tư tưởng mới, làm bùng nổ phong trào yêu nước mang khuynh hướng mới.</li> </ul>	
<b>KHÁC BIỆT</b>	<b>Mục đích</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bù đắp lại số vốn đã bỏ ra trong quá trình xâm lược và bình định Việt Nam.</li> <li>- Vơ vét tài nguyên, bóc lột nhân công để phục vụ cho cuộc chiến tranh để quốc sắp diễn ra.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bù đắp thiệt hại do Chiến tranh thế giới thứ nhất gây ra.</li> </ul>
	<b>Nội dung chính sách khai thác</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô nhỏ, tốc độ đầu tư chậm hơn so với đợt khai thác lần thứ hai.</li> <li>- Tập trung vốn đầu tư nhiều nhất vào lĩnh vực khai mỏ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tư ồ ạt với quy mô lớn, tốc độ nhanh hơn so với đợt khai thác lần thứ nhất.</li> <li>- Tập trung vốn đầu tư nhiều nhất vào lĩnh vực nông nghiệp.</li> </ul>
	<b>Tác động</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương thức sản xuất tư bản bước đầu du nhập vào Việt Nam.</li> <li>- Xuất hiện các lực lượng xã hội mới: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giai cấp công nhân.</li> <li>+ Tầng lớp: tư sản, tiểu tư sản.</li> </ul> </li> <li>- Tạo điều kiện để tiếp nhận con đường cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương thức sản xuất tư bản tiếp tục du nhập, đưa tới sự chuyển biến rõ rệt của hình thái kinh tế.</li> <li>- Đưa tới sự hình thành của hai giai cấp: tư sản và tiểu tư sản.</li> <li>- Các lực lượng xã hội mới có sự phát triển rõ rệt về số lượng.</li> <li>- Tạo điều kiện để tiếp nhận con đường cứu nước theo khuynh hướng vô sản.</li> </ul>

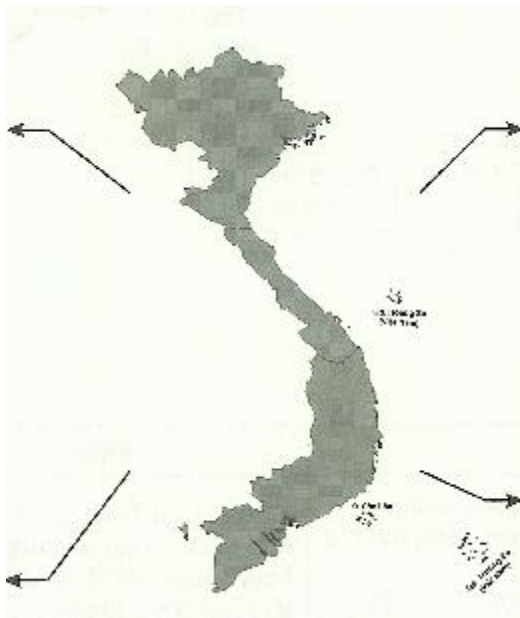
# PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ (1919-1930)

## 1/ NGUYÊN NHÂN BÙNG NỔ CỦA PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ



Đất nước mất độc lập, tự do (từ năm 1884); nhiệm vụ giải phóng dân tộc và giải cấp chưa được giải quyết → đây là nguyên nhân sâu xa của các phong trào đấu tranh yêu nước.

Sự bế tắc của các con đường cứu nước theo khuynh hướng phong kiến, dân chủ tư sản.  
→ Yêu cầu tìm ra con đường cứu nước mới (vừa giải phóng dân tộc, vừa giải phóng giai cấp).



Sự lựa chọn con đường cứu nước mới theo khuynh hướng vô sản và những hoạt động tích cực của Nguyễn Ái Quốc → thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của phong trào yêu nước.

Tác động từ cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp → đời sống kinh tế - xã hội của Việt Nam chuyển biến → tạo cơ sở cho sự tiếp thu các luồng tư tưởng mới.  
→ Sự phân hóa của cơ cấu giai cấp xã hội được ví như mảnh đất màu mỡ tạo điều kiện cho khuynh hướng vô sản xuất hiện và ngày càng phát triển.

## 2/ PHONG TRÀO YÊU NƯỚC THEO KHUYNH HƯỚNG DÂN CHỦ TƯ SẢN (1919-1925)

### 2.1/ Hoàn cảnh lịch sử:

\* Giai cấp tư sản và tiểu tư sản ra đời và ngày càng phát triển (do tác động từ cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp).

- Bộ phận tư sản dân tộc:

+ Có tinh thần chống đế quốc và phong kiến để được tự do phát triển kinh tế

+ Thế lực kinh tế yếu, số lượng ít nên thái độ đấu tranh không triệt để.

- Giai cấp tiểu tư sản, nhất là tầng lớp trí thức, học sinh,... có điều kiện tiếp xúc với những luồng tư tưởng tiên bộ nên → có tinh thần đấu tranh hăng hái

\* Ảnh hưởng của hệ tư tưởng dân chủ tư sản, nhất là chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn.

- Những năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, chủ nghĩa Mác - Lênin chưa phổ biến rộng rãi ở Việt Nam.

- Tư tưởng dân chủ tư sản vẫn phổ biến, chiếm vị trí chi phối trong đời sống tinh thần của các tầng lớp nhân dân.

### 2.2/ Phong trào yêu nước của tư sản

\* Đấu tranh kinh tế

- Tẩy chay tư sản Hoa kiều (1919).

- Đấu tranh chống độc quyền cảng Sài Gòn và độc quyền xuất khẩu lúa gạo Nam Kỳ của tư bản Pháp (1923).

\* Đấu tranh chính trị: Lập các đảng phái, tổ chức

- Đảng Lập hiến (của tư sản và địa chủ Nam Kỳ), cơ quan ngôn luận là tờ báo Diễn đàn Đông Dương và Tiếng dội An Nam.

- Nhóm Nam phong với thuyết "quân chủ lập hiến".

- Nhóm Trung bắc tân văn với tư tưởng "trực trị".

### 2.3. Hoạt động yêu nước của những người Việt Nam ở nước ngoài



Ở TRUNG QUỐC	Ở PHÁP
<p>- Hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu có sự chuyển biến về phương hướng cứu nước (ảnh hưởng từ Cách mạng tháng Mười).</p> <p>- Năm 1923, tổ chức "Tâm tâm xã" được thành lập, hoạt động gây tiếng vang nhất: vụ mưu sát Toàn quyền Đông Dương Méclan (19/6/1924).</p>	<p>- Phan Chu Trinh sau khi ra khỏi nhà tù Côn Đảo đã sang Pháp hoạt động, viết "Thất điều thư" kể tội Khải Định; tổ chức diễn thuyết lên án chế độ quân chủ...</p>

### 2.4. Phong trào yêu nước của tiểu tư sản trong nước

- Thành lập các tổ chức chính trị: Việt Nam Nghĩa đoàn, Hội Phục Việt,...

- Thành lập một số nhà xuất bản tiên bộ: Nam đồng thư xã, Cường học thư xã, Quan hải tùng thư,...

- Xuất bản các tờ báo tiên bộ: Chuông rè, An Nam trẻ, Người nhà quê,....

- Một số hoạt động gây tiếng vang lớn:

+ Đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp trả tự do cho nhà yêu nước Phan Bội Châu (1925).

+ Lễ truy điệu, để tang Phan Châu Trinh (1926).

## 2.5. Mục tiêu, tính chất

a/ Mục tiêu:

- Tự sản dân tộc:

+ Chống lại sự cạnh tranh, chèn ép của tư bản nước ngoài, đặc biệt là tư bản Pháp.

+ Đòi các quyền lợi về kinh tế như: tự do kinh doanh,...

+ Đòi các quyền lợi chính trị như: tự do tư tưởng, tự do đi lại, hội họp, đòi tham gia vào bộ máy chính quyền...

- Tiểu tư sản:

+ Chống cường quyền áp bức.

+ Chống chủ nghĩa “Pháp - Việt đề huề”.

+ Đả kích chế độ thực dân, đòi thi hành các quyền tự do, dân chủ,...

b/ Tính chất: Các phong trào đấu tranh đều mang tính dân tộc, dân chủ.

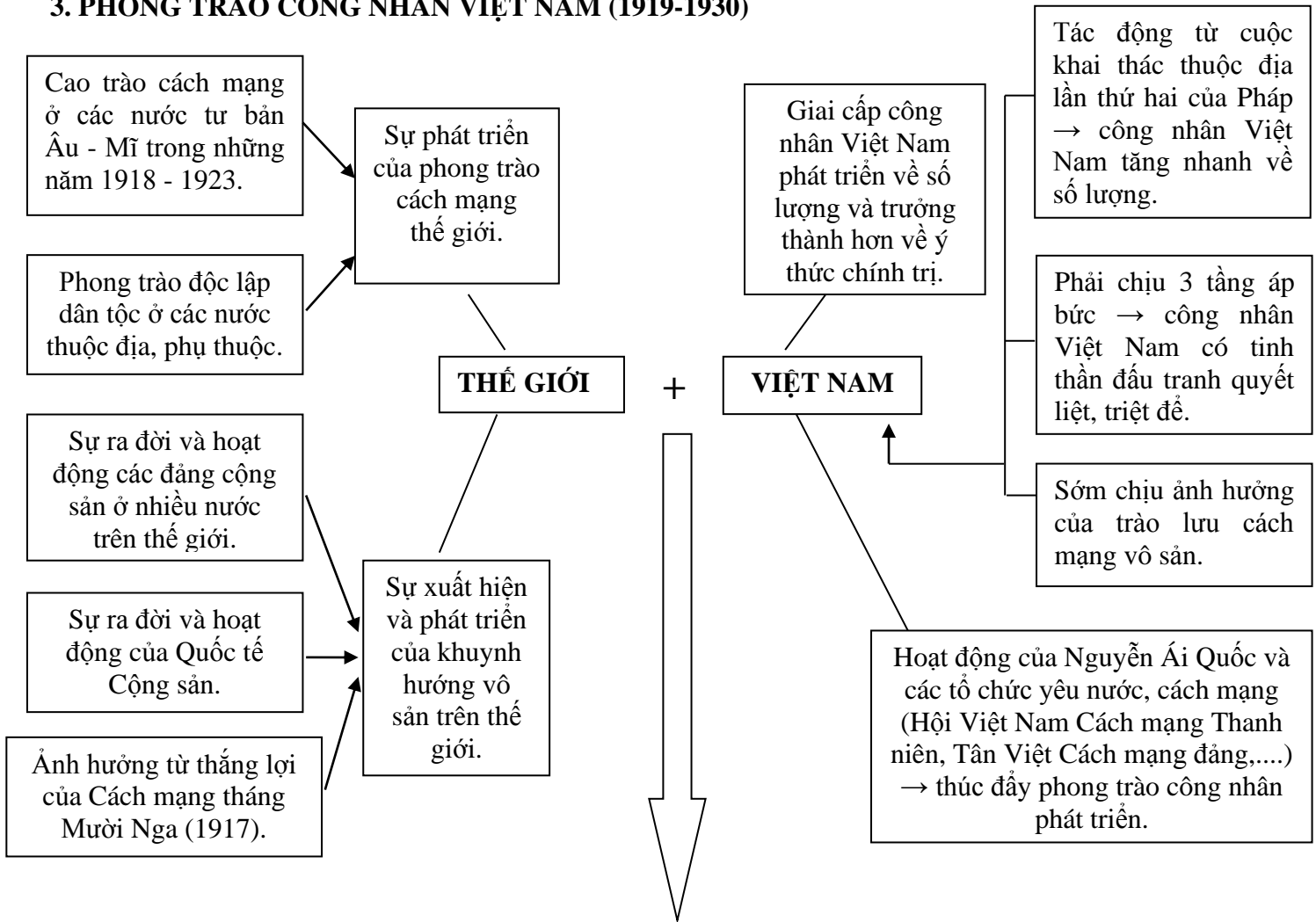
- Tính dân tộc: tiến hành đấu tranh nhằm thực hiện mục tiêu cao nhất là giải phóng dân tộc.

- Tính dân chủ: tiến hành đấu tranh đòi các quyền dân chủ (vấn đề ruộng đất, quyền tự do,....).

## 2.6. Nhận xét chung

	<b>Phong trào đấu tranh của tư sản dân tộc</b>	<b>Phong trào đấu tranh của tiểu tư sản</b>
<b>Tích cực</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Phát triển khá sôi nổi, chứng tỏ tư sản dân tộc Việt Nam đã có cố gắng trong việc chống lại sự cạnh tranh, chèn ép của tư bản nước ngoài.</li><li>- Phản ánh nguyện vọng muốn vươn lên trở thành một giai cấp độc lập, không bị lệ thuộc vào Pháp.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Diễn ra mạnh mẽ, sôi nổi.</li><li>- Có tác dụng thức tỉnh, thúc đẩy lòng yêu nước; truyền bá những tư tưởng mới; lôi cuốn đông đảo quần chúng đi theo.</li></ul>
<b>Hạn chế</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đấu tranh chủ yếu nhằm đòi quyền lợi kinh tế, chính trị cho giai cấp tư sản trong khuôn khổ của chế độ thực dân → xa rời quần chúng, mang tính cải lương.</li><li>- Một bộ phận tư sản có tinh thần cách mạng nhưng đường lối sai lầm → thất bại (Việt Nam Quốc dân đảng).</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chưa có chính đảng khoa học, chưa đề ra được một đường lối chính trị đúng đắn → đấu tranh còn xốc nổi, chưa thể đi đến thắng lợi cuối cùng.</li></ul>

### 3. PHONG TRÀO CÔNG NHÂN VIỆT NAM (1919-1930)



	Giai đoạn “tự phát” (1918-1925)	Giai đoạn “tự giác” (1925-1930)
<b>Sự phát triển</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập Công hội của công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn. ộ Cuộc đấu tranh của công nhân viên chức các sở công thương của tư nhân ở Bắc Kỳ (1922).</li> <li>- Các cuộc bãi công của công nhân nhà máy dệt, rượu, xay xát ở Hà Nội, Nam Định.</li> <li>- Bãi công của công nhân xưởng đóng tàu Ba Son (Sài Gòn, tháng 8/1925) → đánh dấu bước phát triển mới của phong trào công nhân Việt Nam.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1926 - 1927, nhiều cuộc đấu tranh nổ ra, như: bãi công của công nhân nhà máy sợi Nam Định, công nhân đồn điền cao su Cam Tiêm....</li> <li>- Cuối năm 1928, sau khi có chủ trương “Vô sản hoá”, phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ, trở thành nòng cốt của phong trào dân tộc.</li> <li>- 1928 - 1929, có khoảng 40 cuộc đấu tranh của công nhân tại các trung tâm kinh tế, chính trị.</li> </ul>
<b>Đặc điểm</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nổ ra còn lẻ tẻ, chưa có sự phối hợp với nhau.</li> <li>- Diễn ra trên quy mô nhỏ.</li> <li>- Mục tiêu đấu tranh còn nặng về kinh tế.</li> <li>- Trình độ giác ngộ thấp, mang tính chất “tự phát”.</li> <li>- Là một bộ phận của phong trào yêu nước.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô đấu tranh ngày càng lớn, nổ ra liên tục khắp Bắc, Trung, Nam.</li> <li>- Có sự liên kết giữa các phong trào.</li> <li>- Mục tiêu đấu tranh được nâng cao, kết hợp đòi quyền lợi kinh tế với chính trị.</li> <li>- Trình độ giác ngộ chính trị được nâng cao.</li> <li>- Đấu tranh dưới sự lãnh đạo của các tổ chức yêu nước, cách mạng.</li> <li>- Trở thành nòng cốt của phong trào yêu nước.</li> </ul>
<b>Vai trò:</b> - Phong trào công nhân đóng vai trò trung tâm trong phong trào giải phóng dân tộc, thúc đẩy phong trào yêu nước phát triển theo khuynh hướng vô sản.		
- Sự phát triển của phong trào công nhân đặt ra yêu cầu thành lập chính đảng cộng sản ở Việt Nam.		

---

## CÁC TỔ CHỨC YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM (1925-1930)

### 1/ HỘI VIỆT NAM CÁCH MẠNG THANH NIÊN (1925-1929)

#### a/ Sự ra đời

- Phong trào cách mạng ở Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ → các cuộc đấu tranh tuy thất bại nhưng tạo tiền đề cho sự ra đời của cách tổ chức cách mạng.

- Nhiều thanh niên, trí thức, tiểu tư sản yêu nước đã sang Trung Quốc hoạt động cứu nước, song chưa có phương hướng chính trị đúng đắn → họ rất cần được trang bị về lí luận cách mạng.

- Sau khi từ Liên Xô về Quảng Châu (Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc chọn một số thanh niên tích cực để đào tạo → thành lập Cộng sản đoàn (2/1925).

⇒ Trên cơ sở Cộng sản đoàn, tháng 6/1925, Nguyễn Ái Quốc đã thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

#### b/ Hoạt động

\* Xây dựng hệ thống tổ chức:

- Cơ cấu tổ chức gồm 5 cấp: Tổng bộ, Kì bộ, Huyện bộ và chi bộ sơ sở.

- Hệ thống tổ chức của Hội ở trong nước ngày càng phát triển, hoàn chỉnh.

\* Đào tạo cán bộ cách mạng:

- Đưa các học sinh, sinh viên, trí thức yêu nước sang Quảng Châu, dự các lớp huấn luyện do Nguyễn Ái Quốc tổ chức.

- Sau khi dự lớp huấn luyện tại Quảng Châu, một số hội viên được cử đi học chính trị tại Liên Xô hoặc quân sự tại trường Hoàng Phố (Trung Quốc).

\* Tuyên truyền lí luận cách mạng

- Ra báo Thanh niên (số đầu tiên ngày 21/6/1925) làm cơ quan ngôn luận, tuyên truyền lí luận giải phóng dân tộc.

- Xuất bản tác phẩm “Đường Kách mệnh” trang bị lí luận cách mạng cho cán bộ của Hội.

- Truyền bá sách báo Mác-xít, lí luận cách mạng trong nhân dân.

\* Phát triển hội viên:

- Xây dựng cơ sở ở khắp cả nước. Ngoài ra, Hội còn gây dựng cơ sở trong Việt kiều ở Xiêm (Thái Lan).

- Năm 1928, Hội thực hiện chủ trương “vô sản hóa”, nhiều cán bộ đi vào các nhà máy, xí nghiệp,... cùng lao động, sinh hoạt với công nhân để tuyên truyền cách mạng.

\* Phân hóa nội bộ:

- Phong trào yêu nước, phong trào cách mạng phát triển → yêu cầu thành lập chính đảng vô sản.

- Hội có sự phân hóa:

+ Đông Dương Cộng sản đảng (tháng 6/1929).

+ An Nam Cộng sản đảng (tháng 8/1929).

#### c/ Vai trò:

---

- Thúc đẩy sự phát triển của phong trào yêu nước; góp phần giúp khuynh hướng vô sản chiếm ưu thế trong phong cách mạng ở Việt Nam.

- Tích cực chuẩn bị những điều kiện chín muồi cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

## **2. TÂN VIỆT CÁCH MẠNG ĐẢNG (7/1928-9/1929)**

### **a/ Sự ra đời**

- Tiền thân của Đảng Tân Việt là Hội Phục Việt (1925)

- Sau nhiều lần đổi tên, đến 14/7/1928, lấy tên là Tân Việt Cách mạng đảng

### **b/ Sự phân hóa**

- Do ảnh hưởng của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt Cách mạng đảng bị phân hóa:

+ Một số đảng viên đã chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên

+ Số đảng viên tiên tiến còn lại thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn (9/1929)

**c/ Lãnh đạo:** Đào Duy Anh, Đặng Thai Mai, Tôn Quang Phiệt

### **d/ Phương pháp**

- Phổ biến sách báo tiên bộ

- Tuyên truyền tư tưởng cách mạng cho nhân dân

**e/ Mục tiêu:** Đánh đổ đế quốc, thiết lập xã hội bình đẳng, bác ái

**f/ Thành phần:** Thanh niên, trí thức, học sinh, giáo viên, tiểu thương, công chức.

## **3. VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG (12/1927-02/1930)**

**a/ Lãnh đạo:** Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Phó Đức Chính.

### **b/ Hoạt động tiêu biểu:**

- Tổ chức cuộc khởi nghĩa Yên Bái (tháng 2/1930).

- Thất bại của tổ chức Yên Bái đã chấm dứt vai trò lịch sử của Việt Nam Quốc dân đảng đối với phong trào dân tộc.

### **c/ Chủ trương:**

- Không đề ra được một đường lối chính trị độc lập, rõ ràng, nhiều lần thay đổi chính cương, điều lệ, không có mục đích, tôn chỉ rõ rệt.

- 1929, đề ra chương trình hành động → cổ động đánh đuổi giặc Pháp, thiết lập dân quyền.

### **d/ Phương pháp:**

- Tiến hành cách mạng bằng bạo lực.

- Hoạt động thiên về quân sự, khủng bố, ám sát cá nhân; ít chú ý đến công tác tuyên truyền vận động quần chúng.

**e/ Thành phần:** Học sinh, sinh viên, địa chủ, binh lính, sĩ quan người Việt trong quân đội Pháp,...

**f/ Địa bàn hoạt động:** Hoạt động của Đảng bó hẹp trong một số địa phương ở Bắc Kỳ, còn ở Trung Kỳ và Nam Kỳ không đáng kể.

## **4. ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT GIỮA CÁC TỔ CHỨC YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG**



## a/ Tương đồng

- Là những tổ chức yêu nước, hoạt động trong những năm 20 của thế kỉ XX.
- Hoạt động yêu nước, cách mạng nhằm mục tiêu cao nhất là đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc.

## b/ Khác biệt

	<b>Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên</b>	<b>Tân Việt Cách mạng đảng</b>	<b>Việt Nam Quốc dân đảng</b>
<b>Thời gian tồn tại</b>	Từ tháng 6/1925 đến tháng 6/1929	Từ tháng 7/1928 đến tháng 9/1929.	Từ tháng 12/1927 đến tháng 2/1930.
<b>Lãnh đạo chủ chốt</b>	Nguyễn Ái Quốc Hồ Tùng Mậu Lê Hồng Sơn	Đào Duy Anh Đặng Thai Mai Tôn Quang Phiệt	Nguyễn Thái Học Phạm Tuấn Tài Phó Đức Chính
<b>Khuynh hướng</b>	Theo khuynh hướng cách mạng vô sản.	Ban đầu theo khuynh hướng dân chủ tư sản. Về sau, có sự phân hóa, một bộ phận đảng viên đi theo con đường cách mạng vô sản.	Theo khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản.
<b>Mục tiêu</b>	Lật đổ chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập dân tộc, thiết lập chủ nghĩa cộng sản.	Đánh đổ đế quốc, thiết lập xã hội bình đẳng, bác ái.	Đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.
<b>Thành phần</b>	Thanh niên, học sinh, sinh viên, trí thức, công nhân.	Thanh niên, trí thức, học sinh, giáo viên, tiểu thương, công chức.	Học sinh, sinh viên, công chức, địa chủ, binh lính, sĩ quan người Việt trong quân đội Pháp.
<b>Phương pháp cách mạng</b>	- Tuyên truyền, vận động quần chúng đấu tranh. - Đào tạo cán bộ, phổ biến sách báo mác-xít. - Tổ chức phong trào “vô sản hóa”.	- Phổ biến sách báo tiến bộ. - Tuyên truyền tư tưởng cách mạng cho nhân dân	- Bao động vũ trang, nặng về ám sát, khủng bố cá nhân. - Hoạt động đấu tranh thiên về quân sự, chưa chú trọng đến tuyên truyền cách mạng, gây dựng cơ sở trong quần chúng.
<b>Địa bàn hoạt động</b>	- Hoạt động khắp ba kì (Bắc Kì, Trung Kì, Nam Kì) của Việt Nam. - Có cả cơ sở ở hải ngoại (Xiêm, Trung Quốc).	- Chủ yếu hoạt động ở Trung Kì.	- Chủ yếu hoạt động ở Bắc Kì.
<b>Kết quả</b>	Phân hóa thành hai tổ chức cộng sản: - Đông Dương Cộng sản đảng (tháng 6/1929). - An Nam Cộng sản đảng (tháng 8/1929).	Năm 1929, nội bộ Đảng Tân Việt có sự phân hóa. Một bộ phận đảng viên thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn (tháng 9/1929).	Sau thất bại của khởi nghĩa Yên Bái (tháng 2/1930), Việt Nam Quốc dân đảng hết vai trò lịch sử.

## II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

### ➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

**Câu 1:** Thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương trong hoàn cảnh nào?

A. Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc.

- B. Chiến tranh thế giới thứ nhất bắt đầu.
- C. Sau khi cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất kết thúc.
- D. Chiến tranh thế giới thứ nhất trong giai đoạn quyết liệt.

**Câu 2.** Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương (1919 - 1929), thực dân Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào ngành kinh tế nào?

- A. Thương nghiệp.
- B. Nông nghiệp.
- C. Thủ công nghiệp.
- D. Giao thông vận tải.

**Câu 3.** Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam, giai cấp tư sản Việt Nam phân hóa thành hai bộ phận là

- A. tư sản dân tộc và tư sản thương nghiệp.
- B. tư sản dân tộc và tư sản công nghiệp,
- C. tư sản dân tộc và tư sản mại bản.
- D. tư sản dân tộc và tư sản công thương.

**Câu 4.** Vì sao trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919 - 1929), thực dân Pháp mở rộng ngành công nghiệp chế biến ở Việt Nam?

- A. Đây là duy nhất có thể hỗ trợ cho sự phát triển của kinh tế Pháp.
- B. Tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có, nhân công dồi dào.
- C. Đây là ngành kinh tế duy nhất thụ nhiều lợi nhuận.
- D. Đây là ngành kinh tế chủ đạo của Việt Nam.

**Câu 5.** Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919 - 1929), thực dân Pháp chú trọng đầu tư vào nông nghiệp vì

- A. có nguồn nhân công dồi dào.
- B. Việt Nam có nhiều đồng bằng rộng lớn.
- C. vốn đầu tư ít, không cạnh tranh chính quốc.
- D. điều kiện tự nhiên phù hợp phát triển nông nghiệp.

**Câu 6.** Mục đích chủ yếu của thực dân Pháp khi đầu tư vào phát triển giao thông vận tải ở Việt Nam là

- A. xây dựng cơ sở hạ tầng ở Việt Nam hiện đại.
- B. phát triển kinh tế thuộc địa theo hướng tư bản.
- C. thúc đẩy giao lưu, buôn bán giữa các địa phương.
- D. phục vụ cho đàn áp cuộc nổi dậy của người bản địa.

**Câu 7.** Thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam để

- A. bù đắp tổn thất do quá trình xâm lược Việt Nam.
- B. bù đắp thiệt hại do Chiến tranh thế giới thứ nhất gây ra.
- C. thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.
- D. khôi phục nền kinh tế Việt Nam sau chiến tranh.

**Câu 8.** Tờ báo nào đánh dấu sự ra đời của báo chí cách mạng Việt Nam?

- A. Người cùng khổ.
- B. Tiếng dân.
- C. Thanh niên.
- D. Hữu thanh.

**Câu 9.** Tờ báo được xuất bản bằng tiếng Việt trong phong trào dân tộc dân chủ 1919 - 1925 ở Việt Nam là

- A. An Nam trẻ.
- B. Người nhà quê.
- C. Chuông rè.
- D. Hữu thanh.

**Câu 10.** Tờ báo được xuất bản bằng tiếng Pháp trong phong trào dân tộc dân chủ 1919 - 1925 ở Việt Nam là

- A. Hữu thanh.
- B. Tiếng dân.
- C. Thực nghiệp dân báo.
- D. Người nhà quê.

**Câu 11.** Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp tư sản Việt Nam phân hóa thành

- A. tư sản và tiểu tư sản.
- B. tư sản dân tộc và tiểu tư sản.
- C. tư sản dân tộc và tư sản mại bản.
- D. tư sản mại bản và tiểu tư sản.

**Câu 12.** Tư tưởng đấu tranh của nhóm Trung Bắc tân văn do Nguyễn Văn Vĩnh đứng đầu là

- A. quân chủ lập hiến.
- B. dân chủ cộng hòa.
- C. trực trị.
- D. cải lương.

**Câu 13.** Nguyên tắc tư tưởng được Việt Nam Quốc dân đảng nêu ra năm 1929 là

- A. “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”.
- B. “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”.
- C. “Tự do - Chủ quyền - Độc lập”.
- D. “Hòa bình - Đoàn kết - Tự do”.

**Câu 14.** Tổ chức nào được coi là tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam?

- A. Việt Nam Quốc dân đảng.
- B. Tân Việt Cách mạng đảng.
- C. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- D. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

**Câu 15.** So với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914), cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919 - 1929) của thực dân Pháp ở Việt Nam có điểm mới nào dưới đây?

- A. Đầu tư vốn với tốc độ nhanh, quy mô lớn.
- B. Vơ vét tài nguyên thiên nhiên.
- C. Đầu tư vào ngành giao thông vận tải và ngân hàng.
- D. Chỉ đầu tư vào nông nghiệp, khai thác mỏ.

**Câu 16.** Tính chất cách mạng non yếu của giai cấp tư sản Việt Nam trong phong trào dân tộc dân chủ công khai 1919 - 1925 được thể hiện ở việc

- A. chủ yếu đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế.
- B. chưa thành lập được các tổ chức chính trị của mình.
- C. sẵn sàng thỏa hiệp khi được Pháp nhượng bộ một số quyền lợi.
- D. chưa tập hợp được quần chúng nhân dân để phát động các cuộc đấu tranh.

**Câu 17.** Năm 1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên mà chưa thành lập một chính đảng vô sản ở Việt Nam vì lí do chủ yếu nào?

- A. Lý luận cách mạng giải phóng dân tộc chưa được truyền bá rộng rãi.
- B. Thực hiện Chỉ thị của Quốc tế Cộng sản về cách mạng Đông Dương.
- C. Lực lượng cách mạng chưa được tập hợp vào mặt trận thống nhất.
- D. Thực dân Pháp thực hiện chính sách tăng cường đàn áp cách mạng.

**Câu 18.** Khởi nghĩa Yên Bái (2/1930) của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng thất bại chứng tỏ

- A. sự thỏa hiệp của giai cấp tư sản Việt Nam.
- B. sự bế tắc của con đường cách mạng bạo lực.
- C. điều kiện thành lập đảng cộng sản đã chín muồi.
- D. khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam chấm dứt.

**Câu 19.** Phong trào “vô sản hóa” do Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phát động và thực hiện là

- A. mốc đánh dấu phong trào công nhân hoàn toàn trở thành tự giác.
- B. phương thức tự rèn luyện của những chiến sĩ cách mạng tiên bộ.
- C. điều kiện để công nhân phát triển về số lượng và trở thành giai cấp.
- D. cơ hội thuận lợi giúp những người cộng sản về nước hoạt động.

**Câu 20.** Đặc điểm của phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX đến năm 1930 là gì?

- A. Phát triển tuần tự từ khuynh hướng phong kiến đến vô sản và dân chủ tư sản.
- B. Khuynh hướng vô sản chiếm ưu thế tuyệt đối trong phong trào yêu nước.
- C. Tồn tại song song hai khuynh hướng cứu nước: vô sản và dân chủ tư sản.
- D. Khuynh hướng dân chủ tư sản chiếm ưu thế tuyệt đối trong phong trào dân tộc, dân chủ.

**Câu 21.** Phong trào cách mạng Việt Nam (1919 -1930) có điểm giống so với phong trào yêu nước những năm đầu thế kỉ XX là

- A. khuynh hướng dân chủ tư sản bao trùm.
- B. mang tính chất dân tộc và dân chủ.
- C. quan niệm về vận động cứu nước.
- D. xuất hiện khuynh hướng vô sản.

**Câu 22.** Trong chính sách thương nghiệp, Pháp đã đánh thuế nặng các hàng hóa nước ngoài vì

- A. tạo sự cạnh tranh giữa hàng hóa các nước nhập vào Đông Dương.
- B. muốn độc quyền chiếm thị trường Việt Nam và Đông Dương.
- C. tạo điều kiện cho thương nghiệp Đông Dương phát triển.
- D. cản trở sự xâm nhập của hàng hóa nước ngoài.

**Câu 23.** Sự kiện nào đánh dấu giai cấp công nhân Việt Nam hoàn toàn đấu tranh tự giác?

- A. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ra đời.
- B. Chi bộ cộng sản đầu tiên được thành lập.
- C. Cuộc bãi công của công nhân Ba Son.
- D. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

**Câu 24.** Trong những năm 20 của thế kỉ XX, tác phẩm Đường Kách mệnh và báo Thanh niên khi được truyền bá về Việt Nam đã có tác động như thế nào đến phong trào yêu nước, cách mạng?

- A. Góp phần chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho sự ra đời của Đảng.
- B. Trang bị lý luận cách mạng cho cán bộ của Đông Dương Cộng sản đảng.
- C. Xây dựng mối liên hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.
- D. Góp phần chuẩn bị về tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Câu 25.** Từ năm 1919 đến năm 1925, có nhiều sự kiện của thế giới đã tác động, ảnh hưởng tích cực đến phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam, ngoại trừ

- A. thắng lợi của cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.
- B. cao trào cách mạng 1918 - 1923 ở các nước tư bản Âu - Mĩ.
- C. sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông.
- D. sự xuất hiện của chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh thế giới mới.

**Câu 20.** Đặc điểm lớn nhất của phong trào yêu nước Việt Nam trong thời gian từ 1919 - 1930 là

- A. hai khuynh hướng vô sản và tư sản đều giải quyết nhiệm vụ độc lập.
- B. hai giai cấp tư sản và tiểu tư sản đều tập hợp lực lượng cách mạng.
- C. phát triển tuần tự từ khuynh hướng tư sản đến khuynh hướng vô sản.
- D. tiếp thu duy nhất tư tưởng vô sản làm vũ khí đấu tranh cách mạng.

**Câu 27.** Sự kiện nào đã làm chuyển biến tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam, tạo cơ sở xã hội và điều kiện chính trị để tiếp thu luồng tư tưởng cách mạng vô sản?

- A. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp.
- B. Pháp thực hiện chính sách “Kinh tế chỉ huy”.
- C. Pháp tăng cường đầu tư vốn ở Đông Dương.

**D.** Cách mạng tháng Mười Nga thành công.

**Câu 28.** Sự kiện đánh dấu giai cấp công nhân Việt Nam bước đầu chuyển từ đấu tranh tự phát sang tự giác là

- A.** công nhân Ba Son bãi công (tháng 8/1925).
- B.** công nhân đồn điền cao su Phú Riềng bãi công (1929).
- C.** công nhân nhà máy xi măng Hải Phòng bãi công (1928).
- D.** Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên thực hiện “vô sản hóa” (1928).

**Câu 29.** So với giai cấp công nhân ở các nước tư bản phương Tây, giai cấp công nhân Việt Nam có đặc điểm gì khác biệt?

- A.** Có tổ chức kỷ luật và đấu tranh triệt để.
- B.** Được lịch sử giao sứ mệnh lãnh đạo cách mạng.
- C.** Đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến nhất.
- D.** Ra đời trước giai cấp tư sản.

**Câu 30.** Những chuyển biến về kinh tế xã hội Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919 - 1929) của thực dân Pháp đã

- A.** thúc đẩy phong trào công nhân từ tự phát sang tự giác.
- B.** giúp các sĩ phu phong kiến Việt Nam chuyển hẳn sang lập trường tư sản.
- C.** tạo điều kiện xuất hiện con đường cứu nước theo khuynh hướng vô sản.
- D.** tạo điều kiện xuất hiện con đường cứu nước theo khuynh hướng tư sản.

**Câu 31.** Sự khác nhau cơ bản nhất giữa Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên với Việt Nam Quốc dân đảng là

- A.** địa bàn hoạt động.
- B.** đối tượng cách mạng đánh đổ.
- C.** thành phần tham gia.
- D.** khuynh hướng cách mạng.

**Câu 32.** Sự kiện chấm dứt vai trò lịch sử của Việt Nam Quốc dân đảng và khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản ở Việt Nam là

- A.** thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái (tháng 2/1930).
- B.** sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930).
- C.** sự ra đời của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam (1929).
- D.** vụ mưu sát tên trùm mộ phu Badanh ở Hà Nội (1929).

**Câu 33.** Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam?

- A.** Ra đời cùng với giai cấp tư sản Việt Nam.
- B.** Có quan hệ tự nhiên, gắn bó với giai cấp nông dân.
- C.** Bị ba tầng áp bức, bóc lột của thực dân, phong kiến, tư sản người Việt.
- D.** Được kế thừa truyền thống yêu nước và ý chí đấu tranh bất khuất của dân tộc.

**Câu 34.** Khuynh hướng cách mạng vô sản ngày càng thắng thế trong phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam cuối những năm 20 của thế kỉ XX vì

- A.** đã đặt ra yêu cầu giải phóng dân tộc gắn với giải phóng giai cấp.
- B.** đã thu hút tư sản tham gia đấu tranh giải phóng dân tộc.
- C.** phong trào công nhân, nông dân đã phát triển tự giác.
- D.** đã giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.

**Câu 35.** Phong trào cách mạng Việt Nam (1919 - 1930) có điểm gì mới so với phong trào yêu nước chống Pháp những năm đầu thế kỉ XX?

- A. Địa bàn hoạt động cả trong và ngoài nước.
- B. Bổ sung thêm các lực lượng xã hội mới.
- C. Mang tính dân tộc và dân chủ.
- D. Xuất hiện khuynh hướng vô sản.

**Câu 36.** Năm 1930, sự kiện nào đã chấm dứt một khuynh hướng cứu nước trong phong trào cách mạng Việt Nam?

- A. Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời.
- B. Sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái.
- C. Ám sát tên trùm mộ phu Badanh.
- D. Sự ra đời của Xô viết Nghệ - Tĩnh.

**Câu 37.** Sự phân hóa của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (1925 - 1929) là do

- A. ảnh hưởng sâu rộng của chủ nghĩa Mác - Lênin.
- B. tác động của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng.
- C. chỉ đạo của tổ chức Quốc tế Cộng sản.
- D. tác động trực tiếp của Nguyễn Ái Quốc.

**Câu 38.** Nội dung nào dưới đây không phải là nhân tố khách quan góp phần đưa tới sự bùng nổ phong trào yêu nước Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Thắng lợi của cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.
- B. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông dâng cao.
- C. Tác động từ cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp.
- D. Phong trào công nhân ở các nước tư bản đế quốc phương Tây phát triển mạnh.

**Câu 39.** Một trong những nguyên nhân thất bại của phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến đầu năm 1930 là do giai cấp tư sản

- A. chỉ sử dụng phương pháp đấu tranh ôn hòa.
- B. chưa được giác ngộ về chính trị.
- C. nhỏ yếu về kinh tế và non kém về chính trị.
- D. chỉ đấu tranh đòi quyền lợi giai cấp.

**Câu 40.** Sự phát triển của phong trào công nhân (1926 - 1929) có ý nghĩa gì đối với sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam?

- A. Tiếp nhận các trào lưu tư tưởng tiên bộ truyền bá vào Việt Nam.
- B. Là một yếu tố dẫn tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- C. Là lực lượng đi đầu trong phong trào cách mạng dân tộc dân chủ.
- D. Đã tập hợp đông đảo các lực lượng chống đế quốc, phong kiến.

**Câu 41.** Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng những tác động tích cực của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp đối với đời sống kinh tế - xã hội Việt Nam?

- A. Tạo điều kiện dẫn đến sự xuất hiện của con đường cứu nước khuynh hướng vô sản.
- B. Quan hệ sản xuất phong kiến bị thay thế bởi quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.
- C. Góp phần làm thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội ở một số địa phương (Hà Nội, Sài Gòn,...).
- D. Bổ sung thêm các lực lượng mới cho phong trào yêu nước (công nhân, tiểu tư sản,...).

**Câu 42.** Sự kiện nào có ảnh hưởng tích cực đến cách mạng Việt Nam ngay sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Trật tự thế giới mới được thiết lập.
- B. Cách mạng tháng Mười Nga thành công,
- C. Nước Pháp tham dự Hội nghị Vécxai.
- D. Tổ chức Hội Quốc liên ra đời.

**Câu 43.** Yếu tố nào tác động đến sự phân hóa xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918)?

- A. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 thắng lợi.
- B. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp ở Đông Dương,.
- C. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp ở Đông Dương.
- D. Hoạt động yêu nước, cách mạng của Nguyễn Ái Quốc.

**Câu 44.** Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, mâu thuẫn cơ bản, cấp bách hàng đầu của Cách mạng Việt Nam là mâu thuẫn giữa

- A. giai cấp công nhân với giai cấp tư sản.
- B. nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp.
- C. nhân dân Việt Nam với chính quyền phong kiến đầu hàng.
- D. giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam với chính quyền thực dân.

**Câu 45.** Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, cách mạng Việt Nam tiếp thu luồng tư tưởng vô sản dựa trên cơ sở xã hội nào?

- A. Sự chuyển biến của các giai cấp.
- B. Sự chuyển biến về tư tưởng,
- C. Phong trào công nhân phát triển.
- D. Phong trào yêu nước phát triển.

**Câu 46.** Nội dung nào phản ánh đúng và đầy đủ về tính chất của xã hội Việt Nam kể từ Pháp đô hộ (1884-1945)?

- A. Thuộc địa và bảo hộ.
- B. Thuộc địa phong kiến,
- C. Phong kiến nửa thuộc địa.
- D. Thuộc địa nửa phong kiến.

**Câu 47.** Đặc điểm nổi bật của lực lượng tư sản dân tộc Việt Nam khi tham gia vào phong trào dân tộc dân chủ ở (1919- 1925) là

- A. kiên định giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.
- B. kêu gọi nhân dân dùng hàng nội, bài trừ hàng ngoại.
- C. nặng nề về quyền lợi giai cấp, có tư tưởng thỏa hiệp.
- D. giương cao chủ nghĩa “Tam dân” của Tôn Trung Sơn.

**Câu 48.** Cuộc đấu tranh của thợ máy Ba Son (tháng 8/1925) được coi là mốc đánh dấu bước ngoặt của phong trào công nhân Việt Nam, vì

- A. có mục tiêu kinh tế, chính trị và có quy mô rộng lớn.
- B. có tổ chức, mục tiêu chính trị, thể hiện tinh thần đoàn kết quốc tế.
- C. đấu tranh trên quy mô rộng lớn, tinh thần đấu tranh quyết liệt.
- D. đấu tranh có tổ chức, buộc Pháp phải nhượng bộ một số quyền lợi về kinh tế.

**Câu 49.** Hoạt động nào có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của phong trào công nhân Việt Nam từ cuối năm 1928?

- A. Hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Xiêm.
- B. Xuất bản báo “Thanh niên” và tác phẩm “Đường Kách mệnh”.

---

C. Phong trào “vô sản hóa” của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

D. Nguyễn Ái Quốc mở lớp đào tạo cán bộ cách mạng tại Quảng Châu.

**Câu 50.** Khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản ở Việt Nam (1919 - 1930) thất bại vì

A. giai cấp tư sản lãnh đạo còn non yếu về thế lực kinh tế.

B. không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của cách mạng Việt Nam.

C. nặng nề với chủ trương đấu tranh bạo lực và ám sát cá nhân.

D. không lôi cuốn được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.

➤ **ĐÁP ÁN**

1-A	2-B	3-C	4-B	5-C	6-D	7-B	8-C	9-D	10-D
11-C	12-C	13-B	14-C	15-A	16-C	17-A	18-D	19-B	20-C
21-B	22-B	23-D	24-A	25-D	26-A	27-A	28-A	29-D	30-C
31-D	32-A	33-A	34-A	35-D	36-B	37-A	38-C	39-C	40-B
41-B	42-B	43-C	44-B	45-A	46-D	47-C	48-B	49-C	50-B



## LỊCH SỬ VIỆT NAM

### CHỦ ĐỀ 5: HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1930

#### Mục tiêu

##### ❖ Kiến thức

- + Trình bày được bối cảnh Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước
- + Trình bày được hoạt động yêu nước, cách mạng của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 - 1930
- + Phân tích được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam
- + Phân tích được vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam từ năm 1920 đến năm 1930

##### ❖ Kỹ năng

- + Hệ thống được kiến thức về hoạt động và vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam
- + Phân tích, đánh giá sự kiện, nhân vật lịch sử

## I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

### A. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG TỚI QUYẾT ĐỊNH RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA NGUYỄN TẮT THÀNH

#### a, Yếu tố thời đại

- Những tác động, ảnh hưởng mạnh mẽ của văn minh phương Tây
- Các nước đế quốc cấu kết chặt chẽ với nhau (“sợi dây chuyền đế quốc chủ nghĩa”) để nô dịch các dân tộc nhỏ, yếu
- Phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc ở các nước thuộc địa, phụ thuộc phát triển, lan rộng

#### b, Yếu tố dân tộc

- Đất nước bị xâm lược → giải phóng dân tộc là nhiệm vụ cấp thiết của mọi người dân Việt Nam
- Sự khủng hoảng về đường lối cứu nước đặt ra yêu cầu phải tìm con đường cứu nước mới



#### c, Yếu tố gia đình, quê hương

- Sinh ra và lớn lên trong gia đình nhà Nho nghèo yêu nước → Nguyễn Tất Thành sớm được giáo dục, kế thừa ý chí, lòng yêu nước
- Mảnh đất Nam Đàn – Nghệ An là vùng đất giàu truyền thống yêu nước, đấu tranh quật khởi



Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc và bà Hoàng Thị Loan (thân sinh phụ - mẫu của Nguyễn Tất Thành)

#### d, Yếu tố cá nhân

- Trí thông minh, lòng ham học hỏi
- Ý chí, nghị lực, quyết tâm giải phóng đất nước khỏi ách nô lệ của đế quốc, phong kiến tay sai
- Khâm phục tinh thần yêu nước của các bậc tiền bối nhưng không tán thành con đường của họ nên quyết định tìm con đường cứu nước mới



- Nhận quan chính trị nhảy bển → dự đoán những chuyển biến của thế giới trong thời đại mới
- Ngày 5/6/1919, Nguyễn Tất Thành rời bến cảng Nhà Rồng, sang Pháp tìm đường cứu nước



### B. QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG YÊU NƯỚC, CÁCH MẠNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC (1919 - 1930)

Thời gian	Hoạt động yêu nước, cách mạng tiêu biểu
<p>1919 – 1923</p> <p>Hoạt động tại Pháp</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành bắt đầu hành trình tìm đường cứu nước. Đầu tiên Người đến nước Pháp, sau đó Người đã đến nhiều nước ở châu Âu, châu Phi và châu Mĩ</li> <li>- Cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành từ Anh trở lại Pháp, để nghiên cứu, học tập Cách mạng tháng Mười Nga; đồng thời, Người gia nhập Đảng Xã hội Pháp (1919)</li> <li>- 18/6/1919, Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Vécxai “Bản yêu sách của nhân dân An Nam”.</li> <li>→ Không được các nước đế quốc chấp nhận, nhưng việc làm đó đã gây tiếng vang lớn đối với nhân dân Việt Nam, nhân dân Pháp và nhân dân các thuộc địa Pháp.</li> <li>- Tháng 7/1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản <i>Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa</i> của Lênin</li> <li>→ Luận cương của Lênin đã giúp Nguyễn Ái Quốc khẳng định: muốn cứu nước và giải phóng dân tộc là phải đi theo con đường cách mạng vô sản</li> <li>- 25/12/1920, tham sự Đại hội của Đảng Xã hội Pháp họp ở thành phố Tua. Người đã bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.</li> <li>→ Đánh dấu bước ngoặt trong hoạt động cách mạng của Người từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác – Lênin và đi theo con đường cách mạng vô sản.</li> <li>- Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc cùng với một số người yêu nước của Angiêri, Maroc, Tuynidi,... lập ra Hội Liên hiệp thuộc địa tại Pari, ra báo “Người cùng khổ” làm cơ quan ngôn luận.</li> <li>- Viết nhiều bài cho các báo Nhân đạo, Đời sống công nhân, ... xuất bản cuốn “Bản án chế độ thực dân Pháp” (1925)</li> <li>→ Những sách báo trên được bí mật chuyển về nước, thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc trong nước phát triển</li> </ul>
<p>1923 -1924</p> <p>Hoạt động tại Liên Xô</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tháng 6/ 1923, Nguyễn Ái Quốc rời nước Pháp sang Liên Xô, dự Hội nghị Quốc tế Nông dân (10/1923) và được bầu vào Ban Chấp hành của Hội</li> <li>- Người ở lại Liên Xô, vừa nghiên cứu, học tập vừa viết bài cho báo Sự thật của Đảng Cộng sản Liên Xô, tạp chí Thư tín Quốc tế của Quốc tế Cộng sản</li> <li>- Trình bày tham luận tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản (1924), trong đó, Người nhấn mạnh các vấn đề: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vị trí chiến lược của cách mạng thuộc địa</li> <li>+ Mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa</li> <li>+ Vai trò và sức mạnh to lớn của giai cấp nông dân ở các nước thuộc địa</li> </ul> </li> </ul>

<p>1924 – 1930 Hoạt động tại Trung Quốc và Xiêm</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc) để trực tiếp đào tạo cán bộ, xây dựng tổ chức cách mạng, truyền bá lí luận cách mạng giải phóng dân tộc vào Việt Nam.</li> <li>- Tháng 2/1925, Nguyễn Ái Quốc lựa chọn một số thanh niên trong Tâm tâm xã để tổ chức thành nhóm Cộng sản đoàn</li> <li>- Tháng 6/1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, ra báo Thanh niên làm cơ quan ngôn luận</li> <li>- Năm 1927, tác phẩm “Đường Kách mệnh” được xuất bản – trang bị lí luận giải phóng dân tộc cho cán bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên</li> <li>- Năm 1928 – 1929, Người chủ yếu hoạt động ở Xiêm, tuyên truyền lí luận cách mạng</li> <li>- Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc chủ động triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Người soạn thảo ra Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.</li> </ul>
---	---

## C. VAI TRÒ CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC TRONG QUÁ TRÌNH VẬN ĐỘNG THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (1921 – 1930)

### 1. Chuẩn bị về tư tưởng – chính trị

- \* Tích cực truyền bá lí luận cách mạng giải phóng dân tộc trong nhân dân Việt Nam
- \* Các tờ báo, tác phẩm thể hiện tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc

-Tại Pháp:

- +Các bài trên báo *Người cùng khổ*, *Đời sống nhân dân*, *Nhân đạo*, ...
- + Tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp” (1925).

- Tại Liên Xô:

- + Các bài trên báo *Sự thật*, tạp chí *Thư tín Quốc tế*,...
- + Tham luận tại Hội nghị Quốc tế Nông dân,....

- Tại Trung Quốc:

- + Báo Thanh niên.
- + Tác phẩm “Đường Kách mệnh” (1927)

\* Các tác phẩm này được truyền bá về Việt Nam → tác dụng lớn trong việc:

- Giác ngộ lí luận cách mạng cho quần chúng nhân dân
- Đặt nền móng để xây dựng cương lĩnh cách mạng Việt Nam sau này

### 2, Sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam

- Chủ động triệu tập và hợp nhất các tổ chức cộng sản
- Soạn thảo Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng – những văn kiện này hợp thành cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Nguyễn Ái Quốc đã viết lời kêu gọi quần chúng tham gia, ủng hộ Đảng và đứng dưới ngọn cờ đấu tranh của Đảng Cộng sản Việt Nam



Hội nghị họp nhất các tổ chức cộng sản (tháng 2/1930)

### 3, Chuẩn bị về tổ chức

- Sáng lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (tháng 6/1925) – tổ chức yêu nước có khuynh hướng cộng sản. → Bước chuẩn bị có ý nghĩa quyết định về mặt tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Đào tạo một đội ngũ cán bộ cho cách mạng Việt Nam

+ 1925 – 1927, Nguyễn Ái Quốc mở các lớp huấn luyện chính trị tại Quảng Châu, đào tạo được 75 người

+ Lựa chọn, cử những học viên ưu tú tới học tập chính trị tại Nga và trường quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc)

## D. VAI TRÒ CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1920 – 1930

### 1. Tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam

+ Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, cách mạng Việt Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng, bế tắc

+ 5/6/1911, Nguyễn Ái Quốc rời bến cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước.

+ Qua quá trình khảo nghiệm thực tiễn (1911 – 1917), tìm hiểu về Cách mạng tháng Mười Nga (1917) và đặc biệt là Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (1920) → Nguyễn Ái Quốc khẳng định: con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam là con đường cách mạng vô sản – theo lí luận của chủ nghĩa Mác – Lênin.

### 2. Chuẩn bị đầy đủ những điều kiện cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Chuẩn bị về chính trị - tư tưởng cho sự ra đời của Đảng Cộng sản:

+ Các tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc được truyền bá về nước → đã giác ngộ quần chúng, thúc đẩy phong trào yêu nước phát triển

+ Các tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc góp phần đặt nền móng để xây dựng cương lĩnh cách mạng Việt Nam sau này

- Chuẩn bị về tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam:

+ Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (1925) – tổ chức tiền thân của Đảng

+ Mở các lớp huấn luyện chính trị, đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam

### 3. Sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam

---

- Năm 1929, ở Việt Nam, ba tổ chức cộng sản nối tiếp nhau ra đời:

+ Đông Dương Cộng sản đảng

+ An Nam Cộng sản đảng

+ Đông Dương Cộng sản liên đoàn

- Các tổ chức cộng sản hoạt động riêng, tranh giành ảnh hưởng, bài xích nhau → cách mạng Việt Nam đứng trước nguy cơ chia rẽ lớn

- Nguyễn Ái Quốc đã chủ động triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất – Đảng Cộng sản Việt Nam

#### **4. Phác thảo đường lối và phương hướng chiến lược cho cách mạng Việt Nam**

- Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ tóm tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng

- Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

+ Kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc và giai cấp

+ Tư tưởng cốt lõi là: độc lập – tự do

→ Giải quyết vấn đề khủng hoảng của cách mạng Việt Nam

## **II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN**

### **➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1:** Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã

- A. gửi Bản yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Vécxai
- B. thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông
- C. thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên
- D. tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp

**Câu 2:** Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã

- A. thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh Niên
- B. thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông
- C. gửi Bản yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Vécxai
- D. đọc Sơ thảo luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin

**Câu 3:** Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc đã

- A. thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa ở Pari
- B. thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên
- C. gửi Bản yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Vécxai
- D. tham dự Đại hội đại biểu lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp

**Câu 4:** Năm 1919, Nguyễn Ái Quốc đã

- A. thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên
- B. thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông
- C. gửi Bản yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Vécxai
- D. tham dự Đại hội đại biểu lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp

**Câu 5:** Năm 1923, Nguyễn Ái Quốc đã

- A. thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông
- B. thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên
- C. đến Liên Xô để dự Hội nghị Quốc tế Nông dân
- D. thành lập nhóm Cộng sản đoàn

**Câu 6:** Năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đã

- A. dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản
- B. đến Liên Xô để dự Hội nghị Quốc tế Nông dân
- C. thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên
- D. tham dự Đại hội đại biểu lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp

**Câu 7:** Năm 1919, Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Vécxai Bản yêu sách của nhân dân An Nam đòi Chính phủ Pháp thừa nhận quyền

- A. tự do
- B. độc lập
- C. chủ quyền
- D. thống nhất

**Câu 8:** Năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đã

- A. dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản
- B. thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên
- C. đến Liên Xô để dự Hội nghị Quốc tế Nông dân
- D. tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp

**Câu 9:** Nội dung nào không phải là hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Trung Quốc

- A. Mở lớp huấn luyện cán bộ ở Quảng Châu
- B. Xuất bản tác phẩm “Đường Kách mệnh”
- C. Thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa
- D. Triệu tập Hội nghị thành lập Đảng

**Câu 10:** Tác phẩm nào dưới đây tập hợp những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện đào tạo cán bộ cách mạng ở Quảng Châu (Trung Quốc)?

- A. Đường Kách mệnh
- B. Nhật kí trong tù
- C. Hồ Chí Minh toàn tập
- D. Bản án chế độ thực dân Pháp

**Câu 11:** Tờ báo nào do Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm kiêm chủ bút trong thời gian hoạt động ở Pháp (1917 - 1923)?

- A. Sự thật
- B. Người cùng khổ
- C. Nhân đạo
- D. Thanh niên

**Câu 12:** Năm 1919, Nguyễn Ái Quốc gửi văn kiện nào tới Hội nghị Vécxai?

- A. “Mấy ý nghĩa về vấn đề thuộc địa”
- B. “Bản án chế độ thực dân Pháp”
- C. “Bản yêu sách của nhân dân An Nam”
- D. “Kẻ cướp nói chuyện hòa bình”

**Câu 13:** Tôn chỉ của Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông (7/1925) là

- A. liên lạc với các dân tộc bị áp bức cùng làm cách mạng đánh đổ đế quốc
- B. tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh đánh đổ đế quốc và tay sai
- C. đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền
- D. liên lạc với các dân tộc để thiết lập xã hội bình đẳng

**Câu 14:** Ý nào **không** phải là nội dung của bản tham luận mà Nguyễn Ái Quốc trình bày tại Đại hội Quốc tế Cộng sản lần V (tháng 7/1924)?

- A. Vị trí chiến lược của cách mạng thuộc địa
- B. Mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa với chính quốc
- C. Vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân ở thuộc địa

**D.** Vai trò của giai cấp nông dân ở các nước thuộc địa

**Câu 15:** Nguyễn Ái Quốc thành lập “Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên” (tháng 6/1925) nhằm

- A.** thực hiện phong trào “vô sản hóa”
- B.** tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh
- C.** mở các lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ cách mạng
- D.** trước làm cách mạng dân tộc, sau làm cách mạng thế giới

**Câu 16:** Tác phẩm đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc đã đề cập đến vấn đề chiến lược và sách lược cách mạng giải phóng dân tộc là

- A.** Đường Kách mệnh
- B.** Kháng chiến nhất định thắng lợi
- C.** Cương lĩnh chính trị của Đảng
- D.** Luận cương chính trị của Đảng

**Câu 17:** Các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại Trung Quốc được Bộ Tuyên truyền của Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức tập hợp lại và xuất bản năm 1927 thành cuốn

- A.** Bản án chế độ thực dân Pháp
- B.** Con rồng tre
- C.** Đường Kách mệnh
- D.** Người cùng khổ

**Câu 18:** “Liên lạc với các dân tộc bị áp bức để cùng làm cách mạng, đánh đổ đế quốc” là tôn chỉ mục đích của tổ chức

- A.** Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông
- B.** Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên
- C.** Việt Nam Quốc dân đảng
- D.** Đảng Lập hiến

**Câu 19:** “Tổ chức và lãnh đạo quần chúng đoàn kết, tranh đấu để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và tay sai để tự cứu lấy mình” là chủ trương của

- A.** Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên
- B.** Việt Nam Quốc dân đảng
- C.** Tâm Tâm xã
- D.** Tâm Tâm xã

**Câu 20:** Từ việc bản "Yêu sách của nhân dân An Nam" không được Hội nghị Vécxai (1919) chấp nhận, Nguyễn Ái Quốc rút ra kết luận: muốn được giải phóng, các dân tộc (thuộc địa)

- A.** phải dựa vào sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa
- B.** phải liên hệ mật thiết với phong trào công nhân quốc tế
- C.** chỉ có thể đi theo con đường cách mạng vô sản
- D.** chỉ có thể trông cậy vào lực lượng của bản thân mình

**Câu 21:** Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa nhằm

- A.** gắn kết cách mạng Việt Nam với cách mạng ở các nước thuộc địa Pháp
- B.** thức tỉnh nhân dân lao động trên phạm vi toàn thế giới về xác định kẻ thù
- C.** chuẩn bị về tổ chức, đào tạo cán bộ cho cách mạng vô sản Việt Nam
- D.** tuyên truyền lý luận cách mạng vô sản cho nhân dân lao động chính quốc

**Câu 22:** Việc xác định con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc chịu ảnh hưởng sâu sắc từ Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, trước hết vì cuộc cách mạng này

- A.** là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới
- B.** lật đổ được sự thống trị của tư sản và phong kiến
- C.** giải phóng các dân tộc thuộc địa trong đế quốc Nga



**D.** giải phóng hoàn toàn giai cấp công nhân và nông dân

**Câu 23:** “... tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao. Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta” (Hồ Chí Minh, Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tập 10, trang 127), đoạn tư liệu trên đề cập đến sự kiện nào trong hoạt động yêu nước, cách mạng của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 – 1930?

**A.** Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên

**B.** Gửi tới Hội nghị Vécxai “Bản yêu sách của nhân dân An Nam”

**C.** Hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

**D.** Đọc “Sơ thảo lần thứ nhất những vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của V.I. Lê - nin

**Câu 24:** “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác là con đường cách mạng vô sản”. Đây là kết luận của Nguyễn Ái Quốc sau khi

**A.** tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp

**B.** tham gia thành lập Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa

**C.** được đọc Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin

**D.** gửi bản yêu sách của nhân dân Việt Nam đến Hội nghị Vécxai

**Câu 25:** Năm 1925, Nguyễn Ái Quốc chưa thành lập Đảng Cộng sản mà thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên vì

**A.** yếu tố khách quan cho việc thành lập đảng vô sản chưa chín muồi

**B.** những điều kiện thành lập chính đảng vô sản ở Việt Nam chưa đầy đủ

**C.** thanh niên yêu nước Việt Nam chưa tìm ra được con đường cứu nước đúng

**D.** phong trào yêu nước Việt Nam vẫn chịu ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến

**Câu 26:** Sự kiện đánh dấu bước ngoặt trong phong trào cách mạng của Nguyễn Ái Quốc từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lê - nin và đi theo con đường cách mạng vô sản là

**A.** gửi tới Hội nghị Véc - xai bản Yêu sách của nhân dân An Nam

**B.** sáng lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa

**C.** đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê - nin

**D.** bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ ba và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp

**Câu 27:** Hoạt động cứu nước của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1921 - 1924 có ý nghĩa gì ?

**A.** Tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam

**B.** Thống nhất các tổ chức Cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam

**C.** Bước đầu chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

**D.** Trực tiếp chuẩn bị điều kiện về cán bộ, tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

**Câu 28:** Sau khi gửi Bản yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Vécxai, Nguyễn Ái Quốc đã rút ra kết luận gì

**A.** Muốn được giải phóng phải dựa vào nước ngoài

**B.** Muốn được giải phóng phải dựa vào bản thân mình

**C.** Cách mạng vô sản là con đường cứu nước đúng đắn cho Việt Nam

**D.** Giải phóng dân tộc phải gắn liền với giải phóng giai cấp

**Câu 29:** Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu ( Trung Quốc ) để trực tiếp

- A. tổ chức phong trào “vô sản hóa” cho nhân dân
- B. Xây dựng tổ chức cách mạng giải phóng dân tộc cho nhân dân Việt Nam
- C. gây dựng tình đoàn kết với cách mạng các nước chính quốc
- D. xuất bản báo "Thanh niên", tuyên truyền vận động cách mạng

**Câu 30:** Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên thành lập năm 1925 được coi là tổ chức

- A. quá độ trong việc thành lập Đảng
- B. cách mạng của giai cấp tư sản Việt Nam
- C. lãnh đạo cuộc cách mạng vô sản ở Việt Nam
- D. cách mạng theo khuynh hướng dân chủ tư sản

**Câu 31:** “Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào lực lượng của bản thân mình”. Nguyễn Ái Quốc rút ra kết luận đó sau khi

- A. tham dự Đại hội của Đảng Xã hội Pháp
- B. bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản
- C. sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa ở Pari
- D. gửi Bản yêu sách của nhân dân An Nam

**Câu 32:** Lực lượng được Nguyễn Ái Quốc tập hợp trong Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên làm cầu nối đưa lý luận cách mạng giải phóng dân tộc vào phong trào công nhân Việt Nam là

- A. tiểu tư sản trí thức
- B. thợ sản dân tộc
- C. nông dân
- D. công nhân

**Câu 33:** Lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc truyền bá vào Việt Nam trong những năm 20 của thế kỉ XX đặt cơ sở

- A. hình thành Luận cương chính trị của Đảng
- B. hình thành Cương lĩnh chính trị của Đảng
- C. để xây dựng các tổ chức cách mạng
- D. thúc đẩy phong trào vô sản hóa của công nhân

**Câu 34:** Hoạt động chủ yếu của Nguyễn Ái Quốc sau khi về Quảng Châu (Trung Quốc) hoạt động là gì?

- A. Tổ chức và thực hiện phong trào vô sản hóa
- B. Mở lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ cách mạng
- C. Tổ chức lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc
- D. Xuất bản tác phẩm “Đường Kách mệnh”

**Câu 35:** Điểm khác biệt nhất giữa tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và Việt Nam Quốc dân đảng là ở

- A. khuynh hướng tư tưởng
- B. quy mô hoạt động
- C. lực lượng tham gia
- D. phương pháp đấu tranh

**Câu 36:** Nguyễn Ái Quốc lựa chọn con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam theo Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 vì đây là cuộc cách mạng đã

- A. giải phóng các dân tộc thuộc địa trong đế quốc Nga
- B. lật đổ chính quyền phong kiến Nga hoàng
- C. đưa nước Nga ra khỏi chiến tranh đế quốc
- D. lật đổ chính phủ tư sản lâm thời

**Câu 37:** Yếu tố nào làm chuyển biến phong trào yêu nước Việt Nam trong những năm 20 của thế kỉ XX sang lập trường vô sản?

- A. Hoạt động của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng
- B. Nguyễn Ái Quốc truyền bá lý luận giải phóng dân tộc
- C. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời lãnh đạo cách mạng Việt Nam
- D. Cuộc khai thác thuộc địa Việt Nam lần thứ hai của thực dân Pháp

**Câu 38:** Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được coi là tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam, vì

- A. thúc đẩy sự phát triển của phong trào công nhân Việt Nam từ tự phát sáng tự giác
- B. truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và lý luận giải phóng dân tộc vào Việt Nam
- C. trực tiếp chuẩn bị chính trị, tư tưởng, tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam
- D. thúc đẩy sự phát triển, ngày càng tăng thế của khuynh hướng vô sản trong phong trào dân tộc

**Câu 39:** Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tổ chức phong trào "vô sản hóa" năm 1928 nhằm mục đích gì

- A. Tuyên truyền, vận động cách mạng
- B. Rèn luyện tính kỷ luật cho hội viên
- C. Hội viên sống gần gũi với quần chúng
- D. Xây dựng phong trào cách mạng ở tận cơ sở

**Câu 40:** Tại các lớp huấn luyện ở Quảng Châu - Trung Quốc (1925 – 1927), Nguyễn Ái Quốc đã huấn luyện cán bộ về cách

- A. sử dụng quân đội để tiêu diệt kẻ thù
- B. làm cách mạng, học cách hoạt động bí mật
- C. tiến hành cách mạng dân chủ tư sản
- D. giành quyền chủ động đánh địch về quân sự

**Câu 41:** Nguyễn Ái Quốc tán thành việc gia nhập Quốc tế Cộng sản (tháng 12/1920) vì đây là tổ chức

- A. tạo điều kiện cho Việt Nam độc lập
- B. bênh vực quyền lợi của các nước thuộc địa
- C. đề ra đường lối đúng cho cách mạng Việt Nam
- D. đoàn kết công nông chống chủ nghĩa đế quốc

**Câu 42:** Trong bài thơ "Người đi tìm hình của nước" Chế Lan Viên viết "Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười" đã phản ánh sự kiện nào trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc?

- A. Ra đi tìm đường cứu nước
- B. Đọc Tuyên ngôn độc lập
- C. Đọc Sơ thảo luận cương của Lênin
- D. Gửi yêu sách đến Hội nghị Vecxai

**Câu 43:** Từ năm 1928 phong trào công nhân Việt Nam trở thành nòng cốt của phong trào dân tộc trong cả nước do hoạt động nào của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên?

- A. Xuất bản báo Thanh niên
- B. Tổ chức phong trào "vô sản hóa"
- C. Mở lớp đào tạo huấn luyện cán bộ
- D. Xuất bản tác phẩm Đường Kách mệnh

**Câu 44:** Yếu tố nào ở Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất đã tạo điều kiện để: "CNXH chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi"?

- A. Các giai cấp mới ra đời
- B. Nền kinh tế tư bản xuất hiện
- C. Tư tưởng phong kiến lạc hậu
- D. Sự chuyển biến về kinh tế, xã hội

**Câu 45:** Tờ báo nào dưới đây được coi là cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên?

- A. Nhân đạo
- B. Người cùng khổ
- C. Đời sống công nhân
- D. Thanh niên

**Câu 46:** Nguyễn Ái Quốc không đi theo con đường cách mạng mà các vị tiền bối Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, (...) đã chọn vì

- A. con đường của họ không có nước nào áp dụng
- B. Con đường của họ là con đường cách mạng tư sản
- C. Người nhìn thấy hạn chế của các con đường cứu nước đó
- D. Con đường cứu nước của họ mang nặng cốt cách phong kiến

**Câu 47:** Nguyễn Ái Quốc đã bước đầu đặt cơ sở cho mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới khi Người

- A. dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản
- B. gửi bản Yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Vécxai
- C. dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp
- D. tham dự thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa

**Câu 48:** Việc chuẩn bị điều kiện tư tưởng, chính trị cho sự ra đời chính đảng vô sản Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc thể hiện ở hoạt động nào?

- A. Sáng lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông
- B. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên
- C. Năm 1920 Người khẳng định con đường cứu nước mới
- D. Truyền bá lý luận cách mạng giải phóng dân tộc về nước

**Câu 49:** Trong những năm 20 của thế kỉ XX, tác phẩm Đường Kách mệnh và báo Thanh niên được truyền bá về Việt Nam để nhằm mục đích gì?

- A. Trang bị lý luận cách mạng cho cán bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên
- B. Trang bị lý luận cách mạng cho cán bộ của Đông Dương Cộng sản đảng
- C. Xây dựng mối liên hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới
- D. Góp phần chuẩn bị về tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

**Câu 50:** Nội dung nào không phản ánh đúng những công hiến của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam trong những năm 1911 – 1930?

- A. Tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam
- B. Soạn thảo Luận cương chính trị đầu tiên cho Đảng Cộng sản Việt Nam
- C. Thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất – Đảng Cộng sản Việt Nam
- D. Chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam

### ➤ HƯỚNG DẪN GIẢI

1 - D	2 - D	3 - A	4 - C	5 - C	6 - A	7 - A	8 - B	9 - C	10 - A
11 - B	12 - C	13 - A	14 - C	15 - B	16 - A	17 - C	18 - A	19 - A	20 - D
21 - A	22 - C	23 - D	24 - C	25 - B	26 - D	27 - C	28 - B	29 - B	30 - A
31 - D	32 - A	33 - B	34 - B	35 - A	36 - A	37 - B	38 - C	39 - A	40 - B
41 - B	42 - C	43 - B	44 - D	45 - D	46 - C	47 - D	48 - D	49 - A	50 - B

# LỊCH SỬ VIỆT NAM

## CHỦ ĐỀ 6: ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI

### Mục tiêu

#### ❖ Kiến thức

- + Trình bày được sự xuất hiện của các tổ chức cộng sản năm 1929.
- + Trình bày được hoàn cảnh lịch sử, nội dung Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- + Phân tích ý nghĩa lịch sử sự ra đời của Đảng.
- + Phân tích nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, làm rõ tính đúng đắn, sáng tạo của Cương lĩnh.
- + So sánh nội dung của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng với Luận cương chính trị tháng 10/1930.
- + Phân biệt các khái niệm: cách mạng tư sản dân quyền, thổ địa cách mạng, cương lĩnh chính trị, đường lối chiến lược, lực lượng, động lực cách mạng.

#### ❖ Kỹ năng

- + Hệ thống được kiến thức về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- + Phân tích, nhận xét, đánh giá, ... các sự kiện, nhân vật lịch sử.

---

## I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

### SỰ RA ĐỜI CỦA BA TỔ CHỨC CỘNG SẢN NĂM 1929

#### 1. Hoàn cảnh ra đời

- Đến cuối những năm 20 của thế kỉ XX, phong trào dân tộc dân chủ theo khuynh hướng vô sản phát triển mạnh.
- Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên không còn đủ sức lãnh đạo cách mạng.
- Phải thành lập một đảng cộng sản để tiếp tục lãnh đạo phong trào đấu tranh.

#### 2. Quá trình thành lập

- 3/1929: Chi bộ cộng sản đầu tiên được thành lập ở Bắc Kỳ.
- 5/1929:
  - + Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên họp ở Trung Quốc.
  - + Vấn đề thành lập Đảng Cộng sản được đoàn đại biểu Bắc Kỳ đề cập nhưng không được đại hội chấp nhận.
  - + Đại biểu Bắc Kỳ rời đại hội về nước.
- 6/1929: Đại biểu các tổ chức Cộng sản ở Bắc Kỳ thành lập Đông Dương cộng sản đảng, ra báo Búa liềm làm cơ quan ngôn luận.
- 8/1929: Các hội viên tiên tiến của hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Trung Quốc, Nam Kỳ thành lập An Nam Cộng sản đảng, tờ báo Đỏ là cơ quan ngôn luận.
- 9/1929: Các đảng viên tiên tiến của Tân Việt Cách mạng đảng thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

#### 3. Ý nghĩa lịch sử

- Là xu thế khách quan của cuộc vận động giải phóng dân tộc ở Việt Nam.
- Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của phong trào công nhân.
- Chứng tỏ sự thắng thế của khuynh hướng vô sản trong cuộc đấu tranh giành quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam.
- Chuẩn bị trực tiếp về mặt tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

---

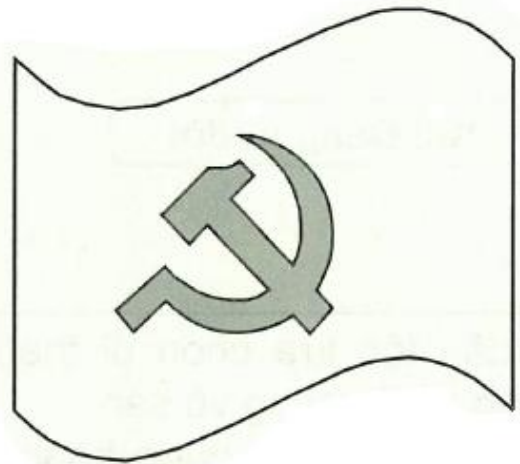
# HỘI NGHỊ THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

## 1. Bối cảnh lịch sử

- Sự xuất hiện của 3 tổ chức cộng sản năm 1929:
  - + 3 tổ chức đẩy mạnh xây dựng cơ sở ở địa phương, tổ chức nhân dân đấu tranh.
  - + 3 tổ chức hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng của nhau → Tạo ra nguy cơ chia rẽ lớn cho Cách mạng Việt Nam.
  - + Yêu cầu lịch sử: phải thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất.
- Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã chủ động triệu tập đại diện của Đông Dương Cộng sản đảng và An Nam Cộng sản đảng đến Hương Cảng (Trung Quốc) bàn về việc thống nhất Đảng.
- Hội nghị bắt đầu họp ngày 6/1/1930. Ngày 8/2/1930, các đại biểu dự Hội nghị về nước.

## 2. Nội dung Hội nghị

- Nguyễn Ái Quốc đã phê phán quan điểm sai lầm của mỗi tổ chức cộng sản riêng rẽ, nêu chương trình hội nghị.
- Nhất trí thống nhất các tổ chức cộng sản thành lập một chính đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt... do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.



## 3. Ý nghĩa của Hội nghị thành lập Đảng

- Thống nhất được các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam. → Đáp ứng được yêu cầu lịch sử.
- Thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt... Đây là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.  
→ Chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối ở Việt Nam.
- Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản mang tầm vóc như một Đại hội thành lập Đảng.

---

## Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA VIỆC THÀNH LẬP ĐẢNG

### 1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam trong thời đại mới

- Nhiệm vụ giải phóng dân tộc và giai cấp ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.
- Sự bùng nổ, phát triển của các phong trào đấu tranh nhưng không thành công.
- Yêu cầu cần có tổ chức lãnh đạo thống nhất.

### 2. Điểm khác nhau của Đảng Cộng sản Việt Nam so với Đảng Cộng sản trên thế giới

- Đảng Cộng sản Việt Nam:
  - + Chủ nghĩa Mác - Lê nin.
  - + Phong trào công nhân.
  - + Phong trào yêu nước.
- Đảng Cộng sản trên thế giới:
  - + Chủ nghĩa Mác - Lê nin.
  - + Phong trào công nhân.

### 3. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt vĩ đại của lịch sử

- Trước khi Đảng ra đời:
    - + Con đường cách mạng: Phong trào yêu nước diễn ra theo ngọn cờ phong kiến, dân chủ tư sản không thành công.
      - Khủng hoảng về đường lối đấu tranh.
      - Phải tìm kiếm con đường đấu tranh mới.
    - + Lãnh đạo: Phong trào đấu tranh do sĩ phu phong kiến, nông dân, tư sản lãnh đạo thất bại.
      - Khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo.
    - + Mối quan hệ với cách mạng thế giới: Các phong trào hầu như không có liên kết với bên ngoài (trừ Phan Bội Châu nhưng mang tính cầu viện).
  - Khi Đảng ra đời:
    - + Con đường cách mạng: Lịch sử dân tộc lựa chọn đi theo con đường cách mạng vô sản.
      - Chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối.
    - + Lãnh đạo: Phong trào công nhân trở thành phong trào tự giác.
      - Vươn lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng.
      - Chấm dứt tình trạng khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo.
    - + Mối quan hệ với cách mạng thế giới: Cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới.
- ⇒ Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt tiếp theo của lịch sử Việt Nam.



---

## CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG

### 1. Nội dung

- Đường lối chiến lược: Tiến hành cuộc tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.
- Nhiệm vụ:
  - + Đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến, tư sản phản cách mạng, làm cho nước Việt Nam được độc lập tự do.
  - + Lập chính phủ công nông binh, tổ chức quân đội công nông.
  - + Tịch thu hết sản nghiệp lớn của đế quốc; tịch thu ruộng đất của đế quốc, bọn phản cách mạng chia cho dân cày nghèo, tiến hành cách mạng ruộng đất.
- Lực lượng:
  - + Lực lượng cách mạng là công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức.
  - + Đối với phú nông, trung tiểu địa chủ và tư sản thì phải lợi dụng hoặc trung lập.
- Lãnh đạo: Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp vô sản.
- Mối quan hệ với cách mạng thế giới: Phải liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản thế giới.

### 2. Nhận xét

- Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam là một bản cương lĩnh cách mạng đúng đắn, sáng tạo.
  - + Tính đúng đắn: Trong bối cảnh xã hội thuộc địa nửa phong kiến, Cương lĩnh đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, đặt nhiệm vụ dân tộc lên hàng đầu. Độc lập, tự do là tư tưởng cốt lõi.
  - + Tính sáng tạo: vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam
    - Xác định các bước phát triển tuần tự của cách mạng Việt Nam khác với các nước tư bản.
    - Tập hợp những lực lượng được xem là đối tượng theo quan điểm đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác - Lênin.
- Chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối ở Việt Nam.
- Là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính quyết định cho những bước nhảy vọt tiếp theo của lịch sử Việt Nam.

---

## LUẬN CƯƠNG CHÍNH TRỊ (10/1930)

### 1. Hoàn cảnh ra đời

- 10/1930: Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng (Trung Quốc).
  - + Quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương.
  - + Bầu Ban Chấp hành Trung ương chính thức do Trần Phú làm Tổng Bí thư.
  - + Thông qua Luận cương chính trị do Trần Phú khởi thảo.

### 2. Nội dung

- Đường lối chiến lược: Cách mạng Đông Dương lúc đầu là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, sau đó tiếp tục phát triển, bỏ qua thời kì TBCN, tiến thẳng lên con đường XHCN.
- Nhiệm vụ: Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là đánh đổ phong kiến và đánh đổ đế quốc có quan hệ khăng khít với nhau.
- Động lực cách mạng: Công nhân, nông dân.
- Phương pháp đấu tranh:
  - + coi trọng việc tập hợp quần chúng tham gia vào trận tuyến cách mạng.
  - + Phát động quần chúng vũ trang bạo động giành chính quyền khi tình thế cách mạng xuất hiện.
- Mối quan hệ với cách mạng thế giới: Phải liên lạc mật thiết với vô sản và các dân tộc thuộc địa, nhất là vô sản Pháp.

### 3. Đánh giá

- Tích cực:
    - + Thấy được 2 mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Đông Dương thuộc địa.
    - + Cụ thể hóa được mối quan hệ giữa chống đế quốc và chống phong kiến.
    - + Xác định được động lực cơ bản của cách mạng là công nhân, nông dân.
  - Hạn chế:
    - + Chưa nêu được mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Đông Dương thuộc địa.
    - + Nhiệm vụ giải phóng dân tộc không đưa lên hàng đầu, nặng về đấu tranh giai cấp, cách mạng ruộng đất.
    - + Đánh giá không đúng khả năng cách mạng của tiểu tư sản, tư sản dân tộc, trung - tiểu địa chủ.
- không xây dựng được khối đoàn kết toàn dân tộc.

---

## SO SÁNH CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN (THÁNG 2/1930) VỚI LUẬN CƯƠNG CHÍNH TRỊ (THÁNG 10/1930)

### 1. Giống nhau

- Đường lối chiến lược: Đều tiến hành cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng XHCN.
- Nhiệm vụ cách mạng: Chống đế quốc và phong kiến.
- Lực lượng cách mạng: Công nhân và nông dân là gốc cách mạng.
- Lãnh đạo: Giai cấp công nhân với đội tiên phong là Đảng Cộng sản.
- Mối quan hệ với cách mạng thế giới: Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới.

### 2. Khác nhau

- Cương lĩnh chính trị:
  - + Nội dung cách mạng tư sản dân quyền: Chỉ thực hiện nhiệm vụ chống đế quốc, giành độc lập dân tộc, không bao gồm cách mạng ruộng đất.
  - + Mối quan hệ nhiệm vụ dân tộc và dân chủ: Đánh đổ đế quốc, phong kiến, tư sản phản cách mạng, làm cho nước Việt Nam được độc lập tự do. → Nhiệm vụ dân tộc được nhấn mạnh.
  - + Lực lượng cách mạng: Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, phú nông, trung - tiểu địa chủ, tư sản dân tộc có tinh thần chống Pháp.
- Luận cương chính trị:
  - + Nội dung cách mạng tư sản dân quyền: Bao gồm cả nhiệm vụ giải phóng dân tộc và cách mạng ruộng đất.
  - + Mối quan hệ nhiệm vụ dân tộc và dân chủ: Đánh đổ phong kiến và đế quốc có quan hệ khăng khít với nhau. → Nhiệm vụ chống phong kiến và cách mạng ruộng đất được nhấn mạnh.
  - + Lực lượng cách mạng: Chỉ bao gồm công nhân, nông dân. Các lực lượng khác là đối tượng của cách mạng.

---

## II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

### ➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

**Câu 1:** Đông Dương Cộng sản liên đoàn (tháng 9/1929) ra đời từ sự phân hóa của

- A. Tân Việt Cách mạng đảng.
- B. Việt Nam Quốc dân đảng.
- C. Tâm tâm xã và Cộng sản đoàn.
- D. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

**Câu 2:** Tham dự Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 1/1930) gồm đại diện của các tổ chức cộng sản nào?

- A. Đông Dương Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- B. Đông Dương Cộng sản liên đoàn, Tân Việt Cách mạng đảng.
- C. An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- D. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng.

**Câu 3:** Đầu năm 1930, các tổ chức Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn đã được hợp nhất thành một tổ chức, lấy tên là

- A. Đảng Cộng sản Việt Nam.
- B. Đảng Lao động Việt Nam.
- C. Đảng Cộng sản Đông Dương.
- D. Đảng Dân chủ Việt Nam.

**Câu 4:** Trong giai đoạn 1925 - 1930, tổ chức nào của Việt Nam ra đời muộn nhất?

- A. An Nam Cộng sản đảng.
- B. Việt Nam Quốc dân đảng.
- C. Đảng Cộng sản Việt Nam.
- D. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

**Câu 5:** Tổ chức nào được coi là tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam?

- A. Việt Nam Quốc dân đảng.
- B. Tân Việt Cách mạng đảng.
- C. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- D. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

**Câu 6:** Tháng 8/1929, các cán bộ lãnh đạo tiên tiến trong Tổng bộ và Kỳ bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Nam Kỳ quyết định thành lập

- A. An Nam Cộng sản đảng.
- B. Tân Việt Cách mạng đảng.
- C. Đông Dương Cộng sản đảng.
- D. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

**Câu 7:** Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra trong hoàn cảnh nào?

- A. Chủ nghĩa Mác – Lênin tác động mạnh đến ba tổ chức cộng sản.
- B. Có sự quan tâm của Quốc tế Cộng sản đối với công nhân Việt Nam.
- C. Phong trào công nhân trên thế giới và trong nước phát triển mạnh.
- D. Ba tổ chức cộng sản hoạt động riêng rẽ gây trở ngại lớn cho cách mạng.

**Câu 8:** Đầu năm 1930, tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc) đã diễn ra sự kiện nào?

- A. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- B. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng.
- C. Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- D. Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng Cộng sản Đông Dương.

**Câu 9:** Luận cương chính trị tháng 10/1930 của Đảng Cộng sản Đông Dương đã xác định giai cấp nắm quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam?

- A. Tiểu tư sản.
- B. Tư sản.
- C. Nông dân.
- D. Công nhân.

**Câu 10:** Luận cương chính trị tháng 10/1930 của Đảng Cộng sản Đông Dương xác định động lực của cách mạng là giai cấp

A. công nhân và tư sản.

B. nông dân và địa chủ.

C. tư sản và nông dân.

D. công nhân và nông dân.

**Câu 11:** Luận cương chính trị (tháng 10/1930) có hạn chế là

A. đánh giá không đúng khả năng cách mạng của tiểu tư sản.

B. chưa thành lập mặt trận thống nhất dân tộc rộng rãi.

C. chưa xác định đúng kẻ thù của dân tộc Việt Nam.

D. chưa đưa ra phương pháp đấu tranh bạo lực.

**Câu 12:** Luận cương chính trị (tháng 10/1930) của Đảng nhấn mạnh nhiệm vụ nào?

A. Chống phong kiến và cách mạng ruộng đất.

B. Chống phát xít và chiến tranh, đòi hòa bình.

C. Chống đế quốc và giành độc lập dân tộc.

D. Chống phản động thuộc địa, đòi tự do.

**Câu 13:** Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng chủ trương tập hợp lực lượng

A. toàn dân tộc.

B. dân chủ.

C. trung gian.

D. đồng minh.

**Câu 14:** Việc thành lập ba tổ chức cộng sản năm 1929 có ý nghĩa như thế nào đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?

A. Thể hiện sự phát triển của phong trào dân tộc dân chủ.

B. Chứng tỏ sự trưởng thành của giai cấp công nhân.

C. Là bước chuẩn bị trực tiếp cho sự thành lập Đảng.

D. Là một xu thế tất yếu của cách mạng Việt Nam.

**Câu 15:** Đầu năm 1930, sự kiện nào đã chấm dứt một khuynh hướng cứu nước trong phong trào dân tộc, dân chủ ở Việt Nam?

A. Của Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

B. Sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái.

C. Sự ra đời của Xô viết Nghệ - Tĩnh.

D. Việt Nam Quốc dân đảng ám sát Badanh.

**Câu 16:** Nhân tố mang tính tất yếu đầu tiên chuẩn bị cho những thắng lợi về sau của cách mạng Việt Nam là

A. tinh thần đại đoàn kết dân tộc.

B. sự ra đời của Đảng Cộng sản.

C. sự giúp đỡ của cách mạng thế giới.

D. sự phát triển về kinh tế của đất nước.

**Câu 17:** Sự ra đời của Đông Dương Cộng sản liên đoàn (tháng 9/1929) cho thấy phong trào yêu nước của một bộ phận tiểu tư sản Việt Nam

A. chấm dứt vai trò lịch sử.

B. khủng hoảng về đường lối.

C. phụ thuộc phong trào công nhân.

D. chuyển sang lập trường vô sản.

**Câu 18:** Cuối năm 1929, yêu cầu thống nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam được đặt ra cấp bách vì các tổ chức này

A. theo khuynh hướng vô sản.

B. muốn giải phóng dân tộc.

C. được quần chúng ủng hộ.

D. hoạt động riêng rẽ, bài xích lẫn nhau.

**Câu 19:** Hạn chế trong hoạt động của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam cuối năm 1929 là

A. nội bộ chia rẽ, công kích lẫn nhau, tranh giành quần chúng.

B. chưa liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản thế giới.

C. chưa tập hợp được khối liên minh công – nông – binh.

D. chưa xác định được kẻ thù nguy hiểm của dân tộc.

**Câu 20:** Sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản ở Việt nam năm 1929 **không** phải là

A. bước phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân Việt Nam.

B. bước chuẩn bị trực tiếp cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

C. xu thế của cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản.

D. mốc chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối cách mạng Việt Nam.

**Câu 21:** Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo được coi là

A. Luận cương chính trị đầu tiên của Đảng.

B. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

C. đường lối xây dựng XHCN đầu tiên.

D. đường lối xây dựng đất nước trong thời kì quá độ.

**Câu 22:** Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam đầu năm 1930 có ý nghĩa lịch sử như thế nào?

A. Tạo ra bước ngoặt lịch sử vĩ đại của dân tộc.

B. Có tầm vóc như một đại hội thành lập Đảng.

C. Chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cách mạng.

D. Là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên cho mọi thắng lợi sau này.

**Câu 23:** Cương lĩnh chính trị (đầu năm 1930) và Luận cương chính trị (tháng 10/1930) của Đảng đều xác định

A. vai trò lãnh đạo cách mạng thuộc về giai cấp công nhân.

B. lực lượng của cách mạng tư sản dân quyền bao gồm toàn dân tộc.

C. nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là đánh đổ phong kiến và đế quốc.

D. tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất.

**Câu 24:** Nội dung nào là điểm khác biệt giữa Luận cương chính trị (tháng 10/1930) với Cương lĩnh chính trị (đầu năm 1930) của Đảng về mối quan hệ giữa nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến?

A. Nhiệm vụ chống đế quốc phải đặt lên hàng đầu.

B. Thực hiện đồng thời chống đế quốc và phong kiến.

C. Không đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

D. Chống phong kiến là bộ phận của nhiệm vụ chống đế quốc.

**Câu 25:** Nhiệm vụ chiến lược được xác định trong Luận cương chính trị (tháng 10/1930) của Đảng Cộng sản Đông Dương là

A. đánh đổ đế quốc và phong kiến.

B. đánh đổ phong kiến và đế quốc.

C. thực hiện đoàn kết quốc tế.

D. đánh đổ địa chủ, thực hiện ruộng đất dân cày.

**Câu 26:** Đường lối chiến lược cách mạng của Việt Nam được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo là

A. cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.

B. làm cách mạng tư sản dân quyền, tiến thẳng lên con đường XHCN.

C. tiến hành cách mạng ruộng đất triệt để, tiến lên XHCN.

D. làm cách mạng thổ địa sau đó làm cách mạng dân tộc.

**Câu 27:** Ba tổ chức cộng sản ra đời năm 1929 có sự chia rẽ, sau đó được hợp nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam (đầu năm 1930) để lại kinh nghiệm gì cho cách mạng Việt Nam?

A. Xây dựng khối liên minh công nông vững chắc.

- B. Xây dựng mặt trận thống nhất dân tộc rộng rãi.
- C. Kết hợp hài hòa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.
- D. Luôn chú trọng đấu tranh chống tư tưởng cục bộ.

**Câu 28:** Nội dung nào trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo thể hiện tính sáng tạo?

- A. Đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu.
- B. Đặt vấn đề giải phóng giai cấp lên hàng đầu.
- C. Đánh giá đúng khả năng cách mạng của giai cấp công nhân.
- D. Thấy được khả năng cách mạng của công nhân và nông dân.

**Câu 29:** Việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930 là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử vì

- A. phong trào công nhân đã hoàn toàn đi vào đấu tranh tự giác.
- B. đã chấm dứt tình trạng chia rẽ của phong trào yêu nước.
- C. phong trào công nhân đã tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin.
- D. chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối cách mạng.

**Câu 30:** Sự kiện nào đánh dấu chấm dứt cuộc đấu tranh “ai thắng ai” giữa hai khuynh hướng dân chủ tư sản và vô sản để giành quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam?

- A. Nguyễn Ái Quốc xác định đúng con đường cứu nước.
- B. Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản năm 1929.
- C. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái thất bại.
- D. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

**Câu 31:** Điểm giống nhau giữa Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (đầu năm 1930) với Luận cương chính trị (tháng 10/1930) là xác định đúng

- A. nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng.
- B. mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội thuộc địa.
- C. giai cấp và tổ chức lãnh đạo cách mạng.
- D. khả năng cách mạng của các giai cấp.

**Câu 32:** Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đầu năm 1930 là bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam vì đã

- A. chấm dứt hoàn toàn sứ mệnh lãnh đạo của giai cấp tư sản Việt Nam.
- B. giải quyết sự khủng hoảng sâu sắc về đường lối và lãnh đạo cách mạng.
- C. đưa giai cấp tiểu tư sản lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam.
- D. mở ra kỉ nguyên mới giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội.

**Câu 33:** Cơ sở nào để Nguyễn Ái Quốc xác định đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam là “Tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản” trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (đầu năm 1930)?

- A. Mục đích giải phóng dân tộc và giải phóng nông dân.
- B. Mục đích đưa công nhân, trí thức lên nắm chính quyền.
- C. Mục đích giành độc lập cho dân tộc, giành ruộng đất cho dân cày.
- D. Mục đích đưa giai cấp công nhân lên nắm chính quyền.

**Câu 34:** Sự kiện nào chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam?

- A. Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước.
- B. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.
- C. Cách mạng tháng Tám thành công.
- D. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

**Câu 35:** Lí do nào khẳng định Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam là cương lĩnh giải phóng dân tộc sáng tạo, đúng đắn?

- A. Kết hợp đúng vấn đề dân tộc và giai cấp.
- B. Giải quyết vấn đề ruộng đất cho giai cấp nông dân.
- C. Xác định lực lượng cách mạng là công nhân, nông dân.
- D. Xác định lực lượng lãnh đạo là giai cấp công nhân.

**Câu 36:** Sự phân hóa tích cực của tổ chức Tân Việt Cách mạng đảng phản ánh xu thế nào của cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX?

- A. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân.
- B. Sự thắng thế của khuynh hướng cách mạng vô sản.
- C. Sự thắng thế của khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản.
- D. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào yêu nước.

**Câu 37:** Luận cương chính trị do Trần Phú soạn thảo (tháng 10/1930) **không** đưa ngọn cờ giải phóng dân tộc lên hàng đầu mà nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất vì lí do nào?

- A. Phần lớn ruộng đất tập trung trong tay giai cấp địa chủ phong kiến.
- B. Không xác định được mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam.
- C. Công – nông là lực lượng đông đảo và quyết liệt nhất của cách mạng.
- D. Nông dân là giai cấp đông đảo và bị bóc lột nặng nề nhất trong xã hội.

**Câu 38:** Điểm khác nhau giữa Luận cương chính trị (tháng 10/1930) và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (đầu năm 1930) về nội dung cách mạng tư sản dân quyền là

- A. chỉ tiến hành cách mạng ruộng đất.
- B. chỉ thực hiện nhiệm vụ chống đế quốc.
- C. không bao gồm nhiệm vụ cách mạng ruộng đất.
- D. bao gồm nhiệm vụ dân tộc và cách mạng ruộng đất.

**Câu 39:** Điểm sáng tạo của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo là gì?

- A. Xác định đúng vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
- B. Xác định đúng mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với thế giới.
- C. Xác định đúng con đường giải phóng dân tộc của cách mạng Việt Nam.
- D. Đánh giá đúng khả năng cách mạng của tư sản dân tộc, trung tiểu địa chủ.

**Câu 40:** Khuynh hướng vô sản ngày càng chiếm ưu thế trong phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam vào cuối những năm 20 của thế kỉ XX vì

- A. phong trào công nhân đã hoàn toàn trở thành tự giác.
- B. giải quyết được mâu thuẫn giữa công nhân với tư sản.



- C. đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp giải phóng dân tộc.
- D. khuynh hướng yêu nước dân chủ tư sản đã hoàn toàn thất bại.

**Câu 41:** Sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam năm 1929 có ý nghĩa lịch sử như thế nào?

- A. Chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về giai cấp và tổ chức lãnh đạo cách mạng Việt Nam.
- B. Chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã hoàn toàn trưởng thành.
- C. Là mốc đánh dấu chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối của cách mạng Việt Nam.
- D. Là một xu thế của cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản.

**Câu 42:** Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam có điểm gì khác so với Luận cương chính trị tháng 10 – 1930 của Đảng Cộng sản Đông Dương?

- A. Khẳng định vai trò lãnh đạo thuộc về chính đảng vô sản.
- B. Xác định được công nhân và nông dân là lực lượng cách mạng.
- C. Đánh giá đúng khả năng chống đế quốc của giai cấp bóc lột.
- D. Xác định đúng nhiệm vụ cách mạng là đánh đổ đế quốc.

**Câu 43:** Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc triệu tập Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là do

- A. phong trào công nhân đã phát triển đến trình độ hoàn toàn tự giác.
- B. phong trào cách mạng Việt Nam đứng trước nguy cơ bị chia rẽ lớn.
- C. Tổng bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên nêu ra yêu cầu hợp nhất.
- D. các tổ chức cộng sản trong nước đề nghị hợp nhất thành một đảng.

**Câu 44:** Nội dung nào **không** phản ánh đúng điểm tương đồng giữa Cương lĩnh chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 2/1930) và Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 10/1930)?

- A. Vai trò lãnh đạo cách mạng thuộc về giai cấp công nhân.
- B. Cách mạng Việt Nam là bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới.
- C. Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là chống đế quốc, chống phong kiến.
- D. Động lực của cách mạng chỉ bao gồm hai giai cấp: công nhân và nông dân.

**Câu 45:** Yếu tố nào đòi hỏi phải có đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo vào đầu năm 1930 ở Việt Nam?

- A. Phong trào yêu nước chuyển sang lập trường vô sản.
- B. Sự phân hóa của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- C. Cách mạng Việt Nam khủng hoảng về đường lối cứu nước.
- D. Con đường cứu nước theo hệ tư tưởng tư sản đã thất bại.

**Câu 46:** Sự kiện nào là mốc đánh dấu sự giác ngộ hoàn toàn của giai cấp công nhân Việt Nam về sứ mệnh lịch sử của mình?

- A. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.
- B. Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời.
- C. Cuộc bãi công của công nhân Ba Son.
- D. Đông Dương Cộng sản đảng ra đời.

**Câu 47:** Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 10/1930) không đưa ngọn cờ độc lập dân tộc lên hàng đầu mà nặng về đấu tranh giai cấp. Hạn chế này xuất phát từ việc đồng chí Trần Phú

- A. chưa thấy được mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Đông Dương.
- B. chịu ảnh hưởng từ tư tưởng tả khuynh của Quốc tế Cộng sản.
- C. chưa xác định được mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến.
- D. đánh giá không đúng khả năng chống đế quốc của giai cấp bóc lột.

**Câu 48:** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng những hạn chế trong Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 10/1930)?

- A. Chưa thấy được mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Đông Dương.
- B. Không đưa vấn đề giải phóng dân tộc lên vị trí hàng đầu.
- C. Đánh giá không đúng khả năng chống đế quốc của giai cấp bóc lột.
- D. Chưa xác định được nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Đông Dương.

**Câu 49:** Vừa ra đời Đảng đã quy tụ được lực lượng và sức mạnh toàn dân tộc vì

- A. phong trào dân tộc dân chủ phát triển mạnh mẽ trên cả nước.
- B. cách mạng Việt Nam đang bị khủng hoảng về đường lối lãnh đạo.
- C. Đảng đã tiếp thu nội dung cách mạng vô sản của chủ nghĩa Mác – Lênin.
- D. Cương lĩnh chính trị đáp ứng được yêu cầu khách quan của lịch sử dân tộc.

**Câu 50:** Việc chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước ở Việt Nam đầu thế kỉ XX được đánh dấu bằng sự kiện

- A. Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- B. cuộc khởi nghĩa Yên Bái thất bại và sự tan rã của Việt Nam Quốc dân đảng.
- C. Nguyễn Ái Quốc gửi tới Hội nghị Vécxai “Bản yêu sách của nhân dân An Nam”.
- D. Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập với Cương lĩnh chính trị đúng đắn.

### III. ĐÁP ÁN

1 - A	2 - D	3 - A	4 - C	5 - C	6 - A	7 - D	8 - A	9 - D	10 - D
11 - A	12 - A	13 - A	14 - C	15 - B	16 - B	17 - D	18 - D	19 - A	20 - D
21 - B	22 - B	23 - A	24 - C	25 - B	26 - A	27 - D	28 - A	29 - D	30 - D
31 - C	32 - B	33 - C	34 - D	35 - A	36 - B	37 - B	38 - D	39 - D	40 - A
41 - D	42 - C	43 - B	44 - D	45 - A	46 - A	47 - B	48 - D	49 - D	50 - D

## **CHỦ ĐỀ 7: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1939**

### **Mục tiêu**

#### **❖ Kiến thức**

- + Trình bày được nét chính về các phong trào cách mạng 1930 – 1931 và 1936 – 1939:
  - Hoàn cảnh lịch sử.
  - Diễn biến chính.
  - Ý nghĩa và bài học kinh nghiệm.
- + So sánh chủ trương đấu tranh của Đảng trong các phong trào cách mạng 1930 – 1931 và 1936 – 1939. Lí giải được nguyên nhân dẫn đến sự khác nhau đó.
- + Phân tích những đóng góp của các phong trào cách mạng 1930 – 1931 và 1936 – 1939 tới thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945).

#### **❖ Kỹ năng**

- + Hệ thống kiến thức về lịch sử Việt Nam thời kì 1930 – 1939.
- + Khái quát, so sánh, phân tích, đánh giá các sự kiện lịch sử.

---

## I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

### PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 - 1931

#### 1. Nguyên nhân

- Thực dân Pháp tăng cường vơ vét, bóc lột nhân dân Việt Nam để khắc phục hậu quả do khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) gây ra.
  - + Kinh tế Việt Nam khủng hoảng, suy thoái nghiêm trọng.
  - + Đòi sống các tầng lớp nhân dân Việt Nam cơ cực.
  - + Mâu thuẫn dân tộc giữa nhân dân Việt Nam với Pháp sâu sắc.
- Chính sách khủng bố, đàn áp của thực dân Pháp với phong trào yêu nước, cách mạng của nhân dân Việt Nam → tình hình chính trị căng thẳng.
- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (đầu năm 1930) kịp thời lãnh đạo nhân dân đấu tranh thực hiện nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến.
  - Đảng ra đời và lãnh đạo cách mạng là nguyên nhân quyết định dẫn đến sự bùng nổ và phát triển của phong trào cách mạng (1930 – 1931).
- Nghệ An – Hà Tĩnh là những địa phương có truyền thống đấu tranh yêu nước, cách mạng có chi bộ cộng sản hoạt động mạnh.

#### 2. Cách mạng 1930 – 1931

- Phong trào trên toàn quốc:
  - + Tháng 2/1930, diễn ra cuộc bãi công của 3000 công nhân đồn điền cao su Phú Riềng.
  - + Tháng 3 – 4/1930, ở nhiều địa phương, phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân tiếp tục diễn ra.
  - + 1/5/1930, công nhân khắp nơi xuống đường biểu tình, mừng ngày Quốc tế Lao động.
  - + Trong các tháng 6, 7, 8, liên tiếp nổ ra nhiều cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác trên phạm vi cả nước.
  - + Từ tháng 9/1930, phong trào đấu tranh dâng cao, nhất là ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.
- Xô viết Nghệ - Tĩnh (chính quyền của dân, do dân và vì dân).
  - + Là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 – 1931.
  - + Thời gian, địa điểm xuất hiện:
    - Nghệ An:
      - ◆ Xô viết ra đời từ tháng 9/1930.
      - ◆ Tại các huyện: Thanh Chương, Nam Đàn, Anh Sơn, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Diễn Châu.
    - Hà Tĩnh:
      - ◆ Xô viết ra đời từ cuối năm 1930 – đầu năm 1931.
      - ◆ Tại các huyện: Can Lộc, Nghi Xuân, Hương Khê.

- + Chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh là chính quyền cách mạng của quần chúng, dưới sự lãnh đạo của Đảng.
- + Hình thức chính quyền: theo kiểu Xô viết (mô hình của nước Nga).
- + Chính quyền Xô viết thi hành nhiều chính sách tiên bộ.
  - Chính trị:
    - ◆ Kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng.
    - ◆ Thực hiện các quyền tự do dân chủ.
    - ◆ Các đội tự vệ đỏ và tòa án nhân dân được thành lập
  - Kinh tế:
    - ◆ Bãi bỏ các thứ thuế do đế quốc, phong kiến đặt ra.
    - ◆ Chia lại ruộng đất công cho nông dân.
    - ◆ Bắt địa chủ giảm tô, xóa nợ.
  - Văn hóa – xã hội:
    - ◆ Khuyến khích nhân dân học chữ Quốc ngữ.
    - ◆ Bài trừ các hủ tục, mê tín – dị đoan,...

### 3. Kết quả, ý nghĩa

- Kết quả: Thực dân Pháp lo sợ trước sức mạnh của phong trào nên khủng bố, đàn áp dã man → từ giữa năm 1931, phong trào tạm lắng.
- Ý nghĩa:
  - + Khẳng định đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng, quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân với cách mạng Đông Dương.
  - + Được đánh giá cao trong phong trào công nhân và cộng sản quốc tế.
  - + Đảng Cộng sản Đông Dương được công nhận là phân bộ độc lập, trực thuộc Quốc tế Cộng sản.
  - + Có ý nghĩa như một cuộc tập dượt đầu tiên của Đảng và quần chúng cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này.
  - + Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu:
    - Xây dựng khối liên minh công – nông.
    - Xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất.
    - Tổ chức, lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành và giữ chính quyền bằng bạo lực.

## PHONG TRÀO DÂN TỘC, DÂN CHỦ 1936 – 1939

### 1. Hoàn cảnh

#### a) Thế giới

- Tác động từ khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) → gay gắt thêm mâu thuẫn giữa các nước đế quốc; nền hòa bình thế giới bị đe dọa.

- 
- + Chủ nghĩa phát xít xuất hiện và lên cầm quyền ở nhiều nước.
  - + Các nước phát xít ráo riết chạy đua vũ trang, tích cực chuẩn bị gây chiến tranh nhằm chia lại thị trường, thuộc địa.
  - Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản → xác định đường lối đấu tranh của cách mạng thế giới trong thời kì mới.
    - + Chỉ rõ kẻ thù trước mắt của nhân loại là chủ nghĩa phát xít.
    - + Kêu gọi thành lập Mặt trận nhân dân chống phát xít, chống chiến tranh.
  - Mặt trận Nhân dân Pháp lên nắm quyền (tháng 6/1936) → ban bố một số chính sách tiến bộ cho nhân dân thuộc địa.

### **b) Việt Nam**

- Một số tù chính trị được thả đã nhanh chóng hoạt động trở lại. → Cách mạng có điều kiện phục hồi, chuyển sang thời kì đấu tranh mới.
- Bọn phản động thuộc địa, tay sai ngăn cản, không để nhân dân Việt Nam hưởng các quyền lợi do Mặt trận nhân dân Pháp ban hành.
- Đời sống các tầng lớp nhân dân cơ cực, nghèo khổ.

### **2. Chủ trương đấu tranh của Đảng Cộng sản Đông Dương**

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp (tháng 7/1936), đề ra chủ trương chỉ đạo chiến lược và sách lược mới.

- Kẻ thù cụ thể, trước mắt của nhân dân Đông Dương lúc này là bọn phản động Pháp cùng bè lũ tay sai.
- Tạm gác khẩu hiệu “Đánh đổ đế quốc Pháp, Đông Dương hoàn toàn độc lập”, “Tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày”.
- Nhiệm vụ trước mắt của nhân dân Đông Dương lúc này là: “Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình”.
- Xác định hình thức và phương pháp đấu tranh: kết hợp giữa hình thức công khai và bí mật, hợp pháp và nửa hợp pháp.
- Thành lập Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương. Đến tháng 3/1938 đổi là Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

### **3. Phong trào đấu tranh tiêu biểu**

- Đấu tranh đòi tự do, dân sinh, dân chủ:
  - + Giữa năm 1936, vận động thành lập “Ủy ban trừ bị Đông Dương đại hội”, thu nhập nguyện vọng của quần chúng, tiến tới triệu tập “Đông Dương đại hội”.
  - + Năm 1937, phong trào đưa “dân nguyện” cho phái viên của Chính phủ Pháp và Toàn quyền Đông Dương mới.
  - + Phong trào đấu tranh của quần chúng với các cuộc bãi công, bãi thị, bãi khóa, mít tinh, biểu tình,...



Tuần hành đòi tự do ngôn luận tại Khu đấu Xảo (Hà Nội, 1/5/1938)

- Đấu tranh nghị trường: Đảng vận động đưa người của Mặt trận Dân chủ ra ứng cử vào các cơ quan của chính quyền: Viện Dân biểu Trung Kỳ, Viện Dân biểu Bắc Kỳ...

→ Mục đích:

- + Mở rộng lực lượng của Mặt trận Dân chủ.
- + Vạch trần chính sách phản động của thực dân và tay sai, bênh vực quyền lợi đa số nhân dân.

- Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí:

- + Xuất bản nhiều tờ báo công khai: Tiền phong, Tin tức Dân chúng, Lao động, Bạn dân, Nhà lúa...
- + Một số cuốn sách chính trị phổ thông được lưu hành rộng rãi.

#### 4. Kết quả, ý nghĩa lịch sử

- Kết quả:

- + Cuối năm 1938, phong trào đấu tranh công khai bị thu hẹp dần.
- + Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ phong trào chấm dứt.

- Ý nghĩa lịch sử:

- + Thể hiện đường lối đấu tranh đúng đắn, linh hoạt của Đảng trong tình hình mới.
- + Uy tín, ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng được nâng cao. Đội ngũ cán bộ, đảng viên được rèn luyện, trưởng thành.
- + Đảng đúc kết nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.
- + Nhân dân được rèn luyện, tổ chức đấu tranh qua nhiều hình thức đấu tranh mới.

→ Là cuộc diễn tập lần thứ hai của Đảng và nhân dân cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

### SO SÁNH PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 – 1931 VÀ 1936 – 1939

		PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 - 1931	PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1936 - 1939
<b>TƯƠNG ĐỒNG</b>	<i>Đường lối chiến lược</i>	♦ Từ cách mạng tư sản dân quyền tiến lên cách mạng XHCN, bỏ qua thời kỳ CNTB (đường lối chiến lược không thay đổi).	

	<i>Nhiệm vụ chiến lược</i>	◆ Chống đế quốc và chống phong kiến (nhiệm vụ chiến lược không thay đổi).	
	<i>Lãnh đạo</i>	◆ Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.	
	<i>Ý nghĩa</i>	◆ Là các cuộc tổng diễn tập chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám (năm 1945). ◆ Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho các phong trào đấu tranh sau này.	
<b>KHÁC BIỆT</b>	<i>Xác định kẻ thù</i>	◆ Thực dân Pháp và phong kiến tay sai.	◆ Bọn phản động thuộc địa Pháp (bộ phận nguy hiểm nhất của đế quốc Pháp) và tay sai.
	<i>Nhiệm vụ trực tiếp trước mắt</i>	◆ Chống đế quốc, giành độc lập dân tộc. ◆ Chống phong kiến, giành ruộng đất cho dân cày.	◆ Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình.
	<i>Hình thức, phương pháp đấu tranh</i>	◆ Đấu tranh bí mật, bất hợp pháp: bãi công, biểu tình, khởi nghĩa vũ trang,...	◆ Kết hợp giữa đấu tranh công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp. ◆ Chủ yếu là đấu tranh chính trị với các hình thức phong phú, đa dạng như: mít tinh, biểu tình, đấu tranh nghị trường, đấu tranh trên lĩnh vực báo chí,...
	<i>Lực lượng và mặt trận</i>	◆ Quần chúng nhân dân, chủ yếu là nông dân và công nhân. ◆ Xây dựng khối liên minh công nông. ◆ Chủ trương sẽ thành lập Hội Phản đế Đồng minh Đông Dương.	◆ Quần chúng nhân dân có mâu thuẫn với bọn phản động thuộc địa và tay sai. ◆ Thành lập Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương (1936) → năm 1938, đổi thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương.
	<i>Quy mô</i>	◆ Diễn ra trên cả nước nhưng sôi nổi nhất là ở Nghệ An, Hà Tĩnh,...	◆ Diễn ra trên cả nước, tập trung nhiều tại các đô thị lớn: Hà Nội, Sài Gòn,...
	<i>Bài học kinh nghiệm</i>	◆ Xây dựng liên minh công – nông và mặt trận dân tộc thống nhất. ◆ Bài học về tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh, công tác chuẩn bị	◆ Bài học về tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp. ◆ Xây dựng mặt trận dân tộc thống



		lực lượng,...	nhất. ◆ ....
--	--	---------------	-----------------

## ? NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN SỰ KHÁC BIỆT



## ĐÓNG GÓP CỦA PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 – 1931 VÀ 1936 – 1939 VỚI THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1945)

### 1. Phong trào cách mạng 1930 – 1931

Là **cuộc tập dượt đầu tiên** của Đảng và quần chúng cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1945)

#### a. Đảng

- Tập hợp lực lượng, lãnh đạo nhân dân đấu tranh, tạo nên một phong trào thống nhất, rộng khắp,...
- Xây dựng được liên minh công nông, đoàn kết công nhân với nông dân trong đấu tranh cách mạng.
- Đội ngũ cán bộ, đảng viên được rèn luyện và ngày càng trưởng thành.
- Các Xô viết được lập ở Nghệ An và Hà Tĩnh – là mô hình sơ khai của chính quyền cách mạng Việt Nam.
- Đảng đã tổng kết và rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.

#### b. Nhân dân

- Lần đầu tiên quần chúng được tập dượt đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng.



Nhân dân đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng trong phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh

- Quần chúng được giác ngộ và tổ chức đấu tranh, được rèn luyện qua việc sử dụng bạo lực cách mạng để giành và giữ chính quyền.

### 2. Phong trào dân chủ 1936 – 1939

Là **cuộc tập dượt thứ hai** của Đảng và quần chúng cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1945).

#### a. Đảng

- Tập hợp lực lượng, lãnh đạo nhân dân đấu tranh, tạo nên một phong trào thống nhất, rộng khắp,... → buộc chính quyền thực dân phải nhượng bộ một số yêu sách về dân sinh, dân chủ.

- Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được nâng cao trong quần chúng.
- Đội ngũ cán bộ, đảng viên phát triển về số lượng, ngày càng trưởng thành qua đấu tranh cách mạng.
- Xây dựng được một mặt trận dân tộc thống nhất, rộng rãi, đoàn kết được các tầng lớp nhân dân trong đấu tranh cách mạng.
- Đảng thêm trưởng thành một bước về chỉ đạo chiến lược và tích lũy thêm nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.

### **b. Nhân dân**

- Quần chúng được tổ chức, giác ngộ và rèn luyện qua thực tiễn đấu tranh, trở thành lực lượng chính trị hùng hậu của cách mạng.
- Quần chúng được rèn luyện, tổ chức tập dượt qua các hình thức đấu tranh mới: đấu tranh công khai, hợp pháp,...



Cuộc mít tinh tại khu đấu Xảo (Hà Nội, 1/5/1938)

## **II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN**

### **➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1:** Mục tiêu đấu tranh của phong trào cách mạng 1930 - 1931 ở Việt Nam là chống

- |                                       |   |
|---------------------------------------|---|
| <b>A.</b> đế quốc và phong kiến.      | <b>B.</b> đế quốc phát xít Pháp - Nhật. |
| <b>C.</b> chế độ phản động thuộc địa. | <b>D.</b> phát xít Nhật và tay sai.     |

**Câu 2:** Kẻ thù của nhân dân thế giới được Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản (tháng 7/1935) xác định là

- |                                    |                               |
|------------------------------------|-------------------------------|
| <b>A.</b> chủ nghĩa đế quốc.       | <b>B.</b> chủ nghĩa phát xít. |
| <b>C.</b> bọn phản động thuộc địa. | <b>D.</b> chủ nghĩa thực dân. |

**Câu 3:** Đại hội lần thứ VII (1935) của Quốc tế Cộng sản đã xác định nhiệm vụ trước mắt của cách mạng thế giới là chống

- |   |   |
|---|---|
| <b>A.</b> phát xít, bảo vệ hòa bình thế giới. | <b>B.</b> đế quốc, giành độc lập dân tộc.           |
| <b>C.</b> đế quốc và phong kiến tay sai.      | <b>D.</b> phong kiến, giành ruộng đất cho nông dân. |

**Câu 4:** Mục tiêu đấu tranh trước mắt được Đảng Cộng sản Đông Dương xác định trong thời kì 1936 - 1939 là chống

- |   |   |
|---|---|
| <b>A.</b> đế quốc và chống phong kiến.  | <b>B.</b> bọn phản động thuộc địa và tay sai. |
| <b>C.</b> đế quốc phát xít Pháp - Nhật. | <b>D.</b> phát xít Nhật và tay sai.           |

**Câu 5:** Phong trào cách mạng 1930 - 1931 có kết quả là

- |  |   |
|--|---|
| <b>A.</b> thành lập mặt trận dân tộc thống nhất. | <b>B.</b> thành lập chính quyền trên cả nước. |
| <b>C.</b> hình thành khối liên minh công nông.   | <b>D.</b> khẳng định quyền lãnh đạo của Đảng. |

**Câu 6:** Phong trào cách mạng 1930 - 1931 bùng nổ và chính quyền Xô viết thành lập đã khẳng định

- A. vai trò lãnh đạo của Quốc tế Cộng sản.                      B. sự ủng hộ của cách mạng thế giới.  
C. sự lớn mạnh của giai cấp tiểu tư sản.                      D. quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

**Câu 7:** Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 7/1936) xác định kẻ thù trước mắt của cách mạng là

- A. đế quốc phát xít Pháp - Nhật.                      B. phát xít Đức và quân phiệt Nhật Bản.  
C. thực dân Pháp và bọn phong kiến tay sai.                      D. bọn phản động thuộc địa Pháp và tay sai.

**Câu 8:** Nội dung nào không phải là điểm mới của phong trào cách mạng 1930 - 1931?

- A. Xác định kẻ thù là thực dân Pháp.                      B. Phong trào do Đảng Cộng sản lãnh đạo.  
C. Thiết lập chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh.                      D. Khối liên minh công nông được hình thành.

**Câu 9:** Ưu điểm của bản Luận cương chính trị (tháng 10/1930) đã xác định

- A. những vấn đề chiến lược, sách lược của cách mạng Đông Dương.  
B. xây dựng khối đoàn kết toàn dân tộc trong mặt trận thống nhất.  
C. hình thức đấu tranh giành chính quyền bằng tổng khởi nghĩa.  
D. khẩu hiệu đấu tranh độc lập dân tộc song song ruộng đất dân cày.

**Câu 10:** Hạn chế của chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh là tiêu diệt tận gốc

- A. giai cấp nông dân.                      B. giai cấp địa chủ.  
C. bọn phản động thuộc địa.                      D. giai cấp tư sản.

**Câu 11:** Hình thức đấu tranh mới mẻ của Đảng Cộng sản Đông Dương xuất hiện lần đầu tiên trong phong trào dân chủ 1936 - 1939 là

- A. đấu tranh nghị trường.                      B. khởi nghĩa vũ trang.  
C. biểu tình có vũ trang.                      D. thành lập tổ chức cách mạng.

**Câu 12:** Bước ngoặt của phong trào cách mạng 1930 - 1931 là cuộc đấu tranh nhân ngày

- A. Đảng Cộng sản ra đời.                      B. Quốc tế Lao động 1/5/1930.  
C. đón Toàn quyền Đông Dương mới                      D. đón phái viên Chính phủ Pháp.

**Câu 13:** Mâu thuẫn chủ yếu nhất trong xã hội Việt Nam giai đoạn 1930 - 1931 là mâu thuẫn giữa

- A. nông dân với địa chủ.                      B. công nhân với tư sản.  
C. nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp.                      D. tiểu tư sản với thực dân Pháp.

**Câu 14:** Hình thức đấu tranh phổ biến của nông dân Nghệ An, Hà Tĩnh vào tháng 9/1930 là

- A. khởi nghĩa vũ trang.                      B. biểu tình có vũ trang tự vệ.  
C. biểu tình đòi quyền lợi kinh tế.                      D. tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

**Câu 15:** Một chính sách tích cực của Xô viết Nghệ - Tĩnh là

- A. bãi bỏ thuế thân, thuế chợ.                      B. ban hành tự do báo chí.  
C. trả tự do cho tù chính trị.                      D. Nói rộng quyền xuất bản báo chí.

**Câu 16:** Lực lượng quan trọng tham gia phong trào cách mạng 1930 - 1931 là

- A. trí thức và phú nông.                      B. công nhân và nông dân.  
C. tư sản và tiểu tư sản.                      D. nông dân và trí thức.

**Câu 17:** Khẩu hiệu đấu tranh của nhân dân Việt Nam trong phong trào cách mạng 1930 - 1931 là

- A. độc lập dân tộc và người cày có ruộng.                      B. tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo, hoà bình.  
C. phá kho thóc của Nhật chia cho dân cày nghèo.                      D. chia lại ruộng đất công, giảm tô, giảm tức.

**Câu 18:** Phong trào cách mạng 1936 - 1939 ở Việt Nam **không** có đặc điểm nào?

**A.** Mục tiêu đấu tranh triệt để.                                      **B.** Hình thức đấu tranh phong phú.

**C.** Lôi cuốn đông đảo quần chúng.                                      **D.** Phong trào có tổ chức chặt chẽ.

**Câu 19:** Trong phong trào dân chủ 1936 - 1939, Đảng Cộng sản Đông Dương đưa một số cán bộ ra hoạt động công khai vì

**A.** các thể lực phát xít đang ráo riết chạy đua vũ trang.

**B.** thực hiện Nghị quyết của Đại hội VII Quốc tế Cộng sản.

**C.** tình hình trong nước thay đổi, lực lượng cách mạng lớn mạnh.

**D.** Chính phủ Pháp thi hành một số chính sách tiến bộ ở thuộc địa.

**Câu 20:** Yếu tố nào quyết định sự bùng nổ của phong trào dân chủ 1936 - 1939 ở Việt Nam?

**A.** Chính phủ Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp (tháng 6/1936).

**B.** Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản (tháng 7/1935).

**C.** Sự xuất hiện chủ nghĩa phát xít (những năm 30 của thế kỉ XX).

**D.** Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 7/1936).

**Câu 21:** Nội dung nào **không** phải là nguyên nhân bùng nổ phong trào dân chủ 1936 - 1939 ở Việt Nam?

**A.** Hậu quả trực tiếp của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933.

**B.** Chính phủ Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp (tháng 6/1936).

**C.** Sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản với phong trào cách mạng thế giới.

**D.** Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 7/1936).

**Câu 22:** Ý nào **không** thể hiện tính triệt để của phong trào cách mạng 1930 - 1931?

**A.** Kết hợp mục tiêu cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

**B.** Xác định đúng kẻ thù của cách mạng là đế quốc và phong kiến.

**C.** Đề ra khẩu hiệu “Độc lập dân tộc” và “Người cày có ruộng”.

**D.** Thành lập được chính quyền cách mạng ở Nghệ - Tĩnh.

**Câu 23:** Trong giai đoạn 1936 - 1939, kẻ thù của cách mạng Việt Nam được Đảng xác định là

**A.** đế quốc Pháp xâm lược và phong kiến.

**B.** đế quốc xâm lược và tay sai phản động.

**C.** toàn bộ kẻ thù của dân tộc Việt Nam.

**D.** một bộ phận trong kẻ thù của dân tộc.

**Câu 24:** Nội dung nào **không** phải là ý nghĩa của phong trào cách mạng 1930 - 1931 ở Việt Nam?

**A.** Đưa quần chúng nhân dân bước vào thời kỳ trực tiếp vận động cứu nước.

**B.** Khẳng định đường lối của Đảng và quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân.

**C.** Hình thành khối liên minh công nông, công nông đã đoàn kết đấu tranh.

**D.** Cuộc diễn tập đầu tiên của Đảng và quần chúng cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám.

**Câu 25:** Phong trào cách mạng 1930 - 1931 ở Việt Nam đã để lại bài học kinh nghiệm gì cho Cách mạng tháng Tám năm 1945?

**A.** Phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù, tiến tới đánh bại chúng.

**B.** Sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để giành chính quyền.

**C.** Đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

**D.** Chớp thời cơ phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

**Câu 26:** Nội dung nào đúng về việc xác định lực lượng cách mạng của phong trào dân chủ 1936 - 1939 ở Đông Dương?

**A.** Chủ yếu là công nhân và nông dân.

**B.** Chỉ có công nhân và nông dân.

C. Các lực lượng dân chủ ở Đông Dương.                      D. Tất cả các lực lượng ở Đông Dương.

**Câu 27:** Nội dung nào **không** phải là nguyên nhân làm bùng nổ phong trào cách mạng 1930 - 1931 ở Việt Nam?

- A. Mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp ngày càng gay gắt.
- B. Thực dân Pháp thực hiện chính sách “khủng bố trắng” trong cả nước.
- C. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã lãnh đạo phong trào đấu tranh.
- D. Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp thi hành chính sách tiến bộ.

**Câu 28:** Nội dung nào **không** phải là ý nghĩa của phong trào dân chủ 1936 - 1939 ở Việt Nam?

- A. Buộc chính quyền cai trị phải nhượng bộ mọi yêu sách về dân sinh dân chủ.
- B. Quần chúng được giác ngộ về chính trị, trở thành lực chính trị hùng hậu.
- C. Đội ngũ cán bộ, đảng viên được rèn luyện và trưởng thành trong đấu tranh.
- D. Là cuộc tập dượt của Đảng chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám năm 1945.

**Câu 29:** Phong trào dân chủ 1936 - 1939 ở Đông Dương được đánh giá là

- A. cuộc tập dượt trực tiếp cho Cách mạng tháng Tám 1945.
- B. cuộc tập dượt lần thứ hai cho Cách mạng tháng Tám 1945.
- C. tích lũy bài học đấu tranh vũ trang cho Cách mạng tháng Tám 1945.
- D. tập hợp lực lượng dân tộc chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945.

**Câu 30:** “Quy mô rộng lớn, hình thức đấu tranh phong phú, thu hút đông đảo quần chúng tham gia” là đặc điểm của

- A. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.                      B. phong trào dân chủ 1936 - 1939.
- C. cuộc khởi nghĩa từng phần.                                      D. cao trào kháng Nhật cứu nước.

**Câu 31:** Xô viết Nghệ - Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 - 1931 vì đã

- A. làm lung lay tận gốc chế độ phong kiến ở nông thôn trên cả nước.
- B. khẳng định quyền làm chủ của nông dân ở nông thôn cả nước.
- C. thành lập được chính quyền kiểu mới, của dân, do dân và vì dân.
- D. đánh đổ thực dân Pháp và phong kiến tay sai trên cả nước.

**Câu 32:** Nét nổi bật nhất của cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 ở Đông Dương là

- A. tập hợp được một lực lượng công - nông hùng mạnh.
- B. tư tưởng, chủ trương của Đảng được phổ biến rộng rãi.
- C. uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng trong nhân dân.
- D. Đảng đã tập hợp được lực lượng chính trị của quần chúng đông đảo.

**Câu 33:** Nội dung nào **không** phải là mục tiêu đấu tranh của phong trào cách mạng thế giới được xác định trong Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản (tháng 7/1935)?

- A. Giành độc lập dân tộc.    B. Giành dân chủ, bảo vệ hòa bình.
- C. Chống phát xít, chống chiến tranh.                              D. Tự do, dân sinh dân chủ, hòa bình.

**Câu 34:** Yếu tố khách quan nào đã tạo thuận lợi cho cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam trong những năm 1936 - 1939?

- A. Ở Đông Dương có Toàn quyền mới.
- B. Quốc tế Cộng sản tổ chức Đại hội lần thứ V.
- C. Chính phủ Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp.

**D.** Chủ nghĩa phát xít chuẩn bị gây chiến tranh thế giới.

**Câu 35:** Đảng Cộng sản Đông Dương được công nhận là phân bộ độc lập, trực thuộc Quốc tế Cộng sản từ sau

**A.** Hội nghị thành lập Đảng.

**B.** phong trào dân chủ 1936 - 1939.

**C.** cao trào kháng Nhật cứu nước.

**D.** phong trào cách mạng 1930 - 1931.

**Câu 36:** Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương (tháng 7/1936) đã khắc phục hạn chế nào của Luận cương chính trị tháng 10/1930?

**A.** Nhiệm vụ chiến lược.

**B.** Giai cấp lãnh đạo.

**C.** Tập hợp lực lượng.

**D.** Hình thức chính quyền.

**Câu 37:** Phong trào cách mạng 1930 - 1931 để lại cho cách mạng Việt Nam bài học

**A.** kết hợp đấu tranh công khai và bí mật.

**B.** xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

**C.** tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

**D.** kết hợp đấu tranh chính trị và vũ trang.

**Câu 38:** Căn cứ nào khẳng định phong trào dân chủ 1936 - 1939 ở Việt Nam mang tính dân tộc?

**A.** Nhằm vào bọn thực dân Pháp xâm lược và tay sai.

**B.** Sử dụng hình thức đấu tranh công khai, hợp pháp.

**C.** Có sự tham gia của tất cả các lực lượng dân chủ ở Việt Nam.

**D.** Giành thắng lợi to lớn trên phạm vi cả nước.

**Câu 39:** Nội dung nào chứng tỏ từ tháng 9/1930 trở đi phong trào cách mạng 1930 - 1931 ở Việt Nam phát triển đạt đỉnh cao?

**A.** Giải quyết triệt để vấn đề ruộng đất cho nông dân.

**B.** Đấu tranh của nông dân được công nhân hưởng ứng.

**C.** Phong trào diễn ra mạnh mẽ trên quy mô cả nước.

**D.** Chính quyền thực dân bị tê liệt ở nhiều thôn, xã.

**Câu 40:** Yếu tố nào thể hiện tính triệt để của phong trào cách mạng 1930 - 1931 ở Việt Nam?

**A.** Xác định đúng kẻ thù trước mắt là bọn phản động tay sai.

**B.** Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo, thành lập chính quyền Xô viết.

**C.** Khối liên minh công nông được củng cố ngày càng vững chắc.

**D.** Sử dụng hình thức đấu tranh chính trị kết hợp khởi nghĩa vũ trang.

**Câu 41:** Phong trào dân chủ 1936 - 1939 ở Việt Nam là một bước chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 vì đã

**A.** đưa Đảng Cộng sản Đông Dương ra hoạt động công khai.

**B.** khắc phục triệt để hạn chế của Luận cương chính trị (10/1930).

**C.** bước đầu xây dựng được lực lượng vũ trang nhân dân.

**D.** xây dựng một lực lượng chính trị quần chúng đông đảo.

**Câu 42:** Phong trào cách mạng 1930 - 1931 và phong trào dân chủ 1936 - 1939 ở Việt Nam có điểm tương đồng nào?

**A.** Sử dụng những hình thức đấu tranh phong phú.

**B.** Sử dụng bạo lực cách mạng để giành chính quyền.

**C.** Để lại bài học kinh nghiệm về đấu tranh hợp pháp.

**D.** Tổ chức các lực lượng yêu nước trong một mặt trận.

**Câu 43:** Điểm khác nhau trong việc xác định nhiệm vụ cách mạng trước mắt giai đoạn 1936 - 1939 so với giai đoạn 1930 - 1931 là gì?

- A. Chống đế quốc và chống phong kiến.
- B. Chống đế quốc phát xít Pháp - Nhật.
- C. Chống đế quốc, phản động tay sai.
- D. Chống chế độ phản động thuộc địa và tay sai.

**Câu 44:** Điểm mới của phong trào cách mạng 1930 - 1931 so với các phong trào đấu tranh chống Pháp và tay sai của nhân dân ta trước đó là

- A. quy mô phong trào rộng lớn, hình thức đấu tranh quyết liệt.
- B. hình thức đấu tranh quyết liệt, sử dụng đấu tranh vũ trang.
- C. thu hút được đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia.
- D. hình thành liên minh công nông trong đấu tranh cách mạng.

**Câu 45:** Những hạn chế của Luận cương chính trị (tháng 10/1930) bước đầu được Đảng Cộng sản Đông Dương khắc phục tại

- A. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 11/1939).
- B. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 7/1936).
- C. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 5/1941).
- D. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 1/1940).

**Câu 46:** “Phong trào dân chủ 1936 - 1939 ở Việt Nam mang tính dân tộc” là nhận xét

- A. sai, vì phong trào chỉ đòi những quyền dân chủ đơn sơ.
- B. sai, vì phong trào chỉ chống bọn phản động thuộc địa.
- C. đúng, vì phong trào đòi quyền lợi từ tay kẻ thù của dân tộc.
- D. đúng, vì phong trào là một bộ phận của cách mạng thế giới.

**Câu 47:** Phong trào cách mạng Việt Nam trong những năm 1936 - 1939 được gọi là cuộc vận động dân chủ vì phong trào này

- A. hướng vào mục tiêu trước mắt đòi quyền tự do, dân chủ.
- B. đã hưởng ứng cuộc vận động dân chủ trên thế giới.
- C. đã thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương.
- D. chủ yếu là đấu tranh hòa bình, hợp pháp.

**Câu 48:** Hội nghị đầu tiên xác định lại nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam theo tinh thần Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (1930) là

- A. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 7/1936).
- B. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 11/1939).
- C. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 11/1940).
- D. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 5/1941).

**Câu 49:** Nhận xét nào đúng về phong trào cách mạng 1930 - 1931 ở Việt Nam?

- A. Chỉ có tính chất dân chủ.
- B. Chỉ mang tính dân tộc.
- C. Không mang tính cách mạng.
- D. Không mang tính cải lương.

**Câu 50:** Bài học kinh nghiệm quan trọng nào được rút ra từ phong trào dân chủ 1936 - 1939 còn nguyên giá trị trong thời đại ngày nay?

- A. Linh hoạt các phương pháp đấu tranh kinh tế, chính trị.
- B. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào nước ta.

---

C. Phương pháp tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

D. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

➤ **ĐÁP ÁN**

1 - A	2 - B	3 - A	4 - B	5 - C	6 - D	7 - D	8 - A	9 - A	10 - B
11 - A	12 - B	13 - C	14 - B	15 - A	16 - B	17 - A	18 - A	19 - D	20 - D
21 - A	22 - A	23 - D	24 - A	25 - B	26 - C	27 - D	28 - A	29 - B	30 - B
31 - C	32 - D	33 - A	34 - C	35 - D	36 - C	37 - C	38 - C	39 - D	40 - B
41 - D	42 - A	43 - D	44 - D	45 - B	46 - C	47 - A	48 - A	49 - D	50 - D



## **CHỦ ĐỀ 8: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1939 ĐẾN NĂM 1945**

### **Mục tiêu**

#### **❖ Kiến thức**

- + Trình bày và nhận xét chủ trương của Đảng trong giai đoạn 1939- 1945.
- + Tóm tắt được quá trình chuẩn bị lực lượng cho Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- + Trình bày được hoàn cảnh lịch sử, diễn biến, ý nghĩa của cao trào kháng Nhật cứu nước.
- + Trình bày nét chính về Mặt trận Việt Minh:
  - Sự ra đời và phát triển
  - Vai trò đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945)

#### **❖ Kỹ năng**

- + Hệ thống kiến thức về lịch sử Việt Nam thời kì 1939 – 1945.
- + Khái quát, so sánh, phân tích, đánh giá các sự kiện lịch sử.

---

## I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

### NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA TÌNH HÌNH THẾ GIỚI ĐẾN VIỆT NAM (1939 – 1945)

#### 1. Thế giới:

- Pháp tham gia Chiến tranh thế giới thứ lần hai → tăng cường vơ vét, bóc lột thuộc địa để phục vụ cho cuộc chiến tranh.
- Chính phủ Pháp đầu hàng Đức, thực hiện các chính sách phản động đối với lực lượng tiến bộ trong nước và xiết chặt ách cai trị thuộc địa.
- Đầu năm 1941, phát xít Đức thôn tính gần hết châu Âu, ráo riết chuẩn bị tấn công Liên Xô.
- Quân phiệt Nhật ở châu Á mở rộng xâm lược nhiều nước.
- Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn cuối.
  - + Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh đẩy mạnh tấn công phát xít Đức.
  - + Quân phiệt Nhật ở châu Á liên tiếp thất bại trước các đòn tấn công của Đồng minh.
- Tháng 8/1945, Hội nghị Potsdam giao nhiệm vụ giải giáp quân Nhật ở Đông Dương (sau khi chiến tranh kết thúc) cho quân Anh và Trung Hoa Dân quốc.
- 15/8/1945, Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện → Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

#### 2. Việt Nam:

- Chính sách thời chiến của Pháp khiến đời sống các tầng lớp nhân dân Việt Nam ngày càng cơ cực → Mâu thuẫn dân tộc giữa nhân dân Việt Nam với Pháp ngày càng gay gắt → nhiệm vụ giải phóng dân tộc được đặt lên hàng đầu.
- Quân Pháp ở Đông Dương chống cự yếu ớt rồi nhanh chóng đầu hàng, cấu kết với Nhật bóc lột nhân dân Đông Dương.
- Dưới hai tầng áp bức Pháp - Nhật, nhân dân Việt Nam khổ cực → nhiệm vụ giải phóng dân tộc ngày càng trở nên bức thiết.
- Dự đoán tình hình thế giới sẽ có nhiều chuyển biến to lớn, tác động mạnh tới tình hình Việt Nam → tháng 1/1941, Nguyễn Ái Quốc trở về nước, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng.
- ở Đông Dương, Pháp ráo riết hoạt động trở lại, chờ cơ hội lật đổ Nhật → mâu thuẫn Nhật - Pháp gay gắt → Nhật ra tay trước, tiến hành đảo chính, độc chiếm Đông Dương.
- Sau khi Nhật đảo chính Pháp, tình thế thuận lợi cho cách mạng xuất hiện, nhưng thời cơ chưa chín muồi.
- Tận dụng thời cơ Nhật đầu hàng; quân Đồng minh chưa tiến vào Việt Nam, Đảng Cộng sản Đông Dương đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam nổi dậy giành chính quyền → cách mạng thành công, ngày 2/9/1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.

**CHỦ TRƯỞNG ĐẤU TRANH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG**

	<b>HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG THÁNG 11/1939</b>	<b>HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG THÁNG 5/1941</b>
<b>HOÀN CẢNH TRIỆU TẬP</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ → tình hình thế giới có nhiều chuyển biến phức tạp.</li> <li>- Thực dân Pháp tăng cường vơ vét, bóc lột nhân dân Việt Nam.</li> <li>→ Đòi hỏi Đảng cần phải kịp thời nắm bắt tình hình, đề ra đường lối đấu tranh trong thời kỳ mới.</li> <li>→ Tháng 11/1939, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ VI của Đảng được triệu tập tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định); do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiến tranh thế giới bước sang năm thứ ba, tình hình chiến sự có nhiều chuyển biến.</li> <li>- Dưới hai tầng áp bức của Pháp - Nhật, đời sống nhân dân Việt Nam khổ cực.</li> <li>- Tháng 1/1941, Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp chỉ đạo cách mạng.</li> <li>→ Tháng 5/1941, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ VIII của Đảng được triệu tập tại Pác-bó (Hà Quảng - Cao Bằng); do Nguyễn Ái Quốc chủ trì.</li> </ul>
<b>NỘI DUNG</b>	<i>Chủ trương chung</i>	-Đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu, mọi nhiệm vụ khác tạm thời gác lại
	<i>Giải quyết vấn đề dân tộc cụ thể.</i>	-Đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập
	<i>Khẩu hiệu cách mạng</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất.</li> <li>- Đề ra khẩu hiệu: tịch thu ruộng đất của bọn thực dân, đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc; chống tô cao, lãi nặng.</li> <li>- Thay khẩu hiệu lập chính quyền Xô viết công - nông - binh bằng khẩu hiệu thành lập chính quyền dân chủ cộng hòa.</li> </ul>

	<i>Mặt trận</i>	-Thành lập Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.	-Thành lập mặt trận dân tộc thống nhất riêng cho từng nước Đông Dương. -Ở Việt Nam: thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh).
	<i>Hình thức, phương pháp đấu tranh</i>	- Chuyển từ đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ sang đấu tranh đánh đổ chính quyền của đế quốc và tay sai. - Chuyển từ hoạt động đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật, bất hợp pháp.	- Đấu tranh bí mật, bất hợp pháp với kẻ thù. - Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, trong đó nhấn mạnh tới vấn đề xây dựng, phát triển lực lượng chính trị. - Xác định hình thái của cuộc khởi nghĩa ở Việt Nam là: đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên Tổng khởi nghĩa. Nhấn mạnh: chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân.
<b>Ý NGHĨA</b>		-Đánh dấu sự chuyển hướng quan trọng của Đảng - đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc, đưa nhân dân bước vào giai đoạn trực tiếp vận động cứu nước.	- Hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng đấu tranh đã đề ra từ Hội nghị Trung ương tháng 11/1939. - Khắc phục triệt để những hạn chế của Luận cương chính trị (tháng 10/1930).

## CÔNG TÁC CHUẨN BỊ CỦA ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN VIỆT NAM CHO TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM (1945)

- Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 8/1941 nhấn mạnh: công tác chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân.
- 1939 - 1945, công tác chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa, được Đảng và nhân dân Việt Nam tiến hành gấp rút, khẩn trương, đã đạt được nhiều thành tựu.
- Cách mạng tháng Tám (1945) thành công là nhờ có quá trình chuẩn bị tích cực, lâu dài của Đảng, nhân dân Việt Nam, kết hợp với nghệ thuật chớp thời cơ và hành động kịp thời.

### 1. Xây dựng lực lượng chính trị:

- Lập Mặt trận Việt Minh (19/5/1941) nhằm tập hợp, đoàn kết mọi lực lượng yêu nước để “mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn”.
- Vận động quần chúng tham gia, xây dựng và phát triển các hội, đoàn thể cứu quốc.
- Năm 1943, đề ra Đề cương văn hóa Việt Nam → được coi là cương lĩnh đầu tiên của Đảng trên lĩnh vực văn hóa; xác định văn hóa là một mặt trận đấu tranh cách mạng.
- Năm 1944, Đảng Dân chủ Việt Nam và Hội Văn hóa cứu quốc được thành lập, đứng chân trong Mặt trận Việt Minh.
- Vận động binh lính người Việt trong quân đội Pháp, ngoại kiều ở Đông Dương đấu tranh chống phát xít.

### 2. Xây dựng lực lượng vũ trang:

- Xây dựng và phát triển các đội du kích (Bắc Sơn,...) → phát triển thành các trung đội cứu quốc quân.
- Thành lập các đội tự vệ vũ trang (từ cuối năm 1941).
- Nguyên Ai Quốc mở các lớp huấn luyện quân sự, biên soạn tài liệu về cách đánh du kích,...
- 22/12/1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập; 2 ngày sau, giành thắng lợi tại Phay Khắt, Nà Ngần.
- Tháng 5/1945, Việt Nam Cứu quốc quân và Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân thống nhất thành Việt Nam Giải phóng quân.

### 3. Xây dựng căn cứ địa cách mạng:

- Pắc Bó (Cao Bằng) cùng với Bắc Sơn (Võ Nhai) là hai căn cứ địa cách mạng đầu tiên được Đảng xây dựng, sau đó mở rộng.
- Tháng 6/1945, Khu giải phóng Việt Bắc được thành lập (gồm 6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Cạn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên cùng một số vùng phụ cận khác).
- Căn cứ địa cách mạng tiếp tục được mở rộng xuống miền xuôi.



---

## **KHỞI NGHĨA TỪNG PHẦN (TỪ THÁNG 3 ĐẾN GIỮA THÁNG 8 NĂM 1945)**

### **1. Bối cảnh lịch sử:**

- Chiến tranh thế giới thứ hai đã bước vào giai đoạn cuối.
  - + Phát xít Đức, Italia sắp bị tiêu diệt hoàn toàn.
  - + Quân phiệt Nhật liên tiếp thất bại trước các đòn tấn công của lực lượng Đồng minh.
- Quân Pháp ở Đông Dương ráo riết hoạt động trở lại, chờ thời cơ phản công quân Nhật. → Mâu thuẫn Nhật - Pháp căng thẳng.
- 9/3/1945, Nhật tiến hành đảo chính Pháp, độc chiếm Đông Dương → Tình thế cách mạng đã xuất hiện cho cách mạng Việt Nam.;

### **2. Chủ trương của Đảng:**

- Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” (12/3/1945).
- Xác định kẻ thù trực tiếp, trước mắt là phát xít Nhật và tay sai.
- Đề ra khẩu hiệu: “Đánh đuổi phát xít Nhật”, “Đánh đổ chính phủ bù nhìn, tay sai”.
- Hình thức đấu tranh đi từ bất hợp tác, bãi công, bãi thị đến biểu tình, thị uy khởi nghĩa vũ trang, tổng khởi nghĩa khi có thời cơ,...
- Phát động cao trào “Kháng Nhật, cứu nước” làm tiền đề cho Tổng khởi nghĩa.

### **3. Diễn biến chính:**

- Ở Cao - Bắc - Lạng: hàng loạt các huyện, châu, xã được giải phóng; chính quyền nhân dân được thành lập; các đoàn thể cứu quốc được củng cố.
- ở Bắc Kỳ, phong trào “Phá kho thóc của Nhật” diễn ra mạnh mẽ.
- ở Nam Kỳ, phong trào Việt Minh hoạt động mạnh, nhất là ở Mĩ Tho và Hậu Giang.
- Đảng đẩy mạnh công tác chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa.
  - + Triệu tập Hội nghị Quân sự Bắc Kỳ (tháng 4/1945).
  - + Thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam và Ủy ban dân tộc giải phóng các cấp.
  - + Thành lập Khu giải phóng Việt Bắc

### **4. Kết quả, ý nghĩa:**

- Kết quả:
  - + Cao trào diễn ra khắp cả nước, một số địa phương đã lập được chính quyền cách mạng.
- Ý nghĩa:
  - + Khiến kẻ thù suy yếu, lực lượng cách mạng được tăng cường: thúc đẩy thời cơ tổng khởi nghĩa nhanh chóng chín muồi.
  - + Nhân dân được tập hợp, rèn luyện, qua nhiều hình thức đấu tranh, sẵn sàng vùng lên khi thời cơ đến.
  - + Góp sức cùng Đồng minh tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.
  - + Là cuộc diễn tập thứ ba của Đảng và quần chúng cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1945).

## II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

### ➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

**Câu 1:** Căn cứ địa cách mạng đầu tiên của Việt Nam trong giai đoạn 1939 - 1945 là

- A. Bắc Kạn                      B. Bắc Sơn - Võ Nhai                      C. Thái Nguyên                      D. Tuyên Quang

**Câu 2:** Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập (tháng 12/1944) theo chỉ thị của

- A. Hồ Chí Minh                      B. Võ Nguyên Giáp                      C. Phạm Văn Đồng                      D. Văn Tiến Dũng

**Câu 3:** Sau khi về nước (năm 1941), lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập và chủ trì hội nghị nào?

- A. Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản  
B. Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng  
C. Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng  
D. Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kì

**Câu 4:** Mục tiêu số một của cách mạng Việt Nam được đề ra trong Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 5/1941) là

- A. giải phóng dân tộc                      B. cách mạng ruộng đất  
C. phát động Tổng khởi nghĩa                      D. thành lập Chính phủ nhân dân

**Câu 5:** Trong Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng (12/3/1945) đã nhận định kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương là

- A. đế quốc Pháp - Nhật                      B. thực dân Pháp  
C. đế quốc Mĩ                      D. phát xít Nhật

**Câu 6:** Sau khi về nước năm 1941, Nguyễn Ái Quốc đã chọn nơi nào để xây dựng căn cứ địa cách mạng?

- A. Tuyên Quang                      B. Thái Nguyên                      C. Cao Bằng                      D. Lạng Sơn

**Câu 7:** Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 5/1941) đã chủ trương thành lập ở Việt Nam

- A. Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương  
B. Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương  
C. Mặt trận Thống nhất dân chủ Đông Dương  
D. Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh

**Câu 8:** Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (5 - 1941) đã xác định kẻ thù của nhân dân Việt Nam là

- A. thực dân Anh và tay sai                      B. đế quốc Nhật và tay sai  
C. đế quốc Pháp - Nhật                      D. thực dân Pháp và tay sai

**Câu 9:** Sau hội nghị nào của Đảng, công tác chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền được tiến hành gấp rút?

- A. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 11/1939)  
B. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 5/1941)  
C. Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (tháng 2/1943).  
D. Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (tháng 3/1945).

**Câu 10:** Sự kiện nào của lịch sử thế giới trong giai đoạn 1939 - 1945 có tác động trực tiếp đến bước chuyển hướng đấu tranh quan trọng của Đảng Cộng sản Đông Dương?

- A. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ
- B. Đức tấn công Pháp, Chính phủ Pháp đầu hàng
- C. Nhật xâm lược Trung Quốc và Đông Dương
- D. Mĩ tham gia chiến tranh chống phát xít

**Câu 11:** Tổ chức chính trị nào là thành viên của Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh?

- A. Việt Nam Quốc dân đảng
- B. Đảng Dân chủ Việt Nam
- C. Đảng Thanh niên
- D. Đảng Cộng sản Việt Nam

**Câu 12:** Hình thức mặt trận nào được thành lập theo quyết định của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 11/1939)?

- A. Mặt trận Thống nhất dân tộc Phản đế Đông Dương
- B. Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương
- C. Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh
- D. Mặt trận Thống nhất dân chủ Đông Dương

**Câu 13:** Xác định hình thái khởi nghĩa là đi từ khởi nghĩa từng phần đến Tổng khởi nghĩa được đề ra trong

- A. Ban Thường vụ Trung ương Đảng (tháng 3/1945).
- B. Be Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 11/1939)
- C. Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (tháng 2/1943).
- D. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 5/1941).

**Câu 14:** Nội dung nào không phải là nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 5/1941)?

- A. Tiếp tục tạm gác nhiệm vụ cách mạng ruộng đất.
- B. Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là giải phóng dân tộc.
- C. Giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương.
- D. Thành lập Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

**Câu 15:** Sự kiện Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945), chứng tỏ ở Đông Dương

- A. có sự khủng hoảng chính trị sâu sắc
- B. thời cơ Tổng khởi nghĩa đã chín muồi
- C. Pháp - Nhật đã suy yếu trầm trọng
- D. nhiệm vụ dân tộc đã hoàn thành

**Câu 16:** Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương vì

- A. thực dân Pháp đã suy yếu
- B. mâu thuẫn Nhật - Pháp trở nên gay gắt
- C. Nhật hoàng đã đầu hàng Đồng minh
- D. Đồng minh vào Đông Dương giải giáp phát xít

Nhật

**Câu 17:** Nội dung nào không phải là nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 11/1939)?

- A. Tạm gác nhiệm vụ cách mạng ruộng đất
- B. Đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu
- C. Xác định phát xít Nhật là kẻ thù chính của dân tộc
- D. Thành lập Mặt trận Thống nhất dân tộc Phản đế Đông Dương.



**Câu 18:** Từ ngày 14 đến ngày 15/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Tân Trào đã

- A. thành lập ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc
- B. tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng
- C. chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước
- D. thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa

**Câu 19:** Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (tháng 5/1941) xác định cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở nước ta theo hình thái

- A. chuyển giữ gìn lực lượng sang thế tiến công
- B. đi từ khởi nghĩa từng phần lên tổng khởi nghĩa
- C. từ khởi nghĩa vũ trang đến chiến tranh cách mạng
- D. dùng bạo lực chính trị của quần chúng để đánh bại kẻ thù

**Câu 20:** Việt Nam Giải phóng quân được thành lập trên cơ sở hợp nhất các tổ chức nào?

- A. Cứu quốc quân với du kích Ba Tơ
- B. Các Trung đội cứu quốc quân I, II, III
- C. Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân với Cứu quốc quân.
- D. Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân với đội tự vệ Cao Bằng

**Câu 21:** Mặt trận dân tộc thống nhất đầu tiên của riêng Việt Nam là

- A. Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương
- B. Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương
- C. Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam
- D. Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh

**Câu 22:** Tổ chức nào được xem là tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam?

- A. Đội du kích Bắc Sơn
- B. Việt Nam Giải phóng quân
- C. Quân đội quốc gia Việt Nam
- D. Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân

**Câu 23:** Các Hội Cứu quốc của Mặt trận Việt Minh được bắt đầu xây dựng từ vùng

- A. trung du
- B. đồng bằng
- C. miền núi
- D. miền xuôi

**Câu 24:** Khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật” thay cho khẩu hiệu “Đánh đuổi Pháp - Nhật” được thông qua tại

- A. Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (tháng 3/1945).
- B. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 5/1941).
- C. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 11/1939).
- D. Hội nghị toàn quốc của Đảng (tháng 8/1945).

**Câu 25:** Sự chuyển hướng đấu tranh được đề ra tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 11/1939) là

- A. đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng dân tộc
- B. thành lập chính phủ riêng từng nước Đông Dương
- C. chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm
- D. thành lập mặt trận thống nhất riêng từng nước Đông Dương

**Câu 26:** Nội dung nào thể hiện sự hoàn chỉnh chuyển hướng đấu tranh được đề ra tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 5/1941)?

- A. Lập chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa
- B. Tiếp tục tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất
- C. Lập chính quyền Xô viết công nông binh
- D. Thành lập Mặt trận Phản đế Đông Dương

**Câu 27:** Khi Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945), Đảng Cộng sản Đông Dương không chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền vì

- A. quân chúng trong cả nước chưa sẵn sàng hành động
- B. công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa từng phần chưa hoàn thiện
- C. điều kiện khách quan cho khởi nghĩa từng phần chưa chín muồi.
- D. quân Nhật ở Trung Quốc chưa suy yếu, khủng hoảng

**Câu 28:** Sau khi đảo chính Pháp (tháng 3/1945), phát xít Nhật đã

- A. hỗ trợ Việt Nam giành lại nền độc lập
- B. cùng Việt Minh chống quân Đồng minh
- C. đưa Trần Trọng Kim lên làm “Quốc trưởng”.
- D. tuyên bố giúp Đông Dương xây dựng nền độc lập.

**Câu 29:** Cuộc khởi nghĩa từng phần (từ tháng 3 đến giữa tháng 8/1945) của cách mạng Việt Nam còn được gọi là

- A. cao trào kháng Nhật cứu nước
- B. cao trào đánh đuổi phát xít Nhật
- C. phong trào chống Nhật cứu nước
- D. phong trào kháng Pháp đuổi Nhật

**Câu 30:** Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương có tầm quan trọng đặc biệt đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 vì

- A. là nhân tố cơ bản dẫn tới thắng lợi của cách mạng
- B. giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc
- C. tăng cường khối đoàn kết ba nước Đông Dương
- D. hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng đấu tranh của Đảng.

**Câu 31:** Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 5/1941) chủ trương thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh để

- A. tập hợp các lực lượng yêu nước chống kẻ thù chung
- B. chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền
- C. thành lập mặt trận riêng ở Lào và Campuchia
- D. giải quyết vấn đề dân tộc trong từng nước Đông Dương

**Câu 32:** Để khắc phục điểm hạn chế về nhiệm vụ cách mạng của Luận cương chính trị (tháng 10/1930), trong thời kì 1939 - 1945 Đảng đã chủ trương

- A. đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu
- B. tạm gác khẩu hiệu đánh đuổi Pháp - Nhật
- C. giảm tô, giảm thuế, chia ruộng đất công
- D. lập chính phủ dân chủ cộng hòa

**Câu 33:** Điểm mới của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương 5/1941 so với HỘI nghị tháng 11/1939 là

- A. đề cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc, chống đế quốc và phong kiến
- B. tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, thực hiện giảm tô giảm tức
- C. giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương
- D. thành lập mặt trận thống nhất rộng rãi chống đế quốc và tay sai

**Câu 34:** Tên mặt trận “Việt Nam độc lập đồng minh” thành lập năm 1941 vừa thể hiện nhiệm vụ cách mạng trong nước vừa góp phần thực hiện nhiệm vụ quốc tế vì

- A. tập hợp lực lượng cả dân tộc, thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc
- B. nguyên đứng về phe đồng minh chống phát xít để giành độc lập
- C. tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất để tập trung vào vấn đề dân tộc
- D. giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương

**Câu 35:** Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương vào ngày 9/3/1945 là do

- A. Pháp không tuân thủ các điều khoản đã kí kết với Nhật
- B. Pháp ráo riết hoạt động, chờ thời cơ phản công Nhật
- C. Nhật bị Đồng minh đánh bại nên trả thù thực dân Pháp
- D. Nhật đang giành thắng lợi ở châu Á - Thái Bình Dương

**Câu 36:** Thông qua sự kiện nào trong cao trào kháng Nhật cứu nước, quần chúng nhân dân được tập dượt đấu tranh toàn diện nhất?

- A. Khởi nghĩa từng phần ở căn cứ Cao - Bắc - Lạng
- B. Phong trào “Phá kho thóc, giải quyết nạn đói”.
- C. Khởi nghĩa giành chính quyền ở Ba Tơ (Quảng Ngãi)
- D. Thống nhất các lực lượng vũ trang trong cả nước

**Câu 37:** Mối quan hệ giữa khẩu hiệu “Độc lập dân tộc” và “Ruộng đất dân cày” được giải quyết như thế nào trong thời kì 1939 - 1945?

- A. Ruộng đất dân cày đặt lên hàng đầu
- B. Tạm gác khẩu hiệu độc lập dân tộc
- C. Tiếp tục thực hiện hai khẩu hiệu
- D. Tạm gác cách mạng ruộng đất

**Câu 38:** Hội nghị nào của Đảng ngay từ đầu đã giải quyết đúng vấn đề dân tộc?

- A. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 5/1941)
- B. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 1/1930).
- C. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 11/1939).
- D. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương (tháng 10/1930).

**Câu 39:** Nội dung nào không phải là lí do Đảng cộng sản Đông Dương không chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa sau khi Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945)?

- A. Lực lượng của Pháp ở Đông Dương còn mạnh
- B. Tầng lớp trung gian còn ảo tưởng vào Nhật
- C. Cơ sở Đảng ở các địa phương chưa sẵn sàng
- D. Lực lượng của Nhật chưa hoàn toàn suy yếu

**Câu 40:** Công cuộc chuẩn bị toàn diện cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam được hoàn thành

- A. sau Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (tháng 2/1943)
- B. trong cao trào kháng Nhật cứu nước (tháng 3 đến giữa 8 -1945).
- C. trước Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 5/1941)
- D. trước Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ (tháng 4/1945)

**Câu 41:** Nghị quyết của Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ (tháng 4/1945) ở Việt Nam được triển khai trong thực tiễn qua sự kiện

- A. Việt Nam Giải phóng quân ra đời (15/5/1945).
- B. Đại hội Quốc dân được triệu tập (16 - 17/8/1945)
- C. “Quân lệnh số 1 ” được ban bố (13/8/1945).
- D. Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân thành lập

**Câu 42:** Điểm tương đồng của phong trào cách mạng 1930 - 1931 và cao trào kháng Nhật cứu nước (từ tháng 3 đến giữa tháng 8/1945) ở Việt Nam là

- A. sử dụng các hình thức đấu tranh phong phú, quyết liệt
- B. để lại bài học về xây dựng khối liên minh công nông
- C. góp sức cùng đồng minh tiêu diệt chủ nghĩa phát xít
- D. tạo ra những điều kiện chủ quan cho Tổng khởi nghĩa

**Câu 43:** Điểm tương đồng của phong trào cách mạng 1930 - 1931 và cao trào kháng Nhật cứu nước (từ tháng 3 đến giữa tháng 8/1945) ở Việt Nam là

- A. cuộc tập dượt cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945
- B. để lại bài học về xây dựng khối liên minh công nông
- C. đề ra những mục tiêu và hình thức đấu tranh mới
- D. tạo ra những điều kiện chủ quan cho Tổng khởi nghĩa

**Câu 44:** Điểm tương đồng và cũng là quyết định quan trọng nhất của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 11/1939 và tháng 5/1941 là

- A. thay đổi hình thức mặt trận dân tộc thống nhất
- B. thành lập Chính phủ dân chủ cộng hòa
- C. tạm gác khẩu hiệu “cách mạng ruộng đất”.
- D. đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu

**Câu 45:** Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5/1941) có điểm gì mới so với Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng?

- A. Thành lập Chính phủ dân chủ cộng hòa
- B. Thành lập Chính phủ công nông binh
- C. Thành lập Chính phủ Xô viết công nông binh
- D. Thành lập Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

**Câu 46:** Cao trào kháng Nhật cứu nước (từ tháng 3 đến giữa tháng 8/1945) và phong trào cách mạng 1930 - 1931 ở Việt Nam có điểm giống nhau là

- A. đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu
- B. chuẩn bị lực lượng cho Cách mạng tháng Tám
- C. hình thành khối liên minh công nông
- D. thúc đẩy thời cơ Tổng khởi nghĩa chín muồi

**Câu 47:** Điểm giống nhau giữa Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (1930) và Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương (tháng 5/1941) là về

- A. xác định nhiệm vụ chiến lược
- B. hình thức chính quyền
- C. khái niệm cách mạng ở thuộc địa
- D. hình thức tập hợp lực lượng

**Câu 48:** Hội nghị đầu tiên xác định lại nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam theo đúng tinh thần của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (1930) là

- A. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 7/1936).
- B. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 11/1939)
- C. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 11/1940).
- D. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 5/1941).

**Câu 49:** Nghị quyết của hai Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 11/1939) và (tháng 5/1941) có điểm giống nhau về

- A. xác định kẻ thù.
- B. hình thức mặt trận
- C. nhiệm vụ cách mạng
- D. hình thái cách mạng

**Câu 50:** Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (tháng 3/1945) xác định điều kiện cho Tổng khởi nghĩa chưa chín muồi vì

- A. kẻ thù của cách mạng đã gục ngã nhưng thời cơ cách mạng chưa xuất hiện
- B. ngoại trừ căn cứ địa, các khu vực khác còn lại trên cả nước chưa sẵn sàng
- C. tầng lớp trung gian đã ngã về phía cách mạng nhưng Đảng chưa sẵn sàng
- D. công tác chuẩn bị đã hoàn tất nhưng quần chúng nhân dân chưa sẵn sàng

➤ ĐÁP ÁN

1-B	2-A	3-B	4-A	5-D	6-C	7-D	8-C	9-C	10-A
11-B	12-A	13-D	14-D	15-A	16-B	17-C	18-D	19-B	20-C
21-D	22-D	23-C	24-A	25-A	26-A	27-A	28-D	29-A	30-D
31-D	32-A	33-C	34-B	35-B	36-B	37-D	38-B	39-A	40-B
41-A	42-A	43-A	44-D	45-D	46-B	47-A	48-A	49-C	50-B

## **CHỦ ĐỀ 9: TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM VÀ SỰ THÀNH LẬP NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA**

### **Mục tiêu**

#### **❖ Kiến thức**

- + Trình bày được hoàn cảnh lịch sử, chủ trương của Đảng, diễn biến của Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.
- + Hiểu được sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; nội dung cơ bản của Tuyên ngôn Độc lập (2/9/1945).
- + Phân tích, đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- + Phân tích được ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám.

#### **❖ Kỹ năng**

- + Hệ thống được kiến thức về Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.
- + Phân tích, nhận xét, đánh giá,... các sự kiện, nhân vật lịch sử.

---

## I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

### TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM

#### 1. Hoàn cảnh lịch sử

- ❖ Thế giới: Đến đầu tháng 8/1945 Chiến tranh thế giới thứ hai đang đi tới những ngày cuối.
    - + Châu Âu: Đức đã đầu hàng Đồng minh từ tháng 5/1945.
    - + Châu Á - Thái Bình Dương:
      - Mỹ ném bom nguyên tử xuống Hirôshima và Nagasaki (ngày 6 và 9/8/1945).
      - Liên Xô tấn công đội quân Quan Đông của Nhật Bản ở Đông Bắc Trung Quốc.
    - 15/8/1945: Nhật đầu hàng Đồng minh → Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.
  - ❖ Việt nam:
    - + Quân Nhật ở Đông Dương rệu rã, chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang.
    - điều kiện khách quan thuận lợi cho tổng khởi nghĩa đã xuất hiện.
    - + Toàn Đảng, toàn dân đã sẵn sàng hành động.
      - Đảng đã chuẩn bị đầy đủ về đường lối, phương pháp.
      - Lực lượng cách mạng được xây dựng và rèn luyện qua thực tiễn đấu tranh.
    - + Lực lượng trung gian đã ngả hẳn về phía cách mạng.
    - + Quân Đồng minh vẫn chưa kịp vào Đông Dương giải giáp quân đội Nhật.
- ⇒ **Thời cơ cách mạng đã chín muồi.**

#### 2. Chủ trương của Đảng

- + Ngày 13/8/1945:
  - Thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc;
  - Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ban bố “Quân lệnh số 1”, chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.
- + Ngày 14 – 15/8/1945: Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (Tuyên Quang):
  - Thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa.
  - Quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính quyền.
- + Ngày 16 – 17/8/1945: Đại hội Quốc dân được triệu tập ở Tân Trào:
  - Tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng.
  - Thông qua 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh
  - Cử ra Ủy ban Dân tộc giải phóng do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch

#### 3. Diễn biến chính

- + Ngày 13/8/1945: Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ban bố “Quân lệnh số 1”, chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.
- + Ngày 14/8/1945: Một số cấp bộ Đảng và Việt Minh đã phát động nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền.

- 
- + Ngày 18/8/1945: Bốn tỉnh giành được chính quyền sớm nhất cả nước là Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.
  - + Ngày 19/8/1945: Hà Nội giành được chính quyền.
  - + Ngày 23/8/1945: Khởi nghĩa giành chính quyền ở Huế thành công.
  - + Ngày 25/8/1945: Sài Gòn giành được chính quyền.
  - + Ngày 28/8/1945: Hai địa phương giành được chính quyền muộn nhất là Hà Tiên và Đồng Nai Thượng. Cách mạng tháng Tám thành công trên cả nước.
  - + Ngày 30/8/1945: Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.
  - + Ngày 2/9/1945: Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- ⇒ Kết quả:
- Đưa đến sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
  - Lật đổ chế độ phong kiến.
  - Lật đổ ách thống trị của phát xít Nhật, giành lại độc lập dân tộc.

## **SỰ RA ĐỜI CỦA NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA – TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP**

### ***Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời***

- + Ngày 13/8/1945: Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.
- + Ngày 25/8/1945: Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng, Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam từ Tân Trào về đến Hà Nội.
- + Ngày 28/8/1945: Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- + Ngày 02/9/1945: Tại Quảng trường Ba Đình, Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

### ***Nội dung cơ bản của Tuyên ngôn Độc lập***

- Khẳng định độc lập tự do là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm mà mọi dân tộc phải được hưởng.
- Vạch trần tội ác của thực dân Pháp và phát xít Nhật.
- Tuyên bố với thế giới về nền độc lập của dân tộc Việt Nam và khẳng định quyết tâm giữ vững nền độc lập đó.

### ***Ý nghĩa:***

- Tuyên ngôn độc lập là văn bản hợp thức hóa thành quả của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- Tạo ra tư cách pháp lý để Chính phủ lâm thời có thể “đón tiếp” quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật.

## **VAI TRÒ CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC – HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945**



### 1. Hoàn chỉnh đường lối chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng.

- + Sau khi về nước, tháng 5/1941, Nguyễn Ái Quốc chủ động triệu tập, chủ trì Hội nghị lần 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Cao Bằng.
- + Hội nghị đã hoàn chỉnh chủ trương của Hội nghị tháng 11/1939, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.
- + Có tác dụng động viên toàn dân tích cực chuẩn bị lực lượng tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.

### 2. Chuẩn bị lực lượng cho Cách mạng tháng Tám năm 1945.

- + Lực lượng chính trị: Thành lập Mặt trận Việt Minh → xây dựng khối đoàn kết dân tộc, rèn luyện quân chúng qua thực tiễn đấu tranh → cô lập, phân hóa kẻ thù.
- + Lực lượng vũ trang: Thành lập các đội du kích, tự vệ, rèn luyện qua các phong trào đấu tranh.
- + Căn cứ địa cách mạng: Xây dựng căn cứ địa ở Cao Bằng; thành lập Khu giải phóng Việt Bắc làm nơi đứng chân, phát triển lực lượng cách mạng.

### 3. Cùng với Trung ương Đảng, Tổng bộ Việt Minh tích cực dự đoán thời cơ, phát động, lãnh đạo Tổng khởi nghĩa.

- + Từ cuối năm 1944, Hồ Chí Minh đã tích cực dự đoán thời cơ, thúc đẩy quá trình chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang.
- + Khi thời cơ chín muồi, 13/8/1945, Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng, Tổng bộ Việt Minh phát động Tổng khởi nghĩa.
- + Từ ngày 14 - 28/8/1945, Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng, Tổng bộ Việt Minh lãnh đạo nhân dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi trên cả nước.

### 4. Đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- + Hồ Chí Minh đề nghị cải tổ Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam thành Chính phủ lâm thời.
- + Hồ Chí Minh soạn thảo và đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- + Hợp thức hóa thành quả của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

## Ý NGHĨA LỊCH SỬ, NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI, BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

### 1. Ý nghĩa lịch sử

- ❖ Đối với Việt Nam:
  - + Lật đổ ách thống trị của Pháp, Nhật; lật đổ chế độ phong kiến
  - + Đưa tới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
  - + Việt Nam từ một nước thuộc địa nửa phong kiến trở thành nước độc lập.
  - + Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ.
  - + Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành đảng cầm quyền, chuẩn bị điều kiện tiên quyết cho những thắng lợi tiếp theo.

❖ Đối với thế giới:

- + Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
- + Chọc thủng khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền chủ nghĩa đế quốc, góp phần làm suy yếu chúng.
- + Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, đặc biệt là Miên và Lào.

## 2. Nguyên nhân thắng lợi

❖ Nguyên nhân chủ quan

- + Do truyền thống yêu nước, đấu tranh chống ngoại xâm của nhân dân Việt Nam.
- + Sự lãnh đạo sáng suốt tài tình của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- + Đảng đã có quá trình chuẩn bị chu đáo cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám trong suốt 15 năm.
- + Sự nhất trí, đồng lòng của toàn dân; sự chỉ đạo sáng tạo, linh hoạt của các cấp bộ Đảng, Việt Minh để chớp thời cơ giành chính quyền.

❖ Nguyên nhân khách quan

- + Thắng lợi của quân Đồng minh trong cuộc chiến chống chủ nghĩa phát xít.

## 3. Bài học kinh nghiệm

- + Chỉ đạo chiến lược: Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam, căn cứ vào tình hình cụ thể để thay đổi chủ trương phù hợp.
- + Xây dựng lực lượng: Tập hợp, tổ chức, đoàn kết lực lượng cách mạng trong một mặt trận dân tộc thống nhất.
- + Phương pháp cách mạng: Sử dụng bạo lực cách mạng, đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa ở cả nông thôn và thành thị.
- + Xây dựng Đảng: Kết hợp giữa tổ chức và đấu tranh, làm cho Đảng vững mạnh đủ năng lực và uy tín lãnh đạo cách mạng.

## II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

**Câu 1.** Ngày 13/8/1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc công bố bản “Quân lệnh số 1” đã

- A. chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.
- B. làm sụp đổ hoàn toàn chế độ phong kiến Việt Nam.
- C. buộc phát xít Nhật hạ vũ khí đầu hàng ở Đông Dương.
- D. mở đầu phong trào “phá kho thóc giải quyết nạn đói”.

**Câu 2.** Từ ngày 14 đến ngày 15/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Tân Trào đã

- A. chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.
- B. thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa.
- C. tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng.

**D.** thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc.

**Câu 3.** Từ ngày 16 đến ngày 17/8/1945, Đại hội Quốc dân được triệu tập ở Tân Trào đã

- A.** chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.
- B.** thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa.
- C.** nhất trí tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng.
- D.** thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc.

**Câu 4.** Hội nghị toàn quốc của Đảng (tháng 8/1945) ở Tân Trào (Tuyên Quang) đã

- A.** quyết định những vấn đề về đối nội, đối ngoại.
- B.** tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng.
- C.** cử ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam.
- D.** chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

**Câu 5.** Đại hội Quốc dân Tân Trào (tháng 8/1945) đã

- A.** thông qua 10 chính sách của Việt Minh.
- B.** chính thức phát lệnh tổng khởi nghĩa trong cả nước.
- C.** thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa.
- D.** quyết định những vấn đề về chính sách đối nội, đối ngoại.

**Câu 6.** Giành chính quyền cấp tỉnh sớm nhất trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 là

- A.** Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Hà Nội.
- B.** Hải Dương, Hà Tĩnh, Bắc Giang, Quảng Ninh.
- C.** Hưng Yên, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.
- D.** Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

**Câu 7.** Những tỉnh giành chính quyền cuối cùng trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là

- A.** Phú Thọ và Hà Tiên.
- B.** Hà Tiên và Đồng Nai Thượng.
- C.** Nghệ An và Hà Tĩnh.
- D.** Hà Tiên và Châu Đốc.

**Câu 8.** Chiều ngày 16/8/1945, đội Việt Nam Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy tiến về giải phóng thị xã

- A.** Cao Bằng.
- B.** Phú Thọ.
- C.** Thái Nguyên.
- D.** Vĩnh Yên.

**Câu 9.** Nội dung nào không phải là ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám 1945 ở Việt Nam?

- A.** Mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc Việt Nam.
- B.** Buộc Pháp công nhận các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.
- C.** Góp phần chiến thắng phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
- D.** Mở đầu kỉ nguyên mới của dân tộc: kỉ nguyên độc lập, tự do.

**Câu 10.** Thời cơ khách quan nào dẫn đến Cách mạng tháng Tám 1945 ở Việt Nam thắng lợi nhanh chóng?

- A.** Có khối liên minh công - nông vững chắc.
- B.** Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.
- C.** Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước.
- D.** Liên Xô và Đồng minh đánh bại phát xít Nhật.

**Câu 11.** Quân lệnh số 1 của Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc Việt Nam có viết: “Hỡi quốc dân đồng bào! ...Phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng minh, quân Nhật đã bị tan rã tại khắp các mặt trận, kẻ thù chúng ta đã ngã gục ...”. Đoạn trích trên cho biết

- A. thời cơ cách mạng đã chín muồi.
- B. thời cơ cách mạng đang đến gần.
- C. thời kì tiền khởi nghĩa đã bắt đầu.
- D. Cách mạng tháng Tám đã thành công.

**Câu 12.** Nội dung nào không phải là ý nghĩa của khởi nghĩa từng phần từ tháng 3 đến tháng 8/1945?

- A. Phát huy sức mạnh từng nước Đông Dương.
- B. Thúc đẩy thời cơ Tổng khởi nghĩa xuất hiện.
- C. Tăng thêm thế và lực cho tổng khởi nghĩa.
- D. Góp phần làm cho kẻ thù bị suy yếu.

**Câu 13.** Nhận xét nào không đúng về Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Diễn ra với sự kết hợp lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang.
- B. Diễn ra nhanh, gọn, ít đổ máu, bằng phương pháp hòa bình.
- C. Diễn ra với sự kết hợp khởi nghĩa ở cả nông thôn và thành thị.
- D. Đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa.

**Câu 14.** Lệnh tổng khởi nghĩa trong cả nước được ban bố trong hoàn cảnh

- A. Nhật sắp đầu hàng quân Đồng minh.
- B. Nhật đã đầu hàng quân Đồng minh.
- C. Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương.
- D. Đồng minh đã vào giải giáp quân Nhật.

**Câu 15.** Sau ngày 9/3/1945, kẻ thù của nhân dân Việt Nam là

- A. thực dân Pháp, phát xít Nhật.
- B. thực dân Pháp và tay sai của Pháp.
- C. phát xít Nhật và tay sai của Nhật.
- D. chủ nghĩa đế quốc và phát xít.

**Câu 16.** Năm 1943, Ủy ban Việt Minh liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng lập ra 19 ban “Xung phong Nam tiến” để

- A. liên lạc với căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai.
- B. chuẩn bị thành lập Khu giải phóng Việt Bắc.
- C. lùng bắt những tên tay sai, thực dân đầu sỏ.
- D. tấn công quân sự vào các đồn bốt của Pháp.

**Câu 17.** Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam nổ ra và giành thắng lợi nhanh chóng, ít đổ máu là do có

- A. điều kiện khách quan và chủ quan thuận lợi.
- B. toàn dân sẵn sàng tiến lên Tổng khởi nghĩa.
- C. Đảng Lao động và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo.
- D. sự ủng hộ của nhân dân các nước XHCN.

**Câu 18.** Hồ Chí Minh viết: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do độc lập và sự thật đã trở thành một nước tự do và độc lập...”. Đoạn trích trên được đề cập ở văn kiện nào?

- A. Đường Kách mệnh.
- B. Tuyên ngôn Độc lập.
- C. Bản án chế độ thực dân Pháp.
- D. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

**Câu 19.** Nội dung nào phản ánh không chính xác tính chất dân chủ của Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Xóa bỏ chế độ sở hữu ruộng đất của địa chủ.
- B. Đem lại các quyền tự do dân chủ cho nhân dân.

C. Xóa bỏ chế độ phong kiến tồn tại hàng nghìn năm.

D. Góp phần vào thắng lợi của phe dân chủ chống phát xít.

**Câu 20.** Lực lượng vũ trang có vai trò như thế nào trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

A. Nòng cốt, quyết định thắng lợi.

B. Đông đảo, quyết định thắng lợi.

C. Xung kích, hỗ trợ lực lượng chính trị.

D. Quan trọng nhất đưa đến thắng lợi.

**Câu 21.** Nhận xét nào không chính xác về Cách mạng tháng Tám năm 1945 của Việt Nam?

A. Đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa.

B. Có sự kết hợp giữa chuẩn bị lâu dài và chớp thời cơ nhanh chóng.

C. Là cuộc cách mạng bạo lực, trong đó chủ yếu là bạo lực vũ trang.

D. Là cuộc cách mạng bạo lực, trong đó chủ yếu là bạo lực chính trị.

**Câu 22.** Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện (15/8/1945) đã tác động như thế nào đến cách mạng Việt Nam?

A. Tạo điều kiện cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta.

B. Thời cơ cách mạng chín muồi, lệnh Tổng khởi nghĩa được ban bố.

C. Bắt đầu tạo ra sự khủng hoảng về chính trị trong hàng ngũ kẻ thù.

D. Làm cho dấu hiệu của thời cơ cách mạng bắt đầu xuất hiện.

**Câu 23.** Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương phát động toàn dân nổi dậy khởi nghĩa ở cả nông thôn và thành thị vì

A. học tập kinh nghiệm của Cách mạng Trung Quốc.

B. học tập kinh nghiệm của Cách mạng tháng Mười Nga.

C. lực lượng cơ bản của cách mạng là công nhân và nông dân.

D. lực lượng cách mạng được xây dựng trên cả hai địa bàn.

**Câu 24.** Đóng vai trò nòng cốt, xung kích trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là

A. lực lượng chính trị.    B. lực lượng vũ trang.

C. lực lượng trung gian.    D. lực lượng dân nghèo.

**Câu 25.** Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam mang tính chất điển hình là

A. XHCN.

B. giải phóng dân tộc.

C. dân chủ nhân dân.

D. dân chủ tư sản.

**Câu 26.** Vào thời gian nào Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành Đảng cầm quyền ở Việt Nam?

A. Đảng Cộng sản ra đời đầu năm 1930.

B. Cách mạng tháng Tám thành công (1945).

C. Nguyễn Ái Quốc về nước lãnh đạo cách mạng (1941).

D. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc (1954).

**Câu 27.** Sự phát triển của lực lượng chính trị trong thời kì vận động trực tiếp cho Cách mạng tháng Tám năm 1945 có đặc điểm

A. kết hợp giữa nông thôn với thành thị.

B. kết hợp giữa miền núi và miền xuôi.

C. từ miền núi phát triển xuống miền xuôi.

D. từ miền xuôi phát triển lên miền núi.

**Câu 28.** Năm 1945, khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn đã tác động quyết định đến các địa phương trong cả nước vì

A. làm xuất hiện thời cơ “ngàn năm có một”.

B. lực lượng trung gian ngã hẳn về phía cách mạng.

C. công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang đã hoàn thành.

D. cơ quan đầu não của kẻ thù đã bị cách mạng đánh chiếm.

**Câu 29.** Bài học rút ra từ sự thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đối với phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á là gì?

A. Có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

B. Chớp thời cơ phát lệnh khởi nghĩa.

C. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin.

D. Có quá trình chuẩn bị chu đáo, kĩ lưỡng, chớp thời cơ.

**Câu 30.** Có ý kiến cho rằng “Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thắng lợi là một sự ան may”. Đó là ý kiến

A. đúng, vì lúc này kẻ thù của Việt Nam là Nhật đã đầu hàng.

B. sai, vì chỉ có Việt Nam tiến hành cách mạng thành công.

C. đúng, vì Việt Nam đã nhận được sự giúp đỡ của phe Đồng minh.

D. sai, vì ngoài yếu tố khách quan thuận lợi, cần có yếu tố chủ quan.

**Câu 31.** Nhận xét nào không đúng về cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

A. Lực lượng chính trị giữ vai trò quyết định trực tiếp.

B. Đây là cuộc cách mạng có tính chất dân tộc điển hình.

C. Đây là cuộc cách mạng được chuẩn bị chu đáo.

D. Diễn ra trong điều kiện kẻ thù đã trao trả độc lập.

**Câu 32.** Thực tiễn về mối quan hệ giữa những điều kiện bùng nổ cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 cho thấy biện pháp quyết định để Việt Nam hội nhập quốc tế thành công là phải

A. coi trọng quốc phòng, an ninh, chủ động đối phó trong mọi hoàn cảnh.

B. xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng cuộc cách mạng 4.0.

C. coi trọng phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc.

D. coi những điều kiện chủ quan luôn giữ vai trò quyết định.

**Câu 33.** Bài học kinh nghiệm nào của Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 được Đảng ta tiếp tục vận dụng trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm phát huy sức mạnh của dân tộc?

A. Linh hoạt kết hợp các hình thức đấu tranh.

B. Tập hợp, tổ chức các lực lượng yêu nước.

C. Kết hợp giữa đấu tranh với xây dựng.

D. Có đường lối đúng đắn, phù hợp.

**Câu 34.** Điểm giống nhau giữa Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam và cuộc nội chiến (1946 - 1949) ở Trung Quốc là đều

- A. thiết lập một tổ chức nhà nước mới theo chính thể cộng hòa.
- B. lật đổ chế độ phong kiến, đưa nhân dân lên nắm chính quyền.
- C. xóa bỏ ách cai trị trực tiếp của chủ nghĩa thực dân, đế quốc.
- D. góp phần vào thắng lợi chung của phe đồng minh chống phát xít.

**Câu 35.** Điểm tương đồng của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam năm 1945 là

- A. đều lật đổ chế độ phong kiến.
- B. cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.
- C. lật đổ ách thống trị của đế quốc, phát xít.
- D. mở ra kỉ nguyên độc lập, đi lên CNXH.

**Câu 36.** Nội dung nào không phản ánh đúng nét tương đồng của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam năm 1945?

- A. Cách mạng XHCN đầu tiên ở một nước thuộc địa.
- B. Lãnh đạo cách mạng là Đảng của giai cấp vô sản.
- C. Khởi nghĩa diễn ra cả ở thành thị và nông thôn.
- D. Sử dụng hình thức đấu tranh vũ trang.

**Câu 37.** Tiền thân của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là

- A. Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam.
- B. Ủy ban Quân sự cách mạng Bắc Kỳ.
- C. Ủy ban kháng chiến hành chính.
- D. Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc.

**Câu 38.** Một trong những đặc điểm của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là

- A. đi từ du kích chiến là chính, tiến lên vận động chiến.
- B. kết hợp đấu tranh trên ba mặt trận quân sự - chính trị - ngoại giao.
- C. đấu tranh giành chính quyền ở thành thị trước rồi tỏa về nông thôn.
- D. sử dụng bạo lực chính trị là chủ yếu, kết hợp lực lượng vũ trang.

**Câu 39.** Một bài học lớn của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, trong đó đặt lên hàng đầu là

- A. giải phóng dân tộc.
- B. giải phóng giai cấp.
- C. chống phong kiến.
- D. giải phóng xã hội.

**Câu 40.** Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành chính quyền trước khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương là để

- A. tránh quân Đồng minh đàn áp cách mạng.
- B. cổ vũ nhân dân thuộc địa chống chủ nghĩa phát xít.
- C. đón tiếp quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật.
- D. giúp đỡ Lào, Campuchia đấu tranh tự giải phóng.

**Câu 41.** Nội dung nào không phải là đặc điểm của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Đập tan hoàn toàn bộ máy chính quyền đế quốc, phong kiến.
- B. Cuộc tổng khởi nghĩa đã huy động được toàn dân tham gia.
- C. Cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền rất nhanh chóng.

**D.** Diễn ra nhanh gọn, ít đổ máu, bằng phương pháp hòa bình.

**Câu 42.** Nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam thời kì 1930 - 1945 là

**A.** đánh đổ các giai cấp bóc lột giành quyền tự do dân chủ.

**B.** đánh đuổi đế quốc xâm lược giành độc lập dân tộc.

**C.** lật đổ chế độ phong kiến giành ruộng đất cho dân cày.

**D.** lật đổ chế độ phản động thuộc địa, cải thiện dân sinh.

**Câu 43.** Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam nổ ra trên phạm vi cả nước là do

**A.** lực lượng cách mạng được Đảng chuẩn bị chu đáo ở cả nông thôn và thành thị.

**B.** quân Đồng minh chuẩn bị vào Đông Dương giải giáp quân Nhật trên cả nước.

**C.** lực lượng trung gian đã ngã hẳn về phía cách mạng trên phạm vi cả nước.

**D.** kẻ thù chính của cách mạng đã đầu hàng trên phạm vi cả nước.

**Câu 44.** Thời cơ của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là “ngàn năm có một” vì

**A.** phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng minh.

**B.** Chiến tranh thế giới thứ hai đã kết thúc.

**C.** quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật.

**D.** chính phủ bù nhìn thân Nhật đã bị tiêu diệt.

**Câu 45.** Trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam khởi nghĩa ở thành thị có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi chung trong cả nước vì đây là nơi

**A.** lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang phát triển mạnh nhất.

**B.** tập trung các trung tâm chính trị - kinh tế của kẻ thù.

**C.** quần chúng nhân dân sẵn sàng đứng dậy làm cách mạng.

**D.** chính quyền bù nhìn thân Nhật và phản động ngoan cố nhất.

**Câu 46.** Thời cơ “ngàn năm có một” của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam tồn tại trong khoảng thời gian từ sau khi

**A.** Nhật đầu hàng Đồng minh đến trước khi Đồng minh vào Đông Dương.

**B.** Nhật đảo chính Pháp độc chiếm Đông Dương và ra sức đàn áp nhân dân.

**C.** Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc ở châu Âu, Đức đầu hàng Đồng minh.

**D.** Phát xít Đức đầu hàng Đồng minh, Nhật ở Đông Dương hoang mang, rệu rã.

**Câu 47.** Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công là kết quả chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương giai đoạn 1939 - 1945 về tiến hành

**A.** cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

**B.** cuộc cách mạng XHCN.

**C.** cuộc cách mạng tư sản dân quyền.

**D.** cuộc cách mạng tư sản kiểu cũ.

**Câu 48.** Hình thức giành chính quyền của Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là

**A.** tiến công kết hợp nổi dậy.

**B.** chính trị kết hợp với vũ trang.

**C.** quân sự kết hợp ngoại giao.

**D.** quân sự kết hợp binh vận.

**Câu 49.** Lực lượng đông đảo nhất, giữ vai trò quyết định thắng lợi của Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là

**A.** lực lượng chính trị.

**B.** lực lượng vũ trang.

**C.** lực lượng quân sự.

**D.** lực lượng tự vệ.



---

**Câu 50.** Nội dung nào không phải là vai trò của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Dự đoán và chớp thời cơ tổng khởi nghĩa.
- B. Chuẩn bị lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng.
- C. Xác định đúng chủ trương, đường lối khởi nghĩa vũ trang.
- D. Mở lớp huấn luyện chính trị, đào tạo cán bộ cho cách mạng.

**ĐÁP ÁN**

1 - A	2 - B	3 - C	4 - A	5 - A	6 - D	7 - B	8 - C	9 - B	10 - D
11 - A	12 - A	13 - B	14 - A	15 - C	16 - A	17 - A	18 - B	19 - A	20 - C
21 - C	22 - B	23 - D	24 - B	25 - B	26 - B	27 - C	28 - D	29 - D	30 - D
31 - D	32 - D	33 - D	34 - A	35 - B	36 - A	37 - A	38 - D	39 - A	40 - C
41 - D	42 - B	43 - A	44 - A	45 - B	46 - A	47 - A	48 - B	49 - A	50 - D

## **CHỦ ĐỀ 10: CUỘC ĐẤU TRANH XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN**

### **Mục tiêu**

#### **❖ Kiến thức**

- + Trình bày được những thuận lợi, khó khăn của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau Cách mạng tháng Tám.
- + Khái quát được những biện pháp xây dựng chính quyền cách mạng, diệt trừ nạn đói, nạn dốt, giải quyết khó khăn về tài chính; cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, nội phản, bảo vệ chính quyền cách mạng.

#### **❖ Kỹ năng**

- + Hệ thống hóa kiến thức, khái quát, phân tích các sự kiện lịch sử.
- + Kỹ năng ghi nhớ, nhận xét, đánh giá và liên hệ.

---

## I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

### TÌNH HÌNH VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1945)

- ◆ Sau Cách mạng tháng Tám, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có được những thuận lợi cơ bản, song cũng phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, thách thức.
- ◆ Khi và chỉ khi giải quyết được những khó khăn, thách thức thành quả của Cách mạng tháng Tám mới được giữ vững và phát huy.

#### 1. THUẬN LỢI

##### + Trong nước

- Đảng và nhân dân Việt Nam có bộ máy chính quyền nhà nước làm công cụ để xây dựng và bảo vệ đất nước.
- Nhân dân Việt Nam có truyền thống yêu nước, được hưởng những thành quả cách mạng, nên có quyết tâm bảo vệ chế độ mới.
- Cách mạng Việt Nam có Đảng - đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng suốt lãnh đạo.

##### + Thế giới

- Hệ thống xã hội chủ nghĩa đang hình thành.
- Phong trào cách mạng thế giới dâng cao.
  - + Phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của các nước thuộc địa và phụ thuộc phát triển mạnh mẽ.
  - + Phong trào đấu tranh vì hòa bình và dân chủ phát triển ở nhiều nước tư bản.
- Các nước tư bản, đế quốc tham chiến bị thiệt hại nặng nề (trừ Mĩ) —> thế và lực của hệ thống tư bản chủ nghĩa bị suy yếu.

#### 2. KHÓ KHĂN

##### + Trong nước

- Chính quyền cách mạng còn non trẻ.
- Cách mạng Việt Nam ở trong tình thế bị bao vây, cô lập.
- Giặc ngoại xâm và nội phản.
  - + Phía bắc vĩ tuyến 16:
    - ◆ 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc kéo vào Việt Nam.
    - ◆ Theo sau Trung Hoa Dân quốc là các tổ chức tay sai (Việt Quốc, Việt Cách,...)
  - + Phía nam vĩ tuyến 16, Anh tạo điều kiện cho Pháp quay lại tái chiếm Việt Nam.
  - + Trên cả nước còn khoảng 6 vạn quân Nhật chờ giải giáp.
- Di hại nặng nề của chế độ cũ.
  - + Kinh tế nghèo nàn, lạc hậu; nạn đói chưa được khắc phục, ngân sách trống rỗng...
  - + Hơn 90% dân số mù chữ, trong xã hội tồn tại phổ biến các tệ nạn, hủ tục lạc hậu.

##### + Thế giới

- Quan hệ đồng minh giữa Mĩ - Liên Xô rạn nứt —> quan hệ quốc tế chuyển biến phức tạp.

---

- Mĩ ra sức triển khai chiến lược toàn cầu với mục tiêu: chống phá, tiến tới xóa bỏ CNXH; đàn áp phong trào cách mạng thế giới.

## **BUƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, GIẢI QUYẾT NẠN ĐÓI, NẠN ĐÓT, KHÓ KHĂN VỀ TÀI CHÍNH**

### **1. XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG**

#### **a) BIỆN PHÁP**

- Tổ chức Tổng tuyển cử bầu Quốc hội trong cả nước (1/6/1946) —> hơn 90% cử tri đi bỏ phiếu, bầu 333 đại biểu vào Quốc hội đầu tiên.
- Bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp tại các địa phương ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.
- Ngày 2/3/1946, Quốc hội khóa I họp phiên đầu tiên: thông qua danh sách Chính phủ liên hiệp kháng chiến, lập ra ban dự thảo Hiến pháp.
- Ngày 9/11/1946, Hiến pháp được Quốc hội thông qua.
- Quân đội quốc gia Việt Nam ra đời (tháng 5/1946). Lực lượng dân quân tự vệ được củng cố và phát triển.

#### **b) Ý NGHĨA**

- Bộ máy chính quyền của Nhà nước được kiện toàn, trở thành công cụ hữu hiệu phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.
- Hệ thống chính quyền hợp pháp được kiện toàn từ Trung ương đến địa phương —> tạo cơ sở thực tế và pháp lí vững chắc cho việc phát huy vai trò của Nhà nước trong các hoạt động nội trị - ngoại giao.
- Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.
- Đặt nền móng vững chắc để cách mạng Việt Nam vượt qua tình thế hiểm nghèo.
- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm trong công tác xây dựng, củng cố chính quyền Nhà nước.

### **2. GIẢI QUYẾT NẠN ĐÓI, NẠN ĐÓT, KHÓ KHĂN VỀ TÀI CHÍNH**

#### **a) BIỆN PHÁP TRƯỚC MẮT**

- ◆ Tổ chức quyên góp (lập “hũ gạo cứu đói”, tổ chức “ngày đồng tâm”,...).
- ◆ Điều hòa thóc gạo trong cả nước.
- ◆ Nghiêm trị những kẻ đầu cơ tích trữ,...
- ◆ Kêu gọi nhân dân quyên góp, thực hiện “Tuần lễ vàng”, xây dựng “Quỹ độc lập”,...

#### **b) BIỆN PHÁP LÂU DÀI**

- ◆ Đẩy mạnh tăng gia sản xuất.
- ◆ Giảm tô, giảm thuế ruộng đất.
- ◆ Chia lại ruộng công theo nguyên tắc công bằng, dân chủ.
- ◆ Lập Nha Bình dân học vụ (8/9/1945).
- ◆ Đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy theo tinh thần dân tộc, dân chủ.
- ◆ Ngày 23/11/1946, Quốc hội quyết định lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước.

**ĐẤU TRANH CHỐNG NGOẠI XÂM VÀ NỘI PHẢN, BẢO VỆ  
CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG**

<b>THỜI GIAN</b>	<b>HOÀN CẢNH LỊCH SỬ</b>	<b>CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG</b>	<b>HOẠT ĐỘNG ĐẤU TRANH CỤ THỂ</b>
<b>2/9/1945 ĐẾN 6/3/1946</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Sau khi Nhật đầu hàng, Pháp ráo riết hoạt động chuẩn bị quay lại tái chiếm Đông Dương.</li> <li>◆ 23/9/1945, được sự giúp đỡ của quân Anh, thực dân Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn → mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam lần thứ hai.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Đối đầu quân sự với Pháp ở Nam Bộ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ <b>Trung ương Đảng và Chính phủ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát động phong trào ủng hộ nhân dân Nam Bộ kháng chiến.</li> <li>- Tích cực chuẩn bị đối phó với âm mưu mở rộng chiến tranh ra cả nước của Pháp.</li> </ul> </li> <li>◆ <b>Nhân dân Việt Nam:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhân dân Bắc và Bắc Trung Bộ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tổ chức quyên góp tiền bạc, quần áo,... ủng hộ đồng bào Nam Bộ và Nam Trung Bộ.</li> <li>+ Các đoàn quân “Nam tiến” được thành lập.</li> </ul> </li> <li>- Nhân dân Nam Bộ: kiên quyết chống trả hành động xâm lược của Pháp dưới nhiều hình thức (bất hợp tác, dựng chướng ngại vật, đánh phá kho tàng,...).</li> </ul> </li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược trở lại ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ đang diễn ra ác liệt.</li> <li>◆ Thực hiện quyết định của Hội nghị Pôt-xđam, 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc kéo vào Việt Nam, theo sau là các tổ chức tay sai với âm mưu chống phá cách mạng Việt Nam.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Hòa hoãn, nhân nhượng có nguyên tắc với Trung Hoa Dân quốc.</li> <li>◆ Tập trung lực lượng chống Pháp ở Nam Bộ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ <b>Đối với quân Trung Hoa Dân quốc:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhân nhượng một số quyền lợi: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cung cấp một phần lương thực, thực phẩm.</li> <li>+ Lưu hành tiền quan kim và quốc tệ.</li> <li>+ Nhường cho Việt Quốc, Việt Cách 70 ghế trong Quốc hội và 4 ghế trong Chính phủ liên hiệp không qua bầu cử.</li> </ul> </li> <li>- Hết sức kìm chế, tránh xung đột.</li> <li>- Đảng rút vào hoạt động bí mật.</li> </ul> </li> <li>◆ <b>Đối với các tổ chức tay sai:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vạch trần âm mưu và hành động phá hoại.</li> <li>- Ban hành sắc lệnh trấn áp bọn phản cách mạng.</li> </ul> </li> </ul> <p>→ <b>Ý nghĩa:</b></p>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hạn chế hoạt động chống phá → làm thất bại âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của quân Trung Hoa Dân quốc và tay sai.</li> <li>- Tạo điều kiện củng cố chính quyền, tập trung kháng chiến chống Pháp ở miền Nam.</li> </ul>
<p><b>6/3/1946 ĐẾN 19/12/1946</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Sau khi chiếm được các đô thị ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, Pháp xúc tiến thực hiện âm mưu mở rộng chiến tranh xâm lược ra cả nước Việt Nam.</li> <li>◆ Tháng 2/1946, Hiệp ước Hoa - Pháp được kí kết, hợp thức hóa việc Pháp đưa quân ra Bắc thay Trung Hoa Dân quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Thực hiện “hòa để tiến”, nhân nhượng có nguyên tắc với thực dân Pháp, đuổi 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc ra khỏi miền Bắc Việt Nam.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ <b>Kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946)</b></li> <li>- Pháp công nhận Việt Nam là quốc gia tự do, có quân đội, chính phủ, nghị viện, tài chính riêng.</li> <li>- 15000 quân Pháp được quyền ra Bắc giải giáp quân Nhật, số quân này sẽ rút dần trong 5 năm.</li> <li>- Hai bên thực hiện ngừng bắn ở Nam Bộ để đi đến cuộc đàm phán chính thức.</li> <li>◆ Đàm phán với Pháp tại Hội nghị trù bị ở Đà Lạt (tháng 4/1946) và Hội nghị Phôngtennơblô (tháng 7/1946), nhưng không thu được kết quả.</li> <li>◆ <b>Kí với Pháp bản Tạm ước (14/9/1946)</b> tiếp tục nhân nhượng một số quyền lợi kinh tế, văn hóa.</li> <li>→ <b>Ý nghĩa:</b></li> <li>- Tránh đối đầu với nhiều kẻ thù cùng một lúc.</li> <li>- Tạo thêm thời gian hòa bình để chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài.</li> <li>- Tỏ rõ thiện chí hòa bình của nhân dân Việt Nam.</li> </ul>

## II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

**Câu 1:** Nội dung nào không phải là khó khăn của Việt Nam sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công?

A. Chính quyền cách mạng vừa mới được thành lập.

B. Nền nông nghiệp lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá nặng nề.

C. Nạn lụt lớn làm vỡ đê 9 tỉnh Nam Bộ, hạn hán kéo dài.

D. Các cơ sở công nghiệp chưa phục hồi được sản xuất.

**Câu 2:** Nội dung nào **không** phải là khó khăn của Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945?

A. Lũ lụt, vỡ đê và hạn hán kéo dài làm cho nông nghiệp khó khăn.

B. Các cơ sở công nghiệp của ta chưa phục hồi được sản xuất.

C. Hàng hóa khan hiếm, giá cả tăng cao, đời sống nhân dân khó khăn.

D. Chính quyền không có kinh nghiệm quản lý Ngân hàng Đông Dương.

**Câu 3:** Nội dung nào **không** phải là thuận lợi của Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945?

A. Hệ thống xã hội chủ nghĩa đang hình thành.

B. Phong trào giải phóng dân tộc đang phát triển.

C. Sự lãnh đạo của Quốc tế Cộng sản đối với cách mạng.

D. Nhân dân tin tưởng và gắn bó với chế độ mới.

**Câu 4:** Nội dung nào **không** phản ánh đúng những thuận lợi cơ bản của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau Cách mạng tháng Tám năm 1945?

A. Sự lãnh đạo của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. Sự tin tưởng, gắn bó của nhân dân đối với chính quyền.

C. Phong trào giải phóng dân tộc đang phát triển nhanh chóng.

D. Quốc tế Cộng sản chỉ đạo thống nhất cách mạng thế giới.

**Câu 5:** Khó khăn lớn nhất của Việt Nam sau ngày Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công là

A. giặc đói.

B. giặc đốt.

C. giặc ngoại xâm.

D. nội phản.

**Câu 6:** Quân đội Anh và Trung Hoa Dân quốc vào nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 với tư cách

A. quân Đồng minh.

B. các nước phát xít.

C. đồng minh của Việt Nam.

D. đồng minh của phát xít.

**Câu 7:** Quân đội Trung Hoa Dân quốc và Anh vào nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 có nhiệm vụ

A. quân Đồng minh.

B. giải giáp phát xít Nhật.

C. giải thoát tù binh Pháp.

D. trao trả độc lập cho Việt Nam.

**Câu 8:** Giới tuyến phân chia phạm vi hoạt động của quân Anh và quân Trung Hoa Dân quốc tại Việt Nam là

A. vĩ tuyến 17.

B. vĩ tuyến 38.

C. vĩ tuyến 21.

D. vĩ tuyến 16.

**Câu 9:** Kẻ thù nguy hiểm nhất của dân tộc Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

A. đế quốc Mỹ.

B. thực dân Anh.

C. phát xít Nhật.

D. thực dân Pháp.

**Câu 10:** Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, kẻ thù nào **không** có mặt trên lãnh thổ Việt Nam?

A. Thực dân Anh.

B. Phát xít Nhật.

C. Quốc dân đảng.

D. Đế quốc Mỹ.

**Câu 11:** Nhiệm vụ của quân Anh vào Việt Nam cuối năm 1945 là để

A. giải thoát cho số tù binh Pháp bị bắt giữ sau ngày 9/3/1945.

B. tước vũ khí của quân đội Nhật, áp giải chúng về nước.

C. hạn chế ảnh hưởng của Mỹ và Trung Hoa Dân quốc.

D. tranh thủ mở rộng ảnh hưởng ở khu vực Đông Nam Á.





- A. Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.      B. Vệ quốc đoàn.  
C. Quân đội quốc gia Việt Nam.                      D. Việt Nam Giải phóng quân.

**Câu 22.** Đến tháng 5/1946, lực lượng vũ trang của Việt Nam có tên gọi là

- A. Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân.      B. Vệ quốc đoàn.  
C. Quân đội quốc gia Việt Nam.                      D. Việt Nam Giải phóng quân.

**Câu 23.** Để giải quyết căn bản nạn đói sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, biện pháp hàng đầu là

- A. tăng gia sản xuất.      B. nhường cơm sẻ áo.      C. lập hũ gạo cứu đói.      D. tổ chức ngày đồng tâm.

**Câu 24.** Nội dung nào **không** phải là biện pháp có tính chất lâu dài để giải quyết nạn đói sau Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Chính phủ nghiêm cấm đầu cơ, tích trữ lương thực.  
B. Chính quyền chia lại ruộng đất công dân chủ, công bằng.  
C. Chính phủ tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian.  
D. Tổ chức phong trào thi đua “tăng gia sản xuất”.

**Câu 25.** Nội dung nào **không** phải là khó khăn về tài chính của nước Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Chính quyền chưa làm chủ được Ngân hàng Đông Dương.  
B. Trung Hoa Dân quốc bắt nhân dân ta dùng tiền của chúng.  
C. Các cơ sở công nghiệp của ta chưa được phục hồi.  
D. Ngân sách nhà nước hầu như trống rỗng.

**Câu 26.** Để giải quyết tình trạng khó khăn về tài chính, Chính phủ dựa vào

- A. sự tự nguyện đóng góp của tư sản dân tộc.      B. tinh thần đóng góp tự nguyện của nhân dân.  
C. cuộc vận động xây dựng “Quỹ độc lập”.      D. phong trào “Tuần lễ vàng”.

**Câu 27.** Nhân vật tiêu biểu có đóng góp lớn cho phong trào “Tuần lễ vàng” và xây dựng “Quỹ độc lập” sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là

- A. Trịnh Văn Cấn.      B. Trịnh Hoài Đức.      C. Trịnh Đình Cửu.      D. Trịnh Văn Bô.

**Câu 28.** Nhiệm vụ cấp bách của nước Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 về văn hóa - giáo dục là

- A. xóa nạn mù chữ, nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân.  
B. thành lập trường học các cấp phổ thông và đại học.  
C. thành lập Nha Bình dân học vụ diệt giặc dốt.  
D. đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục.

**Câu 29.** Ngày 8/9/1945, sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ được kí bởi

- A. Chính phủ lâm thời.                                      B. Chủ tịch Hồ Chí Minh  
C. Tổng bộ Việt Minh.                                      D. Chính phủ liên hiệp kháng chiến.

**Câu 30.** Tại trường học các cấp được mở ở Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám, nội dung và phương pháp giáo dục được xác định theo

A. tinh thần dân chủ nhân dân.

B. tinh thần dân tộc – dân chủ.

C. hướng đơn giản, tinh gọn.

D. hướng hiệu quả, dễ học.

**Câu 31.** Tháng 7/1946, với sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản, giới trí thức yêu nước Việt Nam thành lập

A. Đảng Lao động Việt Nam.

B. Đảng Xã hội Việt Nam.

C. Đảng Dân chủ Việt Nam.

D. Đảng Thanh niên.

**Câu 32.** Việc giải quyết thành công nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam có ý nghĩa gì?

A. Tạo cơ sở để các nước xã hội chủ nghĩa công nhận Việt Nam.

B. Đánh dấu hoàn thành nhiệm vụ đánh đổ chế độ phong kiến.

C. Tạo cơ sở thực lực để kí Hiệp định Sơ bộ với Pháp.

D. Góp phần tạo ra sức mạnh để bảo vệ chế độ mới.

**Câu 33.** Để vào miền Nam chống Pháp cuối năm 1945, hàng vạn thanh niên miền Bắc đã xung vào đoàn quân

A. Nam tiến.

B. xung phong Nam tiến

C. vệ quốc.

D. cứu quốc.

**Câu 34.** Nguyễn Hải Thần - Phó Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là lãnh tụ của

A. Việt Quốc.

B. Việt Cách.

C. Việt Minh.

D. Việt Cộng.

**Câu 35.** Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán (tháng 11/1945) vì

A. muốn tránh những hiểu lầm trong và ngoài nước.

B. bị mất quyền lực vào tay Việt Quốc, Việt Cách.

C. bị Trung Hoa Dân quốc buộc giải tán.

D. thất bại trong cuộc bầu cử Quốc hội.

**Câu 36.** Đảng xác định Trung Hoa Dân quốc không là kẻ thù chính của Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 vì chúng

A. vào nước ta với tư cách là đại diện của phe Đồng minh.

B. vào nước ta với âm mưu chỉ cướp lương thực.

C. chỉ thực hiện nhiệm vụ giải giáp phát xít Nhật.

D. không phải là một nước đế quốc, thực dân.

**Câu 37.** Đảng xác định thực dân Anh **không** phải là kẻ thù chính của Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 vì

A. Anh là thực dân yếu.

B. Anh là một nước nhỏ.

C. Anh không có điều kiện ở lại Việt Nam lâu dài.

D. Anh không muốn có quyền lợi ở Việt Nam.

**Câu 38.** Đảng ta xác định đế quốc Mĩ **không** là kẻ thù chính của Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 vì đế quốc Mĩ

A. không muốn có quyền lợi ở Việt Nam.

B. chưa trực tiếp can thiệp vào Việt Nam.

C. chưa có tham vọng chiếm Việt Nam.

D. không có chính quyền tay sai ở Việt Nam.

**Câu 39.** Trung Hoa Dân quốc kí Hiệp ước Hoa - Pháp (tháng 2/1946) vì

A. thực dân Pháp ép Trung Hoa Dân quốc phải kí hiệp ước.

B. Trung Hoa Dân quốc không đủ khả năng giải giáp phát xít Nhật.

C. sự phát triển nhanh của Đảng Cộng sản và cách mạng Trung Quốc.

D. Trung Hoa Dân quốc không còn đại diện hợp pháp của phe Đồng minh.

**Câu 40.** Đảng, Chính phủ Việt Nam chủ trương hòa hoãn với quân Trung Hoa Dân quốc sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 vì chúng

A. chỉ bắt nhân dân ta phải tiêu tiền quan kim, quốc tệ.

B. không có âm mưu tiêu diệt chính quyền mà ta mới thiết lập.

C. không công khai ra mặt chống phá chính quyền cách mạng.

D. không đủ khả năng thủ tiêu thành quả của cách mạng Việt Nam.

**Câu 41.** Đảng, Chính phủ Việt Nam chủ trương đánh Pháp ở Nam Bộ từ sau ngày 2/9/1945 đến trước ngày 6/3/1946 vì chúng

A. không có điều kiện ở lại Việt Nam lâu dài.

B. sớm lộ rõ âm mưu và hành động xâm lược.

C. được thực dân Anh và phát xít Nhật giúp sức.

D. mới quay trở lại xâm lược Việt Nam nên còn yếu.

**Câu 42.** Cuộc đàm phán chính thức giữa Việt Nam và Pháp (tháng 7/1946) thất bại vì

A. quân Pháp tăng cường các hoạt động khiêu khích tại Đông Dương.

B. Pháp ngoan cố không chịu công nhận độc lập và thống nhất của Việt Nam.

C. Pháp không ngừng bắn ở miền Nam theo quy định của Hiệp định Sơ bộ.

D. Pháp chỉ công nhận độc lập, không công nhận chủ quyền của Việt Nam.

**Câu 43.** Nội dung nào **không** phải là biện pháp của Việt Nam đối với Trung Hoa Dân quốc và tay sai sau Cách mạng tháng Tám năm 1945?

A. Chấp nhận tiêu tiền quan kim và quốc tệ.

B. Cung cấp toàn bộ lương thực, thực phẩm.

C. Nhường cho Việt Quốc, Việt Cách 70 ghế trong Quốc hội.

D. Kiên quyết trừng trị những phần tử phản động có đủ bằng chứng.

**Câu 44.** Các biện pháp hòa hoãn với quân Trung Hoa Dân quốc sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 của Việt Nam đã

A. thể hiện thiện chí hòa bình của nhân dân Việt Nam với nhân dân thế giới.

B. hạn chế các hoạt động chống phá của quân Trung Hoa Dân quốc và tay sai.

C. làm thất bại nhiệm vụ của Trung Hoa Dân quốc khi được phân công vào Việt Nam.

D. giáng đòn nặng nề vào âm mưu chia rẽ, lật đổ và xâm lược của các nước đế quốc.

**Câu 45.** Âm mưu của Pháp khi kí Hiệp ước Hoa - Pháp với Trung Hoa Dân quốc (tháng 2/1946) là để

**A.** tránh đối đầu với Trung Hoa Dân quốc khi ra Bắc.

**B.** trả thù Nhật sau sự kiện Nhật đảo chính Pháp.

**C.** tước vũ khí, giải giáp quân đội Nhật.

**D.** đưa quân ra Bắc chiếm cả nước ta.

**Câu 46.** Ngày 3/3/1946, tổ chức nào đã chọn giải pháp “hòa để tiến” với thực dân Pháp?

**A.** Chính phủ liên hiệp kháng chiến.

**B.** Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

**C.** Chính phủ lâm thời.

**D.** Tổng bộ Việt Minh.

**Câu 47.** Theo Hiệp định Sơ bộ (tháng 3/1946), quân Pháp sẽ rút dần trong thời hạn bao lâu?

**A.** 2 năm.

**B.** 3 năm.

**C.** 4 năm.

**D.** 5 năm.

**Câu 48.** Theo Hiệp định Sơ bộ (tháng 3/1946), cuộc đàm phán chính thức giữa Việt Nam và Pháp sẽ bàn về

**A.** chế độ tương lai của Đông Dương.

**B.** hình thức mới của Chính phủ Việt Nam.

**C.** chế độ chính trị của Nam Bộ ở Việt Nam.

**D.** nhiệm vụ của người Pháp ở Đông Dương.

**Câu 49.** Ở Nam Bộ, sau khi kí Hiệp định Sơ bộ (tháng 3/1946), thực dân Pháp đã thành lập

**A.** Chính phủ Nam Kỳ tự trị.

**B.** chính quyền bù nhìn Bảo Đại.

**C.** quân đội tay sai.

**D.** các tổ chức chính trị thân Pháp.

**Câu 50.** Cuộc đàm phán chính thức giữa Việt Nam và Pháp năm 1946 được tổ chức tại

**A.** Đà Lạt.

**B.** Hà Nội.

**C.** Mácxây.

**D.** Phôngtennơblô.

**Câu 51.** Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kí với Chính phủ Pháp bản Hiệp định Sơ bộ (tháng 3/1946) nhằm

**A.** tạo điều kiện để quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật.

**B.** buộc Pháp phải thừa nhận Việt Nam là một quốc gia dân chủ.

**C.** tránh việc cùng lúc phải chống lại nhiều thế lực ngoại xâm.

**D.** buộc Pháp phải thừa nhận Việt Nam là một quốc gia độc lập.

**Câu 52.** Trong bối cảnh Hiệp ước Hoa - Pháp được kí kết (tháng 2/1946), Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có chủ trương gì?

**A.** Chiến đấu chống thực dân Pháp và Trung Hoa Dân quốc.

**B.** Phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp.

**C.** Hòa hoãn và nhân nhượng có nguyên tắc với thực dân Pháp.

**D.** Hòa hoãn với thực dân Pháp để đánh Trung Hoa Dân quốc.

**Câu 53.** Trong Hiệp định Sơ bộ (tháng 3/1946) thực dân Pháp không công nhận nội dung nào của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa?

**A.** Chính phủ riêng

**B.** Nghị viện riêng.

**C.** Quân đội riêng.

**D.** Luật pháp riêng.

**Câu 54.** Theo Hiệp định Sơ bộ (tháng 3/1946), cuộc đàm phán chính thức giữa Việt Nam và Pháp sẽ bàn về

**A.** quyền lợi chính trị của người Pháp ở Việt Nam

**B.** chế độ chính trị của Nam Bộ ở Việt Nam.

**C.** các vấn đề ngoại giao của Việt Nam.

**D.** thời hạn đóng quân của Pháp.

**Câu 55.** Nội dung nào **không** phải là ý nghĩa của việc kí Hiệp định Sơ bộ (tháng 3/1946)?

**A.** Việt Nam có thêm thời gian hòa bình để củng cố chính quyền.

**B.** Việt Nam tránh được việc đối phó với nhiều kẻ thù cùng một lúc.

**C.** Đẩy được 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc về nước nhanh chóng.

**D.** Pháp đưa quân ra miền Bắc một cách nhanh chóng và thuận lợi.

**Câu 56.** Âm mưu của Pháp khi thành lập Chính phủ Nam Kỳ tự trị ở Nam Bộ là

**A.** củng cố chính quyền tay sai ở miền Nam.

**B.** thiết lập quân đội tay sai ở miền Nam.

**C.** tiếp tục xung đột vũ trang ở Nam Bộ.

**D.** tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam.

**Câu 57.** Bài học chủ yếu nào được cách mạng Việt Nam rút ra từ kết quả của Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946)?

**A.** Đa phương hóa trong quan hệ quốc tế.

**B.** Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao.

**C.** Triệt để lợi dụng mâu thuẫn giữa các kẻ thù.

**D.** Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

**Câu 58.** Đối với Việt Nam, Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) và Tạm ước 14/9/1946 có điểm tương đồng về ý nghĩa là

**A.** bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền.

**B.** có thêm thời gian củng cố lực lượng.

**C.** củng cố chính quyền cách mạng non trẻ.

**D.** tránh được cuộc chiến đấu bất lợi với Pháp.

**Câu 59.** Thực tế cuộc đấu tranh chống ngoại xâm sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước ngày 19/12/1946 ở Việt Nam cho thấy vai trò của đấu tranh ngoại giao là

**A.** mang tính quyết định.

**B.** hỗ trợ thắng lợi quân sự.

**C.** phụ thuộc vào thắng lợi quân sự.

**D.** độc lập với đấu tranh quân sự.

**Câu 60.** Từ cuộc đấu tranh ngoại giao sau Cách mạng tháng Tám 1945 có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì cho cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền Tổ quốc hiện nay?

**A.** Luôn mềm dẻo trong đấu tranh và trong sách lược.

**B.** Cương quyết trong đấu tranh, cứng rắn về sách lược.

**C.** Mềm dẻo về sách lược, cương quyết trong đấu tranh.

**D.** Luôn nhân nhượng với kẻ thù để có môi trường hòa bình.

---

**ĐÁP ÁN**

1-C	2-D	3-C	4-D	5-C	6-A	7-B	8-D	9-D	10-D
11-B	12-D	13-C	14-C	15-B	16-A	17-D	18-D	19-A	20-D
21-B	22-C	23-A	24-A	25-C	26-B	27-D	28-A	29-B	30-B
31-B	32-D	33-A	34-B	35-A	36-A	37-C	38-B	39-C	40-C
41-B	42-B	43-B	44-B	45-D	46-B	47-D	48-A	49-A	50-D
51-C	52-C	53-D	54-C	55-D	56-D	57-C	58-D	59-A	60-C

## CHỦ ĐỀ 11: NHỮNG NĂM ĐẦU TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN (1946 – 1950)

### Mục tiêu

#### ❖ Kiến thức

- + Hiểu rõ vì sao Đảng và Chính phủ quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp. Phân tích đường lối kháng chiến của Đảng.
- + Tóm tắt diễn biến chính của cuộc chiến đấu ở Hà Nội và các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16. Những việc làm cụ thể của ta chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài.
- + Hiểu được âm mưu của Pháp trong cuộc tấn công lên Việt Bắc năm 1947. Tóm tắt diễn biến chính, kết quả và ý nghĩa của chiến thắng Việt Bắc.
- + Trình bày được hoàn cảnh, diễn biến chính, kết quả và ý nghĩa của chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950.

#### ❖ Kỹ năng

- + Phân tích, đánh giá, so sánh, ... để rút ra kết luận lịch sử về những năm đầu toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.
- + Khai thác tranh ảnh, tư liệu lịch sử, đồ dùng trực quan khi học tập.

# I. LÍ THUYẾT TRỌNG TÂM

## CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP BÙNG NỔ (1946)

### A. KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP BÙNG NỔ

#### 1. Âm mưu, hành động của Pháp:

##### a. Âm mưu:

Xâm lược trở lại Việt Nam

##### b. Hành động:

- Phá hoại Hiệp định Sơ bộ và Tạm ước, đẩy mạnh các hoạt động mở rộng chiến tranh.
- + Mở các cuộc tiến công ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ.
- + Tấn công Hải Phòng, Lạng Sơn, đổ bộ lên Đà Nẵng (11/1946).
- + Gây hấn ở Hà Nội: đánh chiếm trụ sở Bộ tài chính, gây thảm sát tại phố Hàng Bún, ...
- Ngày 18/12/1946, Pháp gửi tối hậu thư đòi nắm quyền kiểm soát Thủ đô Hà Nội → nếu không được đáp ứng, chậm nhất là sáng ngày 20/12/1946, quân Pháp sẽ hành động.
- ⇒ Âm mưu và hành động của thực dân Pháp đã đe dọa nghiêm trọng tới độc lập, chủ quyền của Việt Nam, đặt nhân dân Việt Nam trước hai sự lựa chọn: hoặc đánh Pháp, hoặc đầu hàng Pháp.

#### 2. Chủ trương của Đảng Công sản Đông Dương:

- Ngày 12/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra chỉ thị Toàn dân kháng chiến.
- Ngày 18 và 19/12/1946, Hội nghị bất thường Ban thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương mở rộng đã quyết định phát huy cuộc kháng chiến toàn quốc.
- Tối ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”, phát động nhân dân cả nước kháng chiến chống Pháp, bảo vệ nền độc lập dân tộc.

⇒ Ý nghĩa:

- Là quyết định đúng đắn, đáp ứng nguyện vọng độc lập của nhân dân.
- Đề ra đúng lúc, đúng thời điểm khi khả năng đấu tranh hòa bình không còn nữa.
- Thể hiện tính chủ động của Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trước những âm mưu và hành động của kẻ thù.



Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống Pháp

### B. ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP CỦA ĐẢNG

#### 1. Các văn kiện hợp thành:

- Chỉ thị Toàn dân kháng chiến của Ban Thường vụ Trung ương Đảng (12/12/1946).



- Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/12/1946).
- Tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi của Trường Chinh (tháng 9/1947).

## 2. Nội dung đường lối:

- Mục đích: đánh đuổi thực dân Pháp, bảo vệ độc lập dân tộc.
- Tính chất: dân tộc, dân chủ mới và tính quốc tế.
- Phương châm: toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

Phương châm	Biểu hiện	Cơ sở hình thành
Kháng chiến toàn dân	Toàn dân tham gia kháng chiến, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt, đánh giặc theo khẩu hiệu “mỗi người dân là một chiến sĩ”, mỗi làng xã là một pháo đài.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc.</li> <li>- Lí luận Mác – Lênin về vai trò của quần chúng với cách mạng, tư tưởng “chiến tranh nhân dân” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.</li> <li>- Tương quan lực lượng không có lợi cho Việt Nam.</li> <li>- Kháng chiến toàn dân mới có thể thực hiện được kháng chiến toàn diện và tự lực cánh sinh.</li> </ul>
Kháng chiến toàn diện	Đánh giặc trên tất cả các mặt trận từ: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội đến quân sự, ngoại giao, ...	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Pháp xâm lược Việt Nam, tấn công lực lượng cách mạng trên tất cả các mặt trận.</li> <li>- Nhân dân Việt Nam vừa “kháng chiến” chống Pháp xâm lược, vừa “kiến quốc” – xây dựng chế độ mới.</li> <li>- Tiến hành kháng chiến toàn diện mới tạo điều kiện cho toàn dân tham gia kháng chiến theo khả năng.</li> </ul>
Kháng chiến trường kì	Kháng chiến lâu dài; vừa đánh địch, vừa bồi dưỡng sức dân, phát triển lực lượng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc.</li> <li>- Chống lại chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp.</li> <li>- Tương quan lực lượng quá chênh lệch → Việt Nam cần có thời gian để chuyển hóa lực lượng.</li> </ul>

Tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế	Coi trọng sự giúp đỡ của quốc tế song vẫn nhấn mạnh chiến đấu dựa vào sức mình là chính.	- Lí luận Mác – Lênin về mối quan hệ giữa các điều kiện khách quan và chủ quan. - Muốn kháng chiến lâu dài thì phải tự lực cánh sinh.
---	--	--

### 3. Ý nghĩa:

- Đường lối đúng đắn, sáng tạo; tạo điều kiện để phát huy được sức mạnh của toàn dân tộc.
- Là ngọn cờ cổ vũ, dẫn dắt cả dân tộc Việt Nam đứng lên kháng chiến, bảo vệ độc lập dân tộc.
- Là xuất phát điểm cho mọi thắng lợi của cuộc kháng chiến.

## C. CUỘC CHIẾN ĐẦU Ở CÁC ĐÔ THỊ PHÍA BẮC VĨ TUYẾN 16

### 1. Bối cảnh lịch sử:

- Thực dân Pháp đẩy mạnh các hoạt động mở rộng chiến tranh xâm lược Việt Nam.
- Âm mưu và hành động của Pháp đe dọa nghiêm trọng nền độc lập, chủ quyền của nhân dân Việt Nam → 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, phát động nhân dân đứng lên kháng chiến, bảo vệ nền độc lập.
- Thực dân Pháp tập trung lực lượng tại Hà Nội, âm mưu đánh úp cơ quan đầu não kháng chiến của Việt Nam.

### 2. Mục tiêu của Đảng:

- Chặn đứng âm mưu đánh úp cơ quan đầu não kháng chiến của thực dân Pháp.
- Giam cầm địch trong thành phố để hậu phương có thêm thời gian và điều kiện để kịp thời huy động lực lượng kháng chiến.

### 3. Diễn biến chính:

- Tại Hà Nội:
  - + Khoảng 20 giờ ngày 19/12/1946, công nhân nhà máy điện Yên Phụ phá máy → tín hiệu mở đầu cho cuộc chiến đấu.
  - + Vệ quốc quân, tự vệ chiến đấu ... tiến công các vị trí quân Pháp. Nhân dân chống Pháp dưới nhiều hình thức: dựng chướng ngại vật, bắt hợp tác, ...
  - + Trung đoàn thủ đô được thành lập, đánh địch quyết liệt ở Bắc Bộ Phủ, chợ Đồng Xuân. Sau hai tháng chiến đấu ngày 17/2/1947, Trung đoàn rút về hậu phương chuẩn bị kháng chiến lâu dài.
- Quân dân các đô thị ở phía Bắc vĩ tuyến 16 kiên cường chiến đấu, gây nhiều khó khăn cho địch: vây hãm địch trong thành phố Nam Định; buộc địch ở Vinh phải đầu hàng, ...

### 4. Kết quả và ý nghĩa:

- 
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giam chân địch trong các thành phố một thời gian dài.
  - Tiêu hao, tiêu diệt được một bộ phận quan trọng sinh lực địch.
  - Bước đầu làm thất bại kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp.
  - Tạo điều kiện cho cả nước đi vào cuộc kháng chiến lâu dài.

## **D. CHIẾN DỊCH VIỆT BẮC THU – ĐÔNG NĂM 1947**

### **1. Âm mưu và hành động của Pháp:**

#### **a. Âm mưu:**

- Tháng 3/1947, Chính phủ Pháp cử Bô-la-e sang làm cao ủy Pháp ở Đông Dương. Bô-la-e vạch ra kế hoạch tiến công Việt Bắc
- + Xóa bỏ căn cứ địa Việt Bắc, tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và quân chủ lực.
- + Khóa chặt biên giới Việt – Trung Quốc, ngăn chặn liên lạc giữa Việt Nam với quốc tế.
- + Giành thắng lợi quân sự quyết định, nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

#### **b. Hành động:**

- Huy động 12000 quân và hầu hết máy bay tại Đông Dương tấn công lên căn cứ địa Việt Bắc từ ngày 7/10/1947.
- + Binh đoàn quân dù đổ quân xuống đánh chiếm Chợ Mới, Bắc Kạn,...
- + Binh đoàn bộ binh bao vây Việt Bắc ở phía đông và phía bắc.
- + Binh đoàn hỗn hợp (bộ binh, linh thủy đánh bộ) bao vây Việt Bắc ở phía Tây.

### **2. Diễn biến chính:**

#### **a. Chủ trương của Đảng:**

- Trung ương Đảng họp và ra chỉ thị “Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp”.

#### **b. Thắng lợi tiêu biểu:**

- Bao vây, tiêu diệt binh đoàn quân dù ở Bắc Kạn, Chợ Mới, Chợ Đồn,... buộc Pháp phải rút khỏi Chợ Đồn, Chợ Rã (cuối tháng 11/1947).
- Ở mặt trận hướng đông: chặn đánh địch trên Đường số 4, tiêu biểu là ở đèo Bông Lau (30/10/1947).
- Ở mặt trận hướng tây: phục kích, đánh địch trên sông Lô, tiêu biểu là trận Đoan Hùng, Khe Lau,...

### **3. Kết quả, ý nghĩa:**

#### **a. Kết quả:**

- Buộc đại bộ phận quân Pháp phải rút chạy khỏi Việt Bắc (ngày 19/12/1947).
- Loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn quân địch, phá hủy, thu nhiều vũ khí.

## **b. Ý nghĩa:**

- Bảo vệ được cơ quan đầu não kháng chiến, bộ đội chủ lực trưởng thành.
- Là chiến dịch phản công lớn đầu tiên của quân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- Làm thất bại hoàn toàn chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của giặc Pháp, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài. → Mốc khởi đầu sự thay đổi tương quan, so sánh lực lượng giữa Việt Nam và Pháp, theo hướng có lợi cho Việt Nam.

## **E. CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI THU – ĐÔNG NĂM 1950**

### **1. Hoàn cảnh lịch sử:**

#### **a. Thuận lợi:**

- Sau chiến thắng Việt Bắc thu – đông (1947), tương quan lực lượng có sự thay đổi, theo hướng có lợi cho quân dân Việt Nam.
- Tình hình quốc tế có nhiều thuận lợi cho cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.
- + Cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời (10/1949).
- + Trung Quốc, Liên Xô, các nước Đông Âu, ... lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam.
- + Phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới đang phát triển mạnh.
- + Phong trào đấu tranh, phản đối chiến tranh xâm lược Việt Nam dâng cao ở Pháp.

#### **b. Khó khăn:**

- Mĩ can thiệp sâu và “dính líu” trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương.
- Dựa vào viện trợ và sự đồng ý của Mĩ, tháng 5/1949, thực dân Pháp đề ra Kế hoạch Rove.
- + Tăng cường hệ thống phòng ngự trên Đường số 4 từ Lạng Sơn đi Cao Bằng.
- + Thiết lập “Hành lang Đông - Tây”.
- + Âm mưu tấn công lên Việt Bắc lần thứ hai, hòng giành thắng lợi để kết thúc chiến tranh.

### **2. Chủ trương của Đảng:**

Tháng 6/1950, Trung ương đảng và Chính phủ quyết định mở chiến dịch Biên giới

- Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch.
- Khai thông biên giới Việt – Trung để mở rộng đường liên lạc quốc tế.
- Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên.

### **3. Diễn biến chính:**

- Bao vây, tấn công thực dân Pháp tựa cứ điểm Đông Khê (16/9/1950).

- 
- Mất Đông Khê, quân địch ở Thất Khê bị uy hiếp, Cao Bằng bị cô lập → Pháp buộc phải rút lui khỏi Cao Bằng theo đường số 4, song bị quân dân Việt Nam mai phục, chặn đánh.
  - Từ 8/10/1950 đến 22/10/1950, quân Pháp phải rút khỏi hàng loạt vị trí trên Đường số 4.

#### **4. Kết quả, ý nghĩa:**

##### **a. Kết quả:**

- Loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8000 quân địch.
- Giải phóng đường biên giới từ Cao Bằng đến Đình Lập với 35 vạn dân.
- Chọc thủng Hành lang Đông – Tây, phá vỡ thế bao vây căn cứ địa Việt Bắc.

##### **b. Ý nghĩa:**

- Chiến dịch tiền công lớn đầu tiên của quân dân ta trong kháng chiến.
- Mở rộng, củng cố căn cứ địa Việt Bắc; bộ đội chủ lực thêm trưởng thành.
- Giành được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ, mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

## **II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN**

### **➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1:** Nội dung cốt lõi, bao trùm trong đường lối kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) của nhân dân Việt Nam là

- A. toàn dân kháng chiến.
- B. toàn diện kháng chiến.
- C. trường kỳ kháng chiến.
- D. tự lực cánh sinh kháng chiến.

**Câu 2:** “*Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ...*”. Đoạn văn trên được trích dẫn từ văn kiện nào?

- A. Thư của Chủ tịch gửi đồng bào cả nước.
- B. Lời “Hịch” của Mặt trận Việt Minh.
- C. Quân lệnh số 1 của Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc.
- D. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chí Minh.

**Câu 3:** Sự kiện tác động trực tiếp buộc Đảng và Chính phủ ta phải phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1946 là

- A. quân Pháp khiêu khích, tiến công ta ở Hải Phòng và Lạng Sơn.
- B. quân Pháp gửi tối hậu thư đòi ta giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng.
- C. quân Pháp chiếm trụ sở Bộ Tài chính, Bộ Giao thông – Công chính.
- D. quân Pháp gây ra vụ thảm sát ở phố Hàng Bún, phố Yên Ninh (Hà Nội).

---

**Câu 4:** Trong cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1954) , chỉ thị “Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp” của Đảng Cộng sản Đông Dương đem đến thắng lợi của chiến dịch nào ?

- A. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947.
- B. Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950.
- C. Chiến dịch Tây Bắc năm 1953.
- D. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

**Câu 5:** Chiến thắng quân sự nào của quân dân Việt Nam đã buộc thực dân Pháp phải chuyển sang thực hiện chính sách “dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”?

- A. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947.
- B. Cuộc chiến đấu ở Hà Nội cuối năm 1946.
- C. Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950.
- D. Chiến dịch Tây Bắc đầu tháng 12/1953.

**Câu 6:** Giữa năm 1949, thực dân Pháp triển khai Kế hoạch Rove ở Việt Nam nhằm mục đích

- A. bao vây cả trong lẫn ngoài đối với căn cứ địa Việt Bắc.
- B. tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta ở đồng bằng Bắc Bộ và Tây Bắc.
- C. thu hút, giam chân và tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta.
- D. giành thắng lợi quân sự để xúc tiến thành lập chính phủ bù nhìn.

**Câu 7:** Kế hoạch quân sự đầu tiên của thực dân Pháp có sự can thiệp của Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam (1945 – 1954) là

- A. Kế hoạch Rove.
- B. Kế hoạch Bôlae.
- C. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi.
- D. Kế hoạch Nava.

**Câu 8:** Trận đánh mở đầu trong chiến dịch Biên giới thu – đông 1950 là

- A. Cao Bằng
- B. Thất Khê.
- C. Đông Khê.
- D. Đình Lập.

**Câu 9:** Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954), với thắng lợi nào của quân dân Việt Nam đã buộc địch phải chuyển từ chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” sang “đánh lâu dài”?

- A. Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950.
- B. Chiến dịch Tây Bắc thu – đông năm 1952.
- C. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947.
- D. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

**Câu 10:** Mục đích của Đảng Cộng sản Đông Dương khi chủ trương mở chiến dịch Biên giới thu – đông 1950 là

- A. tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực quân Pháp.
- B. tiếp tục giữ vững quyền chủ động trên chiến trường chính.
- C. phân tán lực lượng cơ động chiến lược của địch ở đồng bằng Bắc Bộ.
- D. giành thắng lợi quyết định buộc Pháp phải từ bỏ dã tâm xâm lược.

**Câu 11:** Một trong những mục đích của Đảng Cộng sản Đông Dương khi chủ trương mở chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950 là

- A. mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.
- B. tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh trên bàn ngoại giao.
- C. giải phóng vùng Tây Bắc Việt Nam.
- D. giữ vững thế chủ động chiến lược trên chiến trường.

**Câu 12:** Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950 có gì khác so với chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947?

- A. Là chiến dịch có quy mô lớn đầu tiên do ta chủ động mở.
- B. Là chiến dịch có sự phối hợp giữa chiến trường chính với các chiến trường khác.
- C. Là chiến dịch phòng thủ có quy mô của quân đội ta.
- D. Là chiến dịch đánh vận động có quy mô lớn của quân đội ta.

**Câu 13:** Chiến dịch Biên giới thu đông 1950 đánh dấu bước phát triển của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam vì

- A. ta bắt đầu giành được quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính.
- B. ta tiếp tục giữ vững quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính.
- C. buộc Pháp phải bắt đầu chuyển sang đánh lâu dài với ta
- D. đã làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương.

**Câu 14:** Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (Ngày 18 và 19/12/1946) đã

- A. quyết định phát động toàn quốc kháng chiến chống Pháp.
- B. phát động miền Nam kháng chiến chống thực dân Pháp.
- C. chọn giải pháp “hòa để tiến”, nhân nhượng với Pháp.
- D. đề ra đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp.

**Câu 15:** Chiến thắng Việt Bắc thu – đông (1947) của quân dân Việt Nam có ý nghĩa chiến lược là

- A. chứng tỏ sự trưởng thành của quân đội Việt Nam.
- B. làm suy yếu lực lượng quân viễn chinh Pháp.
- C. buộc thực dân Pháp phải chuyển sang đánh lâu dài.
- D. bảo vệ vững chắc cơ quan đầu não của Đảng.

**Câu 16:** Chủ trương phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (tháng 12/1946) của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh là

- 
- A. quyết định đúng đắn, khẳng định quyết tâm chống Pháp của ba nước Đông Dương.
  - B. một quyết định lịch sử, khẳng định Việt Nam tiến hành chiến tranh chỉ là bắt buộc.
  - C. quyết định đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam, tập trung vào kẻ thù nguy hiểm nhất.
  - D. một lựa chọn đúng đắn nhưng chưa đáp ứng được phương châm ngoại giao của Việt Nam.

**Câu 17:** Nội dung nào sau đây **không** phải là mục đích của Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khi mở chiến dịch Biên giới (1950)?

- A. Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch.
- B. Khai thông biên giới Việt – Trung để mở rộng đường liên lạc quốc tế.
- C. Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.
- D. Giữ vững quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính

**Câu 18:** Nội dung nào sau đây **không** phải là mục đích của Pháp khi thực hiện Kế hoạch Rove (1949) ở Việt Nam?

- A. Khóa chặt biên giới Việt Trung.
- B. Cô lập căn cứ địa Việt Bắc.
- C. Kéo dài và mở rộng chiến tranh.
- D. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

**Câu 19:** Tháng 6/1950, Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm

- A. nhanh chóng kết thúc chiến tranh.
- B. phân tán binh lực của thực dân Pháp ở Bắc Bộ.
- C. mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.
- D. Giữ vững quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính.

**Câu 20:** Trong kháng chiến chống Pháp, Đảng ta chủ trương “vừa đánh vừa bồi dưỡng sức dân, vừa đánh vừa chuyển hóa so sánh lực lượng giữa ta và địch, đồng thời tận dụng những chuyển biến của tình hình quốc tế có lợi cho cuộc kháng chiến, giành thắng lợi từng bước, đánh bại từng kế hoạch chiến tranh của Pháp, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.” Điều này chứng minh cho nội dung nào trong đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng ta?

- A. Toàn dân.
- B. Toàn diện.
- C. Trường kì.
- D. Tự lực cánh sinh.

**Câu 21:** Cuộc chiến đấu của quân dân Hà Nội (từ ngày 19/12/1946 đến ngày 17/2/1947) đã

- A. đẩy quân Pháp rơi vào tình thế phòng ngự bị động.
- B. tiêu diệt được một bộ phận sinh lực của quân Pháp.
- C. giải phóng được một địa bàn chiến lược quan trọng.
- D. buộc thực dân Pháp phải chuyển sang đánh lâu dài.

**Câu 22:** Bước vào năm 1950, sự kiện nào tạo thuận lợi to lớn cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam?



- 
- A. Pháp sa lầy ở chiến trường châu Phi.
  - B. Chiến lược toàn cầu của Mỹ bị phá sản.
  - C. Phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới dành thắng lợi hoàn toàn.
  - D. Các nước XHCN công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với ta.

**Câu 23:** Mục đích chính khi thực dân Pháp gửi tối hậu thư cho Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 18/12/1946 là gì?

- A. Khiêu khích, tạo cơ để tấn công miền Bắc Việt Nam.
- B. Tuyên bố sẽ tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.
- C. Buộc Chính phủ nước Việt Nam phải đầu hàng Pháp.
- D. Tuyên bố quyền thống trị ở Việt Nam thuộc về nước Pháp.

**Câu 24:** Thuận lợi mới của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam sau chiến thắng Biên giới (1950) là

- A. căn cứ địa Việt Bắc được bảo vệ.
- B. tiêu hao được một bộ phận sinh lực địch.
- C. quân đội ta giành được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.
- D. được các nước XHCN công nhận và đặt quan hệ ngoại giao.

**Câu 25:** Từ năm 1950, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam gặp phải khó khăn mới nào?

- A. Pháp ngày càng lâm vào tình thế khó khăn, phải nhận viện trợ từ Mỹ.
- B. Việt Nam chưa được một nước nào công nhận và đặt quan hệ ngoại giao.
- C. Cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương của Pháp được quốc tế hóa.
- D. Chính sách chia rẽ đoàn kết ba nước Đông Dương của thực dân Pháp.

**Câu 26:** Thực chất của chính sách “dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh” của Pháp thực hiện ở Việt Nam từ sau 1947 là

- A. thực hiện chiến lược đánh lâu dài với ta.
- B. thực hiện chiến lược đánh nhanh thắng nhanh.
- C. chuyển sang hình thức xâm lược thực dân mới.
- D. tiến hành cuộc chiến tranh tổng lực.

**Câu 27:** Khi thực dân Pháp mở cuộc tiến công quy mô lên Việt Bắc (1947), Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã quyết định

- A. triển khai phương án “đánh nhanh thắng nhanh”.
- B. chủ động lui về thế phòng ngự chiến lược.
- C. phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp.
- D. triển khai phương án “đánh chắc, tiến chắc”.

**Câu 28:** Từ sau thất bại nào trong chiến tranh xâm lược Việt Nam (1945 – 1954) Pháp buộc phải chuyển sang thực hiện chính sách “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”?

- A. Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954)

- 
- B. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông (1947).
  - C. Chiến dịch Biên giới thu – đông (1950).
  - D. Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954.

**Câu 29:** Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) chiến dịch phản công quy mô lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam là

- A. Việt Bắc thu – đông (1947).
- B. Biên giới thu – đông (1950).
- C. Tây Bắc cuối năm 1953.
- D. Điện Biên Phủ năm 1954.

**Câu 30:** Cuộc chiến đấu của quân dân các đô thị Bắc Vĩ tuyến 16 ở Việt Nam đã phá tan âm mưu nào của thực dân Pháp?

- A. Đánh úp cơ quan đầu não kháng chiến của ta.
- B. Đánh nhanh thắng nhanh.
- C. Mở rộng chiến tranh xâm lược ở Việt Nam.
- D. Dùng người Việt đánh người Việt.

1-A	2-D	3-B	4-A	5-A	6-A	7-A	8-C	9-C	10-A
11-A	12-A	13-A	14-A	15-C	16-B	17-D	18-C	19-C	20-C
21-B	22-D	23-A	24-C	25-C	26-A	27-C	28-B	29-A	30-A

## Chủ đề 12: BƯỚC PHÁT TRIỂN CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1951 – 1953)

### Mục tiêu

#### ❖ Kiến thức:

- Hiểu rõ âm mưu, hành động mới của Pháp và Mỹ từ sau thất bại ở chiến dịch Biên giới thu – đông (1950); những nét chính của Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi.
- Nêu nội dung và ý nghĩa của Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (tháng 2/1951).
- Trình bày được những thành tựu chính trong công tác xây dựng hậu phương kháng chiến sau chiến thắng Biên giới thu – đông (1950).

#### ❖ Kỹ năng:

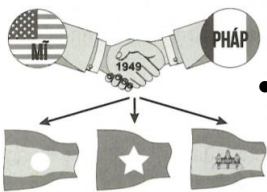
- Phân tích, đánh giá, tổng hợp, so sánh,... sự kiện lịch sử.
- Khai thác tranh ảnh, tư liệu, đồ dùng trực quan,... để nhận thức lịch sử.

### I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

#### THỰC DÂN PHÁP VÀ CAN THIỆP MỸ ĐẨY MẠNH CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC ĐÔNG DƯƠNG

##### 1. Bối cảnh

- Sang giai đoạn 1951 – 1953, cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp, có sự can thiệp, giúp đỡ của đế quốc Mỹ được đẩy mạnh.
- Những âm mưu và hành động mới của Pháp và can thiệp Mỹ trong giai đoạn 1951 – 1953 đã gây nhiều khó khăn, thách thức cho cuộc chiến đấu của nhân dân Đông Dương.



##### 2. Mỹ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh.

Từ tháng 5 – 1940, Mỹ can thiệp sâu, dính líu trực tiếp vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.

- Ngày 23/12/1950, kí với Pháp Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương, viện trợ quân sự, kinh tế – tài chính cho Pháp, từng bước thay Pháp ở Đông Dương.
- Tháng 9/1951, kí với Bảo Đại Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt – Mỹ nhằm ràng buộc chính phủ Bảo Đại vào Mỹ.
- Mỹ muốn “quốc tế hóa” cuộc chiến tranh, từng bước gạt chân Pháp nắm quyền điều khiển cuộc chiến tranh Đông Dương.

##### 3. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi

Dựa vào viện trợ và sự giúp đỡ của Mỹ, cuối năm 1950, thực dân Pháp đề ra Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi.

- Tập trung lính Âu – Phi để xây dựng một lực lượng cơ động mạnh, phát triển nguy quân, xây dựng “quân đội quốc gia”.

- Xây dựng phòng tuyến boong-ke, thiết lập “vành đai trắng” bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ.
- Tiến hành “chiến tranh tổng lực”, bình định vùng tạm chiếm, vơ vét sức ng̀, sức của của nhân dân Việt Nam.
- Đánh phá hậu phương của ta bằng biệt kích, thổ phỉ, gián điệp, chiến tranh kinh tế,...

⇒ **Nhận xét:**

- Đề ra nhằm mục đích cứu vãn tình thế bị động của Pháp ở chiến trường Đông Dương.
- Thực chất là tiếp tục thực hiện chính sách “Dùng người Việt đánh người Việt”, “Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”.
- Gây cho quân dân Việt Nam nhiều khó khăn, tổn thất nhất là ở vùng sau lưng địch.
- Chứa đựng mầm mống của sự thất bại: mâu thuẫn giữa tập trung binh lực ở những nơi mới chiếm được với việc mở rộng địa bàn chiếm đóng;...

## **ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ HAI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG (THÁNG 2/1951)**

### **1. Hoàn cảnh lịch sử**

- Thuận lợi:
  - Sau chiến thắng Biên giới thu – đông (1950). Việt Nam đã giành được thế chủ động chiến lược trên chiến trường Bắc Bộ.
  - Nhiều nước công nhận, đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam → cách mạng Việt Nam từng bước thoát khỏi thế bị bao vây, cô lập.
  - Tình hình quốc tế có nhiều thuận lợi cho cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.
- + Cách mạng Trung Quốc thành công (1949) → Việt Nam có điều kiện tiếp xúc trực tiếp với cách mạng quốc tế.
- + Phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới đang phát triển mạnh.
- + Phong trào đấu tranh, phản đối chiến tranh xâm lược Việt Nam dâng cao ở Pháp.
- Khó khăn:
  - Mĩ can thiệp sâu và “dính líu” trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương.
  - Cuối năm 1950, Pháp đề ra Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi → cách mạng Việt Nam gặp nhiều khó khăn, nhất là vùng sau lưng địch.

### **2. Nội dung hội nghị**

- Từ ngày 11 đến 19/2/1951, Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng cộng sản Đông Dương được tiến hành tại xã Vinh Quang (Chiêm Hóa, Tuyên Quang).
- Những quyết định quan trọng.

- Thông qua hai báo cáo quan trọng.
  - + Báo cáo chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tổng kết kinh nghiệm đấu tranh của Đảng.
  - + Báo cáo Bàn về cách mạng Việt Nam của Tổng Bí thư Trường Chinh, nêu rõ những nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam.
- Thành lập ở mỗi nước Đông Dương một đảng Mác – Lênin riêng.
- Ở Việt Nam, Đại hội quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên mới là Đảng Lao động Việt Nam.
- Thông qua Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ mới.
- Xuất bản báo Nhân dân là cơ quan ngôn luận của Đảng.
- Bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và Trường Chinh làm Tổng Bí thư.

### 3. Ý nghĩa lịch sử

- Đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình lãnh đạo cách mạng và trưởng thành của Đảng.
- Thúc đẩy cuộc kháng chiến phát triển đi lên → là “Đại hội kháng chiến thắng lợi” và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam.

### HẬU PHƯƠNG KHÁNG CHIẾN PHÁT TRIỂN VỀ MỌI MẶT

- Thành tựu về chính trị



Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (tháng 2/1951)

- Tháng 2/1951, Đại hội đại quốc lần thứ II của Đảng đã quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam.
- Ngày 11/3/1951, Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào được thành lập, tăng cường sự đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương.
- Năm 1952, Đại hội chiến sĩ thi đua và

Cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất được tổ chức → cổ vũ nhân dân Việt Nam trong kháng chiến toàn dân, toàn diện.

- Thành tựu về kinh tế – tài chính
  - Năm 1952, Chính phủ mở cuộc vận động sản xuất và tiết kiệm.
  - Năm 1953, vùng tự do và vùng căn cứ du kích từ Liên khu IV trở ra sản xuất hàng nghìn tấn gạo...

- Chính phủ đề ra những chính sách thuế, xây dựng nền tài chính, ngân hàng, thương nghiệp. Năm 1953, lần đầu tiên đạt cân đối thu – chi.
  - Tháng 4/1953 – 7/1954, thực hiện 3 đợt giảm tô và 1 đợt cải cách ruộng đất ở 53 xã thuộc vùng tự do Thái Nguyên, Thanh Hóa...
  - Thành tựu về văn hóa – giáo dục – y tế
  - Tiếp tục thực hiện cải cách giáo dục lần thứ nhất, theo ba phương châm: phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ sản xuất.
  - Xây dựng phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng, hướng dẫn các văn nghệ sĩ hoạt động theo hướng phục vụ kháng chiến.
  - Vận động thực hiện đời sống mới, bài trừ mê tín dị đoan.
- ⇒ **Ý nghĩa:**
- Đáp ứng yêu cầu bức thiết của cuộc kháng chiến, là một trong những nhân tố góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến trên mặt trận quân sự.
  - Xây dựng những cơ sở kinh tế, văn hóa – xã hội cho chế độ dân chủ nhân dân.
  - Tạo nền móng cho việc tiến lên chủ nghĩa xã hội.

## II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

**Câu 1.** Sự kiện chính trị có ý nghĩa quyết định đưa cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946 – 1954) của nhân dân Việt Nam phát triển là

- A. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 2/1951).
- B. Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc (tháng 5/1952).
- C. Hội nghị thành lập Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào (tháng 3/1951).
- D. Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt (tháng 3/1951).

**Câu 2.** Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 2/1951) đã thông qua những văn kiện quan trọng nào?

- A. Báo cáo Chính trị và Báo cáo Bàn về cách mạng Việt Nam.
- B. Chỉ thị Toàn dân kháng chiến và tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi”.
- C. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến và Chỉ thị Toàn dân kháng chiến.
- D. Báo cáo Bàn về cách mạng Việt Nam và Chỉ thị Toàn dân kháng chiến.

**Câu 3.** Trong những năm 1950 – 1951, để can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương, Mĩ đã

- A. tăng cường viện trợ chiến phí cho Pháp lên 73%.
- B. đồng ý cho thực dân Pháp thực hiện Kế hoạch Rove.
- C. kí với Pháp Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương.
- D. viện trợ cho quân Pháp thực hiện Kế hoạch Bôlae.

**Câu 4.** Cuối năm 1950, thực dân Pháp triển khai Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi ở Việt Nam nhằm mục đích

- A. nhanh chóng kết thúc chiến tranh xâm lược.
- B. giành lại thế chủ động chiến lược ở chiến trường miền Nam.
- C. giành thắng lợi quân sự để xúc tiến thành lập chính phủ bù nhìn.
- D. tiêu diệt cơ quan đầu não của ta ở Việt Bắc.

**Câu 5.** Trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, mong muốn của Pháp khi đề ra Kế hoạch Rove (1949) và Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi (1950) là gì?

- A. Kết thúc chiến tranh trong danh dự.
- B. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh.
- C. Tiến tới kí một hiệp định có lợi cho Pháp.
- D. Giành lại quyền chủ động về chiến lược.

**Câu 6.** Nội dung nào sau đây thuộc Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi (1950) của Pháp?

- A. Lập “vành đai trắng” bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ.
- B. Nhanh chóng tiêu diệt căn cứ địa Việt Bắc.
- C. Khóa chặt biên giới Việt – Trung.
- D. Thiết lập Hành lang Đông – Tây và hệ thống lô cốt trên Đường số 4.

**Câu 7.** Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 2/1951) đã quyết định xuất bản tờ báo nào làm cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng?

- A. Thanh niên.
- B. Tiền phong.
- C. Đại đoàn kết.
- D. Nhân dân.

**Câu 8.** Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi (1950) của thực dân Pháp được đề ra trong bối cảnh lịch sử như thế nào?

- A. Mĩ đã nắm quyền điều khiển cuộc chiến tranh Đông Dương.
- B. Thực dân Pháp đã rơi vào thế bị động trên chiến trường.
- C. Thực dân Pháp đang giữ thế chủ động trên chiến trường.
- D. Tất cả các nước Đông Nam Á đã giành được độc lập.

**Câu 9.** Để đánh phá hậu phương của ta, ngoài biện pháp quân sự, Đờ Lát đơ Tátxinhi còn sử dụng biện pháp gì?

- A. Biện pháp ngoại giao, chiến tranh kinh tế.
- B. Chiến tranh tâm lí, chiến tranh kinh tế.
- C. Chiến tranh chính trị, chiến tranh tâm lí.
- D. Chiến tranh kinh tế, chiến tranh ngoại giao

**Câu 10.** Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi của Pháp thực hiện ở Đông Dương là kế hoạch quân sự

- A. Phản ánh sự nỗ lực cao nhất của Pháp và Mĩ nhằm kết thúc chiến tranh.
- B. Đánh dấu sự lệ thuộc hoàn toàn của Pháp vào Mĩ để tiếp tục cuộc chiến tranh.
- C. Phản ánh sự nỗ lực cao nhất của Pháp và Mĩ nhằm sớm kết thúc chiến tranh.
- D. Phản ánh tình thế không gì cứu vãn nổi của Pháp ở Đông Dương.

**Câu 11.** Đại hội nào của Đảng Cộng sản Đông Dương được đánh giá là “Đại hội kháng chiến thắng lợi”?

- A. Đại hội đại biểu lần thứ II (tháng 2/1951).
- B. Đại hội đại biểu lần thứ IV (tháng 12/1976).
- C. Đại hội đại biểu lần thứ III (tháng 9/1960).
- D. Đại hội đại biểu lần thứ nhất (tháng 3/1935).

**Câu 12.** Mĩ kí với Pháp Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương (tháng 12/1950) đã chứng tỏ điều gì?

- A. Mĩ đã hất cẳng Pháp độc chiếm Đông Dương.
- B. Mĩ bắt đầu dòm ngó Đông Dương.
- C. Mĩ chính thức xâm lược Đông Dương.
- D. Mĩ từng bước thay Pháp ở Đông Dương.

**Câu 13.** Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 2/1951) đã quyết định thành lập ở mỗi nước Đông Dương một Đảng Mác – Lênin vì

- A. Đặc điểm lịch sử riêng của từng quốc gia.
- B. Cuộc kháng chiến của ba nước đã giành thắng lợi.
- C. Sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản.
- D. Nguyên vọng của nhân dân ba nước Đông Dương.

**Câu 14.** Nội dung nào dưới đây không phải là chính sách kinh tế của Đảng từ năm 1951 đến năm 1953?

- A. Thực hiện vận động lao động sản xuất và tiết kiệm.
- B. Chấn chỉnh chế độ thuế khóa, xây dựng nền tài chính độc lập.
- C. Ra sắc lệnh giảm tô 25%, giảm tức, hoãn nợ, xóa nợ.
- D. Pháp động quần chúng triệt để để giảm tô và cải cách ruộng đất.

**Câu 15.** Bối cảnh lịch sử khi Pháp đề ra Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi (1950) có điểm gì khác so với Kế hoạch Rove (1949)?

- A. Thực hiện trong tình thế bị sa lầy trên chiến trường.
- B. Bị nhân dân Pháp phản đối cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.
- C. Pháp đang giành thế chủ động trên chiến trường.
- D. Mĩ bắt đầu can thiệp vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.

**Câu 16.** “Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất hoàn toàn cho dân tộc; xóa bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện “người cày có ruộng”, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho CNHỮNG ở Việt Nam.

Đoạn trích trên được nêu trong văn kiện nào sau đây?

- A. Báo cáo chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh (tháng 2/1951).
- B. Báo cáo “Bản về cách mạng Việt Nam” của Tổng Bí thư Trường Chinh (tháng 2/1951).



C. Chi thị “Toàn dân kháng chiến” của Trung ương Đảng ( 12/12/1946).

D. Tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi” của Tổng Bí thư Trường Chinh (tháng 9/1949).

**Câu 17.** Mĩ kí với Bảo Đại Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt – Mĩ (tháng 9/1951) nhằm

A. Trực tiếp rang buộc chính phủ Bảo Đại vào Mĩ.

B. Tạo đối trọng với Pháp ở Đông Dương.

C. Tăng cường vai trò của chính phủ Bảo Đại trong việc làm tay sai cho Pháp.

D. Buộc chính phủ Bảo Đại phải nhường quyền lợi cho Ngô Đình Diệm.

**Câu 18.** Trong cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp (1945 – 1954), quan điểm ‘khoan thư sức dân’ được thể hiện sâu sắc nhất trong chính sách nào sau đây của Đảng và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa?

A. Mở cuộc vận động lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm.

B. Quyết định cải cách ruộng đất và triệt để giảm tô.

C. Tiếp tục công cuộc cải cách giáo dục phổ thông một cách sâu rộng.

D. Mở Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc.

**Câu 19.** Cuộc cải cách giáo dục được Đảng và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thực hiện từ năm 1959 theo ba phương châm là

A. ‘phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ sản xuất’.

B. ‘phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ chính mình’.

C. ‘kháng chiến kiến quốc, phục vụ dân sinh, phục vụ chính mình’.

D. ‘phục vụ kháng chiến và nhà trường gắn liền với xã hội’.

**Câu 20.** Để góp phần xây dựng hậu phương về kinh tế trong cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946 – 1954) Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã

A. Hợp hội nghị đại biểu thành lập “Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào.

B. Chủ trương thành lập Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam.

C. Mở cuộc đại vận động sản xuất và thực hành tiết kiệm.

D. Quyết định phát động phong trào toàn dân xóa nạn mù chữ.

**Câu 21.** Đâu không phải là đặc điểm của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam giải đoạn 1951 – 1953?

A. Lực lượng kháng chiến của ta trưởng thành về mọi mặt.

B. Quan ta giành được nhiều thắng lợi to lớn và toàn diện.

C. Ta tiếp tục giữ vững quyền chủ động trên chiến trường.

D. Ta đẩy mạnh các hoạt động trên mặt trận ngoại giao.

**Câu 22.** Để góp phần bồi dưỡng sức gân, đầu năm 1953, Đảng và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã quyết định

A. Tiếp tục cải cách giáo dục, đẩy mạnh công tác vệ sinh phòng bệnh.

**B.** Chấn chỉnh chế độ thuế khóa, xây dựng nền tài chính, ngân hàng.

**C.** Phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất.

**Câu 23.** Bước sang giai đoạn 1951 – 1953, cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp có sự thay đổi như thế nào?

**A.** Mất quyền chủ động chiến lược trên toàn chiến trường Đông Dương.

**B.** Được đẩy mạnh và mở rộng ra toàn chiến trường Đông Nam Á.

**C.** Được đẩy mạnh nhờ sự giúp đỡ to lớn của đế quốc Mỹ.

**D.** Giữ vững quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ.

**Câu 24.** Nội dung nào sau đây không thuộc Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi (1959) của thực dân Pháp?

**A.** Thành lập vành đai trắng bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ.

**B.** Tiến hành chiến tranh tổng lực.

**C.** Ra sức phát triển nguy quân để xây dựng quân đội quốc gia.

**D.** Thiết lập “Hành lang Đông – Tây” (Hải Phòng – Hà Nội – Hòa Bình – Sơn La).

**Câu 25.** Biện pháp chung của thực dân Pháp khi tiến hành Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi (1950) và Kế hoạch Rove (1949) là

**A.** Phát triển nguy quân để xây dựng quân đội quốc gia.

**B.** Tiến hành chiến tranh tâm lý và chiến tranh tranh kinh tế với quân ta.

**C.** Gấp rút tập trung quân Âu – Phi để xây dựng lực lượng cơ động mạnh.

**D.** Bao vây, cô lập căn cứ địa Việt Bắc từ xa.

**Câu 26.** Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 2/1951) đã quyết định đổi tên Đảng thành

**A.** Đảng Dân chủ Việt Nam.

**B.** Đảng Lao động Việt Nam.

**C.** Đảng Lập hiến.

**D.** Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Câu 27.** Sắp xếp các sự kiện sau đây theo trình tự thời gian:

(1) Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương.

(2) Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất.

(3) Hội nghị đại biểu thành lập Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào.

(4) Đại hội toàn quốc thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt.

**A.** (1), (4), (3), (2).

**B.** (1), (3), (4), (2).

**C.** (3), (1), (2), (4).

**D.** (3), (2), (1), (4).

### ĐÁP ÁN

1-A	2-A	3-C	4-A	5-B	6-A	7-D	8-B	9-B	10-D
11-A	12-D	13-A	14-C	15-A	16-B	17-A	18-B	19-A	20-C
21-D	22-D	23-C	24-D	25-D	26-B	27-A			

## CHỦ ĐỀ 13: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP KẾT THÚC THẮNG LỢI (1953 – 1954)

### Mục tiêu

#### ❖ Kiến thức

- + Trình bày được âm mưu, hành động mới của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ thể hiện trong Kế hoạch Nava.
- + Tóm tắt được diễn biến và nêu được ý nghĩa của cuộc Tiến công chiến lược trong đông – xuân 1953 – 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ.
- + Trình bày nội dung cơ bản và ý nghĩa của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương.
- + Nêu và phân tích được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954).

#### ❖ Kỹ năng

- + Sử dụng SGK, tài liệu tham khảo, quan sát tranh ảnh, bản đồ, phim tư liệu, ... để đánh giá, nhận thức lịch sử.
- + Phân tích, đánh giá, tổng hợp, so sánh, ... sự kiện lịch sử.

# I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

## ÂM MƯU MỚI CỦA PHÁP, MỸ Ở ĐÔNG DƯƠNG – KẾ HOẠCH QUÂN SỰ NAVA

### 1. Kế hoạch Nava:

- Tháng 7/1953, dựa vào viện trợ và được sự đồng ý của Mỹ, Pháp đề ra kế hoạch Nava, nhằm giành thắng lợi quân sự quyết định, “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.

- Kế hoạch Nava được đề ra toàn diện, quy mô lớn, có sự cấu kết chặt chẽ của Pháp và Mỹ, gây ra cho cách mạng Việt Nam nhiều khó khăn, thách thức.

- Kế hoạch Na va ngay từ đầu đã chứa đựng mầm mống của thất bại:

+ Đề ra khi Pháp đang ở thế bị động.

+ Mâu thuẫn giữa tập trung với phân tán lực lượng; giữa thế và lực của quân Pháp với mục tiêu chiến lược mà chúng đặt ra, ...

### 2. Bối cảnh lịch sử:

- Qua 8 năm tiến hành kháng chiến kiến quốc, lực lượng cách mạng của Việt Nam ngày càng lớn mạnh.

- Thực dân Pháp thiệt hại ngày càng lớn, lâm vào thế bị động trên chiến trường.

- Mỹ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

→ Tháng 7/1953, được sự thỏa thuận của Mỹ, thực dân Pháp đề ra Kế hoạch Nava, hi vọng trong 18 tháng giành thắng lợi quân sự quyết định.

### 3. Nội dung kế hoạch Nava

- Bước 1:

+ Thời gian: từ thu – đông 1953 đến xuân năm 1954.

+ Kế hoạch:

- Phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ.
- Tiến công chiến lược để bình định Trung Bộ và Nam Đông Dương.

- Bước 2:

+ Thời gian: từ thu – đông năm 1954.

+ Kế hoạch: Tiến công chiến lược Bắc Bộ, giành thắng lợi quân sự quyết định buộc Việt Nam phải đàm phán theo những điều kiện có lợi cho Pháp.

### 4. Biện pháp thực hiện kế hoạch

- Xin Mỹ tăng thêm viện trợ quân sự (chiếm 73% chi phí chiến tranh ở Đông Dương).

- Tập trung 44/48 tiểu đoàn cơ động tại đồng bằng Bắc Bộ.



Tướng Nava (1898 - 1983)

- Mở rộng hoạt động thổ phỉ, biệt kích ở vùng rừng núi, biên giới phía Bắc.
- Mở cuộc tiến công lớn vào vùng giáp giới Ninh Bình, Thanh Hóa, ...

## CUỘC TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC ĐÔNG – XUÂN 1953 – 1954

### 1. Chủ trương, kế hoạch của Đảng

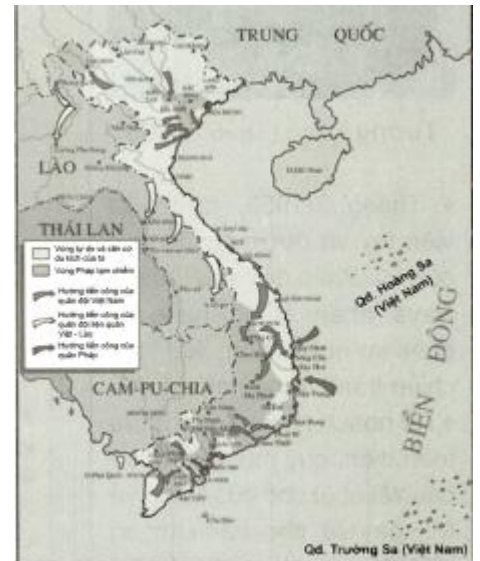
- Tháng 9/1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp và đề ra kế hoạch tác chiến trong đông – xuân 1953 – 1954.
- Phương hướng chiến lược: tập trung lực lượng mở các cuộc tiến công lớn vào những hướng quan trọng mà địch tương đối yếu → buộc địch phải bị động phân tán lực lượng ra nhiều nơi.
- Phương châm chiến lược: “Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt”, “đánh ăn chắc, tiến ăn chắc”.



Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp quyết định chủ trương tác chiến trong Đông - Xuân 1953 - 1954

### 2. Diễn biến chính:

- Cuối năm 1953, ta tiến công địch ở Lai Châu.
- Địch điều quân tăng cường cho Điện Biên Phủ, biến Điện Biên Phủ trở thành nơi tập trung binh lực thứ hai.
- Cuối năm 1953, liên quân Việt – Lào tiến công địch ở Trung Lào.
- Nava lại phải điều quân sang ứng cứu cho Xê nô, biến Xê nô là nơi tập trung binh lực thứ ba.
- Đầu năm 1954, liên quân Việt – Lào tiến công Thượng Lào.
- Nava tăng cường chốt giữ Luông Phabang, biến nơi này thành nơi tập trung binh lực thứ tư.
- Đầu năm 1954, ta tiến công địch ở Bắc Tây Nguyên.
- Nava lại phải tăng viện binh cho Plâyku, biến Plâyku là nơi tập trung binh lực thứ năm.
- Ở vùng sau lưng địch, chiến tranh du kích phát triển mạnh, tiêu diệt, tiêu hao nhiều sinh lực địch.



Lược đồ hình thái chiến trường trong Đông - Xuân 1953 - 1954

### 3. Kết quả, ý nghĩa:

- Làm phá sản bước đầu Kế hoạch quân sự Nava, buộc quân chủ lực của địch phải bị động phân tán.
- Giam chân quân Pháp tại miền rừng núi, gây nhiều bất lợi cho chúng.
- Quân dân Việt Nam giành được quyền chủ động trên các



Bộ đội Việt Nam hành quân trong chiến dịch Bắc Tây Nguyên

---

chiến trường chính ở Đông Dương.

- Chuẩn bị những điều kiên cho quân dân Việt Nam mở chiến dịch Điện Biên Phủ.

## CHIẾN DỊCH LỊCH SỬ ĐIỆN BIÊN PHỦ (1954)

- Chiến dịch Điện Biên Phủ là đỉnh cao của cuộc Tiến công chiến lược đông – xuân 1953 – 1954.  
- Chiến thắng Điện Biên Phủ là thắng lợi lớn nhất của quân dân Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp; là một trong những chiến công rực rỡ nhất của dân tộc Việt Nam trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm.

### 1. Âm mưu và hành động của Pháp – Mĩ

#### a. Âm mưu:

- Kế hoạch Nava bước đầu phá sản sau các cuộc tiến công của quân dân Việt Nam tổng đông – xuân 1963- 1954 → Pháp và Mĩ quyết định biến Điện Biên Phủ trở thành trung tâm điểm của Kế hoạch Nava.

- Thu hút chủ lực của Việt Nam tới Điện Biên Phủ để tiêu diệt, tạo điều kiện cho Pháp bình định đồng bằng Bắc Bộ, đánh chiếm liên khu V.

b. Hành động: Xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương.

### 2. Chủ trương, sự chuẩn bị của Đảng và nhân dân

#### a. Chủ trương của Đảng

Đầu tháng 12/1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ.

- Tiêu diệt lực lượng quân Pháp ở Điện Biên Phủ.

- Giải phóng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.

- Giành được thắng lợi quân sự, tạo thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao.

#### b. Sự chuẩn bị của Đảng, nhân dân

- Thành lập Bộ chỉ huy và Đảng ủy mặt trận do đồng chí Võ Nguyên Giáp là Chỉ huy trưởng, kiêm Bí thư Đảng ủy mặt trận.

- Huy động lực lượng lớn cho chiến dịch: tổng số quân là 55.000, hàng chục nghìn tấn vũ khí, lương thực, ...

### 3. Diễn biến chiến dịch

#### a. Đợt 1

Tiến công địch ở Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc, tiêu diệt cứ điểm Him Lam, Độc Lập.

#### b. Đợt 2:

Tiến công và đánh chiếm các vị trí phòng thủ của phân khu Trung tâm, chiếm phần lớn các

cứ điểm.

### c. Đợt 3

Tiến công tiêu diệt các điểm đề kháng của địch ở phân khu Trung tâm và phân khu Nam. 17 giờ 30 phút ngày 7/5/1954, tướng Đờ Cátxtori cùng toàn bộ Ban Tham mưu của địch bị bắt.

## 4. Kết quả, ý nghĩa

### a. Kết quả

Tiêu diệt, bắt sống toàn bộ quân Pháp tại Điện Biên Phủ, thu nhiều vũ khí.

### b. Ý nghĩa:

- Phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava, xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo cơ sở thực lực cho cuộc đấu tranh ngoại giao của Việt Nam.
- Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

## HIỆP ĐỊNH GIONEVO VỀ KẾT THÚC CHIẾN TRANH VÀ LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở ĐÔNG DƯƠNG (THÁNG 7/1954)

### 1. Bối cảnh kí kết

- Các nước lớn (Mỹ, Liên Xô, ...) có sự hòa hoãn trong một số vấn đề quốc tế: chia cắt nước Đức, bán đảo Triều Tiên, ...
  - Pháp thất bại nặng nề trên chiến trường Đông Dương → buộc phải chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán.
  - Việt Nam giành thắng lợi quyết định tại Điện Biên Phủ, nhưng chưa tạo được ưu thế vượt trội trong so sánh lực lượng với Pháp trên chiến trường cả nước.
- Ngày 21/7/1954, Hiệp định Gionevơ về Đông Dương được kí kết.

### 2. Nội dung Hiệp định

- Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương; cam kết không can thiệp vào công việc nội bộ của ba nước.
  - Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương.
  - Các bên tham chiến thực hiện tập kết, chuyển quân và chuyển giao khu vực.
- + Việt Nam:
- Quân đội Việt Nam và quân viễn chinh Pháp tập kết ở hai miền Bắc – Nam.
  - Lấy vĩ tuyến 17 (dọc theo sông Bến Hải ở Quảng Trị) làm giới tuyến quân sự tạm thời.

- Có một khu phi quân sự ở hai bên giới tuyến.
- + Lào: lực lượng kháng chiến tập kết ở Sầm Nưa và Phongxali.
- + Campuchia: lực lượng kháng chiến phục viên tại chỗ, không có vùng tập kết.
- Cấm đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào ba nước Đông Dương. Các nước Đông Dương không được tham gia bất cứ khối liên minh quân sự nào.
- Việt Nam tiến tới thống nhất đất nước bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước tổ chức vào tháng 7/1956, dưới sự kiểm soát và giám sát của một Ủy ban quốc tế (Ấn Độ, Ba Lan, Canada).

### 3. Ý nghĩa và hạn chế

#### a. Ý nghĩa:

- Là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận những quyền dân tộc cơ bản của các nước Đông Dương.
- Kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp; làm thất bại âm mưu kéo dài, mở rộng và quốc tế hóa chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ.
- Miền Bắc được giải phóng hoàn toàn, đi lên xây dựng XHCN.

#### b. Hạn chế:

- Thắng lợi chưa trọn vẹn vì mới giải phóng được miền Bắc.
- Thời gian chuyển giao khu vực kéo dài (300 ngày) → tạo thuận lợi cho Mỹ tìm cách chống phá.

## NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI, Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 – 1954)

### 1. Nguyên nhân thắng lợi

#### a. Nguyên nhân khách quan:

- Tinh thần đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.
- Sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô, các nước dân chủ nhân dân khác; nhân dân Pháp và loài người tiến bộ.

#### b. Nguyên nhân chủ quan:

- Sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối Chính trị - quân sự đúng đắn, sáng tạo.
- Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đoàn kết một lòng.
- Có hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước; mặt trận dân tộc thống nhất; lực lượng vũ trang ba thứ quân vững mạnh và hậu phương rộng lớn, vững chắc.



Đại hội Liên minh Việt - Miên - Lào



---

## 2. Ý nghĩa lịch sử

### a. Đối với thế giới

- Giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, nô dịch của chủ nghĩa đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa; cổ vũ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới.

### b. Đối với Việt Nam

- Chấm dứt chiến tranh xâm lược và ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỉ ở Việt Nam.
- Miền Bắc được giải phóng hoàn toàn, tiến lên xây dựng CNXH, tạo cơ sở để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

## II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

### ➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

**Câu 1:** Để đánh bại bước 1 của Kế hoạch Nava, Đảng Lao động Việt Nam chủ trương

- A. mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.
- B. mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu.
- C. tránh giao chiến với địch ở miền Bắc để chuẩn bị đàm phán.
- D. giữ vững quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ.

**Câu 2:** Hướng tiến công chiến lược của bộ đội chủ lực Việt Nam trong đông xuân 1953 – 1954 là

- A. những cứ điểm kiên cố của địch.
- B. những địa bàn có lợi cho ta và hạn chế sức mạnh của địch.
- C. những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu.
- D. nơi có tầm quan trọng bậc nhất của địch và là nơi địch mạnh nhất.

**Câu 3:** Nhằm đập tan hoàn toàn Kế hoạch Nava, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam chủ trương mở chiến dịch

- A. Tây Bắc.
- B. Thượng Lào.
- C. Tây Nguyên.
- D. Điện Biên Phủ.

---

**Câu 4:** Cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 của ta thắng lợi đã buộc địch phải phân tán lực lượng ở những địa điểm nào ?

- A. Điện Biên Phủ, Xêô, Plâyku, Luông Phabang.
- B. Lai Châu, Điện Biên Phủ, Xêô, Luông Phabang.
- C. Điện Biên Phủ, Xêô, Plâyku, Sầm Nưa.
- D. Điện Biên Phủ, Thà Khẹt, Plâyku, Luông Phabang.

**Câu 5:** Trong cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1946 – 1954), mặt trận nào có vai trò quyết định trong việc làm thất bại các kế hoạch chiến tranh của kẻ thù ?

- A. Chính trị.
- B. Quân sự.
- C. Ngoại giao.
- D. Kinh tế.

**Câu 6:** Chủ trương giải quyết mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và CNXH của Đảng ta trong thời kì 1945 – 1954 là

- A. làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.
- B. thực hiện vừa kháng chiến, vừa kiến quốc.
- C. tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược trên cả hai miền Nam – Bắc.
- D. xây dựng CNXH và bảo vệ tổ quốc XHCN.

**Câu 7:** Nội dung nào sau đây **không** phải là âm mưu của Pháp trong Kế hoạch Nava?

- A. Tăng cường hệ thống phòng ngự trên Đường số 4, thiết lập Hành lang Đông – Tây.
- B. Phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ, tiến công chiến lược để bình định Trung Bộ và Nam Đông Dương
- C. Ra sức mở rộng ngụy quân, tập trung binh lực, xây dựng đội quân cơ động chiến lược mạnh.
- D. Chuyển lực lượng ra chiến trường Bắc Bộ, thực hiện tiến công chiến lược.

**Câu 8:** Tháng 12/1953, thực dân Pháp chọn Điện Biên Phủ để xây dựng thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương nhằm mục đích chủ yếu là

- A. giành thắng lợi quân sự quyết định để kết thúc chiến tranh trong danh dự.
- B. chấp nhận một cuộc quyết chiến chiến lược và sẵn sàng nghiền nát bộ đội chủ lực của ta.

---

C. xây dựng thành căn cứ lực quân và không quân để thực hiện âm mưu xâm lược toàn Đông Dương.

D. giành lại thế chủ động chiến lược trên chiến trường chính ở Bắc Bộ.

**Câu 9:** Đảng Lao động Việt Nam đề ra phương hướng chiến lược của quân dân ta trong đông - xuân 1953 - 1954 nhằm mục đích

A. phân tán lực lượng cơ động chiến lược của Pháp ở đồng bằng Bắc Bộ.

B. phá thế bao vây cả trong lẫn ngoài của địch đối với Việt Bắc.

C. bảo vệ cơ quan đầu não và bộ đội chủ lực của ta ở Việt Bắc.

D. tiêu diệt tập đoàn cứ điểm mạnh nhất của Pháp và Mĩ ở Đông Dương.

**Câu 10:** Phương châm tiến hành cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam là

A. đánh chắc, tiến chắc.

B. đánh nhanh, thắng nhanh.

C. đánh du kích ngăn ngày.

D. thần tốc, táo bạo, bất ngờ.

**Câu 11:** Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954), thắng lợi của chiến dịch nào sau đây đã làm thay đổi cục diện chiến tranh Đông Dương?

A. Việt Bắc thu - đông (1947).

B. Biên giới thu - đông (1950).

C. Điện Biên Phủ (1954).

D. Trung Lào (1954).

**Câu 12:** Nội dung nào sau đây **không** có trong Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương?

A. Các bên thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

B. Không can thiệp vào công việc nội bộ của ba nước Đông Dương.

C. Các bên thực hiện cuộc tập kết chuyên quân, chuyển giao khu vực.

D. Lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới về lãnh thổ phân chia hai miền Nam - Bắc.

**Câu 13:** Nội dung nào **không** phải là ý nghĩa của chiến thắng Điện Biên Phủ (1954)?

A. Đánh dấu bước phát triển mới cuộc kháng chiến, Pháp rơi vào thế phòng ngự bị động.

B. Làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương

C. Tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi.

---

**D.** Chiến dịch chủ động tiến công lớn nhất của ta trong kháng chiến chống Pháp.

**Câu 14:** Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương được kí kết là sự phản ánh đầy đủ

**A.** mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với phong trào giải phóng dân tộc thế giới

**B.** mối quan hệ giữa thắng lợi của quân dân Việt Nam và xu thế chung của thế giới

**C.** tương quan lực lượng giữa quân đội nhân dân Việt Nam và quân đội Pháp.

**D.** tương quan lực lượng giữa các bên trong quá trình tham gia đàm phán

**Câu 15:** Thắng lợi nào của nhân dân Việt Nam đã mở đầu cho sự sụp đổ của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc trên phạm vi thế giới?

**A.** Cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975

**B.** Trận Điện Biên Phủ trên không (1972)

**C.** Cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Mậu Thân (1968)

**D.** Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954)

**Câu 16:** Nội dung bước 2 của Kế hoạch Nava (1953 - 1954) mà thực dân Pháp tiến hành ở Đông Dương là

**A.** phòng ngự chiến lược ở hai miền Nam - Bắc Việt Nam

**B.** tấn công chiến lược ở hai miền Nam - Bắc Việt Nam

**C.** phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ, tấn công chiến lược ở Trung Bộ và Nam Đông Dương

**D.** tiến công chiến lược ở Bắc Bộ, giành thắng lợi quân sự quyết định để kết thúc chiến tranh

**Câu 17:** Nội dung bước 1 của Kế hoạch Nava (1953 - 1954) mà thực dân Pháp tiến hành ở Đông Dương là

**A.** phòng ngự chiến lược ở hai miền Nam - Bắc Việt Nam

**B.** tấn công chiến lược ở hai miền Nam - Bắc Việt Nam

**C.** phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ, tấn công chiến lược ở Trung Bộ và Nam Đông Dương

**D.** tiến công chiến lược ở Bắc Bộ, phòng ngự chiến lược ở Trung Bộ và Nam Đông Dương

**Câu 18:** Từ thu - đông năm 1953 đến xuân năm 1954, thực dân Pháp tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam 44 tiểu đoàn quân cơ động là để

**A.** giữ thế phòng ngự chiến lược ở chiến trường chính

**B.** phá vỡ những cuộc tiến công lớn của Việt Minh ở chiến trường chính

**C.** giành thắng lợi quân sự quyết định buộc ta đàm phán trên thế thua

**D.** thực hiện tiến công chiến lược trên toàn Đông Dương

---

**Câu 19:** Các chiến dịch của bộ đội chủ lực Việt Nam trong cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954) đều

- A. kết hợp đánh du kích, phục kích với công kiên
- B. nhằm giữ vững quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ
- C. có bước phát triển về hướng tiến công chủ yếu
- D. từng bước làm phá sản kế hoạch đánh nhANH THẮNG NHANH của thực dân Pháp

**Câu 20:** Trong đông - xuân 1953 - 1954, quân ta đã chủ động tiến công quân Pháp ở các hướng

- A. Tây Bắc, Bắc Tây Nguyên, Trung Bộ, Thượng Lào
- B. Tây Bắc, Thượng Lào, Trung Bộ, Nam Đông Dương
- C. Tây Bắc, Trung Lào, Trung Bộ, Nam Đông Dương
- D. Tây Bắc, Trung Lào, Thượng Lào, Bắc Tây Nguyên

**Câu 21:** Cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 ở Việt Nam có điểm chung nào?

- A. Tiến công vào những nơi mà đối phương mạnh nhất
- B. Tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch yếu
- C. Diễn ra trong bối cảnh của cuộc Chiến tranh lạnh
- D. Nhằm mục tiêu phân tán cao độ lực lượng đối phương

**Câu 22:** Một trong những điểm khác của chiến dịch Điện Biên Phủ so với các chiến dịch trong cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 là đánh vào

- A. nơi đông dân nhiều của để cung cấp tiền lực cho chiến tranh
- B. nơi quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu
- C. nơi quan trọng về chiến lược và mạnh nhất của địch
- D. nơi tập trung các cơ quan đầu não của cả Việt Nam và Pháp

**Câu 23:** Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 -1954 của quân dân Việt Nam kết thúc thắng lợi có ý nghĩa

- A. quyết định buộc Pháp kí Hiệp định Giơnevơ
- B. đập tan hoàn toàn ý chí xâm lược của Pháp
- C. bước đầu phá sản Kế hoạch Nava của Pháp
- D. làm phá sản hoàn toàn Kế hoạch Nava của Pháp

**Câu 24:** Điểm mấu chốt khi Pháp thực hiện Kế hoạch Nava ở Việt Nam là

- 
- A. phân tán quân để giữ đất giành dân và bình định vùng chiếm đóng
  - B. đưa quân càn quét, bình định vùng chúng tam chiếm
  - C. mở những cuộc tiến công uy hiếp vùng tự do của ta, thực hiện kéo dài và mở rộng chiến tranh xâm lược
  - D. tập trung càn quét, bình định vùng chiếm đóng và tiến công vùng tự do để phá kế hoạch tiến công của ta

**Câu 25:** Điều kiện tiên quyết để Việt Nam thực hiện nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc thời kì 1946 -1954 là có

- A. chính quyền dân chủ nhân dân
- B. sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh
- C. hậu phương vững mạnh về mọi mặt
- D. lực lượng vũ trang ba thứ quân trưởng thành

**Câu 26:** Bước vào đông - xuân 1953 - 1954, âm mưu của Pháp, Mĩ là

- A. giành một thắng lợi quân sự quyết định nhằm “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.
- B. giành thắng lợi quân sự để kéo dài và quốc tế hóa cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam
- C. giành lại quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ
- D. giành thắng lợi quân sự để tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế trong cuộc chiến tranh Việt Nam

**Câu 27:** Chủ trương “tiến công vào những nơi có tầm quan trọng về chiến lược mà địch yếu” trong Đông Xuân 1953 - 1954 của quân dân Việt Nam là thực hiện kế sách

- A. điều địch để đánh địch
- B. đưa địch đến địa bàn hiểm yếu để đánh
- C. đưa địch đến địa bàn khó khăn cho chúng
- D. phân tán lực lượng địch ra nhiều nơi để đánh

**Câu 28:** Các chiến dịch của bộ đội chủ lực Việt Nam trong cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954) đều

- A. kết hợp đánh du kích, phục kích với công kiên
- B. nhằm giữ vững quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ
- C. làm phá sản các chiến lược chiến tranh của Pháp
- D. từng bước làm phá sản kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp

**Câu 29:** Các Kế hoạch Rove năm 1949, Đờ Lát đơ Tátxinhi năm 1950 và Nava năm 1953 do thực dân Pháp thực hiện trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam đều có hạn chế là gì?

- 
- A. Mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán lực lượng
  - B. Mong giành thắng lợi để nhanh chóng kết thúc chiến tranh
  - C. Ra đời trong tình thế sa lầy của chiến tranh xâm lược
  - D. Đòi hỏi với phong trào phản chiến của nhân dân tiến bộ Pháp

**Câu 30:** Điểm giống nhau về tình thế của Pháp khi tiến hành các Kế hoạch Roye, Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinh và Kế hoạch Nava trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam là

- A. đang ở thế chủ động tiên công trên các chiến trường
- B. đã bị thất bại trong các kế hoạch quân sự trước đó
- C. lâm vào thế phòng ngự trên toàn chiến trường Đông Dương
- D. đã mất quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính

**Câu 31:** Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương quy định ở Việt Nam lấy vĩ tuyến 17 (đọc sông Bến Hải - Quảng Trị) làm

- A. biên giới tạm thời.
- B. ranh giới tạm thời,
- C. giới tuyến quân sự tạm thời.
- D. vị trí tập kết của hai bên.

**Câu 32:** Thắng lợi của cuộc Tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954 của quân dân Việt Nam

- A. buộc Pháp kí Hiệp định Giơnevơ.
- B. đập tan hoàn toàn ý chí xâm lược của Pháp,
- C. buộc quân Pháp phân tán về địa hình miền núi
- D. làm phá sản hoàn toàn Kế hoạch Nava của Pháp

**Câu 33:** Mục đích cuối cùng của Pháp trong Kế hoạch Nava (1953) là

- A. giành thắng lợi quân sự quyết định nhằm kết thúc chiến tranh.
- B. tăng cường nguy quân và xây dựng đội quân cơ động chiến lược mạnh
- C. làm thất bại âm mưu của các cường quốc, độc chiếm Đông Dương.
- D. bình định Đông Dương, giành lấy nguồn nhân lực, vật lực.

**Câu 34:** Yếu tố quốc tế tác động trực tiếp đến việc kí kết Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương là

- A. xu thế hòa hoãn Đông - Tây xuất hiện.

- 
- B.** sự hòa hoãn giữa các nước lớn.
  - C.** chiến tranh Triều Tiên bùng nổ.
  - D.** xu thế toàn cầu hóa xuất hiện.

**Câu 35:** Mục đích của Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khi mở chiến dịch Điện Biên Phủ là

- A.** tiêu diệt lực lượng địch ở Điện Biên Phủ; giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.
- B.** tiêu diệt lực lượng địch ở Điện Biên Phủ, giải phóng miền Bắc Việt Nam.
- C.** giải phóng hoàn toàn miền Bắc, kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Việt Nam.
- D.** tiêu diệt lực lượng địch ở Điện Biên Phủ, giải phóng hoàn toàn miền Bắc.

1-B	2-B	3-D	4-A	5-B	6-B	7-A	8-A	9-A	10-A
11-C	12-D	13-A	14-B	15-D	16-D	17-C	18-A	19-C	20-D
21-C	22-C	23-C	24-D	25-A	26-A	27-A	28-C	29-A	30-B
31-C	32-C	33-A	34-B	35-A					



## **CHỦ ĐỀ 14: XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954 – 1965)**

### **Mục tiêu**

#### **❖ Kiến thức**

- + Hiểu được tình hình nước ta sau Hiệp định Giơnevơ, nguyên nhân của việc nước ta bị chia cắt thành hai miền.
- + Trình bày được nhiệm vụ quan trọng của cách mạng hai miền.
- + Nêu được những quyế định quan trọng của Đảng Lao động Việt Nam tại Đại hội III.
- + Trình bày được những thắng lợi quan trọng của cách mạng hai miền giai đoạn 1954 – 1960 và 1961- 1965.

#### **❖ Kỹ năng**

- + Rèn luyện các kỹ năng phân tích, đánh giá, so sánh về nhiệm vụ và những thắng lợi của cách mạng hai miền Nam – Bắc.
- + Biết sử dụng SGK, tranh ảnh, bản đồ, phim tư liệu,... để nhận thức lịch sử.

## I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

### TÌNH HÌNH VÀ NHIỆM VỤ CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM SAU HIỆP ĐỊNH GIONEVO NĂM 1954 VỀ ĐÔNG DƯƠNG

#### 1. Tình hình Việt Nam sau Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương

Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau: Miền Bắc và Miền Nam.

**a. Miền Bắc:** Miền Bắc hoàn toàn giải phóng.

- 10/10/1954: Bộ đội Việt Nam tiến vào tiếp quản Thủ đô.

- 16/5/1954: Toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà.

**b. Miền Nam:** Miền Nam vẫn còn nằm dưới ách thống trị của đế quốc, tay sai.

- 5/1956: Pháp rút khỏi miền Nam khi chưa thực hiện hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam – Bắc.

- Mĩ thay chân Pháp dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm với âm mưu:

+ Chia cắt lâu dài Việt Nam.

+ Biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của Mĩ ở Đông Nam Á, là bàn đạp tấn công ra miền Bắc, ngăn chặn làn sóng cộng sản tràn xuống phía nam.

#### 2. Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam sau năm 1954

**a. Đối với Miền Bắc:**

- Đấu tranh với Pháp để tiếp quản những vùng mới giải phóng.

- Hoàn thành cải cách ruộng đất, hàn gắn vết thương chiến tranh.

- Cải tạo quan hệ sản xuất, đưa miền Bắc tiến lên CNXH.

- Làm nghĩa vụ hậu phương lớn đối với miền Nam.

**b. Đối với Miền Nam:**

Đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm, giải phóng miền Nam → hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

**c. Nhiệm vụ chung của cách mạng cả nước:**

- Đấu tranh chống Mĩ và tay sai, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam.

- Hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.



### CÁCH MẠNG MIỀN BẮC TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1965

#### \*TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG MIỀN BẮC (1954 – 1965)

- Từ 1954 – 1960: Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất.

- Năm 1960: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng.
- 1960 – 1965: Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH.

## **1. Hoàn thành cải cách ruộng đất:**

### **a. Bối cảnh:**

- Miền Bắc đã hoàn toàn giải phóng.
- Tàn dư của chế độ phong kiến còn tồn tại (quan hệ sở hữu ruộng đất phong kiến).
- Đáp ứng nguyện vọng của nông dân, củng cố liên minh công – nông và yêu cầu chi viện từ chiến trường miền Nam → Cần nhanh chóng hoàn thành cải cách ruộng đất.

### **b. Thành tựu:**

- Trong hai năm 1954 – 1956, miền Bắc tiến hành 4 đợt cải cách ruộng đất.
- Khẩu hiệu “người cày có ruộng” đã được thực hiện.

### **c. Ý nghĩa:**

- Xóa bỏ triệt để chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến.
- Làm thay đổi bộ mặt nông thôn miền Bắc.
- Khối liên minh công – nông được củng cố.

## **2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9/1960)**

### **a. Hoàn cảnh lịch sử:**

- Cách mạng 2 miền có bước tiến quan trọng:
  - + Miền Bắc: đã hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải cách quan hệ sản xuất.
  - + Miền Nam: phong trào Đồng khởi đã chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.
- Đảng Lao động Việt Nam triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III, họp từ ngày 5 – 10/9/1960 tại Hà Nội.

### **b. Nội dung:**

- Đề ra nhiệm vụ của cách mạng cả nước, cách mạng từng miền; chỉ rõ vị trí, vai trò của cách mạng từng miền, mối quan hệ giữa cách mạng hai miền.
- + Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.
- + Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.



Nông dân phấn khởi nhận ruộng trong cải cách ruộng đất

---

+ Cách mạng hai miền có quan hệ mật thiết, gắn bó và tác động lẫn nhau nhằm hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện hòa bình, thống nhất đất nước.

- Thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo sửa đổi điều lệ Đảng và kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965).

- Bầu ban Chấp hành Trung ương mới.

### **c. Ý nghĩa:**

- Là mốc đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng.

- Là đại hội “xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh vì hòa bình thống nhất nước nhà”.

## **3. Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 – 1965)**

a. Mục tiêu: Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNXH.

### **b. Nhiệm vụ:**

- Phát triển công nghiệp, nông nghiệp.

- Tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa.

- Củng cố, tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh.

- Cải thiện đời sống nhân dân.

- Củng cố an ninh quốc phòng.

### **c. Thành tựu:**

- Nông nghiệp: xây dựng mô hình hợp tác xã, năng suất lao động tăng.

- Công nghiệp được ưu tiên xây dựng, phát triển hơn trước.

- Thương nghiệp quốc doanh phát triển.

- Hệ thống giao thông được củng cố.

- Hệ thống giáo dục được đầu tư.

- Hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe được chú trọng.

→ Ý nghĩa:

○ Tạo ra biến đổi toàn diện cho miền Bắc, chuẩn bị những điều kiện để chiến đấu chống chiến tranh phá hoại.

○ Tạo điều kiện để chi viện cho tiền tuyến ở miền Nam.

○ Là nguồn cổ vũ to lớn để nhân dân miền Nam chống Mỹ.

## **\*PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI (1959 – 1960)**

### **1. Bối cảnh lịch sử:**

- Lực lượng cách mạng được giữ gìn, phát triển trong những năm 1954 – 1959.

- Hành động khủng bố của Mỹ – Diệm.

→ Cách mạng gặp nhiều tổn thất.

→ Phải có giải pháp quyết liệt để đưa cách mạng tiến lên.

- Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1/1959) xác định nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, bằng lực lượng chính trị kết hợp với lực lượng vũ trang.

### **b. Diễn biến:**

Nổ ra lẻ tẻ ở một số địa phương như Vĩnh Thạnh (Bình Định), Trà Bồng (Quảng Ngãi).

→ Lan ra khắp miền Nam thành cao trào cách mạng. Tiêu biểu là cuộc Đồng khởi ở Bến Tre.



Quang cảnh đêm Đồng khởi năm 1960 ở Bến Tre

Nguồn ảnh: Internet

#### **Cuộc Đồng khởi ở Bến Tre**

- ◆ Nổ ra ở 3 xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh (Mỏ Cày) ngày 17/1/1960  
→ Lan ra toàn tỉnh Bến Tre.
- ◆ Kết quả: phá vỡ bộ máy cai trị của chính quyền Sài Gòn ở thôn xã.

### **c. Ý nghĩa:**

- Lực lượng cách mạng phát triển. Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (12/1960) có nhiệm vụ đoàn kết nhân dân đánh đổ ách thống trị của Mĩ – Diệm.
- Chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.
- Giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân kiểu mới của Mĩ. Làm lung lay, suy yếu chính quyền Ngô Đình Diệm.

## **MIỀN NAM ĐẤU TRANH CHỐNG CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA ĐẾ QUỐC MĨ (1961 – 1965)**

### **1. Chiến lược Chiến tranh đặc biệt:**

#### **a. Hoàn cảnh:**

- Phong trào Đồng Khởi làm phá sản Chiến lược “Chiến tranh đơn phương” của Mĩ.
- Phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới dâng cao.
- Mĩ đã chuyển sang thực hiện Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam Việt Nam.

#### **b. Đặc điểm:**

- Là một hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới.
- Tiến hành bằng quân đội Sài Gòn, dưới sự chỉ huy của cố vấn Mĩ, dựa vào phương tiện chiến tranh Mĩ.
- Âm mưu: dùng người Việt đánh người Việt.

### c. Thủ đoạn:

- Tăng cường viện trợ quân sự cho chính quyền Sài Gòn.
- Tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn.
- Sử dụng các chiến thuật mới: “trục thẳng vùn”, “thiết xa vùn”.
- Tiến hành dồn dân lập “ấp chiến lược”.
- Tiến hành các cuộc hành quân càn quét, phá hoại miền Bắc.

## 2. Thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam.

### a. Quân sự:

- Chiến thắng Ấp Bắc (2/1/1963)
  - Chứng tỏ khả năng đánh bại Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của quân dân miền Nam.
  - Dấy lên phong trào “Thi đua Ấp Bắc” giết giặc lập công.
- Chiến dịch tiến công đồng – xuân 1964 – 1965  
→ làm phá sản về cơ bản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.
- Chiến dịch tiến công xuân – hè năm 1965  
→ làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

### b. Đấu tranh chính trị trong các đô thị:

Cuộc đấu tranh của các tín đồ Phật giáo (1963), “đội quân tóc dài” ...



Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm

### c. Phong trào phá “ấp chiến lược” ở nông thôn:

Nhân dân kiên quyết bám đất, giữ làng → “Xương sống” của Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” bị bẻ gãy.

## II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

### ➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

**Câu 1:** Trong kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965) ở miền Bắc, Đảng ta đã có chủ trương gì ?

- A. Lấy nông nghiệp làm trung tâm.
- B. Lấy công nghiệp làm trung tâm.
- C. Lấy xây dựng CNXH làm trọng tâm.

**D.** Lấy thương nghiệp làm trọng tâm.

**Câu 2:** Ý nào sau đây **không** phải là nhiệm vụ của kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965) thực hiện ở miền Bắc?

- A.** Ra sức phát triển công nghiệp và nông nghiệp.
- B.** Tiếp tục cải tạo XHCN.
- C.** Củng cố quốc phòng, tăng cường trật tự và an ninh xã hội.
- D.** Đẩy mạnh phát triển văn hóa, xây dựng con người XHCN.

**Câu 3:** Nhiệm vụ chủ yếu của nhân dân miền Nam trong các năm 1954 – 1960 là

- A.** phục hồi và phát triển kinh tế công, nông nghiệp.
- B.** chống chế độ Mĩ – Diệm, gìn giữ và phát triển lực lượng.
- C.** tổng tiến công và nổi giành thắng lợi cuối cùng.
- D.** xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho CNXH.

**Câu 4:** Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng con đường

- A.** bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ – Diệm.
- B.** đấu tranh ngoại giao chống chế độ Mĩ – Diệm.
- C.** đấu tranh chính trị chống chế độ Mĩ – Diệm.
- D.** kết hợp bạo lực và hòa bình chống chế độ Mĩ – Diệm.

**Câu 5:** Ở Việt Nam, ngày 20/12/1960, tổ chức nào được thành lập?

- A.** Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.
- B.** Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.
- C.** Trung ương Cục miền Nam.
- D.** Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam

**Câu 6:** Phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960) nổ ra tiêu biểu nhất ở

- A.** Bình Định.
- B.** Ninh Thuận.
- C.** Bến Tre.
- D.** Quảng Ngãi.

**Câu 7:** Tại Đại hội đại biểu toàn Quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (1960) đã xác định cách mạng miền Nam có vai trò

- A.** quyết định nhất đối với sự phát triển cách mạng cả nước.
- B.** quyết định trực tiếp đối với sự phát triển cách mạng cả nước.
- C.** quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.
- D.** quan trọng nhất đối với sự nghiệp bảo vệ miền Bắc.

**Câu 8:** Sau Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương, thế lực cản trở nền độc lập và thống nhất của nước Việt Nam là

- A.** thực dân Pháp và tay sai.
- B.** thực dân Pháp và đế quốc Mĩ.
- C.** thực dân Pháp và chính quyền Sài Gòn.
- D.** đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn.

---

**Câu 9:** Tại Đại hội đại biểu toàn Quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (1960) đã khẳng định

- A. miền Bắc sẽ tiến hành cuộc cách mạng công nghiệp.
- B. đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH.
- C. miền Bắc trở thành địa bàn trực tiếp đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mĩ.
- D. miền Bắc phải phát triển một nền công nghiệp hiện đại.

**Câu 10:** Từ năm 1961 đến năm 1965, Mĩ thực hiện chiến lược chiến tranh nào ở miền Nam Việt Nam?

- A. “Chiến tranh đặc biệt”.
- B. “Đông Dương hóa chiến tranh”.
- C. “Chiến tranh cục bộ”.
- D. “Việt Nam hóa chiến tranh”.

**Câu 11:** Để đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965) của Mĩ, quân dân miền Nam đã tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược là

- A. rừng núi, đồng bằng ven biển và nông thôn.
- B. rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị.
- C. rừng núi, đồng bằng ven biển và đô thị.
- D. nông thôn, đồng bằng ven biển và đô thị.

**Câu 12:** Âm mưu cơ bản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là

- A. “dùng người Việt đánh người Việt”
- B. “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”
- C. “tìm diệt và bình định”.
- D. “thay màu da trên xác chết”.

**Câu 13:** Tổng thống nào của Mĩ đề ra chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam Việt Nam trong những năm 1961 – 1965?

- A. Aixenhao.
- B. Kennơđi.
- C. Giônxon.
- D. Rudoven.

**Câu 14:** Căn cứ vào hoàn cảnh thực tế ở miền Bắc sau năm 1954 và yêu cầu về quyền lợi kinh tế, chính trị của nông dân, Đảng và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quyết định

- A. cải tạo quan hệ sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội.
- B. đẩy mạnh phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất.
- C. xây dựng CNXH, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.
- D. khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

**Câu 15:** “Xương sống” của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” mà Mĩ tiến hành ở miền Nam Việt Nam là

- A. “Áp chiến lược”.
- B. “trục thẳng vận”.
- C. “thiết xa vận”.
- D. “bình định và tìm diệt”.

**Câu 16:** Đại hội đại biểu toàn Quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (1960) được xem là

- A. đại hội thực hiện thắng lợi cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước.



**B.** đại hội xây dựng CNXH ở miền Bắc.

**C.** đại hội giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà.

**D.** đại hội xây dựng CNXH ở miền Bắc, giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà.

**Câu 17:** Để đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ trong những năm 1961 – 1965, Đảng ta đã chỉ đạo quân dân miền Nam đánh địch trên cả ba mũi giáp công là

**A.** chính trị, quân sự, binh vận.

**B.** chính trị, ngoại giao, quân sự.

**C.** chính trị, ngoại giao, binh vận.

**D.** quân sự, ngoại giao, binh vận.

**Câu 18:** Chiến thắng nào của quân dân miền Nam đã mở ra khả năng hoàn toàn có thể đánh thắng chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965) của Mĩ?

**A.** Chiến thắng Bình Giã (Bà Rịa).

**B.** Chiến thắng Ba Gia (Quảng Ngãi).

**C.** Chiến thắng Đồng Xoài (Biên Hòa).

**D.** Chiến thắng Ấp Bắc (Mĩ Tho).

**Câu 19:** Chiến thắng nào của quân dân miền Nam đã làm phá sản về cơ bản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ?

**A.** Chiến thắng Ấp Bắc.

**B.** Chiến thắng Bình Giã.

**C.** Chiến thắng Đồng Xoài.

**D.** Chiến thắng Ba Gia.

**Câu 20:** Chiến thuật mới được Mĩ sử dụng trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam Việt Nam (1961 – 1965) là gì?

**A.** Càn quét, tiêu diệt lực lượng cách mạng.

**B.** “Bình định” và “tìm diệt”.

**C.** Dồn dân, lập “ấp chiến lược”.

**D.** “Trục thẳng vận”, “thiết xa vận”.

**Câu 21:** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (tháng 9/1960) đã xác định nhiệm vụ của miền Bắc là

**A.** khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

**B.** xây dựng CNXH và làm hậu phương vững chắc cho miền Nam.

**C.** chi viện tiền tuyến miền Nam và thực hiện nghĩa vụ quốc tế với Lào và Campuchia.

**D.** đánh bại chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ ở miền Bắc, chi viện cho miền Nam.

**Câu 22:** Trong cuộc chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 - 1965) của Mĩ, quân dân Việt Nam đã

**A.** tiến công địch bằng cả ba mũi chính trị, quân sự, binh vận.

**B.** có sự kết hợp giữa mặt trận quân sự với ngoại giao.

**C.** kết hợp đấu tranh trên ba mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao.

**D.** buộc Mĩ phải tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh xâm lược.

**Câu 23:** Thắng lợi của nhân dân miền Nam Việt Nam trong cuộc chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965) của Mĩ có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.
- B. Tiếp tục giữ vững và phát huy thế chủ động tiến công của cách mạng miền Nam.
- C. Bắt đầu chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ sang giai đoạn “vừa đánh vừa đàm”.
- D. Buộc Mĩ phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam.

**Câu 24:** Nội dung nào sau đây **không** phải là điều kiện dẫn đến phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960) ở Việt Nam?

- A. Chính sách khủng bố của Mĩ – Diệt hết sức tàn bạo.
- B. Quyết định đề nhân dân sử dụng bạo lực của Đảng Lao động Việt Nam.
- C. Lực lượng cách mạng miền Nam được bảo toàn qua các cuộc đấu tranh.
- D. Quân đội Mĩ đã đổ bộ vào miền Nam tham chiến.

**Câu 25:** Phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960) ở miền Nam Việt Nam có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ ở miền Nam.
- B. Tiếp tục giữ vững và phát huy thế chủ động tiến công của cách mạng miền Nam.
- C. Bắt đầu chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ sang giai đoạn “vừa đánh vừa đàm”.
- D. Buộc Mĩ phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam.

**Câu 26:** Hội nghị 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam được triệu tập trong bối cảnh

- A. tương quan lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng.
- B. Mĩ và chính quyền Sài Gòn tăng cường khủng bố phong trào cách mạng.
- C. quân đội Mĩ trực tiếp tham chiến tại chiến trường miền Nam Việt Nam.
- D. các nước XHCN ủng hộ Việt Nam đấu tranh thống nhất đất nước

**Câu 27:** Trong thời kì thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965) ở miền Nam Việt Nam Mĩ lập Áp chiến lược nhằm

- A. cô lập nhân dân với lực lượng cách mạng miền Nam.
- B. phát triển kinh tế miền Nam.
- C. cô lập cuộc kháng chiến của Việt Nam với bạn bè quốc tế.
- D. thực hiện cải cách điền địa.

**Câu 28:** Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (tháng 1/1959) quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng là vì

- A. thời cơ để cách mạng miền Nam khởi nghĩa giành chính quyền đã chín muồi.
- B. Mĩ – Diệm sử dụng bạo lực phản cách mạng để đàn áp nhân dân miền Nam.
- C. chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm rơi vào tình trạng khủng hoảng.
- D. Mĩ đã đưa quân vào miền Nam trực tiếp tham chiến.

**Câu 29:** Đặc điểm lớn nhất của cách mạng Việt Nam thời kỳ 1954 – 1975 là một Đảng lãnh đạo

- A. cả nước thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân
- B. cả nước thực hiện cuộc cách mạng XHCN.
- C. đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng ở hai miền đất nước.
- D. cả nước khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

**Câu 30:** Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (tháng 1/1959) đã quyết định để nhân dân miền Nam chuyển hướng cách mạng để đánh đổ chính quyền Mĩ – Diệm vì

- A. phương pháp đấu tranh hòa bình không còn phù hợp
- B. quân Giải phóng miền Nam đã được thành lập
- C. Mĩ thay đổi chiến lược chiến tranh ở miền Nam Việt Nam
- D. mọi xung đột chỉ có thể được giải quyết bằng vũ lực

**Câu 31:** Nguyên nhân trực tiếp dẫn tới sự thất bại của Mĩ trong việc thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965) ở miền Nam Việt Nam là do

- A. Mĩ tiến hành cuộc chiến tranh phi nghĩa
- B. quân dân miền Nam được sự giúp đỡ của các nước trên thế giới
- C. quân dân miền Nam có hậu phương miền Bắc chi viện
- D. những thắng lợi của quân dân miền Nam trên tất cả các mặt trận

**Câu 32:** Phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960) ở miền Nam Việt Nam có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công
- B. Tiếp tục giữ vững và phát huy thế chủ động tiến công của cuộc cách mạng miền Nam
- C. Bắt đầu chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ sang giai đoạn “vừa đánh vừa đàm”
- D. Buộc Mĩ phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam

**Câu 33:** Hội nghị 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam được triệu tập trong bối cảnh

- A. tương quan lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng
- B. lực lượng cách mạng ở miền Nam được bảo tồn qua đấu tranh
- C. quân đội Mĩ trực tiếp tham chiến tại chiến trường miền Nam Việt Nam
- D. các nước XHCN ủng hộ Việt Nam đấu tranh thống nhất đất nước

**Câu 34:** Sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) kết thúc, miền Bắc Việt Nam đã căn bản hoàn thành cuộc cách mạng nào?

- A. Cách mạng ruộng đất
- B. Cách mạng xã hội chủ nghĩa
- C. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân
- D. Cách mạng xanh trong nông nghiệp

**Câu 35:** Tại Đại hội đại biểu toàn Quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (1960) đã xác định cách mạng miền Bắc có vai trò

- A. quyết định nhất đối với sự phát triển cách mạng cả nước
- B. quyết định trực tiếp đối với sự phát triển cách mạng miền Nam
- C. quan trọng đối với sự phát triển cách mạng cả nước
- D. tích cực đối với sự phát triển cách mạng cả nước

**Câu 36:** Đặc điểm nổi bật nhất của Việt Nam sau khi Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương được kí kết là

- A. Pháp rút khỏi miền Bắc, miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng
- B. đất nước tạm thời bị chia cắt làm 2 miền với 2 chế độ chính trị khác nhau
- C. Pháp chấm dứt chiến tranh xâm lược Đông Dương, rút hết quân về nước
- D. Ngô Đình Diệm lên nắm quyền, Mỹ âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam

**Câu 37:** Trong những năm 1954-1960, nhiệm vụ chủ yếu của Cách mạng miền Nam là

- A. khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh
- B. củng cố lực lượng thực hiện tổng tiến công giành toàn thắng
- C. chống chế độ Mỹ – Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng
- D. đưa miền Nam theo con đường XHCN

**Câu 38:** Từ năm 1954 – 1960, nhiệm vụ chủ yếu của nhân dân miền Bắc Việt Nam là

- A. chống đế quốc Mỹ và tay sai, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất
- B. xây dựng cơ sở vật chất cho CNXH, cải tạo quan hệ sản xuất
- C. khôi phục kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất cho CNXH
- D. hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất

**Câu 39:** Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975), phương pháp bạo lực cách mạng được Đảng Lao động Việt Nam đề ra lần đầu tiên tại

- A. kì họp thứ IV Quốc hội khóa I từ ngày 20 đến 26/3/1955
- B. Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 7/1973)
- C. Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 1/1959)
- D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (tháng 9/1960)

**Câu 40:** Thắng lợi nào đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam (1954 – 1975) từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công?

- A. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972
- B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968
- C. Phong trào Đồng khởi (1960)
- D. Cuộc chiến đấu chống “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965)

**Câu 41:** Đến giữa tháng 5/1956, Pháp rút quân khỏi miền Nam Việt Nam khi chưa thực hiện nội dung điều khoản Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương là

- A. thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương
- B. tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam – Bắc Việt Nam
- C. thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân và chuyển giao khu vực
- D. rút hết các căn cứ quân sự ở Đông Dương

**Câu 42:** Ngày 16/5/1955, gắn với sự kiện lịch sử nào sau đây ở miền Bắc Việt Nam?

- A. Quân Pháp rút khỏi Hà Nội, quân ta tiến vào tiếp quản thủ đô
- B. Toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà, miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng

- C. Quân Pháp rút khỏi đảo Cát Bà, quân ta tiến vào tiếp quản Thủ đô Hà Nội
- D. Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh ra mắt nhân dân thủ đô

**Câu 43:** Giai đoạn 1953 – 1957, miền Bắc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ

- A. cải cách ruộng đất
- B. cải cách quan hệ sản xuất
- C. xây dựng cơ sở vật chất cho CNXH
- D. chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ

**Câu 44:** Đế quốc Mỹ chính thức tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất trong khi đang thực hiện chiến tranh nào ở miền Nam Việt Nam

- A. Chiến tranh đặc biệt
- B. Chiến tranh cục bộ
- C. Việt Nam hóa chiến tranh
- D. Đông Dương hóa chiến tranh

**Câu 45:** Ngày 10/10/1954, gắn với sự kiện lịch sử nào sau đây ở miền Bắc Việt Nam?

- A. Quân ta tiến vào tiếp quản Thủ đô Hà Nội
- B. Miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng
- C. Toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà
- D. Trung ương Đảng ra mắt nhân dân thủ đô

**Câu 46:** Ý nghĩa quan trọng nhất của cuộc cải cách ruộng đất (1954 – 1957) ở Việt Nam là

- A. đánh đổ giai cấp địa chủ, phong kiến
- B. đưa nông dân lên vị trí làm chủ nông thôn
- C. củng cố khối liên minh công nông
- D. thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng”

**Câu 47:** Giai đoạn 1961 – 1965, miền Bắc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ

- A. cải cách ruộng đất
- B. xây dựng cơ sở vật chất cho CNXH
- C. khôi phục kinh tế
- D. chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ

**Câu 48:** Công cụ chủ yếu của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965) của Mỹ ở miền Nam Việt Nam là

- A. quân đội Sài Gòn
- B. đồn dân lập áp chiến lược
- C. đội ngũ cố vấn Mỹ
- D. các chiến thuật “trục thẳng vận”, “thiết xa vận”

**Câu 49:** Tháng 5 – 1956, Pháp rút khỏi đảo Cát Bà (Hải Phòng) chứng tỏ

- A. miền Bắc Việt Nam hoàn toàn giải phóng
- B. cách mạng dân tộc dân chủ ở Việt Nam đã hoàn thành

C. đất nước Việt Nam đã hoàn toàn giải phóng

D. miền Nam Việt Nam hoàn toàn giải phóng

**Câu 50:** Chiến thắng Ấp Bắc (1963) của quân dân miền Nam đã

A. làm phá sản hoàn toàn chiến thuật “trục thẳng vận”, “thiết xa vận” của Mĩ

B. làm phá sản chiến thuật “tìm diệt và bình định” của Mĩ

C. đánh dấu sự phá sản về cơ bản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ

D. đánh sụp lòng tin của quân đội Sài Gòn vào trang bị vũ khí hiện đại của Mĩ

**Câu 51:** Sự kiện nào sau đây đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam (1954 – 1975)?

A. Phong trào Đồng khởi

B. Chiếm thắng Ấp Bắc

C. Chiến thắng Bình Giã

D. Chiến thắng Vạn Tường

**Câu 52:** Hình thức chính quyền cách mạng được thành lập từ thắng lợi của phong trào Đồng khởi (1960) của nhân dân miền Nam Việt Nam là

A. những ủy ban nhân dân tự quản

B. Chính phủ dân chủ cộng hòa

C. các Xô viết công – nông - binh

D. Chính phủ lâm thời công hòa miền Nam Việt Nam

**Câu 53:** Ở Việt Nam, Cách mạng tháng Tám (1945) và phong trào Đồng khởi (1959 – 1960) có điểm giống nhau là

A. có sự kết hợp giữa lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang

B. phát triển từ khởi nghĩa từng phần lên tổng khởi nghĩa

C. phát triển từ khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng

D. lực lượng vũ trang đóng vai trò quyết định thắng lợi

**Câu 54:** Sự kiện nào đánh dấu mốc miền Bắc Việt Nam hoàn toàn giải phóng?

A. Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được kí kết

B. Quân ta tiến vào tiếp quản thủ đô

C. Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh ra mắt nhân dân thủ đô

D.

**Câu 55:** Một trong những ý nghĩa của phong trào “Đồng Khởi” (1959 – 1960) ở Việt Nam là

A. chấm dứt thời kỳ ổn định tạm thời của chế độ thực dân mới của Mĩ ở miền Nam

B. tiếp tục giữ vững và phát huy thế chủ động tiến công của cách mạng miền Nam

C. bắt đầu chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ sang giai đoạn “vừa đánh vừa đàm”

D. buộc Mĩ phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam

**Câu 56:** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về ý nghĩa của chiến lược Ấp Bắc (1963)?

A. Mở ra khả năng đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ

- B. Buộc Mỹ phải chuyển sang thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh
- C. Đánh dấu sự phá sản về cơ bản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ
- D. Đánh dấu sự phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ

**Câu 57:** Nội dung nào **không** phản ánh đúng tình hình Việt Nam những năm đầu sau Hiệp định Giơnevơ (1954)?

- A. Tổng tuyển cử tự do thống nhất đất nước được thực hiện
- B. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội
- C. Pháp rút quân khi chưa thực hiện cuộc hiệp thương giữa hai miền Nam – Bắc
- D. Mỹ nhảy vào miền Nam Việt Nam, dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

**Câu 58:** Âm mưu chủ yếu của Mỹ và chính quyền Sài Gòn trong thủ đoạn dồn dân lập “ấp chiến lược” là nhằm

- A. củng cố quyền lực cho chính quyền Sài Gòn
- B. xây dựng miền Nam thành những khu biệt lập để dễ kiểm soát
- C. đẩy lực lượng cách mạng ra khỏi các xã, các ấp, tách dân khỏi cách mạng
- D. tách dân khỏi cách mạng, thực hiện chương trình bình định toàn miền Nam

**Câu 59:** Mỹ và chính quyền Sài Gòn xây dựng Ấp chiến lược ở miền Nam (1961 – 1965) nhằm

- A. làm công cụ của Chiến tranh đặc biệt
- B. tách dân ra khỏi cách mạng
- C. thực hiện chủ trương hòa bình trung lập
- D. hỗ trợ cho quân đội Sài Gòn

**Câu 60:** Thành lập chính quyền cách mạng dưới hình thức những ủy ban nhân dân tự quản là một trong những chủ trương của

- A. Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (1951)
- B. Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương (1939)
- C. Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (1960)
- D. Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (1941)

1-C	2-D	3-B	4-A	5-A	6-C	7-C	8-D	9-B	10-A
11-B	12-A	13-B	14-B	15-A	16-D	17-A	18-D	19-B	20-D
21-B	22-A	23-B	24-D	25-A	26-B	27-A	28-B	29-C	30-A
31-D	32-A	33-B	34-C	35-A	36-B	37-C	38-D	39-C	40-C
41-B	42-B	43-A	44-A	45-A	46-D	47-B	48-A	49-A	50-D
51-A	52-A	53-A	54-D	55-A	56-A	57-A	58-D	59-B	60-C

## **CHỦ ĐỀ 15: NHÂN DÂN HAI MIỀN NAM – BẮC TRỰC TIẾP ĐƯƠNG ĐẦU VỚI ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1965 – 1973)**

### **Mục tiêu**

#### **❖ Kiến thức**

- + Hiểu rõ được âm mưu, thủ đoạn, hành động của đế quốc Mỹ ở Việt Nam và Đông Dương thông qua các chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh”.
- + Trình bày và phân tích được những thắng lợi quyết định của quân dân ta trên cả hai miền đất nước chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hóa chiến tranh”, buộc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán tại Pari để bàn về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.
- + Nêu được nội dung và phân tích ý nghĩa của Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

#### **❖ Kỹ năng**

- + Sử dụng SGK, tài liệu tham khảo, quan sát tranh ảnh, bản đồ, phim tư liệu, ... để đánh giá, nhận thức lịch sử.
- + Phân tích, đánh giá, so sánh, ... các vấn đề, các sự kiện lịch sử.



# I. LÍ THUYẾT TRỌNG TÂM

## QUÂN DÂN MIỀN NAM CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH CỤC BỘ” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1965 – 1968)

### 1. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ ở miền Nam

#### a. Hoàn cảnh ra đời

Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” thất bại → giữa năm 1965, Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam.

#### b. Đặc điểm

- Là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ.
- Được tiến hành bằng lực lượng quân Mỹ, quân đội một số nước đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn.
- Âm mưu: tạo ra ưu thế về binh lực và hỏa lực, giành lại thế chủ động trên chiến trường, đẩy lực lượng vũ trang cách mạng của Việt Nam vào thế bị động, phòng ngự.

#### c. Thủ đoạn thực hiện

- Ô ạt đưa quân viễn chinh Mỹ, quân của các nước đồng minh và phương tiện chiến tranh hiện đại vào miền Nam Việt Nam.
- Tăng cường viện trợ quân sự cho chính quyền Sài Gòn.
- Mở hàng loạt các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” vào “đất thánh Việt Cộng”.
- Tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc (lần thứ nhất).



Lực lượng viễn chinh Thủy quân lục chiến của Mỹ cùng các xe thiết giáp đổ bộ vào cảng Đà Nẵng (1965)



Máy bay Mỹ ném bom miền Bắc Việt Nam

### 2. Chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ”

#### \*Thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam

#### a. Mặt trận chính trị, ngoại giao

- Ở nông thôn: phong trào đấu tranh chống ách kìm kẹp của địch, phá từng mảng “ấp chiến lược”.
- Ở thành thị: nhân dân đấu tranh đòi Mỹ rút về nước, đòi tự do dân chủ.
- Uy tín của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.
- Từ đầu năm 1967, đấu tranh ngoại giao được nâng lên thành một mặt trận.

#### b. Mặt trận quân sự

- Chiến thắng Vạn Tường (tháng 8/1965)
  - Diễn biến:
    - + Ngày 18/8/1965, Mĩ mở rộng cuộc hành quân vào Vạn Tường (Quảng Ngãi) nhằm tiêu diệt một đơn vị chủ lực của Việt Nam.
    - + Sau một ngày chiến đấu, lực lượng các mạng Việt Nam đã đẩy lùi cuộc hành quân của địch.
  - Ý nghĩa:
    - + Mở ra khả năng có thể đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.
    - + Mở ra cao trào “tìm Mĩ mà đánh”, lòng nguy mà diệt trên khắp miền Nam.
    - + Xuất hiện nhiều “vành đai diệt Mĩ”.
    - + Phong trào thi đua trở thành “dung sĩ diệt Mĩ” và “đơn vị anh hùng diệt Mĩ” diễn ra sôi nổi.
- Mùa khô thứ nhất (Đông – Xuân 1966 – 1967)
  - Mĩ mở cuộc phản công với 450 cuộc hành quân, nhằm vào 2 hướng chiến lược là: Đông Nam Bộ và Liên khu V.
  - Lực lượng cách mạng Việt Nam đánh địch trên mọi hướng, loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm nghìn tên địch, làm thất bại âm mưu của địch.
- Mùa khô thứ hai (Đông – Xuân 1966 – 1967).
  - Mĩ mở cuộc phản công với 895 cuộc hành quân, trong đó có 3 cuộc hành quân lớn, lớn nhất là cuộc hành quân Gianxon Xiti.
  - Lực lượng cách mạng Việt Nam đánh địch trên mọi hướng, loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm nghìn tên địch, làm thất bại âm mưu của địch.
- Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968),
  - Ý nghĩa:
    - Lung lay ý chí xâm lược của Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh xâm lược.
    - Mĩ phải chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, ngồi vào bàn đàm phán ở Pari để bàn về chấm dứt chiến tranh xâm lược.
    - Mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.

## **MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ NHẤT CỦA MĨ, VỪA SẢN XUẤT VÀ LÀM NGHĨA VỤ HẬU PHƯƠNG (1965 – 1968)**

### **1. Đế quốc Mĩ gây chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất**

### a. Âm mưu

- Phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng và công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.
- Ngăn chặn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam.
- Uy hiếp tinh thần, lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân Việt Nam.
- Cứu nguy cho chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, hỗ trợ cho chiến lược “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam.

### b. Thủ đoạn

- Ngày 5/8/1964, Mĩ dựng lên “Sự kiện vịnh Bắc Bộ”, vu cáo hải quân Việt Nam tấn công tàu khu trục của Mĩ.
- Ngày 7/2/1965, Mĩ chính thức tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.
- Huy động lực lượng không quân và hải quân lớn; bắn phá vào các mục tiêu quân sự, giao thông, nhà máy, trường học, nhà trẻ, bệnh viện, nhà thờ, ...

## 2. Miền Bắc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, thực hiện nghĩa vụ hậu phương

### a. Chủ trương của Đảng

Chuyển mọi hoạt động sang thời chiến, thực hiện quân sự hóa toàn dân, triệt để sơ tán, phân tán những nơi đông dân để tránh thiệt hại về người và của.

### b. Quân dân miền Bắc chống chiến tranh phá hoại

- Bắn rơi, phá hủy 3243 máy bay, trong đó có 6 máy bay B52, 3 máy bay F111; bắn chìm 143 tàu chiến, ...
- Ngày 1/11/1968, Mĩ tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc.



Dân quân tự vệ Lạch Trường (Thanh Hóa) bắn máy bay Mĩ (tháng 8/1964)

### c. Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ hậu phương

- Từ năm 1959, tuyến đường chiến lược Hồ Chí Minh trên bộ, trên biển bắt đầu được khai thông.
- 1965 – 1968, miền Bắc đã đưa hơn 30 vạn cán bộ, bộ đội và hàng chục vạn tấn vũ khí, lương thực, ... vào chiến trường miền Nam.



Tàu không số vận chuyển vũ khí qua Đường Hồ Chí Minh trên biển

Học sinh, sinh viên tích cực tham gia phong trào “Ba sẵn sàng”

**QUÂN DÂN MIỀN NAM CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH” VÀ “ĐÔNG DƯƠNG HÓA CHIẾN TRANH” CỦA ĐẾ QUỐC MĨ (1969 – 1973)**

# 1. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh”

## a. Hoàn cảnh ra đời

Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” thất bại → Mĩ đã chuyển sang thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” ở miền Nam Việt Nam và mở rộng sang thực hiện “Đông Dương hóa chiến tranh”.

## b. Đặc điểm:

- Là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mĩ.
- Quân Mĩ và quân đồng minh của Mĩ rút dần về nước (thực hiện “thay màu da trên xác chết” → giảm bớt thương vong của quân Mĩ và quân đồng minh trên chiến trường).
- Âm mưu: “Dùng người Việt đánh người Việt” → mở rộng thành “Dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”.

## c. Thủ đoạn thực hiện

- Tăng cường viện trợ quân sự cho chính quyền Sài Gòn.
- Mở các cuộc hành quân xâm lược sang Lào và Campuchia, do quân đội Sài Gòn làm lực lượng chủ lực.
- Hòa hoãn với Trung Quốc và Liên Xô nhằm hạn chế sự giúp đỡ của các nước này đối với cách mạng Việt Nam.
- Tăng cường đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân; sẵn sàng “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược khi cần thiết.

# 2. Thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam Việt Nam

## a. Phong trào chống “bình định” phá “áp chiến lược”

- Diễn ra khắp các vùng nông thôn, đồng bằng, rừng núi, ven đô thị, ...
- Lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.
- Năm 1971, lực lượng cách mạng làm chủ thêm được hàng nghìn ấp.



Nhân dân miền Nam phá “áp chiến lược”

## b. Thắng lợi quân sự

- Liên quân Việt – Campuchia đập tan cuộc hành quân xâm lược Campuchia của Mĩ và quân đội Sài Gòn (1970).
- Liên quân Việt – Lào đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn 719” của Mĩ và quân đội Sài Gòn (1971).
- Quân dân Việt Nam tiến hành cuộc Tiến công chiến lược (1972) → buộc Mĩ phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại cuộc chiến tranh xâm lược.

### **c. Thắng lợi chính trị - ngoại giao**

- 6/6/1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập, được nhiều nước công nhận và đặt quan hệ ngoại giao.
- 24 và 25/4/1970, Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương biểu thị quyết tâm đoàn kết chống Mỹ của ba nước.
- 27/1/1973, Hiệp định Pari về Việt Nam được kí kết → căn bản hoàn thành nhiệm vụ đánh cho Mỹ cút.

## **MIỀN BẮC CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ HAI, VÀA SẢN XUẤT VÀA LÀM NGHĨA VỤ HẬU PHƯƠNG**

### **1. Đế quốc Mỹ gây chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai**

#### **a. Âm mưu**

- Phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng và công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.
- Ngăn chặn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam.
- Uy hiếp tinh thần, lung lay ý chí chống Mỹ của nhân dân Việt Nam.
- Cứu nguy cho chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” ở miền Nam và ép Việt Nam kí Hiệp định Pari với các điều khoản có lợi cho Mỹ.

#### **b. Thủ đoạn**

- Ngày 16/4/1972, Mỹ chính thức tiến hành cuộc chiến tranh miền Bắc lần thứ hai bằng không quân và hải quân.
- Từ ngày 28/12 đến ngày 29/12/1972, Mỹ mở cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng nhằm được giành thắng lợi quân sự quyết định, buộc Việt Nam kí một hiệp định có lợi cho Mỹ.
- Huy động lực lượng không quân và hải quân lớn, bắn phá vào các mục tiêu quân sự, giao thông, nhà máy, trường học, nhà trẻ, bệnh viện, nhà thờ, ...

### **2. Miền Bắc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, thực hiện nghĩa vụ hậu phương**

#### **a. Chống chiến tranh phá hoại**

- Từ tháng 4/1972 đến tháng 1/1973, miền Bắc đã bắn rơi 735 máy bay, loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm phi công Mỹ.
- Quân dân miền Bắc làm nên trận “Điện Biên Phủ trên không” → buộc Mỹ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc và kí Hiệp định Pari.



## b. Thực hiện nghĩa vụ hậu phương

Trong những năm 1969 – 1973

- Hàng chục vạn thanh niên nhập ngũ bổ sung cho miền Nam Việt Nam, Lào, Campuchia.
- Đưa vào chiến trường miền Nam hàng chục vạn tấn vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng, ...



Các đơn vị bộ đội Miền Bắc "xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước"

Các đoàn xe vận tải tiếp viện cho miền Nam qua đường mòn Hồ Chí Minh

## HIỆP ĐỊNH PARI VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH, LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở VIỆT NAM (27/1/1973)

### 1. Hoàn cảnh triệu tập

- Sau đòn bất ngờ là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968) của quân dân Việt Nam → Mỹ buộc phải chấp nhận đến bàn đàm phán Pari.
- Hội nghị diễn ra căng thẳng, kéo dài từ tháng 5/1968 đến tháng 1/1973 do lập trường ngoan cố của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.



Hội nghị Pari được triệu tập (1968)

### 2. Ý nghĩa lịch sử

- Văn bản pháp lí quốc tế công nhận các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.
- Là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao.
- Việt Nam đã căn bản hoàn thành nhiệm vụ “đánh cho Mỹ cút”.



Bộ trưởng Nguyễn Thị Định (giữa) kí Hiệp định Pari (27/1/1973)

- Thay đổi so sánh lực lượng theo hướng có lợi cho cách mạng Việt Nam → tạo thế và lực để quân dân Việt Nam tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

### 3. Hoàn cảnh kí kết Hiệp định

- Các nước lớn (Mỹ – Trung Quốc, Mỹ – Liên Xô, ... ) có sự hòa hoãn với nhau trong một số vấn đề quốc tế.
- Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” (1972) của quân dân miền Bắc → buộc Mỹ phải kí kết Hiệp định Pari (27/1/1973).



Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô (L. Brezhnev) và Tổng thống Mỹ (R. Nixon) trong Hội nghị thượng đỉnh (29/5/1972)

#### 4. Nội dung Hiệp định

- Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

- Hai bên ngừng bắn ở miền Nam vào 24 giờ ngày 27/1/1973, Hoa Kỳ cam kết chấm dứt các hoạt động chống phá miền Bắc Việt Nam.

- Hoa Kỳ rút quân viễn chinh và đồng minh trong thời gian 60 ngày kể từ khi kí kết, hủy bỏ các căn cứ quân sự Mỹ, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

- Nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.

- Các bên công nhận miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị.

- Hai bên tiến hành trao trả tù binh, dân thường bị bắt.



#### SO SÁNH HIỆP ĐỊNH GIONEVO VỀ ĐÔNG DƯƠNG NĂM 1954 VÀ HIỆP ĐỊNH PARI VỀ VIỆT NAM NĂM 1973

		Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương (1954)	Hiệp định Pari về Đông Dương (1973)
<b>Hoàn cảnh</b>	<b>Giống nhau</b>	<p>- Được kí kết sau khi quân dân Việt Nam giành được những thắng lợi quân sự quyết định.</p> <p>- Kí kết trong bối cảnh các nước lớn (Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc, ...) có sự hòa hoãn.</p>	
	<b>Khác nhau</b>	<p>- Là hội nghị quốc tế (9 nước), chịu sự chi phối sâu sắc của các nước lớn.</p> <p>- Được kí kết khi thực dân Pháp bị thất bại hoàn toàn trong chiến dịch Điện Biên Phủ.</p>	<p>- Là hội nghị tại hai bên (Việt Nam và Hoa Kỳ), được quyết định bởi hai bên.</p> <p>- Được kí kết khi Mỹ mới chỉ thất bại trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” ở miền Nam và chiến tranh phá hoại lần 2 ở miền Bắc.</p>

<b>Nội dung</b>	<b>Giống nhau</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Buộc kẻ thù phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản (độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ) của Việt Nam.</li> <li>- Đặt vấn đề ngừng bắn để giải quyết các vấn đề khác bằng con đường hòa bình.</li> <li>- Đặt vấn đề thống nhất đất nước thông qua tổng tuyển cử tự do.</li> <li>- Đặt vấn đề đế quốc xâm lược phải rút quân về nước, không đặt căn cứ quân sự tại Việt Nam.</li> </ul>	
	<b>Khác nhau</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiệp định để giải quyết vấn đề chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương.</li> <li>- Quy định về thời gian rút quân của Pháp: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Rút khỏi miền Bắc Việt Nam sau 300 ngày.</li> <li>+ Rút khỏi Nam Đông Dương sau 2 năm.</li> </ul> </li> <li>- Ở Việt Nam, quân đội hai bên tham chiến thực hiện chuyển quân, chuyển giao khu vực và tập kết ở hai vùng riêng biệt.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiệp định để giải quyết vấn đề chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.</li> <li>- Mĩ phải rút hết quân đội, quân đồng minh sau 60 ngày kể từ ngày kí hiệp định.</li> <li>- Không thực hiện tập kết, chuyển quân và chuyển giao khu vực.</li> </ul>
<b>Ý nghĩa, tác động</b>	<b>Giống nhau</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là văn bản pháp lí quốc tế công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam.</li> <li>- Phản ánh, ghi nhận thắng lợi quân dân Việt Nam giành được trên chiến trường.</li> <li>- Kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của nhân dân Việt Nam, có sự kết hợp của cả 3 mặt trận: chính trị, quân sự, ngoại giao.</li> <li>- Điều đưa đến chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình.</li> <li>- Là cơ sở pháp lí để nhân dân Việt Nam tiếp tục đấu tranh cách mạng.</li> <li>- Là thắng lợi to lớn nhưng chưa trọn vẹn, vì vẫn còn tiếp tục cuộc đấu tranh chống kẻ thù.</li> </ul>	
	<b>Khác nhau</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không phản ánh được đầy đủ thắng lợi của quân dân giành được trên chiến trường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phản ánh đúng thắng lợi của quân dân Việt Nam.</li> <li>- Buộc Mĩ phải rút quân và đồng minh</li> </ul>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng.</li> <li>- Buộc Pháp phải chấm dứt chiến tranh xâm lược và rút hết quân đội về nước.</li> <li>- So sánh lực lượng giữa quân dân Việt Nam và kẻ thù sau Hiệp định Giơnevơ thay đổi không có lợi cho Việt Nam.</li> </ul>	<p>của Mỹ về nước; nhưng trên thực tế, Mỹ chưa chấp nhận việc chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam, vẫn tiếp tục viện trợ cho chính quyền Sài Gòn để tiếp tục cuộc chiến.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- So sánh lực lượng giữa quân dân Việt Nam và kẻ thù sau Hiệp định Pari thay đổi có lợi cho Việt Nam → tạo ra thời cơ thuận lợi để nhân dân Việt Nam tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.</li> </ul>
--	---	---

## II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

### ➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

**Câu 1:** Trong giai đoạn 1965 - 1968, ở hầu khắp các vùng nông thôn miền Nam nhân dân đứng lên đấu tranh

- A. trực tiếp chống quân Mỹ và quân đồng minh.
- B. chống ách kìm kẹp của địch.
- C. đòi Mỹ rút về nước, đòi tự do dân chủ.
- D. đòi thi hành Hiệp định Pari.

**Câu 2:** Trong những năm 1965 - 1968, nhân dân miền Bắc thực hiện những nhiệm vụ nào?

- A. Chiến đấu, sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương.
- B. Đảm bảo giao thông thông suốt, phục vụ chiến đấu và sản xuất.
- C. Làm nghĩa vụ hậu phương đối với Việt Nam, Lào, và Campuchia.
- D. Chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất.

**Câu 3:** Cuộc hành quân lớn nhất của Mỹ trong cuộc phản công chiến lược mùa khô 1966 - 1967 vào Đông Nam Bộ là cuộc hành quân nào?

- A. Gianxơn Xiti.
- B. Xêđanphôn.
- C. Ánh sáng sao.
- D. Atonbôơ.

**Câu 4:** “Đò qua Thạch Hãn xin chèo nhẹ Đáy sông còn đó bạn tôi nằm.

Có tuổi hai mươi đã hóa thành  
sóng nước Vỹ yên bờ mãi mãi  
ngàn năm”

Khổ thơ trên nói về cuộc chiến đấu tại mặt trận nào của quân dân miền Nam năm 1972?

- A. Tây Nguyên.
- B. Quảng Trị.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Phước Long.

**Câu 5:** Chiến thắng nào của quân dân miền Nam Việt Nam mở đầu cao trào “Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt” trên khắp miền Nam?

- A. Mùa khô 1965 - 1966.
- B. Mùa khô 1966 - 1967.
- C. Vạn Tường (1965).
- D. Ấp Bắc (1963).

**Câu 6:** Nội dung nào sau đây không phải là âm mưu chung của Mĩ khi thực hiện hai cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam

- A. Phá tiềm lực kinh tế, quốc phòng, phá công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.
- B. Ngăn chặn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam.
- C. Sử dụng bom đạn để uy hiếp tinh thần, ý chí chống Mĩ của nhân dân Việt Nam.
- D. Dùng sức mạnh bom đạn để gây sức ép với Việt Nam trên bàn đàm phán.

**Câu 7:** “Giương cao ngọn cờ đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân miền Nam, đấu tranh chống Mĩ và tay sai, nhằm thực hiện một miền Nam Việt Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, trung lập, tiến tới hoà bình thống nhất Tổ quốc”, là chủ trương đấu tranh của

- A. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.
- B. Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.
- C. quân Giải phóng miền Nam Việt Nam.
- D. Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình miền Nam Việt Nam.

**Câu 8:** Thắng lợi chính trị mở đầu của nhân dân miền Nam Việt Nam trong chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mĩ là sự ra đời của

- A. Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.
- B. quân Giải phóng miền Nam Việt Nam.
- C. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.
- D. Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình miền Nam Việt Nam.

**Câu 9:** Thủ đoạn của Mĩ khi tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam là

- A. phá hoại tình đoàn kết chiến đấu của ba nước Đông Dương.
- B. tiếp tục thực hiện âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt”.
- C. tổ chức các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” vào căn cứ quân giải phóng.
- D. cấu kết với Trung Quốc để cô lập cuộc kháng chiến của ta.

**Câu 10:** Nội dung nào dưới đây chứng tỏ cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968 của quân dân miền Nam Việt Nam đã mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước?

- A. Làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ.
- B. Làm phá sản hoàn toàn chiến lược toàn cầu của Mĩ.
- C. Buộc Mĩ phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược.

**D.** Buộc Mỹ phải rút quân khỏi miền Nam Việt Nam.

**Câu 11:** Nội dung nào sau đây **không** phải là biện pháp triển khai của Mỹ trong quá trình thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam Việt Nam?

- A.** Sử dụng các chiến thuật mới như “trục thẳng vận”, “thiết xa vận”.
- B.** Tăng cường đưa vũ khí, phương tiện chiến tranh vào miền Nam.
- C.** Tiến hành cuộc càn quét quy mô lớn vào Vạn Tường (Quảng Ngãi).
- D.** Tăng cường đưa quân Mỹ và quân đồng minh vào miền Nam.

**Câu 12:** Thắng lợi nào của quân dân Việt Nam có ý nghĩa quyết định buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam?

- A.** Trận “Điện Biên Phủ trên không”.
- B.** Trận Điện Biên Phủ ở Lai Châu.
- C.** Chiến dịch Tây Nguyên.
- D.** Chiến dịch Hồ Chí Minh.

**Câu 13:** Nội dung nào không phải là biện pháp của Mỹ khi triển khai thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965 - 1968) ở miền Nam Việt Nam?

- A.** Ô ạt đưa quân Mỹ và đồng minh Mỹ vào miền Nam Việt Nam.
- B.** Tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam lần thứ nhất.
- C.** Rút dần quân Mỹ và đồng minh khỏi chiến trường miền Nam.
- D.** Mở các cuộc hành quân tấn công vào vùng “đất thánh Việt Cộng”.

**Câu 14:** Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969 - 1973) được Mỹ đề ra ngay

- A.** chiến lược “Chiến tranh cục bộ” bị phá sản.
- B.** chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” bị phá sản.
- C.** nhân dân miền Nam đã giành thắng lợi trong phong trào “Đồng khởi”.
- D.** nhân dân miền Bắc giành thắng lợi trong trận “Điện Biên Phủ trên không”.

**Câu 15:** Thắng lợi nào của quân dân Việt Nam buộc Mỹ phải bắt đầu ngồi vào bàn đàm phán ở Pari để bàn về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam?

- A.** Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968.
- B.** Trận “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972.
- C.** Chiến dịch Tây Nguyên (24/3/1975).
- D.** Chiến dịch Hồ Chí Minh (30/4/1975).

**Câu 16:** Điểm khác biệt cơ bản giữa chiến lược “Chiến tranh cục bộ” với chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam là

- A.** sử dụng vũ khí hiện đại của Mỹ.
- B.** sử dụng lực lượng quân đội Sài Gòn làm nòng cốt.
- C.** quân Mỹ và quân đồng minh trực tiếp tham chiến.
- D.** sử dụng chiến thuật “thiết xa vận”, “trục thẳng vận”.

**Câu 17:** Âm mưu tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam lần thứ hai của Mỹ có điểm nào khác so với lần thứ nhất?

- A. Phá hoại tiềm lực kinh tế, công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.
- B. Ngăn chặn sự chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam.
- C. Ép Việt Nam phải kí Hiệp định Pari theo những điều khoản có lợi cho Mỹ.
- D. Làm lung lay ý chí quyết tâm chống Mỹ của nhân dân hai miền Nam - Bắc.

**Câu 18:** Một trong những điểm khác của Hiệp định Pari (1973) về Việt Nam so với Hiệp định Giơnevơ (1954) về Đông Dương là gì?

- A. Ký kết sau khi có thắng lợi quân sự quyết định
- B. Hòa bình được thiết lập ở miền Bắc Việt Nam
- C. Các nước đế quốc rút quân về nước
- D. Quy định vị trí đóng quân của các bên

**Câu 19:** Ba phòng tuyến mạnh nhất của địch bị ta chọc thủng trong cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 là

- A. Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ
- B. Quảng Trị, Xuân Lộc, Phước Long
- C. Đồng bằng sông Cửu Long, Nam Bộ, Tây Nguyên
- D. Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng

**Câu 20:** Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 ở miền Nam Việt Nam?

- A. Buộc Mỹ tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược.
- B. Giáng đòn nặng nề vào chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ.
- C. Buộc Mỹ phải ngừng cuộc tập kích chiến lược bằng B52 vào Hà Nội - Hải Phòng
- D. Thừa nhận sự thất bại của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

**Câu 21:** Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” và chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam có điểm khác về

- A. quy mô và bản chất chiến tranh
- B. quy mô và vai trò của người Mỹ trên chiến trường
- C. âm mưu và thủ đoạn thực hiện
- D. bản chất và vai trò của người Mỹ trên chiến trường

**Câu 22:** Điểm giống nhau giữa Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương và Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam là

- A. quân đội nước ngoài rút khỏi Việt Nam từ ngày ký hiệp định
- B. được ký kết trong bối cảnh có sự hòa hoãn giữa các nước lớn
- C. có sự tham gia đàm phán và cùng ký kết của các cường quốc
- D. quy định việc tập kết, chuyển quân và chuyển giao khu vực

---

**Câu 23:** Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương và Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam đều

- A. có quy định về việc ngừng bắn
- B. có sự tham gia kí kết của các nước lớn
- C. có điều khoản quy định việc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực
- D. có điều khoản tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam - Bắc Việt Nam

**Câu 24:** Thắng lợi của quân dân ta ở Vạn Tường (Quảng Ngãi) và 2 mùa khô (Đông - Xuân 1965 - 1966 và Đông - Xuân 1966 - 1967), đã chứng tỏ

- A. lực lượng vũ trang miền Nam ra đời và đã trưởng thành nhanh chóng
- B. lực lượng vũ trang miền Nam đã đủ sức đương đầu và đánh bại quân Mĩ
- C. quân viễn chinh Mĩ đã mất hết sức chiến đấu
- D. chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ đã thất bại hoàn toàn

**Câu 25:** Mĩ buộc phải tuyên bố “Mĩ hoá” trở lại cuộc chiến tranh xâm lược, tức thừa nhận sự thất bại của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” vì

- A. thắng lợi liên tiếp của nhân dân miền Nam trên mặt trận trong ba năm 1969, 1970, 1971
- B. đòn tấn công bất ngờ của quân ta trong cuộc Tiến công chiến lược năm 1972
- C. thắng lợi của phái đoàn ngoại giao Việt Nam trên bàn đàm phán ở Pari
- D. thắng lợi của miền Bắc trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai

**Câu 26:** Lí do cơ bản buộc Mĩ phải rút dần quân Mĩ và quân đồng minh về nước khi tiến hành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969 - 1973) là

- A. do Mĩ bị tổn thất lớn sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968
- B. phong trào phản đối chiến tranh xâm lược Việt Nam trong lòng nước Mĩ
- C. để tận dụng xương máu của người Việt Nam và Đông Dương
- D. để giảm bớt xương máu của quân Mĩ và quân đồng minh trên chiến trường

**Câu 27:** Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương và Hiệp định Paris năm 1973 về Việt Nam đều

- A. tạo ra sự thay đổi tương quan lực lượng ở miền Nam có lợi cho cách mạng
- B. tạo ra cơ sở pháp lý để nhân dân Việt Nam tiếp tục đấu tranh thống nhất
- C. đánh dấu mốc kết thúc cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhân dân ta
- D. quy định các bên tham chiến thực hiện chuyển quân theo khu vực

**Câu 28:** Các cuộc hành quân chủ yếu trong mùa khô 1965 - 1966 của Mĩ và quân đội Sài Gòn nhằm vào hai hướng chính là

- A. Đông Nam Bộ và Nam Trung Bộ
- B. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên
- C. Đông Nam Bộ và Liên khu V
- D. Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ

---

**Câu 29:** Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của nhân dân miền Nam, cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 đánh dấu

- A. sự tan rã hoàn toàn của quân đội và chính quyền Sài Gòn
- B. sự thất bại hoàn toàn của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”
- C. sự sụp đổ hoàn toàn của chiến tranh thực dân mới của Mĩ
- D. sự thất bại căn bản của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”

**Câu 30:** Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 của quân dân Việt Nam đã buộc Mĩ phải

- A. kết thúc chiến tranh xâm lược Việt Nam
- B. tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam
- C. kí Hiệp định Pari về Việt Nam
- D. bắt đầu ngồi vào bàn đàm phán với Chính phủ Việt Nam ở Pari

**Câu 31:** Một trong những chiến thắng của quân dân miền Nam Việt Nam trong chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965 - 1968) của Mĩ là

- A. Núi Thành (Quảng Nam)
- B. Bình Giã (Quảng Ngãi)
- C. Đồng Xoài (Bình Phước)
- D. An Lão (Bình Định)

**Câu 32:** “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mĩ nhất định phải rút khỏi nước ta”. Nội dung đoạn trích trên được dẫn từ tư liệu nào dưới đây?

- A. Tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi” của Trường Chinh
- B. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh
- C. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam
- D. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng Lao động Việt Nam

**Câu 33:** Lực lượng nào đóng vai trò chủ yếu trong “Chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh” (1969 - 1973) của đế quốc Mĩ ở Việt Nam?

- A. Quân Mĩ và quân đồng minh
- B. Quân đồng minh
- C. Quân đội Sài Gòn và quân đồng minh
- D. Quân đội Sài Gòn

**Câu 34:** Hướng tiến công trọng tâm của quân dân miền Nam Việt Nam trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968 là

- A. rừng núi
- B. nông thôn đồng bằng
- C. đô thị
- D. ven biển

**Câu 35:** Cuộc hành quân mang tên “Gianxon Xlti” được tiến hành trong chiến lược chiến tranh nào của Mĩ ở miền Nam Việt Nam?

- A. “Chiến tranh cục bộ” (1965 - 1968).
- B. “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969 - 1973).
- C. “Chiến tranh đơn phương” (1954 - 1960).
- D. “Chiến tranh đặc biệt” (1961 - 1965).

**Câu 36:** Điểm giống nhau cơ bản giữa chiến lược “Chiến tranh cục bộ” với chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam Việt Nam là

- A. sử dụng vũ khí hiện đại của Mỹ.
- B. quân Mỹ và quân đồng minh trực tiếp tham chiến
- C. dùng chiến thuật mới “tìm diệt và bình định”.
- D. mở rộng đánh chiếm ra toàn Đông Dương.

**Câu 37:** Chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh với chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam Việt Nam có điểm khác biệt về

- A. kết cục
- B. quy mô
- C. phương tiện
- D. bản chất

**Câu 38:** Một trong những ý nghĩa của việc kí Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam là

- A. mở ra bước ngoặt mới cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc.
- B. là mốc đánh dấu cách mạng miền Nam đã hoàn thành nhiệm vụ “đánh cho ngụy nhào”
- C. buộc phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh xâm lược Việt Nam.
- D. đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta.

**Câu 39:** Chiến thắng nào của quân dân Việt Nam được đề cập đến trong đoạn trích dưới đây: “12 ngày đêm chiến đấu và chiến thắng trên bầu trời miền Bắc cuối năm 1972 là một chiến dịch phòng không đạt tới mức tiêu diệt cao nhất, oanh liệt nhất, trong cuộc chiến đấu bảo vệ miền Bắc cũng như trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta” ?

- A. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi).
- B. Trận “Điện Biên Phủ trên không”.
- C. Trận tiến công Khe Sanh (Quảng Trị).
- D. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.

**Câu 40:** Hiệp định Pari về Việt Nam năm 1973 đã mở ra bước ngoặt mới cho cuộc kháng chiến chống Mỹ vì

- A. tạo ra sự thay đổi tương quan lực lượng ở miền Nam có lợi cho cách mạng.
- B. quyết định đề hai miền tiến hành tổng tuyển cử thống nhất đất nước
- C. đánh dấu mốc kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược của nhân dân ta.
- D. từ đây nhân dân miền Nam đã hoàn thành nhiệm vụ dân tộc, dân chủ.

**Câu 41:** Thắng lợi nào của quân dân miền Nam đã buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh xâm lược Việt Nam?

- A. Thắng lợi của nhân dân miền Bắc trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ.
- B. Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968.
- C. Thắng lợi của nhân dân miền Bắc trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ.
- D. Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” của nhân dân miền Bắc cuối năm 1972

**Câu 42:** Nội dung nào sau đây **không** phải là nội dung của Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam?

- A. Hoa Kỳ cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.
- B. Các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực.
- C. Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt.
- D. Hoa Kỳ rút hết quân đội của mình và quân các nước đồng minh.

**Câu 43:** Hướng tấn công chủ yếu của quân dân miền Nam Việt Nam trong cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 là

- A. Quảng Trị.
- B. Tây Nguyên.
- C. Sài Gòn.
- D. Đà Nẵng.

**Câu 44:** Một trong những ý nghĩa của việc kí Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam là

- A. kết quả của cuộc đấu tranh đấu tranh kiên cường, bất khuất của nhân dân ta ở hai miền.
- B. là mốc đánh dấu cách mạng miền Nam đã hoàn thành nhiệm vụ “đánh cho ngụy nhào”
- C. buộc phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh xâm lược Việt Nam.
- D. đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta.

**Câu 45:** Chiến lược Chiến tranh đặc biệt (1961 - 1965) và chiến lược Chiến tranh cục bộ (1965 - 1968) của Mỹ ở miền Nam Việt Nam có điểm khác biệt ở nội dung nào?

- A. Vai trò của quân đội Sài Gòn trên chiến trường
- B. Thực hiện chính sách bình định
- C. Âm mưu chia cắt lâu dài nước Việt Nam
- D. Âm mưu chống lại các lực lượng cách mạng

**Câu 46:** Điểm giống nhau cơ bản giữa chiến lược “Chiến tranh cục bộ” với chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam Việt Nam là

- A. thực hiện âm mưu chia cắt miền Nam Việt Nam.
- B. quân Mỹ và quân đồng minh trực tiếp tham chiến
- C. dùng chiến thuật mới “tìm diệt và bình định”
- D. mở rộng đánh chiếm ra toàn Đông Dương

**Câu 47:** Lực lượng xung kích được Mỹ sử dụng để mở rộng chiến tranh xâm lược Campuchia (1970) và tăng cường chiến tranh ở Lào (1971) là



- A. quân đội Sài Gòn.
- B. quân đồng minh và quân Mĩ.
- C. quân đội Mĩ.
- D. quân đội Sài Gòn và quân Mĩ.

**Câu 48:** Việc Mĩ tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam đánh dấu sự thất bại của chiến lược chiến tranh nào?

- A. Chiến tranh đặc biệt
- B. Chiến tranh cục bộ
- C. Việt Nam hóa chiến tranh
- D. Chiến tranh một phía

**Câu 49:** Thủ đoạn mới được Mĩ thực hiện trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” là

- A. tăng nhanh quân đội Sài Gòn.
- B. rút hết quân Mĩ về nước
- C. mở rộng chiến tranh ra miền Bắc Việt Nam
- D. cô lập Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa

**Câu 50:** Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968 là bước ngoặt cho cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân Việt Nam vì

- A. buộc quân Mĩ và quân đồng minh phải rút về nước.
- B. chuyển cuộc kháng chiến sang giai đoạn vừa đánh vừa đàm.
- C. buộc Mĩ phải chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam.
- D. làm phá sản chiến lược toàn cầu của Mĩ.

**Câu 51:** Một trong những ý nghĩa của việc kí Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam là

- A. buộc Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam.
- B. là mốc đánh dấu cách mạng miền Nam đã hoàn thành nhiệm vụ “đánh cho ngụy nhào”.
- C. buộc phải tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh xâm lược Việt Nam.
- D. đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta.

**Câu 52:** Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương và Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam đều

- A. được kí kết trong bối cảnh của cuộc Chiến tranh lạnh.
- B. có sự tham gia ký kết của tất cả các nước lớn.
- C. là văn bản pháp lí quốc tế thừa nhận các quyền dân tộc cơ bản của Đông Dương.
- D. có điều khoản tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam - Bắc Việt Nam.

---

1-B	2-A	3-A	4-B	5-C	6-D	7-B	8-C	9-C	10-A
11-A	12-A	13-C	14-A	15-A	16-C	17-C	18-D	19-A	20-C
21-B	22-B	23-A	24-B	25-B	26-A	27-B	28-C	29-D	30-B
31-A	32-B	33-D	34-C	35-A	36-A	37-B	38-A	39-B	40-A
41-B	42-B	43-A	44-A	45-A	46-A	47-A	48-C	19-D	50-B
51-A	52-A								

## **CHỦ ĐỀ 16: KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973 – 1975)**

### **Mục tiêu**

#### **❖ Kiến thức**

- + Trình bày được những âm mưu, hành động mới của Mỹ và chính quyền Sài Gòn sau Hiệp định Pari (1973) về Việt Nam và cuộc đấu tranh của quân dân miền Nam.
- + Phân tích được những điều kiện lịch sử và thời cơ mới để Đảng đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam. Nội dung của kế hoạch giải phóng miền Nam.
- + Tóm tắt diễn biến chính của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975. Phân tích được ý nghĩa của các chiến dịch trong cuộc tổng tiến công.
- + Nêu và phân tích được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

#### **❖ Kỹ năng**

- + Sử dụng SGK, tài liệu tham khảo, quan sát tranh ảnh, bản đồ, phim tư liệu... để đánh giá, nhận thức lịch sử
- + Phân tích, đánh giá, so sánh,... các vấn đề, các sự kiện lịch sử.

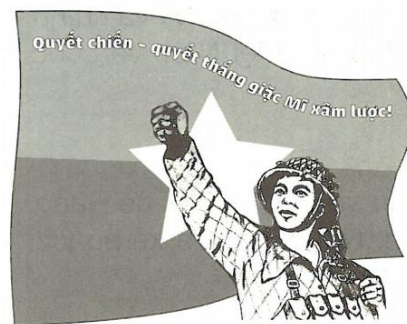
## I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

### MIỀN NAM CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐỊCH “ BÌNH ĐỊNH – LẤN CHIẾM”, TẠO THẾ VÀ LỰC TIẾN TỚI GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN

- Với Hiệp định Pari (27/1/1973), Mỹ chấp nhận rút quân về nước, song vẫn chưa từ bỏ tham vọng xâm lược miền Nam Việt Nam.

- Trong những năm 1973 – 1975, Mỹ ra sức phá hoại Hiệp định Pari, tiếp tục dùng chính quyền Sài Gòn làm công cụ để thực hiện chủ nghĩa thực dân kiểu mới ở miền Nam → thực chất là Mỹ đẩy mạnh chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân dân miền Nam kiên cường chiến đấu, đạt nhiều thắng lợi → thế và lực của Việt Nam được củng cố, mở ra triển vọng tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.



#### 1. Âm mưu – hành động mới của Mỹ và chính quyền Sài Gòn

- Âm mưu: Tiếp tục đẩy mạnh chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ tại Đông Nam Á.

- Hành động:

+ Mỹ:

- ◆ Rút quân về nước (29/3/1973) nhưng vẫn để lại hơn 2 vạn cố vấn quân sự.
- ◆ Lập Bộ chỉ huy quân sự.
- ◆ Tiếp tục viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.
- ◆ Phá hoại Hiệp định Pari về Việt Nam.

+ Chính quyền Sài Gòn:

- ◆ Tiến hành chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”.
- ◆ Liên tiếp mở những cuộc hành quân “bình định – lấn chiếm” vùng giải phóng.

#### 2. Quân dân miền Nam chiến đấu chống âm mưu và hành động của địch

- Chủ trương của Đảng: Tháng 7/1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21.

- + Kẻ thù vẫn là đế quốc Mỹ và tập đoàn tay sai Nguyễn Văn Thiệu,
- + Nhiệm vụ cơ bản: tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- + Con đường cách mạng bạo lực, nắm vững chiến lược tiến công.
- + Đấu tranh trên cả ba mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao.

- Thắng lợi tiêu biểu: Chiến thắng Đường 14 – Phước Long (6/1/1975, trận trình sát chiến lược).

- + Cho thấy sự suy yếu, bất lực của quân đội Sài Gòn.
- + Khả năng can thiệp trở lại bằng quân sự của Mỹ là rất hạn chế.
- + Cho thấy khả năng thắng lớn của quân ta.

# GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM, GIÀNH TOÀN VẬN LÃNH THỔ TỬ QUỐC (1975)

## 1. Chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam của Đảng

### - Điều kiện lịch sử:

- + Sau Hiệp định Paris, Mỹ rút quân về nước → tương quan so sánh có sự thay đổi theo hướng có lợi cho lực lượng cách mạng.
- + Cuối năm 1974, miền Bắc đã cơ bản khắc phục xong hậu quả do chiến tranh phá hoại của Mỹ, đẩy mạnh chi viện cho tiền tuyến miền Nam.
- + Chiến thắng Đường 14 – Phước Long → phản ánh:
  - ◆ Sự trưởng thành vượt bậc của quân dân Việt Nam.
  - ◆ Sự suy yếu của chính quyền Sài Gòn.
  - ◆ Khả năng can thiệp trở lại rất hạn chế của Mỹ.

- Chủ trương, kế hoạch của Đảng: Chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam của Đảng được thông qua tại hội nghị: Hội nghị Bộ Chính trị (tháng 9 – 10/1974) và Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng (cuối năm 1974 – đầu năm 1975).



Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng quyết định kế hoạch giải phóng miền Nam

- + Kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong 2 năm 1975 và 1976 → Tính đúng đắn và chủ động.
  - + “Cả năm 1975 là thời cơ”, “nếu thời cơ xuất hiện vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”. → Tính linh hoạt và sáng tạo.
  - + Tranh thủ thời cơ đánh nhanh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh. → Tính nhân văn, nhân đạo.
- Nhân xét: Chủ trương, kế hoạch của Đảng là một trong những yếu tố quan trọng đưa đến sự toàn thắng của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.

## 2. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975

### a. Chiến dịch Tây Nguyên (từ 4/3 – 24/3/1975)

- Bộ chính trị lựa chọn Tây Nguyên làm hướng tấn công chủ yếu trong năm 1975:

- + Tây Nguyên là địa bàn chiến lược hết sức quan trọng ở miền Nam Việt Nam.
- + Tây Nguyên là nơi Mỹ và chính quyền Sài Gòn có nhiều sơ hở trong chiến lược phòng ngự.

- + Tây Nguyên có địa hình thuận lợi cho việc mở chiến dịch tiến công lớn, cơ sở hậu cần vững mạnh.
- + Chiến thắng quân địch ở Tây Nguyên sẽ đưa tới tác động lớn về mặt chiến lược:
  - ◆ Phá vỡ tuyến phòng ngự của địch, thực hiện chia cắt trên chiến trường miền Nam.
  - ◆ Tạo điều kiện cho lực lượng cách mạng phát triển chiến lược tiến công trên các vùng còn lại ở miền Nam.



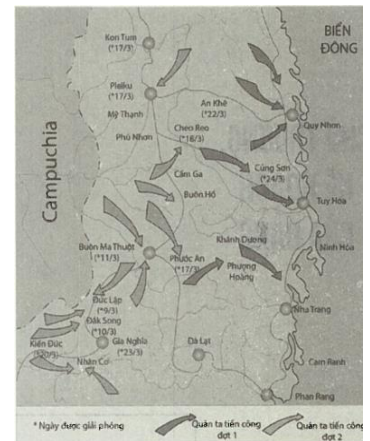
Bộ Tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên họp, thông qua phương án đánh chiếm Buôn Mê Thuột (ngày 25/2/1975, Đắk Lắk)



Quân Giải phóng đánh chiếm Buôn Mê Thuột

#### - Diễn biến chính của chiến dịch:

- + Ngày 4/3/1975, lực lượng cách mạng đánh nghi binh ở Plâyku, Kon Tum nhằm thu hút quân địch vào hướng đó.
- + Ngày 10/3/1975, lực lượng cách mạng mở trận tấn công then chốt vào Buôn Ma Thuột và giành thắng lợi.
- Ngày 12/3/1975, địch phản công nhưng thất bại.
- + Ngày 14/3/1975, Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút toàn bộ lực lượng khỏi Tây Nguyên, về giữ Duyên Hải miền Trung.
- + Ngày 24/3/1975, khu vực Tây Nguyên được giải phóng hoàn toàn.



Lược đồ chiến dịch Tây Nguyên

#### - Kết quả của chiến dịch:

- + Giải phóng toàn bộ khu vực Tây Nguyên rộng lớn với hơn 60 vạn dân.
- + Tiêu diệt, làm tan rã quân đoàn II của địch, khiến hệ thống liên hoàn của chúng trên toàn chiến trường miền Nam bị đảo lộn.

#### - Ý nghĩa của chiến dịch:

- + Mở ra quá trình sụp đổ hoàn toàn của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.
- + Chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước từ tiến công chiến lược ở Tây Nguyên phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.



Quân đội Việt Nam Cộng hòa thất bại, buộc phải tháo chạy khỏi Tây Nguyên

#### **b. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (từ 21/3 – 29/3/1975)**

- Hoàn cảnh mở chiến dịch: Thời cơ chiến lược đến nhanh, thuận lợi → ngay khi chiến dịch Tây Nguyên đang diễn ra, Bộ Chính trị đã họp và hạ quyết tâm hoàn thành kế hoạch giải phóng miền Nam trong năm 1975.

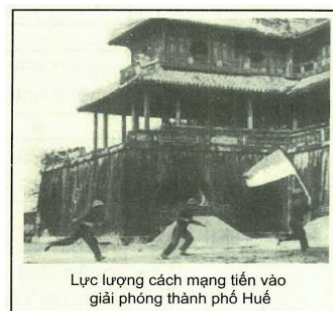
- + Phương hướng tiến công chiến lược chủ yếu là Sài Gòn.

- + Mục tiêu trước mắt là: tiêu diệt Quân đoàn I của địch (từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi).
- Đòn tiến công chiến lược Huế - Đà Nẵng được mở ra, gồm các chiến dịch diễn ra đồng thời và nối tiếp nhau là: Chiến dịch Trị - Thiên, Nam - Ngãi và Đà Nẵng.



#### - Diễn biến chính của chiến dịch:

- + Phát hiện địch co rúm tại Huế, ngày 21/3/1975, lực lượng cách mạng đã đánh chặn các đường rút chạy của chúng, hình thành thế bao vây Huế.
- + Ngày 26/3/1975, thành phố Huế và toàn tỉnh Thừa Thiên được giải phóng.
- + Cùng thời gian với mũi tấn công Huế, mũi tấn công Nam - Ngãi được tổ chức, tiêu diệt nhiều vị trí của địch ở: Tam Kỳ, Chu Lai, Quảng Ngãi,... → Đà Nẵng bị cô lập.
- + Ngày 29/3/1975, quân cách mạng từ 3 phía bắc, nam và tây tiến công giải phóng Đà Nẵng.
- + Tháng 3 - tháng 4/1975, nhân dân các tỉnh còn lại ở ven biển miền Trung, Nam Tây Nguyên và một số tỉnh Nam Bộ nổi dậy đánh địch, giành quyền làm chủ.



#### - Kết quả của chiến dịch:

- + Căn cứ quân sự liên hợp hải - lục - không quân lớn nhất của địch (Đà Nẵng) bị tiêu diệt.
- + Giải phóng được một vùng rộng lớn.

#### - Ý nghĩa của chiến dịch:

- + Gây tâm lý tuyệt vọng trong chính quyền Sài Gòn.
- + Mở ra khả năng hoàn thành giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975.

#### c. Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ 26/4 - 30/4/1975)

#### - Hoàn cảnh mở chiến dịch:



- + Chiến dịch Tây Nguyên và Huế - Đà Nẵng thắng lợi → Bộ Chính trị nhận định: “Thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam”.
- + “Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kỹ thuật và vật chất, giải phóng miền Nam trước mùa mưa”.
- + Mở cuộc tổng công kích vào Sài Gòn – Gia Định với phương châm “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”.
- + 14/4/1975, chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định được Bộ Chính trị quyết định mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh.



Bộ Chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh



Lược đồ chiến dịch Hồ Chí Minh

**- Diễn biến chính của chiến dịch:**

- + Quân cách mạng phá tan tuyến phòng thủ của địch ở Phan Rang (16/4/1975), Xuân Lộc (21/4/1975).
- + 18/4/1975, Tổng thống Mỹ ra lệnh di tản hết người Mỹ ra khỏi thành phố Sài Gòn.
- + 26/4/1975, năm cánh quân của lực lượng cách mạng tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm cơ quan đầu não của địch.
- + 10 giờ 45 phút, ngày 30/4/1975, xe tăng và bộ binh của quân Giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập → Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng.
- + 11 giờ 30 phút, ngày 30/4/1975, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập → Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.
- + Lực lượng vũ trang và nhân dân các tỉnh còn lại tiến công và nổi dậy → 2/5/1975, Châu Đốc là tỉnh cuối cùng được giải phóng.



Cuộc di tản của người Mỹ tại Sài Gòn



Xe tăng của quân cách mạng tiến vào Dinh Độc Lập (30/4/1975)

**- Kết quả của chiến dịch:**

- + Tiêu diệt hoàn toàn chính quyền Sài Gòn.
- + Giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

- Ý nghĩa của chiến dịch: Kết thúc 21 năm chống Mỹ và 30 năm đấu tranh giải phóng dân tộc → hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, mở ra kỷ nguyên mới cho lịch sử dân tộc.



Lá cờ cách mạng tung bay trên Dinh Độc Lập (30/4/1975)

**SO SÁNH CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ (1954) VÀ CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH (1975)**

	CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ (1954)	CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH (1975)
<b>HOÀN CẢNH</b>	♦ Được mở ra khi thế và lực của lực lượng cách mạng có sự phát triển vượt bậc; kẻ thù (thực dân Pháp, đế quốc Mỹ – chính quyền Sài Gòn) suy yếu.	



	♦ Diễn ra trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, song, giữa các nước lớn (Mĩ, Trung Quốc, Liên Xô,...) có sự thỏa thuận, hòa hoãn trong một số vấn đề về quốc tế.	
	♦ Được mở ra khi Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương chưa được kí kết.	♦ Được mở ra khi Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam đã được kí kết (27/1/1973).
<b>ĐỊA BÀN MỞ CHIẾN DỊCH</b>	♦ Vùng rừng núi Tây Bắc Việt Nam.	♦ Bao gồm cả đồng bằng, đô thị và nông thôn, nhưng chủ yếu là ở thành phố Sài Gòn – Gia Định.
<b>MỤC TIÊU MỞ CHIẾN DỊCH</b>	♦ Tiêu diệt lực lượng địch ở Điện Biên Phủ. ♦ Giải phóng Tây Bắc, tạo điều kiện để giải phóng Bắc Lào.	♦ Tiêu diệt các cơ quan đầu não của chính quyền Sài Gòn. ♦ Hoàn thành giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.
<b>PHƯƠNG CHÂM TÁC CHIẾN</b>	♦ Đảm bảo phương châm “đánh chắc thắng”.	
	♦ “Đánh chắc, tiến chắc”.	♦ “Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”.
<b>THỜI GIAN TIẾN HÀNH</b>	♦ 56 ngày đêm (từ ngày 13/3 đến 7/5/1954).	♦ 5 ngày (từ ngày 26/4 đến 30/4/1975).
<b>LỰC LƯỢNG THAM GIA</b>	♦ Huy động đến mức cao nhất mọi lực lượng, phương tiện vật chất – kĩ thuật để đảm bảo cho thắng lợi. ♦ Có sự tham gia của bộ đội chủ lực, lực lượng vũ trang tại chỗ, cùng nhân dân trên địa bàn chiến dịch.	
	♦ Có sự tham gia của các lực lượng thuộc quân chủng lục quân (bộ binh, công binh, pháo binh,...).	♦ Có sự mở rộng, tham gia chiến đấu của các lực lượng thuộc quân chủng lục quân (bộ binh, công binh, pháo binh, tăng – thiết giáp...).
<b>HÌNH THỨC</b>	♦ Tiến công quân sự của lực lượng vũ trang.	♦ Có sự kết hợp tiến công quân sự của lực lượng vũ trang với nổi dậy của quần chúng.
<b>ĐỐI TƯỢNG TIẾN CÔNG</b>	♦ Chủ yếu là quân viễn chinh Pháp.	♦ Chủ yếu là quân đội Sài Gòn (do quân đội Mĩ đã rút về nước).
<b>NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ</b>	♦ Tổ chức lực lượng để xây dựng thế trận bao vây, chia cắt quân địch. ♦ Thực hiện tác chiến hiệp đồng binh chủng.	
<b>KẾT THÚC</b>	♦ Thắng lợi.	
<b>Ý NGHĨA</b>	♦ Là những chiến dịch chủ động tiến công của lực lượng cách mạng Việt Nam; mang	

	tính chất của cuộc chiến nhân dân, chiến tranh giải phóng dân tộc.	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Là hai trận quyết chiến chiến lược, đỉnh cao của hai cuộc tiến công chiến lược.</li> <li>◆ Là những trận đánh mang tính chung kết của mỗi cuộc kháng chiến.</li> <li>◆ Là những chiến thắng vĩ đại trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc.</li> </ul>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Đập tan Kế hoạch Nava, xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương.</li> <li>◆ Tạo thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Kết thúc cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.</li> <li>◆ Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước.</li> </ul>

## ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT CÁC CHIẾN LƯỢC CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC CỦA MĨ THỰC HIỆN Ở MIỀN NAM VIỆT NAM (1954 – 1975)

### 1. Điểm tương đồng

- Âm mưu cơ bản:

- + Chia cắt lâu dài, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ ở Đông Nam Á.
- + Dùng miền Nam làm bàn đạp tấn công miền Bắc và phản kích phe XHCN từ phía Đông Nam Á.

- Phương thức:

- + Dựa vào bộ máy chính quyền và quân đội Sài Gòn.
- + Dựa vào cố vấn Mĩ, vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mĩ.



Một số loại vũ khí của Mĩ được sử dụng trong chiến tranh xâm lược Việt Nam

- Thủ đoạn:

- + Chú trọng chính sách bình định, nhằm chiếm đất, giành dân, cách li nhân dân miền Nam với quân giải phóng,...
- + Sử dụng viện trợ kinh tế và quân sự (của Mĩ) làm công cụ phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược.

- Bản chất: Là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, nằm trong chiến lược toàn cầu của Mĩ.

- Kết quả:



### 2. Điểm khác biệt

<i>Chiến tranh đơn phương (1954 –</i>	<i>Chiến tranh đặc biệt</i>	<i>Chiến tranh cục bộ (1965 – 1968)</i>	<i>Việt Nam hóa chiến tranh (1969 – 1973; 1973 – 1975)</i>
---------------------------------------	-----------------------------	---	--

	1960)	(1961 – 1965)		
<b>Âm mưu</b>	“Dùng người Việt đánh người Việt”.	“Dùng người Việt đánh người Việt”.	Giành lại thế chủ động trên chiến trường; đẩy mạnh về thế bị động.	“Dùng người Việt đánh người Việt” rồi mở rộng thành “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”.
<b>Lực lượng</b>	Quân đội Sài Gòn là lực lượng nòng cốt.	Quân đội Sài Gòn là lực lượng nòng cốt.	- Quân đội Mỹ, quân đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn. - Lực lượng nòng cốt là quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ.	- Quân Mỹ, đồng minh của Mỹ rút dần về nước. - Quân đội Sài Gòn được đẩy lên làm lực lượng chủ lực.
<b>Qui mô</b>	Chỉ diễn ra ở miền Nam Việt Nam.	- Diễn ra ở miền Nam. - Có một số hoạt động đánh phá miền Bắc.	- Diễn ra ở miền Nam. - Mở rộng hoạt động đánh phá miền Bắc.	Mở rộng chiến tranh xâm lược ra toàn Đông Dương (1969 – 1973).

## NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI, Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 – 1975)

### 1. Nguyên nhân thắng lợi

- Nguyên nhân khách quan:

- + Tinh thần đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.
- + Sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các nước XHCN, các lực lượng dân chủ và hòa bình trên thế giới, kể cả nhân dân Mỹ.



Hội nghị cấp cấp ba nước Đông Dương (24 và 25/4/1970)

- Nguyên nhân chủ quan:

- + Sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối chính trị - quân sự đúng đắn, sáng tạo.
- + Nhân dân Việt Nam giàu lòng yêu nước, đoàn kết nhất trí, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm.
- + Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, đáp ứng kịp thời yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.



Các thanh niên miền Bắc “xê dọc Trường Sơn đi cứu nước”

### 2. Ý nghĩa lịch sử

- Đối với thế giới:

- + Tác động mạnh mẽ đến tình hình nước Mỹ và thế giới.



Phong trào phản đối chiến tranh Việt Nam của các lực lượng dân chủ, hòa bình trên thế giới

- + Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa; cổ vũ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới.
- Đối với Việt Nam:
- + Kết thúc 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ Quốc; chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất Tổ quốc.
  - + Mở ra kỉ nguyên mới của lịch sử dân tộc – kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

## II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

### ➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

**Câu 1:** Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam tháng 7/1973, đã nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là

- A. tiếp tục cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược, sử dụng con đường hòa bình.
- B. tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, sử dụng con đường bạo lực.
- C. tiếp tục đấu tranh hòa bình đòi Mỹ thi hành Hiệp định Pari.
- D. tiếp tục đấu tranh chống nguy Sài Gòn trên mặt trận quân sự.

**Câu 2:** Chiến thắng nào đã tác động đến quyết định giải phóng miền Nam trong năm 1975 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng (từ 18/12/1974 đến 9/1/1975)?

- A. Chiến thắng Buôn Ma Thuột.
- B. Chiến thắng Tây Nguyên.
- C. Chiến thắng Quảng Trị.
- D. Chiến thắng Đường 14 - Phước Long.

**Câu 3:** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về chiến thắng Đường 14 - Phước Long (cuối năm 1974 - đầu năm 1975)?

- A. Là đòn thăm dò chiến lược quan trọng, cho thấy khả năng thắng lớn của quân ta.
- B. Là chiến thắng quyết định sự thất bại của quân đội Sài Gòn.
- C. Là chiến thắng cho thấy khả năng can thiệp trở lại của Mỹ là rất lớn.
- D. Là chiến thắng đánh dấu sự sụp đổ của chính quyền quyền Sài Gòn.

**Câu 4:** Nội dung nào sau đây **không** phải là nội dung của kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam do Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra vào cuối năm 1974 - đầu năm 1975?

- A. Giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 và 1976.
- B. Tranh thủ thời cơ đánh nhanh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân.
- C. “Nếu thời cơ đến vào đầu cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”.
- D. Giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1974 và 1975.

**Câu 5:** Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đã trải qua ba chiến dịch lớn là

- A. Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.
- B. Tây Nguyên, Quảng Nam, Huế - Đà Nẵng.
- C. Tây Nguyên, Huế, Hồ Chí Minh.
- D. Tây Nguyên, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.

**Câu 6:** Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã quyết định chọn địa bàn nào làm hướng tiến công mở đầu trong năm 1975?

- A. Tây Nguyên.
- B. Huế.
- C. Đà Nẵng.
- D. Sài Gòn.

**Câu 7:** Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã quyết định chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975 vì đây

- A. là nơi thế và lực của địch mạnh nhưng cơ sở hậu cần của ta lớn.
- B. là địa bàn chiến lược quan trọng, cả ta và địch đều muốn nắm giữ.
- C. là nơi địch bố phòng chặt chẽ, tập trung đông quân chủ lực.
- D. là nơi tập trung cơ quan đầu não của địch.

**Câu 8:** Trận then chốt mở màn cho chiến dịch Tây Nguyên (tháng 3/1975) là

- A. Plâyku.
- B. Kon Tum.
- C. Buôn Ma Thuột.
- D. Gia Lai.

**Câu 9:** Chiến thắng nào của quân dân Việt Nam trong năm 1975 đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam?

- A. Chiến thắng Phước Long.
- B. Chiến thắng Tây Nguyên.
- C. Chiến thắng Huế - Đà Nẵng.
- D. Chiến thắng Quảng Trị.

**Câu 10:** Căn cứ quân sự liên hợp lớn nhất của Mỹ và quân đội Sài Gòn trong chiến tranh xâm lược Việt Nam (1954 - 1975) là

- A. Huế.
- B. Đà Nẵng.
- C. Tây Nguyên.
- D. Sài Gòn.

**Câu 11:** Sự kiện nào báo hiệu sự toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (1975)?

- A. Ngày 30/4, xe tăng và bộ binh của ta tiến vào Dinh Độc Lập.
- B. Ngày 28/4, Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện.
- C. Ngày 30/4, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập.
- D. Ngày 26/4, quân ta tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch.

**Câu 12:** Tỉnh cuối cùng được giải phóng trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 là

- A. Xuân Lộc.
- B. Phan Rang.
- C. Sài Gòn.
- D. Châu Đốc.

**Câu 13:** Thắng lợi đó “mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỉ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế lớn và tính thời đại sâu sắc”. Đó là thắng lợi nào?

- A. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- B. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp năm 1954.

C. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ năm 1975.

D. Thắng lợi của chiến dịch “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.

**Câu 14:** Điểm khác nhau giữa Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và Chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là gì?

A. Được mở khi ta đã giành quyền chủ động trên chiến trường.

B. Là hai trận đánh quyết định, đỉnh cao của hai cuộc kháng chiến.

C. Huy động lực lượng đến mức cao nhất.

D. Địa bàn diễn ra ở vùng rừng núi.

**Câu 15:** Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 của cách mạng miền Nam, chiến dịch nào đã đập tan căn cứ quân sự liên hợp lớn nhất của Mỹ và quân đội Sài Gòn?

A. Chiến dịch Phước Long.

B. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

D. Chiến dịch Tây Nguyên.

**Câu 16:** Từ thực tiễn hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975) đã chứng minh chủ trương đánh lâu dài của Đảng ta chủ yếu là nhằm

A. tạo thế và lực để các đế quốc công nhận các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.

B. chuẩn bị lực lượng tổng phản công giành thắng lợi nhanh chóng.

C. làm thất bại hoàn toàn kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của kẻ thù.

D. giành thắng lợi từng bước, tiến lên tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định.

**Câu 17:** Hiệp định Pari về Việt Nam (27/1/1973) được kí kết có ý nghĩa gì?

A. Đánh dấu hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam.

B. Giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

C. Kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

D. Góp phần làm thay đổi so sánh lực lượng ở miền Nam có lợi cho cách mạng.

**Câu 18:** Các chiến lược chiến tranh Mỹ tiến hành ở miền Nam Việt Nam (1954 - 1975) đều sử dụng thủ đoạn

A. viện trợ về kinh tế.

B. “tìm diệt” và “bình định”.

C. xây dựng quân đội Mỹ làm nòng cốt.

D. mở rộng chiến tranh toàn Đông Dương.

**Câu 19:** Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam đều

A. mở ra kỷ nguyên mới cho lịch sử dân tộc.

B. mở ra bước ngoặt vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc thế kỉ XX.

C. kết thúc cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.

D. có ý nghĩa quyết định hoàn thành nhiệm vụ dân tộc và dân chủ.

**Câu 20:** Hình thức phát triển của cách mạng miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) là

A. chủ động tiến công bao vây địch rồi tiến hành phản công và tiến công chiến lược.

B. từ tiến công chính trị của quần chúng nhân dân đến nổi dậy của lực lượng vũ trang.

C. từ đấu tranh chính trị phát triển lên khởi nghĩa từng phần rồi chiến tranh cách mạng.

D. kết hợp khởi nghĩa từng phần và chiến tranh du kích cục bộ đến tổng khởi nghĩa.

**Câu 21:** Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam góp phần thay đổi bản đồ chính trị thế giới vì đã

- A. góp phần làm sụp đổ hệ thống chủ nghĩa thực dân trên thế giới.
- B. hoàn thành nhiệm vụ xóa bỏ tàn dư phong kiến và tư sản mại bản ở miền Nam.
- C. hoàn thành mục tiêu đấu tranh của lực lượng hòa bình, dân chủ trên thế giới.
- D. góp phần tác động đến tình hình kinh tế, chính trị và tâm lý của nước Mĩ.

**Câu 22:** Sự kiện nào đã chấm dứt hoàn toàn ách thống trị của chủ nghĩa thực dân – đế quốc trên đất nước Việt Nam?

- A. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.
- B. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- C. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- D. Hiệp định Pari về Việt Nam được kí kết.

**Câu 23:** Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 và cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 ở Việt Nam có điểm giống nhau về

- A. huy động lực lượng.
- B. hướng tiến công chủ yếu.
- C. địa bàn tác chiến.
- D. đối tượng tiến công.

**Câu 24:** Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 và cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 ở Việt Nam có điểm giống nhau về

- A. vai trò của lực lượng vũ trang.
- B. hướng tiến công chủ yếu.
- C. địa bàn tác chiến.
- D. đối tượng tiến công.

**Câu 25:** Các chiến lược chiến tranh Mĩ tiến hành ở miền Nam Việt Nam (1954 - 1975) đều

- A. dùng chính sách bình định nhằm chiếm đất, giành dân.
- B. có sự tham gia của quân viễn chinh Mĩ và đồng minh.
- C. dùng thủ đoạn “tìm diệt” và “bình định”.
- D. mở rộng chiến tranh xâm lược ra toàn Đông Dương.

**Câu 26:** Tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc - Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của nhân dân Việt Nam (1954 - 1975) là biểu hiện sinh động của sự kết hợp giữa

- A. chính trị và quân sự.
- B. hậu phương và tiền tuyến.
- C. dân tộc và thời đại.
- D. dựng nước và giữ nước.

**Câu 27:** Một trong những nét độc đáo về nghệ thuật chỉ đạo quân sự của Đảng Lao động Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975) là

- A. kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của lực lượng vũ trang.
- B. tổng công kích, tạo thời cơ để tổng khởi nghĩa thắng lợi.
- C. kết hợp khởi nghĩa với chiến tranh cách mạng.
- D. bám sát tình hình địch, chủ động, linh hoạt.

**Câu 28:** Điểm chung về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh cách mạng của Đảng ta trong các cuộc kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954) và chống Mĩ (1954 - 1975) là

- A. kết hợp khởi nghĩa từng phần với chiến tranh cách mạng.
- B. kết hợp đấu tranh trên ba mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao.
- C. giành thắng lợi từng bước đi đến giành thắng lợi hoàn toàn.

**D.** kết hợp tiến công của bộ đội chủ lực và nổi dậy của nhân dân.

**Câu 29:** Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 và Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975 ở Việt Nam có điểm khác nhau về

**A.** vai trò của lực lượng vũ trang.

**B.** tính chất của chiến dịch.

**C.** địa bàn mở chiến dịch.

**D.** sự huy động lực lượng.

**Câu 30:** Một điểm khác của chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) so với chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) là về

**A.** lãnh đạo

**B.** kết quả.

**C.** địa bàn.

**D.** tính chất.

**Câu 31:** Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam thắng lợi đã

**A.** cổ vũ cho phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

**B.** làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ.

**C.** đánh dấu hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở 3 nước Đông Dương.

**D.** đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân kiểu mới trên toàn thế giới.

**Câu 32:** Nội dung nào **không** phải là nguyên nhân khách quan làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam?

**A.** Sự chi viện của hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

**B.** Sự đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau của ba dân tộc ở Đông Dương.

**C.** Sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.

**D.** Việt Nam nhận được sự ủng hộ của các lực lượng dân chủ và hoà bình trên thế giới.

**Câu 33:** Nguyên nhân có tính chất quyết định đưa đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) là

**A.** sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng.

**B.** hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh.

**C.** tinh thần đoàn kết chiến đấu của ba nước Đông Dương.

**D.** sự ủng hộ của các lực lượng cách mạng, hòa bình trên thế giới.

**Câu 34:** Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (tháng 7/1973) được triệu tập trong bối cảnh

**A.** quân Mỹ bắt đầu trực tiếp tham gia chiến tranh ở miền Nam.

**B.** cách mạng miền Nam bắt đầu chuyển sang giai đoạn tiến công chiến lược.

**C.** cách mạng miền Nam đã hoàn thành nhiệm vụ “đánh cho Mỹ cút”.

**D.** chính quyền Ngô Đình Diệm đã khủng hoảng sâu sắc.

**Câu 35:** Sự kiện nào đánh dấu sự thất bại hoàn toàn của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ ở Miền Nam Việt Nam?

**A.** Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.

**B.** Trận “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972

**C.** Hiệp định Pari về Việt Nam được kí kết năm 1973.

**D.** Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.

**Câu 36:** Sự kiện nào sau đây đánh dấu cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước đã hoàn thành?

**A.** Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước kết thúc thắng lợi.

**B.** Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh Việt Nam được kí kết.



C. Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của nước Việt Nam thống nhất.

D. Những quyết định của kì họp đầu tiên Quốc hội khóa VI (tháng 7/1976).

**Câu 37:** Một trong những điểm khác nhau giữa Chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) với Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) ở Việt Nam là về

A. quyết tâm giành thắng lợi

B. sự huy động lực lượng.

C. cách thức tác chiến.

D. kết cục quân sự.

**Câu 38:** Tháng 1/1975, quân dân Việt Nam đã giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch nào?

A. Huế - Đà Nẵng.

B. Đường 9 - Nam Lào.

C. Đường 14 - Phước Long.

D. Tây Nguyên.

**Câu 39:** Trong hoàn cảnh lịch sử nào Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam?

A. Mĩ tăng cường viện trợ quân sự cho chính quyền Sài Gòn.

B. Mĩ giảm dần viện trợ, chính quyền Sài Gòn mất chỗ dựa.

C. Quân đội miền Bắc buộc phải rút khỏi miền Nam.

D. Mĩ có khả năng can thiệp trở lại sau chiến thắng Phước Long của ta.

**Câu 40:** Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 - 1975), nội dung nào sau đây thể hiện vai trò quyết định nhất của miền Bắc đối với cách mạng cả nước?

A. Là địa bàn đứng chân của lực lượng vũ trang quân Giải phóng.

B. Là nơi tiếp nhận, trung chuyển hàng hóa vào chiến trường miền Nam an toàn.

C. Miền Bắc trực tiếp đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mĩ.

D. Thắng lợi của miền Bắc có ý nghĩa quyết định kết thúc cuộc kháng chiến.

**Câu 41:** Trong quá trình lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, Đảng ta chỉ tiến hành bạo lực cách mạng

A. ngay khi kẻ thù sử dụng bạo lực phản cách mạng.

B. khi không thể đấu tranh bằng hòa bình.

C. khi lực lượng vũ trang ba thứ quân đã phát triển.

D. có sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.

**Câu 42:** Điều kiện thuận lợi để cuối năm 1974 đầu năm 1975 Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam là

A. so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng.

B. miền Bắc đã hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

C. Mĩ rút toàn bộ lực lượng ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

D. Mĩ không còn viện trợ kinh tế, quân sự cho chính quyền Sài Gòn.

**Câu 43:** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về chiến thắng Đường 14 - Phước Long (cuối năm 1974 - đầu năm 1975)?

A. Chứng tỏ sự suy yếu và bất lực của quân đội Sài Gòn.

B. Là chiến thắng quyết định sự thất bại hoàn toàn của quân đội Sài Gòn.

C. Cho thấy khả năng can thiệp trở lại của Mĩ là rất lớn.

D. Là chiến thắng đánh dấu sự sụp đổ của chính quyền Sài Gòn.

**Câu 44:** Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam thắng lợi đã

A. thúc đẩy cuộc đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ trên thế giới.

- B. làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ.
- C. đánh dấu hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở 3 nước Đông Dương.
- D. đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân kiểu mới trên toàn thế giới.

**Câu 45:** Yếu tố quyết định tạo nên đặc điểm độc đáo nhất của cách mạng Việt Nam trong thời kì 1954 - 1975 là

- A. Mĩ chuyển trọng tâm “chiến lược toàn cầu” sang Việt Nam.
- B. âm mưu, hành động phá hoại Hiệp định Giơnevơ của Mĩ và tay sai.
- C. ý chí chống Mĩ và tay sai của nhân dân miền Nam Việt Nam.
- D. quyết tâm thống nhất của Đảng Lao động Việt Nam và nhân dân Việt Nam.

**Câu 46:** Nội dung nào thể hiện vai trò quyết định nhất của miền Bắc đối với cách mạng cả nước?

- A. Miền Bắc trực tiếp đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mĩ.
- B. Miền Bắc đảm nhận vai trò hậu phương cho chiến trường miền Nam đánh Mĩ.
- C. Thắng lợi của miền Bắc quyết định sự thất bại Mĩ trong các chiến lược chiến tranh.
- D. Thắng lợi của miền Bắc trực tiếp buộc Mĩ chấp nhận bắt đầu đàm phán với Việt Nam.

**Câu 47:** Điểm khác nhau giữa chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 và chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975 của nhân dân Việt Nam là

- A. huy động lực lượng.      B. yếu tố thời cơ.      C. tính chất.      D. kết quả.

**Câu 48:** Tính chất bao trùm trong đường lối lãnh đạo của Đảng ta qua cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) và chống Mĩ (1954 - 1975) là gì?

- A. Tính nhân dân.      B. Tính dân chủ.      C. Tính quốc tế.      D. Tính dân chủ mới.

**Câu 49:** Nhiệm vụ hàng đầu của Việt Nam trong 30 năm chiến tranh cách mạng (1945 - 1975) là

- A. chống đế quốc và phong kiến, giành độc lập dân tộc và ruộng đất.
- B. xóa bỏ tàn dư phong kiến, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân.
- C. lật đổ ách thống trị của thực dân – đế quốc giành và bảo vệ độc lập dân tộc.
- D. lật đổ ách thống trị của thực dân, phong kiến giành và bảo vệ độc lập dân tộc.

**Câu 50:** Phong trào thi đua của phụ nữ miền Bắc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975) là phong trào

- A. “Sóng duyên hải”.      B. “Ba sẵn sàng”.
- C. “Chắc tay súng, vững tay cày”.      D. “Ba đảm đang”.

**Câu 51:** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về chiến thắng Đường 14 - Phước Long (cuối năm 1974 - đầu năm 1975)?

- A. Cho thấy khả năng can thiệp trở lại của Mĩ là rất hạn chế.
- B. Là chiến thắng quyết định sự thất bại hoàn toàn của quân đội Sài Gòn.
- C. Cho thấy khả năng can thiệp trở lại của Mĩ là rất lớn.
- D. Là chiến thắng đánh dấu sự sụp đổ của chính quyền Sài Gòn.

**Câu 52:** Sự kiện nào đã chấm dứt hoàn toàn ách thống trị của chủ nghĩa thực dân - đế quốc trên đất nước Việt Nam?

- A. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- B. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- C. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

D. Hiệp định Pari về Việt Nam được kí kết.

**Câu 53:** Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam thắng lợi

- A. là điều kiện trực tiếp để Việt Nam chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước.
- B. đã làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới.
- C. đánh dấu hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở 3 nước Đông Dương.
- D. đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân kiểu mới trên thế giới.

**Câu 54:** Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 được đánh dấu bởi sự kiện

- A. Xe tăng của quân Giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập.
- B. Lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập.
- C. Tổng thống Dương Văn Minh đầu hàng không điều kiện.
- D. Tỉnh cuối cùng ở miền Nam (Châu Đốc) được giải phóng.

**Câu 55:** Thực tiễn 30 năm chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945 - 1975) cho thấy xây dựng và củng cố hậu phương quan trọng hơn hết là nhân tố

- A. kinh tế.
- B. chính trị.
- C. quân sự.
- D. văn hóa.

**Câu 56:** Nội dung nào **không** phản ánh đúng điểm tương đồng giữa Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và Chiến dịch Hồ Chí Minh (1975)?

- A. Được mở khi ta đã giành quyền chủ động trên chiến trường.
- B. Sử dụng nghệ thuật tác chiến hiệp đồng binh chủng.
- C. Huy động lực lượng đến mức cao nhất.
- D. Phương châm “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”.

**Câu 57:** Các chiến lược chiến tranh Mỹ tiến hành ở miền Nam Việt Nam (1954 - 1975) đều

- A. nhằm ngăn chặn sự lan tràn của chủ nghĩa cộng sản.
- B. sử dụng chiến thuật “tìm diệt” và “bình định”.
- C. xây dựng quân đội Mỹ làm nòng cốt.
- D. mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

**Câu 58:** Lí giải nào sau đây phản ánh đúng và đủ nhất khi khẳng định cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đóng vai trò “quyết định nhất” đối với sự phát triển của cách mạng cả nước?

- A. Là chiến trường trực tiếp đánh Mỹ trong hai lần chiến tranh phá hoại.
- B. Hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ hậu phương đối với tiền tuyến miền Nam.
- C. Làm cho miền Bắc vững mạnh để hoàn thành các nhiệm vụ khác.
- D. Là nơi tiếp nhận, trung chuyển hàng hóa vào chiến trường miền Nam an toàn.

**Câu 59:** Trong thời kì 1954 - 1975, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam Việt Nam có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam vì cuộc cách mạng này

- A. làm thất bại hoàn toàn chiến lược toàn cầu của Mỹ.
- B. bảo vệ vững chắc hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa.
- C. trực tiếp đánh đổ ách thống trị của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.
- D. trực tiếp xóa bỏ ách áp bức, bóc lột của địa chủ và tư sản miền Nam.

**Câu 60:** Mối quan hệ của cách mạng hai miền Nam - Bắc Việt Nam thời kì 1954 - 1975 là

- A. độc lập với nhau.
- B. mật thiết, gắn bó và tác động lẫn nhau.
- C. song song với nhau.
- D. tách rời với nhau.

**Câu 61:** Thắng lợi nào dưới đây có tác dụng củng cố quyết tâm của Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam trong việc đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 và năm 1976?

- A. Chiến dịch Đường 14 - Phước Long (1974 - 1975).
- B. Hiệp định Pari về Việt Nam được kí kết (1/1973).
- C. Trận “Điện Biên Phủ trên không” (1972).
- D. Chiến dịch Tây Nguyên (3/1975).

**Câu 62:** Một trong những điểm giống nhau giữa các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt Nam (1954 - 1975) là đều

- A. có sự tham chiến trực tiếp của lực lượng quân đội viễn chinh Mỹ.
- B. thực hiện âm mưu “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”.
- C. sử dụng quân đội Sài Gòn làm lực lượng chiến đấu chủ yếu trên chiến trường.
- D. dựa vào vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại do Mỹ cung cấp.

**Câu 63:** Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), nội dung nào thể hiện vai trò quyết định nhất của miền Bắc đối với cách mạng cả nước?

- A. Miền Bắc trực tiếp đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ.
- B. Là chiến trường trực tiếp đánh Mỹ trong hai lần chiến tranh phá hoại.
- C. Miền Bắc là địa bàn đứng chân của lực lượng quân Giải phóng.
- D. Thắng lợi của miền Bắc có ý nghĩa quyết định kết thúc cuộc kháng chiến.

**Câu 64:** Điểm giống nhau giữa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) và Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là

- A. có sự kết hợp giữa tiến công và nổi dậy.
- B. có sự kết hợp giữa hai lực lượng chính trị và vũ trang.
- C. diễn ra khi có yếu tố thời cơ thuận lợi.
- D. lực lượng chính trị đóng vai trò quyết định thắng lợi.

**Câu 65:** Thực tiễn 30 năm chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945 - 1975) cho thấy chiến tranh nhân dân được biểu hiện ở nhiều nội dung, **ngoại trừ**

- A. lực lượng vũ trang gồm quân đội chính quy và các lực lượng vũ trang địa phương.
- B. chủ động đánh địch mọi lúc mọi nơi, đánh địch trong thời gian ngắn.
- C. tiến hành một cuộc chiến tranh không có chiến tuyến rõ rệt.
- D. diễn ra với sự kết hợp đánh tiêu diệt và đánh tiêu hao.

**Câu 66:** Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (tháng 7 - 1973) được triệu tập trong bối cảnh

- A. quân Mỹ bắt đầu trực tiếp tham gia chiến tranh ở miền Nam.
- B. cách mạng miền Nam bắt đầu chuyển sang giai đoạn tiến công chiến lược.
- C. Mỹ đã buộc phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.
- D. chính quyền Ngô Đình Diệm đã khủng hoảng sâu sắc.

**Câu 67:** Từ năm 1945 đến năm 1975, mục tiêu số một của cách mạng Việt Nam là

- A. lật đổ thực dân và phong kiến.
- B. thống nhất đất nước.
- C. xây dựng xã hội chủ nghĩa.
- D. triệt để xóa bỏ tàn dư phong kiến.

**Câu 68:** Các chiến lược chiến tranh Mỹ tiến hành ở miền Nam Việt Nam (1954 - 1975) đều

- A. sử dụng lực lượng cố vấn Mỹ.
- B. sử dụng chiến thuật “tìm diệt và “bình định”.
- C. xây dựng quân đội Mỹ làm nòng cốt.
- D. mở rộng chiến tranh toàn Đông Dương.

**Câu 69:** Đặc điểm lớn nhất, độc đáo nhất của cách mạng Việt Nam thời kì 1954 - 1975 là một Đảng lãnh đạo nhân dân

- A. tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng ở hai miền Nam - Bắc.
- B. thực hiện nhiệm vụ đưa cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- C. hoàn thành cách mạng dân chủ và xã hội chủ nghĩa trong cả nước.
- D. hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân trong cả nước.

**Câu 70:** Ở Việt Nam cuộc kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954) có điểm khác biệt so với cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975) là

- A. cuộc chiến của toàn dân tộc, lấy lực lượng vũ trang ba thứ quân làm nòng cốt.
- B. cuộc chiến đấu chống chiến tranh xâm lược thực dân kiểu cũ.
- C. vừa chiến đấu bảo vệ độc lập dân tộc vừa xây dựng cơ sở cho chế độ mới.
- D. kết hợp tinh thần tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

**Câu 71:** Nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam (1954 - 1975) là

- A. hậu phương miền Bắc được xây dựng vững chắc.
- B. tinh thần đoàn kết chiến đấu của ba nước Đông Dương.
- C. sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em.
- D. sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng.

**Câu 72:** Tư tưởng chủ đạo của phương thức tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện của Đảng ta trong 30 năm chiến tranh cách mạng (1945 - 1975) là

- A. chọn hướng tiến công, xác định phương thức tác chiến phù hợp.
- B. kết hợp hiệu quả giữa chiến tranh chính quy và chiến tranh du kích.
- C. tiến công, nắm vững và phát huy quyền chủ động chiến lược.
- D. bám sát tình hình địch, tạo thời cơ để giành thắng lợi quyết định.

**Câu 73:** Ở Việt Nam, thực tiễn 30 năm chiến tranh cách mạng (1945 - 1975) chứng tỏ đấu tranh ngoại giao

- A. có tác động trở lại đối với mặt trận quân sự.
- B. chỉ là sự phản ánh thắng lợi của mặt trận quân sự.
- C. phụ thuộc hoàn toàn vào thắng lợi trên chiến trường.
- D. tồn tại độc lập với mặt trận quân sự.

## ➤ ĐÁP ÁN

1 - B	2 - D	3 - A	4 - D	5 - A	6 - A	7 - B	8 - C	9 - B	10 - B
11 - C	12 - D	13 - C	14 - D	15 - B	16 - D	17 - D	18 - A	19 - A	20 - C
21 - A	22 - A	23 - A	24 - A	25 - A	26 - B	27 - D	28 - C	29 - C	30 - C
31 - A	32 - A	33 - A	34 - C	35 - D	36 - A	37 - C	38 - C	39 - B	40 - B

---

41 - B	42 - A	43 - A	44 - A	45 - C	46 - B	47 - B	48 - A	49 - C	50 - D
51 - A	52 - A	53 - A	54 - D	55 - B	56 - D	57 - A	58 - C	59 - C	60 - B
61 - A	62 - D	63 - B	64 - C	65 - B	66 - C	67 - B	68 - A	69 - A	70 - B
71 - D	72 - C	73 - A							

# **CHỦ ĐỀ 17: VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU SAU THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1975-1986)**

## **Mục tiêu**

### **❖ Kiến thức**





- + Hiểu được những nét chính về tình hình hai miền Nam – Bắc sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975.
- + Trình bày được quá trình hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam.

### **❖ Kỹ năng**

- + Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, nhận định, đánh giá các sự kiện lịch sử.

# I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

## TÌNH HÌNH, NHIỆM VỤ CỦA HAI MIỀN BẮC – NAM VIỆT NAM SAU ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975

		MIỀN BẮC	MIỀN NAM
TÌNH HÌNH	THUẬN LỢI	<ul style="list-style-type: none"><li>Đạt nhiều thành tựu to lớn sau 20 năm tiến hành cách mạng XHCN →xây dựng được cơ sở</li></ul>  <p>Khu gang thép Thái Nguyên</p>	<ul style="list-style-type: none"><li>Miền Nam hoàn toàn giải phóng.</li><li>Chế độ thực dân mới của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở trung ương hoàn toàn sụp đổ.</li></ul>  <p>Nhân dân Sài Gòn mít tinh mừng miền Nam giải phóng</p>
	KHÓ KHĂN	<ul style="list-style-type: none"><li>Hậu quả do chiến tranh phá hoại của Mỹ để lại rất nặng nề.</li><li>- Làng mạc, ruộng đồng bị tàn phá.</li><li>- Nửa triệu hécta ruộng đất bị bỏ hoang.</li><li>- ...</li></ul>  <p>Bệnh viện Bạch Mai bị máy bay Mỹ ném bom</p>	<ul style="list-style-type: none"><li>Kinh tế phát triển theo hướng TBCN nhưng vẫn là kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ và phân tán, mất cân đối, lệ thuộc bên ngoài.</li><li>Cơ sở của chế độ thực dân ở địa phương cùng di hại xã hội vẫn tồn tại.</li><li>Hậu quả chiến tranh để lại nặng nề.</li></ul>  <p>Trẻ em miền Nam thu lượm vỏ đạn pháo</p>



<p>NHIỆM VỤ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Khắc phục hậu quả chiến tranh.</li> <li>• Khôi phục và phát triển kinh tế, xã hội.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ổn định tình hình chính trị - xã hội.</li> <li>• Khắc phục hậu quả chiến tranh.</li> <li>• Khôi phục và phát triển kinh tế, xã hội.</li> </ul>
-----------------	--	---

## HOÀN THÀNH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC VỀ MẶT NHÀ NƯỚC (1975 – 1976)

### 1. Nguyên nhân:

- Việt Nam đã thống nhất về mặt lãnh thổ nhưng ở mỗi miền lại tồn tại một hình thức tổ chức Nhà nước khác nhau.
- Nguyên vọng của nhân dân cả nước: mong muốn có một Nhà nước thống nhất.
- Cần tạo sức mạnh của toàn dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

### 2. Quá trình:

- Tháng 9/1975: Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 24 đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.
- Tháng 11/1975: Hội nghị Hiệp thương chính trị hai miền Nam – Bắc bàn về thống nhất đất nước.



Hội nghị Hiệp thương chính trị

- 25/4/1976: Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tiến hành trong cả nước.



Tổng Bí thư Lê Duẩn bỏ phiếu bầu Quốc hội khóa VI

- Tháng 6 – 7/1976: Quốc hội khóa VI họp kì đầu tiên quyết định:

- Thông qua chính sách đối nội, đối ngoại của Nhà nước Việt Nam thống nhất.
- Lấy tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Quyết định Quốc huy, Quốc kì, Quốc ca, thủ đô Hà Nội, Sài Gòn – Gia Định đổi tên thành Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bầu các cơ quan, chức vụ lãnh đạo cao nhất của Nhà nước, bầu Ban dự thảo Hiến Pháp.
- Ở địa phương, tổ chức thành ba cấp chính quyền, ở mỗi cấp có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.



Kì họp thứ nhất của Quốc hội khóa VI

→ Công cuộc thống nhất về mặt Nhà nước đã hoàn thành.

### 3. Ý nghĩa:

- Đáp ứng được nguyện vọng chính đáng của nhân dân cả nước xây dựng nước Việt Nam thống nhất, độc lập, đi lên XHCN.

- Phù hợp với quy luật phát triển khách quan của lịch sử dân tộc: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một”.
- Tạo điều kiện phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.
- Tăng khả năng quốc phòng - an ninh và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.

## II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

### ➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

**Câu 1:** Sự kiện nào sau đây đánh dấu việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam (1975 – 1976) đã hoàn thành?

- A. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước được tổ chức tại Sài Gòn (1975).
- B. Cuộc Tổng tuyển của Quốc hội chung được tiến hành trong cả nước (1975).
- C. Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI (1976) thành công.
- D. Quyết định đặt tên nước là Cộng hòa XHCN Việt Nam (1976).

**Câu 2:** Kết quả lớn nhất của kì họp thứ nhất Quốc hội khóa VI là gì?

- A. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.
- B. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- C. Bầu ra các cơ quan Quốc hội.
- D. Bầu ra Ban Dự thảo Hiến pháp.

**Câu 3:** Ngay sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, một trong những nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của Việt Nam là

- A. công nghiệp hóa đất nước.
- B. hội nhập kinh tế quốc tế.
- C. khắc phục hậu quả chiến tranh.
- D. mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước.

**Câu 4:** Một trong những ý nghĩa của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam (1975 – 1976) là

- A. tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.
- B. mở ra kỉ nguyên độc lập, thống nhất, cả nước đi lên CNXH.
- C. điều kiện quyết định trực tiếp để được gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
- D. là cơ sở để hoàn thành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

**Câu 5:** Một trong những ý nghĩa của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam (1975 – 1976) là

- A. đáp ứng nguyện vọng bức thiết của nhân dân cả nước.
- B. đánh dấu hoàn thành thống nhất đất nước trên các lĩnh vực.
- C. đánh dấu hoàn thành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.
- D. là cơ sở để hoàn thành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

**Câu 6:** Ngày 25/4/1976, ở Việt Nam đã diễn ra sự kiện chính trị nào sau đây?

- 
- A. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tiến hành trong cả nước.
  - B. Hội nghị Hiệp thương Chính trị thống nhất đất nước được tổ chức ở Sài Gòn.
  - C. Hội nghị lần thứ 24 Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam.
  - D. Quốc hội khóa VI bắt đầu họp kì đầu tiên tại thủ đô Hà Nội.

**Câu 7:** Sự kiện lịch sử nào sau đây **không** thuộc quá trình hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước ở Việt Nam (1975 – 1976)?

- A. Hội nghị lần thứ 21 Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (Khóa III).
- B. Cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa VI tiến hành trong cả nước.
- C. Hội nghị Hiệp thương Chính trị thống nhất đất nước tổ chức tại Sài Gòn.
- D. Hội nghị lần thứ 24 Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (Khóa III).

**Câu 8:** Kì họp đầu tiên của Quốc hội Việt Nam khóa I (1946) và khóa VI (1976) đều

- A. thông qua đường lối của Đảng.
- B. quyết định tên nước.
- C. thông qua Hiến pháp.
- D. bầu Ban dự thảo Hiến pháp.

**Câu 9:** Nguyên vọng bức thiết của nhân dân Việt Nam ngay sau đại thắng mùa xuân năm 1975 là

- A. thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- B. được chia ruộng đất
- C. thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ
- D. được tự do buôn bán

**Câu 10:** Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, ở Việt Nam vấn đề thống nhất đất nước về mặt nhà nước trở nên cấp thiết vì

- A. đó là điều kiện để thực hiện thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ
- B. yêu cầu của công cuộc giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc
- C. lãnh thổ thống nhất nhưng mỗi miền tồn tại hình thức tổ chức nhà nước khác nhau
- D. nhu cầu thống nhất thị trường dân tộc để phát triển kinh tế hàng hóa

**Câu 11:** Điều **không** phải là quyết định của kì họp thứ nhất Quốc hội khóa VI (1976)?

- A. Đổi tên nước là nước Cộng hòa XHCN Việt Nam
- B. Quốc huy mang dòng chữ Việt Nam dân chủ cộng hòa
- C. Quốc kì là cờ đỏ sao vàng, quốc ca là bài tiến quân ca
- D. Thành phố Sài Gòn – Gia Định được đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh

**Câu 12:** Tên nước Cộng hòa XHCN Việt Nam được quyết định tại

- A. Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất đất nước được tổ chức tại Sài Gòn (1975)
- B. Kì họp thứ nhất Quốc hội khóa VI (1976)
- C. Kì họp thứ nhất Quốc hội khóa I (1946)
- D. Hội nghị lần thứ 21 Ban chấp hành Trung ương Đảng lao động Việt Nam (Khóa III)

**Câu 13:** Thành phố Sài Gòn – Gia Định được đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh được quyết định tại

- A. Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất đất nước được tổ chức tại Sài Gòn (1975)
- B. Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI (1976)
- C. Đại hội lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (1960)
- D. Hội nghị lần thứ 21 Ban chấp hành Trung ương Đảng lao động Việt Nam (Khóa III)

**Câu 14:** Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam (1975 – 1976) là

- A. tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước
- B. đáp ứng nguyện vọng bức thiết của nhân dân cả nước
- C. tạo nên những khả năng to lớn để bảo vệ tổ quốc và mở rộng quan hệ ngoại giao
- D. đánh dấu hoàn thành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc

**Câu 15:** Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, nhiệm vụ thống nhất đất nước ở Việt Nam vẫn chưa hoàn thành vì

- A. chưa thống nhất đất nước về mặt nhà nước
- B. quân đội nước ngoài vẫn có mặt ở Việt Nam
- C. cách mạng giải phóng dân tộc chưa hoàn thành
- D. chưa thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ

**Câu 16:** Cách mạng Việt Nam chuyển sang thời kỳ Cách mạng XHCN trong cả nước sau sự kiện

- A. thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng 8 năm 1945
- B. thắng lợi của cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975
- C. hiệp định Giơnevơ được kí kết năm 1954
- D. hiệp định Pari được kí kết năm 1973

**Câu 17:** Một trong những ý nghĩa của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam (1975 – 1976) là

- A. tạo cơ sở để thống nhất đất nước trên tất cả các lĩnh vực khác
- B. mở ra kỉ nguyên độc lập, thống nhất, cả nước đi lên CNXH
- C. đánh dấu hoàn thành thống nhất đất nước trên các lĩnh vực
- D. là cơ sở để hoàn thành cuộc Cách mạng giải phóng dân tộc

**Câu 18:** Nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam được đề ra tại

- A. Hội nghị lần thứ 24 Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam khóa III
- B. Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI
- C. Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất đất nước tổ chức tại Sài Gòn
- D. Hội nghị lần thứ 21 Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam khóa III

**Câu 19:** Hội nghị nào sau đây đã nhất trí các vấn đề về chủ trương, biện pháp nhằm thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam?

- A. Hội nghị lần thứ 24 Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam khóa III
- B. Hội nghị lần thứ 15 Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam khóa III

---

C. Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất đất nước tổ chức tại Sài Gòn

D. Hội nghị lần thứ 21 Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam khóa III

**Câu 20:** Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam (1975 – 1976)?

A. tạo điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên CNXH

B. đáp ứng nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước

C. tạo nên những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc và mở rộng quan hệ ngoại giao

D. Đánh dấu hoàn thành thống nhất đất nước trên tất cả các lĩnh vực

**Câu 21.** Nội dung lịch sử nào sau đây là phù hợp với quy luật khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam, của lịch sử dân tộc – “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một”?

A. Chủ trương đổi mới đất nước tại Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (1986).

B. Hoàn thành thống nhất về mặt nhà nước (1975 – 1976).

C. Quyết định thành lập ở mỗi nước Đông Dương một đảng Mác – Lênin riêng (1951).

D. Hoàn thành kế hoạch nhà nước 5 năm (1986-1990).

**Câu 22.** Nội dung chủ yếu của kì họp thứ nhất Quốc hội khóa VI (1976) là thông qua

A. nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc và miền Nam sau năm 1975.

B. chính sách đối nội và đối ngoại của nước Việt Nam thống nhất.

C. nhiệm vụ tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước.

D. kế hoạch 5 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội.

**Câu 23.** Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975) của nhân dân Việt Nam thắng lợi đã

A. tạo điều kiện cho cuộc kháng chiến của nhân dân Lào và Campuchia đi đến thắng lợi.

B. làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ.

C. đánh dấu hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở 3 nước Đông Dương.

D. đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân kiểu mới trên toàn thế giới.

**Câu 24.** Sự kiện nào đánh dấu nhân dân Việt Nam thực hiện thành công nguyện vọng “nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một”?

A. Hiệp định Pari về Việt Nam được kí kết.

B. Thắng lợi của trận “Điện Biên Phủ trên không”.

C. Thắng lợi của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.

D. Thành công của kì họp đầu tiên Quốc hội khóa VI.

---

## ĐÁP ÁN

➤ Chủ đề 17. Việt Nam trong năm đầu sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ (1975-1986)

1-C	2-B	3-C	4-A	5-A	6-A	7-A	8-D	9-A	10-C
11-B	12-B	13-B	14-D	15-A	16-B	17-A	18-A	19-C	20-D
21-B	22-B	23-A	24-D						

## **CHỦ ĐỀ 18: VIỆT NAM TRÊN CON ĐƯỜNG ĐỔI MỚI, ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1986 – 2000)**

### **Mục tiêu**

#### **❖ Kiến thức**

- + Trình bày được những thành tựu và khó khăn, yếu kém Việt Nam cần khắc phục trong 5 năm đầu thực hiện đổi mới (1986 – 1990).
- + Phân tích được tính tất yếu phải đổi mới; trình bày được những nội dung chủ yếu của đường lối đổi mới đất nước ở Việt Nam.

#### **❖ Kỹ năng**

- + Phân tích, đánh giá, so sánh, ... các vấn đề, sự kiện lịch sử.
- + Kỹ năng tổng hợp, phân tích tình hình dựa trên những số liệu cụ thể.

---

## I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

### ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (1986 – NAY)

#### 1. Hoàn cảnh lịch sử:

##### a. Thế giới:

- Tác động của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật và xu thế toàn cầu hóa.
- Liên Xô và các nước Đông Âu đang lâm vào cuộc khủng hoảng toàn diện.
- Công cuộc cải cách – mở cửa của Trung Quốc đã thành công bước đầu.
- Một số nước châu Á đã tiến hành cải cách → trở thành những “con rồng” kinh tế của khu vực.

##### b. Việt Nam:

- Việt Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng, suy thoái nghiêm trọng do những sai lầm về chủ trương, chính sách trong việc thực hiện hai kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 – 1985).
- Việt Nam đang có những bất lợi trong quan hệ quốc tế → cần điều chỉnh chính sách đối ngoại.

#### 2. Đường lối đổi mới:

##### a. Thời gian:

Được đề ra từ Đại hội VI (tháng 12 năm 1986), được bổ sung và phát triển qua các kỳ đại hội tiếp theo.

##### b. Quan điểm:

- Không thay đổi mục tiêu của CNXH, mà làm cho những mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả với hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.
- Đổi mới toàn diện và đồng bộ, từ kinh tế và chính trị đến tổ chức, tư tưởng, văn hóa.
- Đổi mới kinh tế đi đôi với đổi mới chính trị, trọng tâm là đổi mới về kinh tế.

##### c. Mục tiêu:

Dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh.

##### d. Nội dung cụ thể:

- Kinh tế:
  - + Xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, xây dựng cơ chế thị trường.
  - + Xây dựng nền kinh tế quốc dân với cơ cấu nhiều ngành, nghề, nhiều quy mô, trình độ công nghệ.
  - + Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN.
  - + Thực hiện mở cửa, phát triển quan hệ kinh tế đối ngoại.
- Chính trị:
  - + Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, Nhà nước của dân, do dân và vì dân.
  - + Xây dựng nên dân chủ XHCN, đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân; thực hiện đại đoàn kết dân tộc.
  - + Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị, hợp tác.



# THÀNH TỰU BƯỚC ĐẦU CỦA QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI: KẾ HOẠCH 5 NĂM 1986 – 1990

## \* ĐẠI HỘI VI (THÁNG 12/1986)

- Thay đổi nhận thức về CNXH khoa học: xác định thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam là cả một thời kỳ lịch sử lâu dài, khó khăn và trải qua nhiều chặng.
- Đề ra kế hoạch 5 năm lần thứ IV (1986 – 1990).
  - + Tập trung sức người, sức của thực hiện những mục tiêu của Ba chương trình kinh tế lớn là: lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.
  - + Nông – lâm – ngư nghiệp là mặt trận hàng đầu và được ưu tiên đáp ứng về vốn, vật tư, lao động, kỹ thuật, ...



Từ ngày 15/12 - 18/12/1986, Đại hội toàn quốc lần thứ VI được triệu tập.

## \*KẾT QUẢ THỰC HIỆN

- Thành tựu:
  - + Về lương thực thực phẩm: đáp ứng được nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, góp phần quan trọng ổn định đời sống nhân dân.
  - + Về hàng hóa trên thị trường, đặc biệt là hàng tiêu dùng dồi dào, đa dạng, lưu thông tương đối thuận lợi.
  - + Kinh tế đối ngoại, phát triển mạnh và mở rộng hơn trước.
  - + Kiểm chế được một bước lạm phát, đời sống nhân dân giảm bớt khó khăn.
  - + Bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường và có sự quản lý của Nhà nước.
  - + Bộ máy nhà nước được sắp xếp lại và hoạt động theo hướng phát huy dân chủ nội bộ, quyền làm chủ của nhân dân.
- Hạn chế:
  - + Đất nước vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.
  - + Nền kinh tế còn mất cân đối, lạm phát ở mức cao, thất nghiệp gia tăng.
  - + Chế độ tiền lương còn bất hợp lý, mức sống của những người sống chủ yếu bằng lương và của một bộ phận nông dân bị giảm sút.
  - + Sự nghiệp văn hóa có những mặt tiếp xúc xuống cấp, hiện tượng tham nhũng, bất công xã hội, ... chưa được khắc phục.

## II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

### ➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

**Câu 1:** Nguyên nhân quyết định về Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra đường lối đổi mới năm 1986 là

- A. cuộc khủng hoảng ở Liên Xô ngày càng trầm trọng
- B. tác động của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và xu thế toàn cầu.
- C. thành công của công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc.
- D. đất nước lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - xã hội.

**Câu 2:** Ý nghĩa quan trọng nhất của những thành tựu Việt Nam đạt được trong những năm đầu đổi mới đất nước (1986 – 1990) là

- A. củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa.
- B. nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.
- C. khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn.
- D. đưa Việt Nam trở thành một quốc gia phát triển.

**Câu 3:** Nhiệm vụ, mục tiêu trước mắt của kế hoạch 5 năm (1986 – 1990) được đề ra tại Đại hội lần thứ VI (tháng 12/1986) của Đảng Cộng sản Việt Nam là

- A. đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước
- B. đổi mới toàn diện về kinh tế và chính trị
- C. xây dựng cơ sở vật chất của CNXH
- D. thực hiện Ba chương trình kinh tế lớn

**Câu 4:** Nội dung nào **không** phải là nội dung đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra từ năm 1986?

- A. đổi mới toàn diện, đồng bộ
- B. đổi mới kinh tế gắn liền với đổi mới chính trị
- C. đổi mới kinh tế là trọng tâm
- D. đổi mới chính trị là trọng tâm

**Câu 5:** Chủ trương đổi mới kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam được đề ra từ tháng 12/1986 là

- A. ưu tiên phát triển công nghiệp nặng trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ
- B. thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, theo cơ chế thị trường
- C. thực hiện công nghiệp hóa, phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường
- D. phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của nhà nước

**Câu 6:** Việc Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN (1995) có ý nghĩa gì

- A. đánh dấu việc ASEAN đã trở thành một liên minh kinh tế - chính trị
- B. mở ra quá trình liên kết của ASEAN với các nước ngoài khu vực
- C. nâng cao vị thế của ASEAN trên trường quốc tế
- D. mở ra triển vọng cho sự liên kết toàn khu vực Đông Nam Á

**Câu 7:** Một trong những thành tựu bước đầu trong quá trình thực hiện kế hoạch Nhà nước (1986-1990) ở Việt Nam là

- A. Lạm phát bước đầu được kiềm chế
- B. Cân bằng cán cân xuất – nhập khẩu
- C. Giải quyết được tang trường kinh tế với công bằng xã hội
- D. Việt Nam trở thành thành viên chính thức của tổ chức ASEAN

**Câu 8:** Một trong những thành tựu bước đầu trong quá trình thực hiện kế hoạch nhà nước (1986 – 1990) ở Việt Nam là

- A. Bộ máy nhà nước các cấp được sắp xếp lại
- B. Hiệu quả kinh tế cao, có sự tích lũy từ nội bộ nền kinh tế
- C. Tạo được sự cân đối trong nền kinh tế đất nước
- D. Việt Nam trở thành thành viên chính thức của tổ chức ASEAN

**Câu 9:** Một trong những thành tựu bước đầu của công cuộc đổi mới đất nước (1986 – 1990) ở Việt Nam là

- A. hàng hóa trên thị trường dồi dào, đa dạng
- B. có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế
- C. cơ cấu kinh tế được xây dựng cân đối, hợp lý
- D. hiệu quả kinh tế đạt mức cao

**Câu 10:** Nội dung nào dưới đây thuộc chủ trương đổi mới về chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 12/1986)

- A. xây dựng nền kinh tế quốc dân với cơ cấu nghề, ngành
- B. phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN
- C. xây dựng nền dân chủ XHCN, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân
- D. xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung, hình thành cơ chế thị trường

**Câu 11:** Yếu tố khách quan tác động trực tiếp đến chủ trương đổi mới đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 12/1986) là

- A. thành công của các nước ASEAN khi thực hiện chiến lược kinh tế hướng ngoại
- B. thành công của Liên Xô khi thực hiện công cuộc cải tổ
- C. sự xuất hiện xu thế hòa hoãn Đông – Tây đầu những năm 70 của thế kỷ XX
- D. sự phát triển của các cường quốc Mỹ, Nhật Bản, Liên Bang Nga

**Câu 12:** Năm 1995, Mỹ bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam vì lý do chủ yếu nào dưới đây

- A. phù hợp với chiến lược “cam kết và mở rộng” của tổng thống B.Clinton
- B. đáp ứng nguyện vọng của nhân dân Việt Nam
- C. do cuộc đấu tranh của nhân dân tiến bộ trên thế giới
- D. phù hợp với xu thế hòa bình, hợp tác trên thế giới

**Câu 13:** Nội dung nào sau đây **không** phải là chủ trương đổi mới về kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam?

- A. xây dựng nền kinh tế Quốc dân với cơ cấu nhiều ngành nghề
- B. xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung, quan liêu
- C. hình thành cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước
- D. xây dựng nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung

**Câu 14:** Từ năm 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra chủ trương đổi mới trong lĩnh vực nào là chủ yếu

- A. kinh tế và chính trị
- B. kinh tế và văn hóa
- C. chính trị và văn hóa
- D. văn hóa và tư tưởng

**Câu 15:** Trọng tâm của đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra từ năm 1986 là đổi mới về

- A. kinh tế

- B. chính trị
- C. tư tưởng
- D. văn hóa

**Câu 16:** Nội dung của Ba chương trình kinh tế lớn ở Việt Nam (1986 – 1990) là

- A. hàng hóa tiêu dùng, hàng xuất khẩu và máy móc
- B. lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu
- C. lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và máy móc
- D. máy móc, lương thực – thực phẩm, hàng xuất khẩu

**Câu 17:** Một trong những hạn chế trong bước đầu thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 1990) ở Việt Nam là

- A. lực lượng sản xuất còn nhỏ bé, cơ sở vật chất – kỹ thuật lạc hậu
- B. tình trạng khủng hoảng chính trị - xã hội kéo dài
- C. kinh tế đối ngoại không có sự chuyển biến đáng kể
- D. tình trạng lạm phát đang ở mức rất cao

**Câu 18:** Nội dung nào sau đây **không** phải là hạn chế trong bước đầu thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 1990) ở Việt Nam

- A. đất nước vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng về chính trị
- B. nền kinh tế còn mất cân đối lớn, lạm phát vẫn ở mức cao
- C. chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế
- D. đời sống của một bộ phận nhân dân còn khó khăn

**Câu 19:** Trong đường lối đổi mới đề ra từ năm 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần nhằm

- A. khơi xây dậy được tiềm năng và sức sáng tạo của quần chúng.
- B. thực hiện chủ trương chung của hệ thống XHCN
- C. tập trung sức mạnh để phát triển công nghiệp nặng và xuất khẩu
- D. phục vụ cho công cuộc cải tạo XHCN.

**Câu 20:** Trong đường lối đổi mới đề ra từ năm 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước nhằm

- A. giải quyết tình trạng khủng hoảng kéo dài về chính trị
- B. phát huy quyền làm chủ kinh tế của nhân dân
- C. xóa bỏ hoàn toàn thành phần kinh tế quốc doanh
- D. phát triển kinh tế theo định hướng tư bản chủ nghĩa

**Câu 21:** Nội dung đường lối đổi mới đi lên CNXH ở Việt Nam (đề ra từ năm 1986) là

- A. đổi mới toàn diện, đồng bộ trọng tâm là đổi mới chính trị
- B. đổi mới toàn diện, đồng bộ trọng tâm là đổi mới kinh tế
- C. thay đổi mục tiêu, chiến lược đi lên CNXH
- D. đổi mới lần lượt từ kinh tế đến chính trị, văn hóa, tư tưởng

**Câu 22:** Trong đường lối đổi mới đất nước (từ tháng 12/1986) Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định trọng tâm của công cuộc đổi mới là

- A. kinh tế

- B. chính trị
- C. văn hóa
- D. tư tưởng

**Câu 23:** Những thành tựu đạt được của Việt Nam giai đoạn 1986 – 1990 chứng tỏ

- A. đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới về cơ bản là phù hợp
- B. kế hoạch xây dựng bước đầu cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội đã thành công
- C. đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới đã hoàn thành
- D. bước đi của công cuộc đổi mới là phù hợp, Việt Nam đã thoát khỏi tình trạng lạm phát

**Câu 24:** Tình hình thế giới và trong nước những năm 80 của thế kỉ XX đặt ra yêu cầu cấp bách nào đối với Việt Nam

- A. hoàn thành tập thể hóa nông nghiệp
- B. tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện
- C. hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa
- D. tập trung phát triển công nghiệp nặng

**Câu 25:** Bài học xuyên suốt của tiến trình cách mạng Việt Nam từ năm 1930 – 2000 là

- A. kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang
- B. cô lập, phân hóa cao độ hàng ngũ kẻ thù
- C. không ngừng tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế
- D. nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH

**Câu 26:** Hiện nay, tổ chức nào ở Việt Nam có chức năng tập hợp và đoàn kết toàn dân

- A. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
- B. Mặt trận Liên Việt
- C. Mặt trận Dân tộc thống nhất
- D. Mặt trận Dân tộc Việt Nam

1-D	2-C	3-D	4-D	5-D	6-D	7-A	8-A	9-A	10-C
11-A	12-D	13-D	14-A	15-A	16-B	17-A	18-A	19-A	20-B
21-B	22-A	23-A	24-B	25-D	26-A				